

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG**

**(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

**HÀ NỘI – THÁNG 12/2020**

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG**

(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)


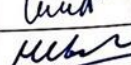
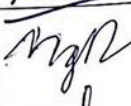
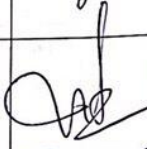







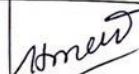
HÀ NỘI – THÁNG 12/2020



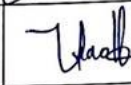
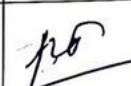

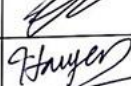

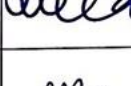

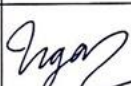
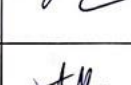
**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHỨNG**

(Kèm theo Quyết định số 6018/QĐ-HVCTT, ngày 15 tháng 12 năm 2020

của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Lưu Văn An	Quyền Giám đốc	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Phạm Minh Sơn	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch	
3	TS. Nguyễn Thị Minh Hiền	Phó Trưởng khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo	Phó Chủ tịch	
4	Ths. Nguyễn Hoàng Oanh	Giảng viên, Khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo	Thư ký	
5	PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang	Phó Giám đốc	Thành viên	
6	PGS.TS Trương Ngọc Nam	Phó chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
7	PGS.TS Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên	
8	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên	
9	PGS.TS. Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên	
10	PGS.TS. Hà Huy Phương	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Thành viên	
11	PGS.TS. Nguyễn Đức Luận	Trưởng ban Quản lý khoa học	Thành viên	
12	TS. Nguyễn Thị Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý ký	Thành viên	

		túc xá		
13	ThS. Trần Xuân Ban	Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính	Thành viên	
14	Ths. Vũ Quốc Cường	Phó Chánh văn phòng Học viện	Thành viên	
15	TS. Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin khoa học	Thành viên	
16	Ths. Phạm Tuyên	Phó Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Thành viên	
17	Ths. Thái Hồng Đức	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên	
18	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Thanh tra	Thành viên	
19	PGS.TS Đinh Thị Thuý Hằng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo	Thành viên	
20	Ths. Đỗ Thị Hải Đăng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên	
21	Ths. Vũ Hạnh Ngân	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên	
22	Ths. Lê Thị Thùy Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên	
23	Trần Thị Thanh Hoài	Sinh viên lớp Quan hệ công chúng 37A1	Thành viên	

(Danh sách gồm có 23 người).

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I: KHÁI QUÁT .....</b>	<b>1</b>
<b>PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TÊU CHUẨN TIÊU CHÍ.....</b>	<b>19</b>
<b>TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>19</b>
<b>Tiêu chí 1.1.....</b>	<b>19</b>
<b>Tiêu chí 1.2.....</b>	<b>25</b>
<b>Tiêu chí 1.3.....</b>	<b>32</b>
<b>TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>37</b>
<b>Tiêu chí 2.1.....</b>	<b>37</b>
<b>Tiêu chí 2.2.....</b>	<b>43</b>
<b>Tiêu chí 2.3.....</b>	<b>45</b>
<b>TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC .....</b>	<b>47</b>
<b>Tiêu chí 3.2.....</b>	<b>56</b>
<b>Tiêu chí 3.3.....</b>	<b>64</b>
<b>TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DẠY VÀ HỌC .....</b>	<b>76</b>
<b>Tiêu chí 4.1.....</b>	<b>77</b>
<b>Tiêu chí 4.2.....</b>	<b>83</b>
<b>Tiêu chí 4.3.....</b>	<b>90</b>
<b>TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC .....</b>	<b>94</b>
<b>Tiêu chí 5.1.....</b>	<b>94</b>
<b>Tiêu chí 5.2.....</b>	<b>100</b>
<b>Tiêu chí 5.3.....</b>	<b>104</b>
<b>Tiêu chí 5.4.....</b>	<b>109</b>
<b>Tiêu chí 5.5.....</b>	<b>112</b>
<b>TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN .....</b>	<b>115</b>
<b>Tiêu chí 6.1.....</b>	<b>115</b>
<b>Tiêu chí 6.2.....</b>	<b>122</b>
<b>Tiêu chí 6.3.....</b>	<b>127</b>
<b>Tiêu chí 6.4.....</b>	<b>132</b>
<b>Tiêu chí 6.5.....</b>	<b>136</b>
<b>Tiêu chí 6.6.....</b>	<b>141</b>
<b>Tiêu chí 6.7.....</b>	<b>144</b>
<b>TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN .....</b>	<b>150</b>
<b>Tiêu chí 7.1.....</b>	<b>151</b>

<b>Tiêu chí 7.2</b> .....	<b>157</b>
<b>Tiêu chí 7.3</b> .....	<b>160</b>
<b>Tiêu chí 7.4</b> .....	<b>165</b>
<b>Tiêu chí 7.5</b> .....	<b>168</b>
<b>TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ SỰ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC</b> .....	<b>174</b>
<b>Tiêu chí 8.1</b> .....	<b>174</b>
<b>Tiêu chí 8.2</b> .....	<b>183</b>
<b>Tiêu chí 8.3</b> .....	<b>187</b>
<b>Tiêu chí 8.4</b> .....	<b>192</b>
<b>Tiêu chí 8.5</b> .....	<b>197</b>
<b>TIÊU CHUẨN 9</b> .....	<b>203</b>
<b>CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ</b> .....	<b>203</b>
<b>Tiêu chí 9.1</b> .....	<b>204</b>
<b>Tiêu chí 9.2</b> .....	<b>210</b>
<b>Tiêu chí 9.3</b> .....	<b>216</b>
<b>Tiêu chí 9.4</b> .....	<b>220</b>
<b>Tiêu chí 9.5</b> .....	<b>223</b>
<b>TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG</b> .....	<b>227</b>
<b>Tiêu chí 10.1</b> .....	<b>227</b>
<b>Tiêu chí 10.2</b> .....	<b>236</b>
<b>Tiêu chí 10.3</b> .....	<b>240</b>
<b>Tiêu chí 10.4</b> .....	<b>245</b>
<b>Tiêu chí 10.5</b> .....	<b>250</b>
<b>Tiêu chí 10.6</b> .....	<b>258</b>
<b>TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA</b> .....	<b>261</b>
<b>Tiêu chí 11.1</b> .....	<b>262</b>
<b>Tiêu chí 11.2</b> .....	<b>270</b>
<b>Tiêu chí 11.3</b> .....	<b>273</b>
<b>Tiêu chí 11.4</b> .....	<b>277</b>
<b>Tiêu chí 11.5</b> .....	<b>284</b>
<b>PHẦN III: KẾT LUẬN</b> .....	<b>290</b>
<b>PHẦN IV: PHỤ LỤC</b> .....	<b>305</b>
<b>CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....	<b>305</b>
<b>CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC</b> .....	<b>331</b>
<b>DANH MỤC MINH CHỨNG</b> .....	<b>356</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>BCN</b>	Ban chủ nhiệm
<b>BGD HV</b>	Ban Giám đốc Học viện
<b>CBVC</b>	Cán bộ viên chức
<b>CDR</b>	Chuẩn đầu ra
<b>CNĐT</b>	Chủ nhiệm đề tài
<b>CNTT</b>	Công nghệ thông tin
<b>CSTĐCS</b>	Chiến sĩ thi đua cơ sở
<b>CSVC</b>	Cơ sở vật chất
<b>CTCT-QLSV</b>	Công tác chính trị - Quản lý sinh viên
<b>CTDH</b>	Chương trình dạy học
<b>CTĐT</b>	Chương trình đào tạo
<b>CVHT</b>	Cố vấn học tập
<b>ĐCHP</b>	Đề cương học phần
<b>ĐH KHXH&amp;NV</b>	Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn
<b>GD&amp;ĐT</b>	Giáo dục và Đào tạo
<b>GV</b>	Giảng viên
<b>GVC</b>	Giảng viên chính
<b>HP</b>	Học phần
<b>HTNV</b>	Hoàn thành nhiệm vụ
<b>HTTNV</b>	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
<b>HTXSNV</b>	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
<b>HVBC&amp;TT</b>	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
<b>HVCTQG HCM</b>	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
<b>KH</b>	Khoa học
<b>KHTNV</b>	Không hoàn thành nhiệm vụ
<b>KQHT</b>	Kết quả học tập
<b>KT – KĐCLĐT</b>	Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo

## PHẦN I: KHÁI QUÁT

### 1.1. Đặt vấn đề

Kiểm định chất lượng giáo dục là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đối với nhà trường cũng như của mọi cơ sở giáo dục. Như vậy, với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng trước đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, càng đòi hỏi phải quan tâm trước hết tới công tác kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo, đặc biệt là đối với hệ thống các trường đại học.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá CTĐT, Hội đồng tự đánh giá CTĐT của Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng của CTĐT. Thông qua quá trình đánh giá này, Khoa đã tự đánh giá những mặt mạnh để tiếp tục phát huy, cũng như cũng khách quan chỉ ra những mặt yếu kém cần khắc phục trong thời gian tới, để từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra cũng như nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo trong giai đoạn tới.

Việc tự đánh giá CTĐT của Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo đã thể hiện được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của mình trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ được giao cũng như phù hợp với tôn chỉ, sứ mạng của Khoa và Học viện. Đây chính là cơ sở cho việc tiến hành công tác đánh giá ngoài về CTĐT.

Nội dung đánh giá CTĐT của Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo được tiến hành theo đúng các nội dung tại các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn liên quan đến chương trình đào tạo bao gồm: Mục tiêu và CĐR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTDH; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học; Chất lượng đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên; Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng đào tạo; và Kết quả



đầu ra.

**Mục đích tự đánh giá:** Quá trình tự đánh giá giúp Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo tự xem xét, đồng thời cũng tự nghiên cứu để thấy được tình trạng về chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và những vấn đề liên quan khác... dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Từ đó có được căn cứ cho việc tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và nội dung thực hiện, để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ngành và các mặt hoạt động khác.

**Phạm vi tự đánh giá:** Hoạt động tự đánh giá Chương trình đào tạo Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo thuộc Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2016-2020.

**Công cụ đánh giá:** Hoạt động tự đánh giá được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo gồm 11 tiêu chuẩn (trong đó có 50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, Hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí & Kiểm định CLGD; và công văn hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục & Đào tạo.

**Hội đồng tự đánh giá:** được thành lập theo Quyết định số 5063 – QĐ/HVBCTT ngày 16 tháng 10 năm 2019 và được kiện toàn theo Quyết định số 6016 – QĐ/HVBCTT ngày 15 tháng 12 năm 2020. Hội đồng gồm có 23 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có: Ban Thư ký gồm 24 thành viên và 7 nhóm công tác chuyên trách gồm 25 thành viên.

### **Phương pháp đánh giá**

Quá trình tự đánh giá Chương trình Đào tạo Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT và các công văn hướng dẫn.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá Chương trình Đào tạo đại học được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả thực trạng;

- Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu hoặc thiếu sót;

- Lập kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo.

### **Quy trình tự đánh giá**

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Học viện để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

### **Phương pháp mã hoá minh chứng**

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết

(trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1  
H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3  
H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4  
H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8  
H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10

*Lưu ý: khi minh chứng đã xuất hiện 1 lần và lặp lại ở các tiêu chí khác thì chỉ lấy mã hoá lần đầu tiên và đặt vào cột minh chứng dùng chung.*

## **1.2. Tổng quan chung**

### **1.2.1. Tổng quan về Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

#### ***1.2.1.1. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện Báo chí và Tuyên truyền***

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của Học viện đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục. Năm 2015, Học viện được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là trường Đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trong Chiến lược phát triển Học viện Báo chí tuyên truyền đến năm 2035 và tầm nhìn 2050, Học viện xác định sứ mạng của mình là “*nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.*”

Tầm nhìn của HVBC&TT đến năm 2050: “*trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và*

*trên thế giới..Học viện phấn đấu trở thành:*

*Trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông*

*Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.*

*Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050.*

Các giá trị cốt lõi mà Học viện Báo chí và Tuyên truyền cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Công hiến.*

### **1.2.1.2. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm: Đảng ủy – Hội đồng Trường - Ban Giám đốc –Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa, và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Học viện hiện nay có 29 đơn vị trực thuộc gồm: 16 khoa đào tạo (Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo, Khoa Kinh tế, Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Khoa Lịch sử Đảng, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, Khoa Nhà nước - Pháp luật, Khoa Báo chí, Khoa Phát thanh - Truyền hình, Khoa Quan hệ quốc tế, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Khoa Xã hội học và Phát triển, Khoa Xuất bản, Khoa Ngoại ngữ và Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm); 06 ban (Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý Khoa học, Ban Tổ chức cán bộ, Ban Hợp tác Quốc tế , Ban Thanh Tra, và Ban Kế hoạch- Tài chính); 01 Văn phòng (Văn phòng Học viện); 02 phòng (Phòng Quản trị và Quản lý KTX, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên,); 02 trung tâm (Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo và Trung tâm thông tin Khoa học), 01 viện (Viện Báo chí), 1 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị & truyền thông).

Tính đến tháng 12/2020, Học viện có tổng số 396 cán bộ giảng viên, nhân viên, trong đó có 0 Giáo sư, 33 Phó Giáo sư, 95 Tiến sĩ, 212 Thạc sĩ, 39 cử nhân, 17 trình độ khác.

### 1.2.1.3. Hoạt động đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện có 20 ngành đào tạo trình độ đại học, 12 ngành đào tạo trình độ thạc sỹ và 6 ngành đào tạo trình độ tiến sỹ.

<b>TT</b>	<b>Tên CTĐT</b>	<b>Mã ngành (nếu có)</b>	<b>Số quyết định/văn bản cho phép mở ngành</b>	<b>Ngày ban hành quyết định</b>
<b>1</b>	<b>Đại học</b>			
1.1	Triết học	7229001	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.2	Kinh tế chính trị	7310102	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.3	Lịch sử	7229010	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.4	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.5	Chính trị học	7310201	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.6	Quan hệ công chúng	7320108	7269/QĐ-BGDĐT	20/12/2005
1.7	Xuất bản	7320401	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.8	Công tác xã hội	7760101	516/QĐ-BGDĐT	10/02/2012
1.9	Ngôn ngữ Anh	7220201	512/QĐ-BGDĐT- ĐHSĐH	02/02/2005
1.10	Kinh tế	7310101	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.11	Quan hệ quốc tế	7310206	3144/QĐ-BGDĐT	23/04/2009
1.12	Xã hội học	7310301	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.13	Báo chí	7320101	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.14	Truyền thông đại	7320105	2158/QĐ-BGDĐT	08/06/2018

	chúng			
1.15	Truyền thông đa phương tiện	7320104	2488/QĐ-BGDĐT	05/07/2018
1.16	Truyền thông quốc tế	7320107	2158/QĐ-BGDĐT	08/06/2018
1.17	Quản lý nhà nước	7310205	2639/QĐ-BGDĐT	20/07/2018
1.18	Quản lý công	7340403	2715/QĐ-BGDĐT	27/07/2018
1.19	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7229008	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.20	Quảng cáo	7320110	7269/QĐ-BGDĐT	20/12/2005
<b>2</b>	<b>Thạc sĩ</b>			
2.1	Chính trị học	8310201	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
2.2	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8310202	1814/QĐ-BGDĐT	19/05/2017
2.3	Triết học	8229001	1639/QĐ-BGDĐT	14/05/2014
2.4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8229008	1841/QĐ-BGDĐT	19/05/2017
2.5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8229015	6243/QĐ-BGDĐT	30/12/2016
2.6	Kinh tế chính trị	8310102	8752/QĐ-BGDĐT	29/12/2008
2.7	Hồ Chí Minh học	8310204	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
2.8	Xã hội học	8310301	1329/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
2.9	Báo chí học	8320101	37/QĐ-BGDĐT	05/01/2009
2.10	Xuất bản	8320401	1330/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
2.11	Quan hệ công	8320108	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009

	chúng			
2.12	Quan hệ quốc tế	8310206	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
<b>3</b>	<b>Tiến sĩ</b>			
3.1	Chính trị học	9310201	1330/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
3.2	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	9310202	2883/QĐ-BGDĐT	03/08/2012
3.3	Triết học	9229001	37/QĐ-BGDĐT	05/01/2009
3.4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	9229015	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
3.5	Xuất bản	9320401	1329/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
3.6	Báo chí học	9320101	3978/QĐ-BGDĐT	02/10/2018

#### **1.2.1.4. Người học**

Tính đến tháng 12/2020, số lượng sinh viên trình độ đại học hệ chính quy của Học viện là 7557; số lượng nghiên cứu sinh là 81 và học viên cao học là 935 học viên.

<b>STT</b>	<b>Hình thức đào tạo</b>	<b>Quy mô đào tạo</b>
1	Tiến sĩ	81
2.	Thạc sĩ	935
3.	Đại học	7557

#### **1.2.1.5. Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế**

Trong 5 năm (2016-2020) Học viện đã nghiệm thu 6 đề tài cấp Nhà nước, 19 đề tài cấp Bộ, 119 đề tài cấp cơ sở trọng điểm, 562 đề tài cấp cơ sở, và 159 đề tài NCKH của sinh viên.

**Số lượng công trình NCKH tương ứng với kế hoạch trong 5 năm  
(2016-2020)**

<b>STT</b>	<b>Đề tài cơ sở</b>	<b>Đề tài cơ sở trọng điểm</b>	<b>Đề tài khoa học sinh viên</b>	<b>Đề tài cấp Bộ</b>	<b>Đề tài cấp Nhà nước</b>
2016	75	29	30	4	1
2017	106	30	30	3	1
2018	108	18	26	3	0
2019	135	24	35	3	0
2020	138	18	38	6	4

Về hợp tác quốc tế, Học viện đã ký kết văn bản ghi nhớ hợp tác với nhiều đối tác quốc tế, có thể kể đến như: Đại học Middlesex (Vương Quốc Anh), Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo), Khoa Khoa học chính trị - Đại học Thammasat - Bangkok (Thái Lan), Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc) và Viện Thông tin văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào. Qua quá trình hợp tác, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã cử nhiều đoàn cán bộ tham gia vào các lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, giảng viên tham gia vào các chương trình nghiên cứu về truyền thông...

**1.2.1.6. Thư viện và cơ sở vật chất**

Hiện nay, thư viện Học viện Báo chí có 24.555 đầu tài liệu bằng tiếng Việt và ngoại văn. Tổng số báo và tạp chí khoảng 110 loại. Tỷ lệ đầu tài liệu/ một ngành đào tạo là 646/1. Từ năm 2013, Học viện đã lập trang thư viện số và đến nay đã cập nhật được 7.304 tài liệu.

Học viện hiện có 86 phòng học với tổng diện tích dành cho học tập là 12.559,19 m<sup>2</sup>, có 01 hội trường 800 chỗ với sân khấu phục vụ cho luyện tập và biểu diễn văn nghệ và có 18 phòng thực hành.

Học viện đã đầu tư, phòng máy chủ, hệ thống mạng bao gồm đường truyền, thiết bị mạng, hệ thống wifi hệ thống máy tính cho các phòng thi, điện, các phần mềm, v.v. đầy đủ để hoạt động liên tục đảm bảo phục vụ tốt nhất cho cán bộ, giảng viên và



sinh viên chính quy trong công tác giảng dạy và học tập.

Học viện đã có sự bố trí, sử dụng hợp lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất như phòng học, phòng làm việc, ký túc xá, nhà tập, sân bãi... để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và sinh hoạt của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Học viện luôn quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất về phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên.

#### **1.2.1.7. Tài chính**

Trong 5 năm (2016 - 2020), tổng nguồn thu của Học viện là 1,093 tỷ đồng. Hàng năm, Học viện đều tiến hành xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước và thông báo công khai dự toán các khoản thu - chi ngân sách nhà nước. Từ năm 2009, Học viện đã thực hiện tự chủ tài chính một phần.

#### **1.2.1.8. Đảm bảo chất lượng**

Trong những năm gần đây, Học viện đã quan tâm, chú trọng đến công tác đảm bảo chất lượng, coi đảm bảo chất lượng là nhiệm vụ then chốt trong mọi hoạt động. Từ năm 2012, Học viện đã thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, và sau đó đến năm 2018 đổi tên thành Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo. Trung tâm là đơn vị tham mưu các chính sách về ĐBCL của HVBC TT và là đầu mối triển khai các hoạt động ĐBCL trong Học viện. Từ năm 2015, Học viện đã thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học được ban hành theo Thông tư số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007. Quá trình tự đánh giá giúp Học viện xác định những điểm mạnh và điểm tồn tại, làm căn cứ để tiến hành các cải tiến chất lượng. Đến năm 2018, Học viện thực hiện đánh giá đồng cấp và đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Hàng năm, Học viện đều xây dựng và triển khai các kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo. Cuối năm 2019, Học viện thành lập Hội đồng tự đánh giá và triển khai thực hiện tự đánh giá CTĐT đào tạo các ngành Triết học, Xã hội học, Quan hệ công chúng và Quan hệ quốc tế.

#### **1.2.1.9. Khen thưởng**

Trong quá trình hình thành và phát triển, Học viện đã có được nhiều thành tích nổi bật, nhận được các danh hiệu thi đua danh giá:

*\* Danh hiệu thi đua*

<b>Năm</b>	<b>Danh hiệu</b>	<b>Ngày, tháng, số quyết định</b>
2015	Cờ Thi đua cấp Bộ	Số 3144/QĐ-HVCTQG HCM ngày 18/7/2016
2016	Cờ Thi đua Chính phủ	Quyết định số: 1822/QĐ-TTg ngày 21/9/2016
2017	Cờ Thi đua cấp Bộ	Quyết định số: Số 197/QĐ-HVCTQG ngày 09-01-2017
2018	Cờ Thi đua Chính phủ	Quyết định số: 440/QĐ-TTg ngày 23/4/2018
2018	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số: 93-QĐ/HVCTQG ngày 10/1/2019
2019	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số 6911-QĐ/HVCTQG ngày 30/12/2019
2020	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số: 44/HVCTQG ngày 07/01/2021
	Cờ thi đua cấp Bộ	Quyết định số: 44/HVCTQG ngày 07/01/2021

*\*Hình thức khen thưởng*

<b>Năm</b>	<b>Hình thức</b>	<b>Ngày, tháng, số quyết định</b>
2017	Bằng khen của Giám đốc Học viện vì có thành tích xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục 2016 và 2017	Số 2910/QĐ-HVCTQG, ngày 3/8/2018
2019	Bằng khen của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vì có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục 2018 và 2019	Số 2221-QĐ/HVCTQG ngày 23/6/2020
2019	Bằng khen của Giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vì có đóng góp tích cực cho Cuộc thi tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, năm 2019	Số 534/QĐ-BGDĐT ngày 25/2/2020

## **1.2.2. Tổng quan về Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo**

### **1.2.2.1. Quá trình hình thành, phát triển**

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thành lập theo Quyết định số 300/QĐ-HVBC&TT ngày 09 tháng 05 năm 2006. Khoa được thành lập trên cơ sở tổ bộ môn “Quan hệ công chúng và Quảng cáo với nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo ngành cử nhân Quan hệ công chúng (mã số 7320108).

Từ ngày thành lập đến nay, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo không ngừng được củng cố và phát triển, từng bước đóng góp các thành quả của mình vào sự thành công chung trong sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất của toàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Đến nay, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo ngày càng lớn mạnh và đã đào tạo ra nhiều thế hệ cử nhân phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong lĩnh vực quan hệ công chúng, truyền thông marketing, quảng cáo và các lĩnh vực khác.

### **1.2.2.2. Chức năng, nhiệm vụ**

#### *Vị trí, chức năng*

Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo là đơn vị chuyên môn có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện, phát triển các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học; quản lý người học ở các hệ và các bậc đào tạo theo phân cấp quản lý.

#### *Nhiệm vụ và quyền hạn*

\*) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của Học viện, bao gồm:

a) Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng của ngành, chuyên ngành được Học viện giao nhiệm vụ, trình Hội đồng Khoa học - Đào tạo và Giám đốc Học viện phê duyệt;

b) Phối hợp với Ban Quản lý đào tạo xây dựng tiến độ giảng dạy của khoa; phân công, theo dõi thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên theo tiến độ;

c) Tổ chức thực hiện, quản lý quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác theo sự phân cấp;

d) Tổ chức biên soạn chương trình khung, đề cương chi tiết các môn học liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo;

e) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo theo định hướng phát triển của Học viện;

f) Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập;

g) Xây dựng đề thi và đáp án; phối hợp với các đơn vị xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động;

h) Tổ chức quản lý quá trình dạy và học đối với các chương trình, môn học do khoa thực hiện.

i) Phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức thực hiện thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp (hoặc làm khóa luận tốt nghiệp) thuộc khoa quản lý theo kế hoạch chung của Học viện. Tổ chức chấm thi, quản lý và lưu trữ bài thi, kết quả học tập của sinh viên, học viên theo quy định;

j) Tổ chức hướng dẫn sinh viên kiến tập, thực tập nghề nghiệp, đi thực tế;

k) Phối hợp với Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và các đơn vị chức năng tổ chức đánh giá chương trình đào tạo, hoạt động giảng dạy của giảng viên nhằm đảm bảo chất lượng đội ngũ giảng viên; thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng đào tạo theo hướng dẫn;

\*) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và hợp tác quốc tế, cụ thể:

a) Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và các hội thảo khoa học chuyên ngành;

b) Đăng ký và triển khai nghiên cứu đề tài khoa học các cấp được giao, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học;

c) Chủ động tìm kiếm, khai thác các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học.

d) Chủ động khai thác, triển khai thực hiện các Đề án hợp tác quốc tế theo quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện.

\*) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học; phối hợp với các đơn vị liên quan quản lý, đánh giá, xếp loại sinh viên; thực hiện chế độ, chính sách cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh.

a) Lập sổ trích ngang sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh các lớp, các hệ đào tạo để quản lý trong khoa;

b) Tổng hợp và đề nghị thực hiện các chế độ, chính sách cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh thuộc khoa quản lý;

c) Phối hợp với các đơn vị theo dõi và đề nghị khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh thuộc khoa quản lý;

d) Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cấp khoa.

\*) Quản lý công chức, viên chức, người lao động của đơn vị; thực hiện các chế độ chính sách, đào tạo, bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với công chức, viên chức, người lao động của Khoa theo thẩm quyền được phân cấp; quản lý và sử dụng tài sản được giao theo quy định của pháp luật và của Học viện.

\*) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Học viện giao.

### **1.2.2.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ**

Hiện nay, Khoa có 02 tổ bộ môn gồm tổ bộ môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo - Marketing; và 01 Văn phòng khoa.

Từ năm 2006 đến nay, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã xây dựng được đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên có năng lực và trình độ cao về chuyên môn, có khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo (đặc biệt là tiếng Anh), có thể ứng dụng tốt công nghệ kỹ thuật và có kinh nghiệm tác nghiệp thực tế trong lĩnh vực quản lý truyền thông, quan hệ công chúng và quảng cáo – marketing chuyên nghiệp. Hiện nay, Khoa có tổng số 15 cán bộ và giảng viên cơ hữu, trong đó có 01 PGS.TS, 04 TS, 03 nghiên cứu sinh, 07 thạc sỹ. 100% cán bộ giảng dạy trong Khoa có trình độ trên đại học và tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ của Khoa là trên 33,3 %. Khoa đã xây dựng được đội ngũ giảng viên trẻ, nhiệt huyết, có năng lực và trình độ cao về chuyên môn, sử dụng nhiều ngoại ngữ, ứng dụng tốt công nghệ kỹ thuật và có kinh nghiệm tác nghiệp thực tế trong lĩnh vực báo chí, quản lý truyền thông, quan hệ công chúng và

quảng cáo – marketing chuyên nghiệp. Nhiều người trong số này được đào tạo bài bản ở nước ngoài như Anh, Mỹ, Úc, Đài Loan...

Hàng năm Khoa có kế hoạch bồi dưỡng các cán bộ tập sự và bồi dưỡng kết nạp Đảng viên mới với mục tiêu cán bộ giảng dạy truyền thông vừa có chuyên môn cao, vừa có tư tưởng chính trị, lập trường vững vàng, mục tiêu kiên định.

#### **1.2.2.4. Các loại hình đào tạo**

##### *Bậc đại học:*

- Đào tạo hệ chính quy tập trung: thời gian đào tạo 04 năm.
- Chuyên ngành đào tạo: Quan hệ công chúng chuyên nghiệp

Hiện khoa đã đào tạo được hơn 11 khóa đại học chuyên ngành Quan hệ Công chúng chuyên nghiệp.

##### *Bậc sau đại học:*

- Đào tạo Thạc sĩ Quan hệ công chúng, hệ tập trung, thời gian đào tạo 02 năm.
- Chuyên ngành đào tạo: Quan hệ công chúng chuyên nghiệp và Quản trị truyền thông

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã và đang đào tạo 10 khóa học viên cao học (từ khóa 17 đến khóa 26), với tổng số hàng trăm học viên bảo vệ luận văn tốt nghiệp thành công.

Hiện tại các cử nhân, thạc sĩ tốt nghiệp từ Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo đã và đang làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp trong phạm vi cả nước và có những đóng góp quan trọng cho Khoa Quan hệ Công chúng và Quảng cáo.

Ngoài ra, Khoa còn mở ra nhiều chương trình đào tạo PR ngắn hạn, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về PR – Truyền thông một cách bài bản của các đối tượng học viên là sinh viên và những người làm việc trong lĩnh vực truyền thông.

Đặc biệt, hằng năm Khoa còn tổ chức các chương trình thực tế - kiến tập trong nước và nước ngoài. Qua đó, sinh viên sẽ có được những nhận thức sâu sắc, các kiến thức thực tế về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của Việt Nam và thế giới; đồng thời có cơ hội trải nghiệm, học hỏi thêm những vấn đề mới thuộc lĩnh vực truyền thông... Chương trình này cũng hình thành cho sinh viên kỹ năng quan sát, phân tích và đánh giá các hoạt động PR – quảng cáo chuyên nghiệp, giúp nâng cao năng lực và trình độ

chuyên môn trong thực tế.

Hiện nay, số lượng sinh viên đang theo học các chuyên ngành của Khoa lên khoảng 766 sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên trong Khoa ngày càng được nâng cao: hằng năm sinh viên trúng tuyển vào học chương trình ngành QHCC và QC có điểm đầu vào rất cao so với các trường đại học của cả nước. Cụ thể, năm 2020, điểm trung bình đầu vào Ngành Quan hệ công chúng lên đến 34,90.

#### ***1.2.2.5. Các hoạt động ngoại khóa***

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo thể hiện là một tập thể đặc biệt năng động, sáng tạo trong các hoạt động ngoại khóa. Cụ thể, trong năm 2019, Khoa đã tổ chức chuyến đi thực tế Hàn Quốc dành cho giảng viên và sinh viên. Câu lạc bộ truyền thông C.S.C cũng đã tổ chức thành công Cuộc thi về Sáng tạo với chủ đề *Văn hoá đường phố*.

Các chương trình của sinh viên tổ chức như Game on Gala Chào tân sinh viên cũng đã tổ chức hết sức thành công. Các hoạt động này đã gắn kết sinh viên với nhau cũng như tạo ra sự gắn bó giữa thầy cô và sinh viên của Khoa.

#### ***1.2.2.6. Công tác nghiên cứu khoa học, phục vụ thực tiễn***

Bên cạnh nhiệm vụ chính là giảng dạy, nghiên cứu khoa học là hoạt động không thể thiếu của mỗi giảng viên đại học. Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo luôn xác định nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên phải đi đôi với việc tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học góp phần tích lũy, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực và chất lượng giảng dạy, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy. Vì thế, hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa luôn diễn ra hết sức sôi động và đạt được nhiều thành tích quan trọng.

Hoạt động NCKH của Khoa ngày càng được đề cao và phát triển mạnh thông qua số lượng ngày một tăng các công trình nghiên cứu. Trong giai đoạn từ 2015-2020, Khoa đã tham gia 01 đề tài cấp Bộ, 29 đề tài cấp cơ sở, 01 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế và 41 bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước, phục vụ cho công tác giảng dạy và áp dụng thực tiễn.

Năng lực NCKH của Khoa còn thể hiện ở khả năng thực hiện rất nhiều hoạt động hợp tác với các đối tác nước ngoài. Đối tác chiến lược của Khoa Quan hệ công chúng

và Quảng cáo trong hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế là Đại học Middlesex (Vương quốc Anh). Ngoài ra, một số đối tác quan trọng có quan hệ hợp tác chặt chẽ với Khoa trong các hoạt động NCKH, nâng cao chất lượng đào tạo như: Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc), Đại học Wollongong (Úc), Đại học Bornmouth (Vương quốc Anh), Đại học Wien (Áo).

Khoa còn có sự hợp tác liên kết với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ trong nước như Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Thương mại, ĐH Kinh tế Quốc dân, ĐH Quốc Gia Hà Nội, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Học viện Phụ nữ Việt Nam, Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ Báo chí – Hội nhà báo Việt Nam, Báo Đại biểu Nhân Dân, Bộ Y tế, Đài truyền hình Việt Nam, Đại sứ quán Thụy Điển, OXFAM, KOICA, Samsung,... và các tập đoàn truyền thông lớn trong nước như Le Bros, IB Group, Leo Burnett, CleverAds, VCCorp, Vinalink... Cán bộ giảng dạy trong Khoa còn có các liên kết nghiên cứu với các nhà khoa học của các trường đại học có uy tín từ các nước như: Anh, Úc, Hàn Quốc, Áo, Đức, Đài Loan...

### **1.2.3. Tổng quan về ngành Quan hệ công chúng**

Ngành QHCC được thành lập khi Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo được thành lập năm 2006.

Theo xu thế hội nhập và phát triển, để đáp ứng nhu cầu của xã hội, ngành đào tạo QHCC được Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo xây dựng và được phép đào tạo kể từ khóa đầu tiên năm 2006. Hiện nay đào tạo đại học ngành QHCC có 01 chuyên ngành: Quan hệ công chúng chuyên nghiệp.

Thời điểm hiện tại, tổng số cán bộ của Ngành QHCC là 09 giảng viên cơ hữu, trong đó có 01 PGS, 04 Tiến sỹ và 01 nghiên cứu sinh. Đa phần cán bộ giảng dạy của Ngành có tuổi đời trẻ, nhiệt huyết, đam mê giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Hàng năm số lượng sinh viên tuyển sinh theo học ngành QHCC của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo là khoảng 300 sinh viên (theo số liệu sinh viên cuối kỳ 2 của năm học 2019-2020). Trong giai đoạn từ 2015-2020, đã có 252 sinh viên tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng và trong số đó, nhiều em đã đạt được những thành tựu xuất



sắc trong lĩnh vực làm việc của mình.

Kể từ năm 2014, chương trình đào tạo ngành QHCC được đào tạo theo hệ thống tín chỉ, kể từ đó đến nay CTĐT ngành QHCC đã tiến hành nhiều đợt rà soát chỉnh sửa về CTĐT, về chuẩn đầu ra, về đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo nhằm mục đích ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu thực tế của xã hội. Cho đến nay chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng đã được xây dựng đồng bộ thống nhất, có tính liên kết, và ngày càng hoàn thiện. Hiện nay, chương trình đào tạo ngành QHCC bao gồm chuyên ngành QHCC chuyên nghiệp với hệ đào tạo đại học chính quy, đáp ứng được tốt nhất nhu cầu học tập của xã hội.

## **PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TÊU CHUẨN TIÊU CHÍ**

### **TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### ***Mở đầu:***

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo được thành lập ngày 12/05/2006 theo Quyết định số 300/QĐ-HVBC&TT. Về chức năng nhiệm vụ, theo quyết số 4232-QĐ/HVBCTT, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo là đơn vị có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện, phát triển các chương trình đào tạo bồi dưỡng, triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, quản lý người học ở các hệ và các bậc đào tạo theo phân cấp quản lý.

Khoa Quan hệ công chúng và quảng cáo có kinh nghiệm gần 15 năm đào tạo đại học, bao gồm ngành Quan hệ công chúng với chuyên ngành đào tạo Quan hệ công chúng chuyên nghiệp và ngành Quảng cáo với chuyên ngành đào tạo Quảng cáo và Marketing. CTĐT cử nhân ngành Quan hệ công chúng được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định, hướng dẫn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, thể hiện được các mục tiêu, các chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT) dành cho sinh viên tốt nghiệp và bao trùm được các CDR liên quan tới kiến thức và kỹ năng, thái độ theo khối ngành và theo lĩnh vực. Các CTĐT được xây dựng và thông qua sự thẩm định của Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa Quan hệ công chúng, Hội đồng Khoa học và đào tạo Học viện Báo chí và Tuyên truyền để đảm bảo rằng các mục tiêu và CDR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Học viện, phù hợp với yêu cầu của người học và của xã hội.

#### ***Tiêu chí 1.1.***

***Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học***

#### ***1. Mô tả***

Với xu thế phát triển chung của truyền thông, theo định hướng phát triển công nghiệp hoá hiện đại hoá của đất nước hiện nay, nhiều ngành học đã và đang có xu hướng phát triển theo yêu cầu mở rộng quy mô nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực truyền thông, quảng cáo, marketing phục vụ cho các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp. Song hành cùng sự phát triển của đất nước, ngành giáo dục cũng như toàn Học viện, Khoa Quan hệ công chúng đã và đang đào tạo ngành cử nhân ngành Quan hệ công chúng với nhiều cử nhân thực sự có chất lượng cao trong lĩnh vực quan hệ công chúng, quảng cáo và truyền thông, tạo ra uy tín, vị thế và thương hiệu của khoa trong thị trường lao động.

Kể từ khi Học viện chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ 2014 cho đến nay, chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng đã được xây dựng đồng bộ thống nhất, có tính liên thông, liên kết, và ngày càng hoàn thiện, qua nhiều lần được chỉnh sửa bổ sung. Các CTĐT này được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền ra các quyết định ban hành [**H1.01.01.01.DC**, **H1.01.01.02.DC**, **H1.01.01.03.DC**, **H1.01.01.04.DC**].

Mục tiêu đào tạo của CTĐT cử nhân QHCC được xây dựng và xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng mục tiêu của CTĐT như luật Giáo dục Đại học 2012, theo các Thông tư 14 năm 2010, Thông tư 07 năm 2015, Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016; Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông; Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam [**H1.01.01.05**; **H1.01.01.06**, **H1.01.01.07**, **H1.01.01.08.DC**; **H1.01.01.09.DC**; **H1.01.01.10.DC**; **H1.01.01.11.DC** ]. Mục tiêu của CTĐT được thể hiện trong đề án mở ngành, trong các chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng, và được rà soát chỉnh sửa ban hành trong các năm 2014, 2016 và 2018, 2020 [**H1.01.01.01.DC**, **H1.01.01.02.DC**, **H1.01.01.03.DC**, **H1.01.01.04.DC**]. Qua nhiều lần chỉnh sửa, cải tiến, mục tiêu chương trình đào tạo Quan hệ công chúng hiện nay là:

***Mục tiêu chung:***

Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành QHCC hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và QHCC; có kiến thức chuyên môn

sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời.

***Mục tiêu cụ thể:***

PO1. Kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

PO2. Kiến thức nền tảng về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, văn học và tin học cơ bản.

PO3. Kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing.

PO4. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về QHCC và truyền thông.

PO5. Kỹ năng phân tích, phản biện, phê phán và tư duy sáng tạo.

PO6. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người nghe trong môi trường công việc.

PO7. Kỹ năng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

PO8. Kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực QHCC và truyền thông.

PO9. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án, xây dựng và quảng bá thương hiệu, sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong sáng tạo, thiết kế và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực QHCC, truyền thông.

PO10. Kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp, phát triển các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ chức trong lĩnh vực QHCC và truyền thông.

PO11. Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm trước tổ chức.

PO12. Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và giám sát các hoạt động trong công việc.

Có thể thấy mục tiêu của CTĐT hiện nay được xây dựng là phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Khoa QHCC[H1.01.01.12]

Đồng thời có thể thấy mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành QHQT *phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền*[H1.01.01.13, H1.01.01.14]; cho đến chiến lược phát triển của Học viện đến năm 2035 tầm nhìn 2050 [H1.01.01.15.DC], trong các nghị quyết của Đảng bộ Học viện, chương trình hành động của Đảng ủy, của Ban Giám đốc Học viện. Với sứ mạng của Học viện là “nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác”.

Mục tiêu của CTĐT ngành QHCC cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo con người Việt Nam tại điều 2 Luật Giáo dục 2005 và mục tiêu của GDĐH quy định tại điều 5, Luật GDĐH 2012 “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân*”[H1.01.01.05, H1.01.01.06]. Ngoài ra mục tiêu của chương trình đào tạo ngành QHCC cũng đáp ứng được các yêu cầu quy định về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo Thông tư 07 /2015/TT-BGDĐT [H1.01.01.08.DC] gồm các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ trách nhiệm [H1.01.01.16]

Kể từ năm 2016 đến nay, mục tiêu CTĐT ngành QHCC đã qua 3 lần chỉnh sửa thay đổi cho phù hợp. Mục tiêu chung năm 2016 và 2018 là giống nhau, tuy nhiên, năm 2018 có sự thay đổi về mục tiêu cụ thể, theo đó năm 2018 các mục tiêu được phân chia cụ thể ra các mục tiêu chung và các mục tiêu riêng gắn liền cụ thể với các mục tiêu về kiến thức, về kỹ năng và thái độ, vị trí việc làm, về trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ

năng mềm. Đến năm 2020, mục tiêu của CTĐT ngành QHCC lại được cập nhật chỉnh sửa cho phù hợp với quy định cho trình độ bậc 6 – bậc đại học theo chuẩn Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ ban hành theo quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 [**H1.01.01.09.DC**].

Để tiến hành rà soát, chỉnh sửa CTĐT, mục tiêu của CTĐT, Học viện đều ra các quyết định về thành lập ban chỉ đạo và các tổ công tác rà soát xây dựng chương trình đào tạo, mục tiêu của CTĐT cũng như ban hành các văn bản Hướng dẫn điều chỉnh sửa đổi và rà soát chương trình và mục tiêu CTĐT đại học vào các năm 2014, 2016 và 2018 [**H1.01.01.17; H1.01.01.18.DC**]. Những lần rà soát, chỉnh sửa CTĐT, mục tiêu của CTĐT đều được xem xét điều chỉnh lại cho phù hợp, xác định rõ ràng dựa trên cơ sở văn bản quy định liên quan đến việc xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT như Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia, hay các thông tư quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo [**H1.01.02.16**]. Trong quá trình này, Khoa QHCC cũng tiến hành tham khảo các CTĐT và mục tiêu của các CTĐT cùng khối ngành ở trường khác để so sánh đánh giá và đưa ra các mục tiêu phù hợp như Chương trình cử nhân ngành Quan hệ công chúng của Học viện KHXH&NV, Đại học Quốc Gia Hà Nội [**H1.01.01.19**].

Mục tiêu của CTĐT ngành QHCC được xây dựng, chỉnh sửa đều thông qua các cuộc họp thảo luận chuyên môn của các Bộ môn, của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa QHCC cũng như của Hội đồng khoa học Học viện [**H1.01.01.17; H1.01.01.18.DC**]. Ngoài ra, trong mỗi lần rà soát chỉnh sửa mục tiêu CTĐT đều có sự khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan như sinh viên, cựu sinh viên, của các nhà tuyển dụng và các nhà khoa học, giảng viên trong và ngoài trường [**H1.01.01.21; H1.01.01.22; H1.01.01.23; H1.01.01.24**].

Các ý kiến phản hồi, các đóng góp đều được Khoa QHCC nghiên cứu xem xét trong quá trình chỉnh sửa mục tiêu của CTĐT ngành QHCC cho phù hợp với thực tế cũng như yêu cầu của xã hội, nhất là các khảo sát và hỏi ý kiến trực tiếp các nhà tuyển dụng, thông qua đó Khoa sẽ nắm bắt được nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành nghề, các yêu cầu đòi hỏi thực tế của công việc, của xã hội đối với người học [**H1.01.01.24**].

Năm 2020 khi tiến hành chỉnh sửa xây dựng mục tiêu, CTĐT, Khoa QHCC đã tiến hành khảo sát đánh giá mục tiêu của CTĐT, nhu cầu nhân lực của ngành QHCC và các yêu cầu đối với cử nhân ngành QHCC với các nhà tuyển dụng lao động. Qua mỗi đợt khảo sát, Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Khoa QHCC có thêm những thông tin đánh giá về kiến thức, kỹ năng đối với sinh viên tốt nghiệp, cũng như những đóng góp quý báu từ phía cơ quan tuyển dụng, người sử dụng lao động đối với hoạt động đào tạo của ngành QHCC [H1.01.01.24]. Đây chính là những cơ sở quan trọng để từ đó Khoa cải tiến chất lượng, xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo ngày càng phù hợp nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các nhà sử dụng lao động và nhu xã hội. Các đánh giá và góp ý này được Khoa QHCC và các Bộ môn tiếp thu và có những điều chỉnh trong việc xây dựng các mục tiêu của CTĐT năm 2020 [H1.01.01.18.DC]; [H1.01.01.20].

Các mục tiêu đào tạo của ngành đều được công bố công khai rộng rãi trên các cổng thông tin điện tử của Học viện, trong sổ tay sinh viên, trong các bản mô tả CTĐT các năm 2014, 2016, 2018, 2020 [H1.01.01.26; H1.01.01.01.DC; H1.01.01.02.DC; H1.01.01.03.DC; H1.01.01.04.DC].

## ***2. Điểm mạnh***

Mục tiêu của CTĐT ngành Quan hệ công chúng đã xác định rõ ràng các mục tiêu chung, mục tiêu riêng và nhấn mạnh chất lượng đào tạo vào chuyên ngành Quan hệ công chúng chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về cử nhân có chuyên môn sâu về nghiên cứu và thực hành truyền thông trong các cơ quan, tổ chức, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, tầm nhìn của Khoa và của Học viện.

CTĐT được tiến hành đánh giá, rà soát để xây dựng, điều chỉnh các mục tiêu của CTĐT, ngày càng phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật giáo dục đại học và phù hợp với Khung trình độ quốc gia. Ngoài ra, các mục tiêu của CTĐT cũng được rà soát xây dựng dựa trên các khảo sát đánh giá và lấy ý kiến của các bên liên quan, nhất là của người sử dụng lao động nên có tính tiên tiến và gắn với thực tế yêu cầu của xã hội.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc rà soát và điều chỉnh CTĐT còn chưa được thực hiện một cách bài bản, kỹ lưỡng. Việc lấy ý kiến nhận xét về mục tiêu của CTĐT của cựu học viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng nhằm bổ sung, hoàn chỉnh mục tiêu còn chưa rộng khắp nên hiệu quả chưa cao.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp với khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo thực hiện khảo sát cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, các đối tượng khác có liên quan với quy mô lớn hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

#### ***Tiêu chí 1.2.***

***Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.***

#### **1. Mô tả**

Từ năm 2018, Khoa QHCC&QC đã nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng CDR cho các chương trình đào tạo trong đó có CTĐT ngành QHCC. CDR ngành QHCC được xây dựng, rà soát và ban hành năm 2018, đến năm 2020 CDR được chỉnh sửa biên tập, bổ sung so với năm 2018. Việc xây dựng CDR đều dựa theo các văn bản hướng dẫn, quy định của Học viện đối với chuẩn đầu ra ngành đào tạo [**H1.01.02.01**]; và Khung trình độ quốc gia bậc 6 (bậc đại học) của Bộ Giáo dục và Đào tạo [**H1.01.01.10.DC**] [**H1.01.01.11.DC**]; các quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ tin học cho sinh viên đại học chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ [**H1.01.02.06**], và có sự tham khảo chuẩn đầu ra của một số trường khác [**H1.01.02.02; H1.01.02.03; H1.01.02.04**]. Quy trình xây dựng CDR được thực hiện theo các bước sau:

- Khảo sát nhu cầu các bên liên quan: nhu cầu xã hội, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý chương trình. Việc khảo sát được thực hiện thông qua các buổi hội thảo xây dựng chương trình, phiếu khảo sát và các kênh khảo sát không chính thức khác. Xây dựng CDR căn cứ trên khung trình độ quốc gia và các tiêu chuẩn kiểm



định chất lượng, cụ thể là bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo của bộ giáo dục ban hành theo thông tư 04-2016/TTBGĐT. **[H1.01.02.05]**.

- Xác định mục tiêu CTĐT

- Xây dựng CDR theo nguyên tắc Smart (S; Rõ ràng, cụ thể; M: đo lường được, đánh giá được; A: Khả thi; R: Mang tính thực tiễn; T: có thể đạt được sau thời gian đào tạo). CDR được xây dựng dựa trên các thang đo tham chiếu về thang đo nhận thức Bloom, thang đo cảm xúc (Krathwohl), thang đo kỹ năng (Dave).

- Xây dựng và hoàn thiện CTĐT tích hợp CDR **[H1.01.02.09]; [H1.01.02.10]**

Thực hiện quy định xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT của Học viện, theo đó CTĐT ngành QHCC đã xây dựng các chuẩn đầu ra cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực **[H1.01.02.09]; [H1.01.02.10]**. Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành QHCC đều được xây dựng và xác định nhằm phản ánh được mục tiêu của CTĐT.

Đến năm 2018, CDR của CTĐT ngành QHCC được tiến hành rà soát chỉnh sửa để đảm bảo phù hợp hơn với quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 **[H1.01.02.08.DC]**, **[H1.01.02.11]** và còn phù hợp với CDR đối với bậc đại học trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định QĐ 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 **[H1.01.01.09.DC]**. Qua đó, chuẩn đầu ra năm 2018 về cơ bản vẫn phản ánh các yêu cầu tối thiểu của người học về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp. Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ tin học trong năm 2018 được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông **[H1.01.01.10.DC, H1.01.01.11.DC]**. Cụ thể tất cả sinh viên từ khóa 34 khi tốt nghiệp phải đạt trình độ bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản **[H1.01.02.06]**. Chuẩn đầu ra này cũng là cơ sở để xác định vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của sinh viên ngành QHCC.

Trong lần chỉnh sửa CDR năm 2020, CDR phản ánh được cả về kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp và mức độ tự chủ tự chịu trách nhiệm. Các CDR của CTĐT trong năm 2020 được xây

dựng rõ ràng, sử dụng các thang cấp độ để phản ánh các yêu cầu mà người học cần đạt được, do vậy các CDR này dễ dàng hơn trong việc đo lường và đánh giá [H1.01.01.21]. Sau nhiều lần rà soát điều chỉnh, hiện nay CDR của ngành QHCC năm 2020 được xác định như trong hộp sau:

<b>Kiến thức</b>
<b><i>Kiến thức chung</i></b>
POL 01) Hiểu các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam.
POL 02) Hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, văn học và tin học cơ bản.
<b><i>Kiến thức ngành</i></b>
POL 03) Vận dụng kiến thức cơ bản về QHCC và truyền thông bao gồm: lý luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong QHCC.
POL 04) Vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn về QHCC trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục và các lĩnh vực khác.
POL 05) Vận dụng kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing vào hoạt động nghiên cứu và thực hành QHCC.
<b><i>Kiến thức chuyên ngành</i></b>
POL 06) Vận dụng các kiến thức về lập kế hoạch, quy trình và các hoạt động, công cụ, chiến lược vào nghiên cứu, phát triển, vận hành và đánh giá các chiến dịch, dự án QHCC.
POL 07) Vận dụng kiến thức QHCC chuyên sâu vào quản lý vấn đề, quản lý danh tiếng, quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng của tổ chức và đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng, đề xuất giải pháp kiến nghị trong lĩnh vực truyền thông.
<b>Kỹ năng</b>
<b><i>Kỹ năng chung</i></b>
POL 08) Kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo.

POL 09) Kỹ năng phát ngôn, giao tiếp, đàm phán và thuyết trình các ý tưởng trong hoạt động QHCC và truyền thông.
POL 10) Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo yêu cầu trong thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng cho Việt Nam.
POL 11) Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông ở trình độ cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
<b>Kỹ năng chuyên ngành</b>
POL 12) Kỹ năng lập kế hoạch QHCC: nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề; tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án QHCC.
POL 13) Kỹ năng thiết kế, sáng tạo và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực QHCC và truyền thông.
POL 14) Kỹ năng quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng, quản lý các hoạt động, chiến dịch, dự án QHCC.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>
POL 15) Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm, có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
POL 16) Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
POL 17) Năng lực lãnh đạo, điều phối, quản lý các nguồn lực, dẫn dắt khởi nghiệp các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ chức trong lĩnh vực QHCC và truyền thông.

Như vậy, CĐR ngành QHCC được xác định rõ ràng bao gồm chuẩn về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. CĐR của CTĐT ngành QHCC bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành QHCC của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Cụ thể là để tốt nghiệp ngành QHCC người học cần phải hoàn thành 130 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng). Trong đó, phần kiến thức cũng chỉ rõ các chuẩn kiến thức chung của Học viện, các chuẩn kiến thức về cơ sở ngành và có các yêu cầu

chuyên biệt là các kiến thức chuyên ngành. Trong chuẩn đầu ra về kỹ năng cũng thể hiện rõ cả yêu cầu chung và yêu cầu riêng đối với những hướng chuyên sâu về lĩnh vực truyền thông, quan hệ công chúng. Các CDR của ngành đều gắn với mục tiêu của CTĐT, điều này được thể hiện trong các ma trận CDR của CTĐT năm 2020 [H1.01.02.07] đồng thời được cụ thể hóa qua các mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng học phần, trong đề cương chi tiết học phần thuộc ngành QHQT [H1.01.02.08]; [H1.01.02.09];[H1.01.02.10].

**Ma trận đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mục tiêu cụ thể (POs)	P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	PL O1 0	PL O1 1	PL O1 2	PL O1 3	PL O1 4	PL O1 5	PL O1 6	PL O1 7
PO1	x	x															
PO2		x	x														
PO3			x	x													
PO4				x	x			x									
PO5						x		x									
PO6						x											
PO7										x	x						
PO8							x		x								
PO9							x						x	x			
PO10												x			x		
PO11																x	x
PO12																	x

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra ngành QHCC, vấn đề tính liên thông của CDR cũng được quan tâm tính đến, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình học song song, học thêm các văn bằng 2. Trước hết là tính liên thông giữa chuẩn đầu ra của các CTĐT thuộc Khoa QHCC, về cơ bản các chuẩn đầu ra về chuẩn kiến thức chung của Học viện, chuẩn đầu ra về kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành; chuẩn đầu ra về kỹ năng chung, kỹ năng chuyên ngành; chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm được thống nhất trong các CTĐT của Khoa QHCC [H1.01.01.04.DC]. Đối với, các ngành đào tạo khác trong Học viện thì về cơ bản CDR của ngành QHCC giống CDR với các ngành khác về chuẩn khối kiến thức

giáo dục đại cương, các chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm, chuẩn về ngoại ngữ tin học và chuẩn về thái độ [H1.01.02.06]. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các sinh viên các ngành học khác khi tham gia học thêm các chuyên ngành của ngành QHCC.

Chuẩn đầu ra của CTĐT là cơ sở để xây dựng đề cương chi tiết môn học, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá phù hợp. Mỗi môn học đều được thiết kế để đáp ứng một hoặc nhiều chuẩn đầu ra của chương trình và được thể hiện cụ thể trong các môn học thuộc CTĐT. Trong từng học phần xây dựng đều chỉ rõ các mục tiêu, các yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt, điều kiện tiên quyết, kiến thức, kỹ năng, cách đánh giá, cách học... Các học phần trong chương trình đào tạo được xây dựng cũng đáp ứng được các yêu cầu chuẩn đầu ra, điều này được thể hiện thông qua các mức độ đòi hỏi của từng học phần trong ma trận CĐR của CTĐT [H1.01.02.07] chuẩn đầu ra của từng môn học này càng góp phần làm rõ chuẩn đầu ra của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành QHCC đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập; và mức độ tối thiểu các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần có được sau khi hoàn thành chương trình QHCC. Kết quả khảo sát sinh viên và giảng viên về CĐR CTĐT năm 2019 cho thấy tỷ lệ hài lòng với CĐR CTĐT là trên 90%, cựu sinh viên là 85% đồng thời 90% nhà tuyển dụng hài lòng với CĐR của CTĐT [H1.01.02.19]; [H1.01.02.21].

CĐR ngành QHCC cũng là cơ sở để xác định vị trí việc làm sau khi sinh viên tốt nghiệp, trong đó, các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ đều được nghiên cứu thiết kế phù hợp với vị trí việc làm của sinh viên. Kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2019 cho thấy trong tổng số sinh viên được khảo sát đánh giá mức độ hài lòng với các kiến thức, kỹ năng CĐR ở mức 4 (Hài lòng) và 5 (Hoàn toàn hài lòng) ở mức cao (trên 50%) [H1.01.02.20].

## **2. Điểm mạnh**

Khoa QHCC đã xây dựng và ban hành CĐR cho CTĐT ngành QHCC một cách bài bản, nghiêm túc, đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Khung trình độ quốc gia.

Khung CTĐT ngành QHCC được thiết kế bao gồm những học phần mở có khả năng định hướng về chuyên môn nghề nghiệp ban đầu nhằm mục tiêu khuyến khích

khả năng học tập suốt đời cho người học. Người học sẽ được trải nghiệm và tham gia và các học phần từ khối kiến thức chung đến khối kiến thức chuyên ngành để thụ hưởng các kiến thức từ cơ bản của ngành đến chuyên ngành. Để có thể thực hiện được toàn bộ CTĐT này, người học được đòi hỏi không chỉ có năng lực học tập mà còn phải có năng lực nghiên cứu, năng lực phát hiện vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực quản lý thời gian và quan trọng hơn cả là năng lực sáng tạo tác phẩm truyền thông, quảng cáo trên các phương tiện truyền thông đại chúng và các sản phẩm phục vụ hoạt động truyền thông của doanh nghiệp, tổ chức. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa các loại hình hoạt động trong mỗi học phần thúc đẩy người học tìm hiểu nội dung học tập từ nhiều cách tiếp cận trong đó phát triển nhu cầu học tập một cách tự giác cho người học.

CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin, nhận hỗ trợ từ phía giảng viên hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

CTĐT được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, với sự đón nhận góp ý từ nhiều nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và các chuyên gia trong lĩnh vực quan hệ công chúng và truyền thông nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

### **3. Điểm tồn tại**

Một số CĐR về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm còn khó đo lường và định lượng.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa QHCC chỉ đạo các giảng viên trong khoa tiến hành cải tiến hoạt động kiểm tra đánh giá các chuẩn đầu ra về năng lực, tiến hành lượng hoá các chuẩn đầu ra để đảm bảo tính chính xác trong việc đánh giá, đo lường CĐR cho sinh viên sau khi hoàn thành chương trình học.

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

### ***Tiêu chí 1.3.***

***Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai***

#### ***1. Mô tả***

Kể từ khi chuyển từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ, Học viện và Khoa Quan hệ công chúng cùng các Bộ môn đã chủ động trong việc xây dựng CĐR của CTĐT các ngành trong đó có ngành QHCC. Trong quá trình này, Học viện, Khoa và các Bộ môn phụ trách chuyên ngành tiến hành rà soát điều chỉnh CĐR và CTĐT. Học viện cũng đã ban hành quy định về việc rà soát này và ra các thông báo về rà soát chỉnh sửa CĐR, CTĐT [H1.01.02.01.DC]. Trong giai đoạn đánh giá, CĐR của chương trình đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện qua các năm 2018, 2020 [H1.01.01.17.DC], [H1.01.01.18.DC]. Do đó chuẩn đầu ra ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình.

Khoa cũng tổ chức các buổi họp khoa về xây dựng CĐR của CTĐT để tiếp nhận ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài trường cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV và các nhà sử dụng lao động trên cơ sở đó, Khoa đã tiếp thu ý kiến của các bên liên quan và kịp thời điều chỉnh CTĐT. Năm 2020, Khoa thực hiện rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT ngành Quan hệ công chúng theo quy định về rà soát cập nhật CTĐT của Học viện [H1.01.02.01.DC]. Căn cứ trên kết quả khảo sát các bên liên quan bao gồm: sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng [H1.01.01.21.DC]; [H1.01.01.22.DC]; [H1.01.01.23.DC]; [H1.01.01.23.DC]; CĐR được nghiệm thu, đánh giá ở cấp Khoa, Học viện [H1.01.03.02]; CĐR được ban hành theo quyết định ban hành chương trình đào tạo của Giám đốc HVBC&TT [H1.01.01.17.DC]; [H1.01.01.18.DC]. Qua mỗi lần rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT ngành Quan hệ công chúng ngày càng được hoàn thiện, phản ánh được mục tiêu của CTĐT; phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, của Khoa Quan hệ công chúng [H1.01.01.14.DC], phản ánh được yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng được chuẩn đầu

ra theo Khung trình độ quốc gia [H1.01.01.09.DC] do Chính phủ ban hành, và đáp ứng được nhu cầu thực tế xã hội.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QHCC được xây dựng chú trọng đến việc trang bị về kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm; CĐR cũng nêu rõ vị trí việc làm trong tương lai mà người học tốt nghiệp CTĐT ngành QHCC có thể tham gia [H1.01.01.03.DC] [H1.01.01.04.DC] [H1.01.01.14.DC] [H1.01.03.01] [H1.01.03.02]. Sau khi rà soát, điều chỉnh, CĐR đã tăng cường các kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng mềm, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm... theo sự đóng góp của các bên liên quan.

CĐR chương trình năm 2020 ngoài việc dựa theo quy định của thông tư 07 của Bộ GD&ĐT còn dựa vào CĐR cho chương trình đại học được quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam do Chính phủ ban hành. Theo đó, nếu CĐR năm 2018 tách kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành thì CĐR năm 2020 gộp kiến thức này thành kiến thức ngành và xây dựng CĐR theo nhóm các môn học. Nếu CĐR năm 2020 đã được xây dựng hoàn thiện hơn với các yêu cầu về kiến thức; kỹ năng; năng lực, đạo đức nghề nghiệp; năng lực công tác sau khi tốt nghiệp; nhân mạnh hơn vào việc vận dụng tri thức vào phát triển tư duy, giải quyết vấn đề, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông của sinh viên tốt nghiệp theo yêu cầu. Theo đó, CĐR năm 2020 ngành QHCC Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được rà soát, điều chỉnh và thiết kế khá toàn diện với 3 nội dung cơ bản: Chuẩn về kiến thức, Chuẩn về kỹ năng, Chuẩn về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Các nội dung này được cụ thể hóa thành 17 CĐR. Trong chuẩn về kiến thức, CĐR năm 2020 đã nêu cụ thể 3 khối kiến thức gồm kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành. Trong chuẩn về kỹ năng, CĐR năm 2020 đã nêu rõ kỹ năng chung và kỹ năng chuyên ngành gắn liền với vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Đồng thời các chuẩn đầu ra của năm 2020 đã tham chiếu sử dụng thang đo nhận thức để biểu đạt các mức độ cụ thể về nhận thức, kỹ năng, và thái độ. Do đó các CĐR của năm này được xác định rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn [H1.01.03.01]. Theo đó, đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT đều gắn liền với CĐR cụ thể mà học phần đó cung cấp cho người học, qua đó cung cấp cho người học nhận thấy rõ việc học tập có một ý nghĩa quan



trọng và có ảnh hưởng tích cực đến quá trình học tập, cũng như nhận thức của sinh viên [H1.01.02.09.DC]; [H1.01.02.10.DC]. Trong quá trình rà soát chỉnh sửa CTĐT, đề cương chi tiết các học phần cũng được Khoa, các Bộ môn, các giảng viên điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu của CĐR. Dựa trên các yêu cầu chuẩn đầu ra của từng môn học cụ thể, CTĐT ngành QHCC cũng đã xây dựng được ma trận CĐR cho CTĐT, dựa vào đó có thể hình dung một cách khái quát về CĐR của ngành cho từng thời kỳ [H1.01.02.07.DC].

Về cơ bản các chuẩn đầu ra được xây dựng và công bố trong các năm 2018, 2020 đều phản ánh đầy đủ các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực [H1.01.01.03.DC]; [H1.01.01.04.DC]. Các chuẩn đầu ra ngày càng được xây dựng làm rõ và chi tiết hơn cho từng yêu cầu của CĐR trên cơ sở căn cứ vào các văn bản. Qua những lần chỉnh sửa hoàn thiện CTĐT và CĐR ngành QHCC đều được Học viện, Khoa QHCC ban hành và công bố rộng rãi, công khai tới các cán bộ giảng viên và người học, người sử dụng lao động và xã hội thông qua website Học viện, của Khoa, sổ tay sinh viên các buổi giới thiệu chương trình đào tạo hay các ngày hội Open-day hàng năm [H1.01.01.25.DC][H1.01.03.03] [H1.01.01.26]. Điều này giúp cho người học, xã hội và các bên liên quan tiếp cận được dễ dàng hơn và nắm bắt được các chuẩn về kiến thức, về kỹ năng, về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm mà người học sẽ đạt được sau khi tốt nghiệp.

## 2. ***Điểm mạnh***

Định kỳ khoảng 2 năm Học viện Báo chí và Tuyên truyền tiến hành rà soát, điều chỉnh toàn bộ chương trình đào tạo, CĐR của các ngành học trong đó có ngành QHCC. Việc điều chỉnh có sự tham khảo, tiếp thu các góp ý từ các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng và sinh viên tốt nghiệp và đảm bảo phù hợp với các văn bản quy định như Luật giáo dục đại học, Khung trình độ Quốc gia. Vì vậy, chuẩn đầu ra của ngành được kịp thời bổ sung, điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực quan hệ công chúng, nhất là trong các ngành chuyên sâu về truyền thông và quan hệ công chúng trong tổ chức, doanh nghiệp.

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành QHCC được công bố công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và đặc biệt là đối tượng thí sinh tiềm năng,

SV của Khoa ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng kỳ học với từng chuyên ngành cụ thể và từng học phần cụ thể.

### **3. Điểm tồn tại**

Chưa có sự liên hệ chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại các cơ sở, các ký kết với cơ sở thực tế chưa có những ràng buộc liên quan đến chuẩn đầu ra theo từng năm học và từng chuyên ngành cụ thể mà SV phải đạt tới.

Khoa đã có website nhưng chưa duy trì được nội dung cập nhật bên cạnh fanpage trên mạng xã hội Facebook để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, với sự phản hồi của SV, cựu SV.

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp, giảng viên, các nhà khoa học là chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CĐR chưa được thường xuyên, rộng khắp.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020-2021, Khoa Quan hệ công chúng sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc ký kết các thỏa thuận hợp tác với những cơ sở thực hành có uy tín, những cơ quan đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng SV tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng; Khoa sẽ cùng Hội đồng KH trường làm việc với các cơ sở này để rà soát, trao đổi và xây dựng những nguyên tắc liên quan đến CĐR của CTĐT, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV đạt được kết quả mong đợi.

Từ 2020, Học viện giao cho Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục hoàn thiện quy trình khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT. Bên cạnh đó Khoa cũng yêu cầu các giảng viên tự đánh giá, rà soát lại CĐR của từng học phần và sẽ cùng Hội đồng KHĐT Khoa đánh giá, rà soát và đề xuất điều chỉnh CĐR của toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, cập nhật và đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn.

Khoa sẽ tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật CĐR từng học phần của CTĐT cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Học viện BC&TT.

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

## **Kết luận về tiêu chuẩn 1**

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành QHCC đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu tâm lý con người. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học và được quán triệt đến từng đối tượng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho SV phát huy tinh thần làm việc nhóm và làm việc độc lập đồng thời nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía giảng viên bộ môn hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

CTĐT được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, nhằm mục tiêu đảm bảo chất lượng học tập cũng như phát triển kỹ năng, ý thức và thái độ học tập, làm việc chuyên nghiệp cho sinh viên. Chuẩn đầu ra được công khai rộng rãi trên website của Học viện.

Một số hạn chế của CĐR của CTĐT ngành QHCC được xác định: vẫn còn một số SV không ra trường đúng hạn do không đạt điều kiện về CĐR ngoại ngữ; chuẩn đầu ra của CTĐT còn chưa xem xét xây dựng đến tính liên thông khi liên kết với các chương trình đào tạo cùng khối ngành ở ngoài trường; Khoa mới rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của Học viện, của Bộ Giáo dục mà chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học.

Khoa đã có kế hoạch hành động cụ thể để khắc phục hạn chế và phát huy điểm mạnh như đã nêu ở các phần trên.

***Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí, cả 3 đều đạt, điểm trung bình là 5/7.***

## **TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### ***Mở đầu***

Trong quá trình thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ, bản mô tả CTĐT có ý nghĩa như một văn bản bản mô tả, giới thiệu chi tiết về CTĐT và hướng dẫn thực hiện hoạt động dạy và học cho giảng viên, sinh viên, đồng thời, là tài liệu để giới thiệu, truyền thông về CTĐT với các tổ chức, doanh nghiệp. Với ý nghĩa đó, bản mô tả CTĐT ngành Quan hệ công chúng được điều chỉnh và hoàn thiện chu kỳ 2 năm/lần trên cơ sở các văn bản pháp luật của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Báo chí và Tuyên truyền và các kết quả khảo sát thị trường lao động nhằm hướng tới đáp ứng tốt nhất yêu cầu của người học, của thị trường lao động và của nhà tuyển dụng và đảm bảo tính pháp lý của bản mô tả chương trình đào tạo. Việc hoàn thiện chương trình đào tạo và bản mô tả chương trình đào tạo trong giai đoạn này không những đảm bảo tính pháp lý của bản mô tả chương trình đào tạo mà còn phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa QHCC-QC cũng như đáp ứng nhu cầu thực tế. Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng cũng đã được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội về các hoạt động quản trị doanh nghiệp. Bản mô tả CTĐT ngành Quan hệ công chúng cung cấp các thông tin khái quát và mục tiêu của chương trình, các thông tin về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chương trình dạy học, mức độ đóng góp của các học phần đối với chuẩn đầu ra của chương trình, các thông tin chi tiết về mục tiêu và nội dung của các học phần. Cùng với bản mô tả học phần là hệ thống đề cương chi tiết các học phần được trình bày được đầy đủ và chi tiết về mục tiêu, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn học và tài liệu tham khảo. Các tài liệu tham khảo này được đáp ứng bởi hệ thống Thư viện của Nhà trường.

### ***Tiêu chí 2.1.***

#### ***Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.***

##### ***1. Mô tả***

Sau khi Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành CTĐT ngành Quan hệ công chúng, theo các văn bản hướng dẫn của Học viện, Khoa Quan hệ công chúng đã tổ

chức hợp Hội đồng Khoa để xây dựng kế hoạch hoàn thiện chương trình đào tạo trong đó có bản mô tả CTĐT [H2.02.01.01.DC]. Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng được hoàn thiện trên cơ sở điều chỉnh cập nhật chương trình đào tạo và bản mô tả chương trình đào tạo được ban hành năm 2018 và năm 2020 phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các văn bản pháp luật của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2.02.01.02.DC], [H2.02.01.03.DC].

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng là một văn bản bao gồm các nội dung: (1) Thông tin chung về CTĐT; (2) Mục tiêu đào tạo; (3) CĐR; (4) Khối lượng kiến thức đào tạo toàn khóa học; (5) Đối tượng tuyển sinh; (6) Quy trình đào tạo, tốt nghiệp; (7) Kiểm tra, đánh giá; (8) Nội dung chương trình; (9) Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào CĐR chung của CTĐT; (10) Mô tả tóm tắt các học phần; (11) Kế hoạch giảng dạy (dự kiến); (12) Hướng dẫn thực hiện chương trình [H2.02.01.04.DC].

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng năm 2020 được đánh giá là bản mô tả hoàn chỉnh nhất của ngành Quan hệ công chúng trong giai đoạn 2016 - 2020. Bản mô tả chương trình đào tạo đã đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định trong Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, đã được cập nhật những thông tin trên cơ sở rà soát bản mô tả chương trình đào tạo năm 2016, điều chỉnh theo sự thay đổi của các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng năm 2018, phù hợp với quy định đối với bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam trong quyết định số 1982/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2016 và phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng [H2.02.01.03.DC]. Sự hoàn thiện của bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng được thể hiện như sau:

*Thứ nhất*, mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của chương trình đào tạo đã bám sát các tiêu chí được quy định đối với bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam trong quyết định số 1982/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2016, phù hợp với đặc điểm riêng về ngành nghề và được thể hiện thông qua 12 mục tiêu nhỏ, được cơ cấu theo 3 nhóm: (1)

Mục tiêu về kiến thức: 4 mục tiêu; (2) Mục tiêu về kỹ năng: 6 mục tiêu; (3) Mục tiêu về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: 2 mục tiêu. Các mục tiêu có cấu trúc rõ ràng, thể hiện khả năng có thể lượng hóa và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc xây dựng chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo so với các bản mô tả chương trình đào tạo trước đó.

#### *Thứ 2, chuẩn đầu ra của CTĐT*

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng năm 2020 đã thể hiện các mức độ kiến thức kỹ năng và thái độ mà người học cần có nhằm đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình có sự liên hệ chặt chẽ về cấu trúc và mức độ, được trình bày dễ hiểu cho cả đơn vị đào tạo, đơn vị tuyển dụng và người học. Đây cũng là một trong những điểm hoàn thiện của bản mô tả chương trình đào tạo năm 2020.

#### *Thứ 3, thời gian đào tạo*

Thời gian đào tạo là 4 năm. Tuy nhiên, tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà SV có thể sắp xếp việc học để rút ngắn thời gian đào tạo hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo quy định. Điều này giúp cho SV linh hoạt trong việc lựa chọn các tín chỉ và lên kế hoạch cho việc học tập của bản thân phù hợp với nhu cầu, điều kiện của mình.

#### *Thứ 4, Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh*

Về cơ bản đối tượng, tiêu chí tuyển sinh là mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế và đáp ứng các điều kiện theo quy định hiện hành của BGD&ĐT và HVBC&TT.

#### *Thứ 5, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp*

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT và của HVBC&TT, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc HVBC&TT.

#### *Thứ 6, hình thức, phương pháp dạy học*

Bản mô tả CTĐT ngành QHCC thể hiện sự đa dạng trong các hình thức dạy học, theo đó GV và SV có thể lựa chọn hình thức dạy học phù hợp. Các phương pháp dạy học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tăng cường sự tương tác giữa GV và SV,

giữa SV với nhau và các cơ hội để SV trải nghiệm, tự học theo hình thức trực tiếp và trực tuyến. Do đó, giúp SV tăng cường khả năng tự chủ và học tập suốt đời.

#### *Thứ 7, kiểm tra đánh giá*

Hình thức kiểm tra đánh giá trong bản mô tả CTĐT thể hiện nhiều cách thức, giai đoạn đánh giá và tính điểm. Điều này đòi hỏi SV phải nỗ lực trong suốt quá trình học tập và đáp ứng các yêu cầu khác nhau về năng lực và đảm bảo sự khách quan, chính xác trong đánh giá năng lực SV.

#### *Thứ 8, về nội dung chương trình dạy học*

Trên cơ sở các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ được xác định, Hội đồng Khoa QHCC-QC và đại diện các nhóm chuyên môn tổ chức họp nhằm xác định các khối kiến thức, các học phần trong mỗi khối kiến thức để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra và xác định mức độ đóng góp của mỗi khối kiến thức đối với chuẩn đầu ra, mỗi học phần cần thiết trong mỗi khối kiến thức đó, cấu trúc chương trình dạy học [H2.02.01.04.DC]. Để chuyển đổi các chuẩn đầu ra CTĐT vào chuẩn đầu ra các học phần trong chương trình đào tạo, khoa Quan hệ công chúng đã tổ chức hội thảo về xác định các khối kiến thức trong CTĐT, danh mục học phần tương ứng với các khối kiến thức trong CTĐT với thành phần tham dự là các nhà khoa học, nhà tuyển dụng và đội giáo viên trong khoa. Các học phần được chính thức đưa vào danh mục học phần trong CTĐT ngành Quan hệ công chúng nêu các ý kiến đánh giá cho rằng học phần này là cần thiết đối với CTĐT ngành Quan hệ công chúng, góp phần quan trọng đảm bảo đạt chuẩn đầu ra sau khi sinh viên tốt nghiệp) [H2.02.01.01.DC] [H2.02.01.05.DC].

Từ danh mục các học phần theo các khối kiến thức, Khoa tổ chức hội thảo để xác định chuẩn đầu ra các học phần và hỏi ý kiến các nhà khoa học, nhà tuyển dụng và các giảng viên theo các nhóm chuyên môn về mức độ đóng góp của mỗi học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT [H2.02.01.01.DC]. Đây cũng chính là cơ sở để triển khai xây dựng chương trình dạy học, xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra của các học phần, xây dựng đề cương chi tiết học phần. [H2.02.01.05.DC]

Cấu trúc và kế hoạch của chương trình dạy học được xác định theo nguyên tắc: khối kiến thức chung về Khoa học Mác - Lênin và khối kiến thức giáo dục đại cương diễn ra trước; khối kiến thức của ngành, chuyên ngành được tổ chức ngay sau khối kiến

thức đại cương, đảm bảo cho sinh viên hoàn thành các học phần tiên quyết từ năm thứ nhất đến hết năm thứ hai, đủ điều kiện lựa chọn các môn học ở khối kiến thức ngành, bổ trợ và chuyên ngành (diễn ra từ năm thứ ba đến hết năm thứ tư) **[H2.02.01.03.DC]**. Trong bản mô tả CTĐT đã mô tả cụ thể cấu trúc và kế hoạch của chương trình dạy học và danh mục các học phần trong chương trình dạy học đã được rà soát và chỉnh sửa không chỉ được thực hiện trên cơ sở ý kiến của Hội đồng khoa học Khoa Quan hệ công chúng và các nhóm chuyên môn mà còn có sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, nhà tuyển dụng, được chỉnh sửa, bổ sung sau khi so sánh đối chiếu với bản mô tả CTĐT ngành Quan hệ công chúng của 02 trường đại học: Trường ĐH KHXH&NV, Đại học Middlesex theo các tiêu thức: mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT, cấu trúc chương trình dạy học trong bản mô tả CTĐT, danh mục các học phần trong chương trình dạy học... Bản mô tả CTĐT ngành QHCC được so sánh, chỉnh sửa nhằm đảm bảo tính liên thông của chương trình dạy học theo chiều dọc và chiều ngang để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có thể học tập suốt đời, đồng thời, phát huy được thế mạnh của ngành trong các công ty, doanh nghiệp, cơ quan về truyền thông, quan hệ công chúng.**[H2.02.01.06][H2.02.01.07] [H2.02.01.08]**

*Thứ 9*, Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình **[H2.02.01.03.DC]**: Sự thay đổi cơ bản trong phần này là sự lượng hóa về mức độ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đạt được tương ứng với mỗi học phần. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình được xây dựng trên cơ sở kết quả khảo sát quan điểm của các nhà khoa học thuộc các khoa chuyên môn có liên quan và các nhà khoa học thuộc một số trường có đào tạo ngành Quan hệ công chúng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng đề cương các học phần, xây dựng cấu trúc và nội dung của chương trình dạy học, xác định nội dung và phương pháp kiểm tra, đánh giá.

*Thứ 10*, mô tả tóm tắt học phần trong chương trình đào tạo

Các học phần được mô tả tóm tắt về mục tiêu và những nội dung cơ bản làm căn cứ xây dựng đề cương chi tiết học phần **[H2.02.01.03.DC]**. Mục tiêu của các học phần được xác định trên cơ sở những chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đáp ứng



tương ứng với mỗi học phần trong chương trình đào tạo và được Hội đồng khoa học Khoa QHCC-QC thông qua theo các tiêu chí: đặc trưng của học phần, các mức độ chuẩn đầu ra tương ứng với mỗi học phần.

*Thứ 11*, hướng dẫn thực hiện chương trình

Bản mô tả CTĐT đã đưa ra kế hoạch cụ thể để thực hiện CTĐT theo các khối kiến thức mà SV đạt được theo từng năm và các môn học mà SV có thể đăng ký và hoàn thành theo từng kỳ học.

Trong phần này, những điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng học, đội ngũ giảng viên, thư viện cũng được mô tả, thể hiện việc đáp ứng những quy định về môi trường đào tạo đại học chuyên nghiệp.

Theo thống kê khảo sát đối với các giảng viên, chuyên gia tham gia giảng dạy CTĐT của Khoa QHCC-QC của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, có 100 % ý kiến đánh giá về bản mô tả CTĐT của Khoa QHCC-QC có đầy đủ các thông tin cần thiết để sinh viên có thể thiết lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn, các sinh viên cũ, nhà tuyển dụng cũng có ý kiến phản hồi tốt về chương trình đào tạo với 100% người được hỏi đều cho rằng chương trình đào tạo Khoa QHCC-QC mang tính cập nhật và tiên tiến, đáp ứng tốt nhu cầu về lao động của xã hội và đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra về năng lực chuyên môn, kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức. Các tiêu chí: mức độ đảm bảo các thông tin cần thiết của bản mô tả CTĐT, mức độ dễ hiểu của các nội dung trong bản mô tả chương trình đào tạo, khả năng tạo thuận lợi cho người học xây dựng kế hoạch học tập, mức độ dễ tiếp cận của bản mô tả chương trình đào tạo đều được sinh viên hiện tại, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá đạt mức tốt đến rất tốt theo thang Likert 5 mức độ. [H2.02.01.07] [H2.02.01.08] [H2.02.01.09]

## ***2. Điểm mạnh***

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Quan hệ công chúng đảm bảo tính đầy đủ và tường minh về thông tin, các nội dung cập nhật và đảm bảo theo các quy định của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo quy định của các cấp quản lý của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ma trận tích hợp

các khối kiến thức, các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình đào tạo, được cụ thể hóa theo các chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ cho tất cả các học phần của chương trình.

### ***3. Điểm tồn tại***

Bản mô tả CTĐT quá dài dòng, quá chi tiết, nhiều thông tin trùng lặp với CTĐT.

### ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2021, Khoa phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo tổ chức toạ đàm đưa ra bản mô tả CTĐT của ngành đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT, theo hướng ngắn gọn, xúc tích.

### ***5. Tự đánh giá***

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 6/7 điểm.

#### ***Tiêu chí 2.2.***

#### ***Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.***

##### ***1. Mô tả***

Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, Khoa Quan hệ công chúng đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần, chỉnh sửa, bổ sung nội dung đề cương học phần theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành [H2.02.02.01.DC]. Đề cương chi tiết các học phần được chỉnh sửa, bổ sung vào năm 2018, 2020 [H2.02.02.02] [H2.02.02.03]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa ở mục tiêu và được thể hiện ở các CDR của từng học phần [H2.02.01.04.DC] [H2.02.01.05.DC]

Sau quá trình chỉnh sửa, bổ sung, cho đến năm 2020, các đề cương chi tiết học phần đã đảm bảo cơ bản theo quy định, bao gồm các thông tin cơ bản, như sau: (1) Thông tin về GV; (2) Thông tin chung về học phần (tên học phần bằng tiếng Anh, mã học phần, điều kiện tiên quyết, vị trí, phân loại học phần, yêu cầu khác, phân bổ tín chỉ); (3) Mục tiêu của học phần; (4) CDR; (5) Tóm tắt nội dung học phần; (6) Nội dung chi tiết học phần và kế hoạch dạy học; (7) Học liệu; (8) Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá; (9) Chính sách môn học.[H2.02.01.05.DC].

Đề cương học phần sau khi được nghiệm thu sẽ được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT ngành QHCC [H2.02.01.04.DC] [H2.02.01.05.DC]. Người học và các bên liên quan có thể tiếp cận đề cương học phần trên Khoa. Ngoài ra, trong quá trình học, mọi sinh viên đều được giảng viên cung cấp đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn chuẩn bị bài.

Đề cương học phần được định kỳ rà soát theo quy trình như sau:

Căn cứ Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa tổ chức rà soát, chỉnh sửa, bổ sung ĐCHP sau khi cập nhật CDR và chương trình khung của CTĐT ngành QHCC. [H2.02.02.01.DC]

Khoa tổ chức họp về việc điều chỉnh, cập nhật ĐCHP dựa trên kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan [H2.02.02.04.DC] [H2.02.02.01.DC]

Giảng viên phụ trách học phần thực hiện rà soát, cập nhật ĐCHP

Hội đồng khoa học Khoa họp nghiệm thu ĐCHP. Giảng viên phụ trách hoàn thiện ĐCHP trên cơ sở góp ý của Hội đồng Khoa học khoa. [H2.02.02.01.DC]

Học viện Báo chí và Tuyên truyền ra Quyết định ban hành ĐCHP và đưa vào sử dụng. [H2.02.02.03.DC].

Học viện công bố ĐCHP trên Cổng thông tin sinh viên và giảng viên giới thiệu ĐCHP trong mỗi học phần. [H2.02.02.05.DC].

Kết quả khảo sát người học cho thấy hệ thống đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành QHCC được đánh giá cao theo các tiêu chí: (1) Mức độ đầy đủ các thông tin và dễ hiểu của đề cương học phần; (2) Mức độ lượng hóa và rõ ràng của mục tiêu, chuẩn đầu ra các học phần; (3) Mức độ hợp lý của nội dung cấu trúc học phần; (4) Khả năng đóng góp của các học phần đối với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; (5) Sự tương thích giữa phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra. Mức độ đánh giá đạt trung bình 4.4 theo thang điểm 5 mức độ [H2.02.02.04.DC].

## **2. Điểm mạnh**

Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Báo chí và Tuyên truyền về hình thức và nội dung của học phần.

Mục tiêu của đề cương học phần hướng tới chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng và phù hợp với chuẩn đầu ra được xác định cho mỗi học phần.

Các đề cương học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về các lĩnh vực chuyên ngành quan hệ công chúng và truyền thông như: sản xuất sản phẩm truyền thông, tổ chức sự kiện, quan hệ báo chí, các chuyên đề quan hệ công chúng... do được thiết kế trên cơ sở phiếu điều tra thông tin về nhu cầu của nhà tuyển dụng.

Thông tin trong hệ thống đề cương học phần đảm bảo đầy đủ, dễ hiểu và dễ tiếp cận. Chuẩn đầu ra của học phần được cụ thể hóa giúp cho người học dễ hiểu và hoạch định các mục tiêu thực hiện chương trình học nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

### ***3. Điểm tồn tại***

Hệ thống giáo trình in sách cần được tăng cường hơn, các tài liệu tham khảo quốc tế còn hạn chế đặc biệt các môn thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành.

### ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm 2021, Khoa QHCC-QC tiếp tục cập nhật với các nguồn tài liệu nước ngoài theo hướng chuyên sâu trong lĩnh vực QHQC và truyền thông giúp SV có cơ hội trau dồi ngoại ngữ cũng như tiếp cận với nguồn tài liệu đa dạng hơn.

### ***5. Tự đánh giá***

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

#### ***Tiêu chí 2.3.***

***Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.***

#### ***1. Mô tả***

Sau khi bản mô tả CTĐT ngành Quan hệ công chúng đã được chỉnh sửa, bổ sung năm 2018 và 2020 [H2.02.01.02.DC] [H2.02.01.03.DC] và hệ thống đề cương học phần đã được phê duyệt [H2.02.01.05.DC], Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã hợp thống nhất các kênh thông tin, hình thức và nội dung của thông tin quảng bá về CTĐT [H2.02.03.01]. Bản mô tả CTĐT, hệ thống đề cương chi tiết học phần đã công

bộ công khai cho người học và giảng viên và các tổ chức, cá nhân liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H2.02.03.02], sổ tay sinh viên [H2.02.03.03], trong các tờ giới thiệu về cho học sinh phổ thông tại cơ sở và trong ngày hội Open Day tại Học viện [H2.02.03.04]. Những điều chỉnh, bổ sung đều được cập nhật trên website của Học viện để cán bộ, sinh viên và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện. Bên cạnh đó, Học viện còn có thể hỗ trợ tư vấn trực tiếp qua điện thoại và trực tuyến qua fanpage của HVBC&TT. [H2.02.03.05]

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT ngành Quan hệ công chúng và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho sinh viên nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Bản mô tả CTĐT ngành Quan hệ công chúng và đề cương chi tiết học phần đã đảm bảo tính công khai, dễ hiểu và dễ tiếp cận không chỉ đối với cán bộ, giảng viên của Trường mà các bên liên quan như sinh viên, cựu học viên, nhà tuyển dụng và những người liên quan đều dễ dàng tiếp cận và tham khảo. [H2.02.01.07.DC] [H2.02.01.08.DC].

## ***2. Điểm mạnh***

Việc thông tin công khai và chi tiết về bản mô tả chương trình đào tạo ngành và đề cương học phần đã được thực hiện tốt trên trang web của Học viện, sổ tay sinh viên, các tài liệu tuyển sinh để các bên liên quan dễ tiếp cận.

## ***3. Điểm tồn tại***

Số lượng các bên liên quan để lấy ý kiến phản hồi về bản mô tả CTĐT và ĐCHP chưa nhiều

## ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm 2021 trở đi, Khoa QHCC-QC phối hợp với Trung tâm khảo thí và ĐBCLĐT lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan với số lượng nhiều hơn.

## ***5. Tự đánh giá: 5/7***

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Quan hệ công chúng được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để sinh viên đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Bản mô tả chương trình đào tạo được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Theo CTĐT, phần lớn đề cương của các học phần đều có hệ thống bài giảng, giáo trình bằng tiếng Việt để sinh viên có thể khảo cứu dễ dàng. Cơ sở dữ liệu cập nhật trong các chuyên ngành thuộc Khoa QHCC-QC được cập nhật thường xuyên qua hệ thống thư viện Nhà trường.

Tuy nhiên, bản mô tả chương trình đào tạo vẫn còn một số tồn tại như sau: Việc tìm kiếm và tiếp cận bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần trên Website chưa dễ dàng, làm giảm hiệu quả của công tác tuyển sinh; Hệ thống bài giảng, giáo trình, đặc biệt là bài giảng, giáo trình bổ sung kiến thức mang tính quốc tế phục vụ việc học và dạy các học phần thuộc chuyên Khoa QHCC-QC chưa nhiều.

Từ năm 2021 trở đi, Khoa QHCC-QC phối hợp với VP có kế hoạch hoàn thiện Website; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo trình bài giảng với định hướng chuyên sâu, tiếp cận với các nguồn tài liệu nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên tiếp cận với những tri thức mới, chuyên sâu trong lĩnh vực QHCC

***Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, cả 3 đều đạt, điểm trung bình 5,33/7,0***

## **TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

### ***Mở đầu***

Chương trình dạy học có vai trò rất quan trọng đối với chất lượng đào tạo của bất kì ngành đào tạo nào. Với ý nghĩa đó, CTDH của ngành Quan hệ công chúng luôn luôn được đổi mới, rà soát, điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu đào tạo trong từng giai đoạn.

Chương trình dạy học trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ. Các CTDH thuộc ngành Quan hệ công chúng được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học. Khung CTĐT bao gồm các học phần môn học được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức bổ trợ đến chuyên ngành. Học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR.

### ***Tiêu chí 3.1.***

#### ***Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

##### ***1. Mô tả***

Chương trình dạy học của Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ ngành Quan hệ công chúng được thiết kế theo hướng dẫn cụ thể trong các văn bản của Học viện, phù hợp với Quy định xây dựng CTĐT hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo [H3.03.01.01.DC]. CTĐT ngành QHCC được ban hành theo các quyết định liên quan [H3.03.01.02.DC].

CTDH ngành Quan hệ công chúng được thiết kế bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra một cách khoa học đảm bảo các nội dung theo đúng quy định của thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, thông tư 07/2015/TT-BGDĐT [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Trong CTDH, nội dung được đảm bảo các mục tiêu đào tạo và được cụ thể hóa trong hệ thống chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

Chuẩn đầu ra của ngành Quan hệ công chúng được xây dựng dựa trên những hướng dẫn cụ thể [H3.03.01.01.DC] gồm CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học được kí hiệu từ PLO1 đến PLO17. Trong đó CĐR về kiến thức từ PLO1 đến PLO7, CĐR về kỹ năng từ PLO8 đến PLO14, CĐR về năng lực tự chủ là từ PLO15 đến PLO17, đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu của CTĐT [H3.03.01.02.DC].

Chương trình dạy học năm 2020 của ngành Quan hệ công chúng được thiết kế với 130 tín chỉ trong đó có 106 tín chỉ bắt buộc (tương đương chiếm 82%) và 24 tín chỉ tự chọn (chiếm 18%). Chương trình này là kết quả của việc rà soát, điều chỉnh CTĐT từ các năm 2014, 2016, 2018. Sự điều chỉnh tập trung vào các môn học giữa các khối kiến thức khác nhau trong chương trình nhằm đảm bảo tính tổng thể của chương trình cũng như tính logic trong việc tiếp nhận kiến thức, kỹ năng của sinh viên. Sự điều chỉnh này được cho là cần thiết để đáp ứng yêu cầu của người tuyển dụng lao động về chuyên môn nghiệp vụ đối với cử nhân ngành Quan hệ công chúng.

Với 130 tín chỉ, các môn học trong CTĐT ngành QHCC được kết cấu thành các khối kiến thức khác nhau từ giáo dục đại cương đến thực tập nghiệp vụ và khoá luận tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 44 tín chỉ ( $44/130=34\%$ ), khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ gồm 56 tín chỉ chiếm 43%, khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ, chiếm 23%. Các khối kiến thức này góp phần đạt được những chuẩn đầu ra nhất định về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm [H3.03.01.02.DC]. Cụ thể:

+ Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học đạt được chuẩn đầu ra như: Hiểu các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam được xác định là chuẩn đầu ra (PLO1); hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, văn học và tin học cơ bản (PLO2); Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo yêu cầu trong thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng cho Việt Nam (PLO10); Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông ở trình độ cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (PLO11).

+ Khối kiến thức ngành giúp người học có thể vận dụng kiến thức cơ bản về QHCC và truyền thông bao gồm: lý luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong QHCC (PLO3); Vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn về QHCC trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục và các



lĩnh vực khác (PLO4); Vận dụng kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing vào hoạt động nghiên cứu và thực hành QHCC (PLO5).

+ Khôi kiến thức chuyên ngành giúp người học vận dụng các kiến thức về lập kế hoạch, quy trình và các hoạt động, công cụ, chiến lược vào nghiên cứu, phát triển, vận hành và đánh giá các chiến dịch, dự án QHCC (PLO6); Vận dụng kiến thức QHCC chuyên sâu vào quản lý vấn đề, quản lý danh tiếng, quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng của tổ chức và đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng, đề xuất giải pháp kiến nghị trong lĩnh vực truyền thông (PLO7). Bên cạnh đó, giúp sinh viên có kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo, kỹ năng phát ngôn, giao tiếp, đàm phán và thuyết trình các ý tưởng (PLO8, PLO9); kỹ năng lập kế hoạch QHCC: nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề; tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án QHCC, kỹ năng thiết kế, sáng tạo và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực QHCC và truyền thông, kỹ năng quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng, quản lý các hoạt động, chiến dịch, dự án QHCC (PLO12, PLO13, PLO14).

CTDH là sự gắn kết hợp lý giữa các môn học trong học chương trình từ việc lập kế hoạch chi tiết theo từng kì với tiến trình giảng dạy cụ thể [H3.03.01.05] và CDR người học cần đạt được sau mỗi học phần [H3.01.01.06.DC]. Điều này không chỉ đảm bảo tính logic của chương trình, tính liên quan của các môn học mà còn phù hợp với khả năng tiếp cận của người học theo thời gian. Đây là cơ sở rất quan trọng để đảm bảo CDR của người học.

Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể và thuận lợi hơn trong việc tiếp cận, tiếp thu các kiến thức của học phần là mắt xích quan trọng trong việc đảm bảo CDR về kiến thức của người học.

Bên cạnh đó, việc xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy trong từng học phần theo quan điểm lấy người học làm trung tâm có vai trò rất quan trọng trong việc đạt CDR của người học không chỉ về kiến thức mà còn CDR về kỹ năng [H3.03.01.06.DC]. Các phương pháp giảng dạy được thiết kế tùy thuộc vào nội dung

cũng như đặc điểm của từng học phần, dưới đây là các chiến lược, phương pháp dạy học mà hầu hết các học phần trong CTĐT đều sử dụng:

- Chiến lược dạy học tương tác bao gồm các phương pháp thuyết giảng tương tác và phương pháp thảo luận, hoạt động nhóm. Phương pháp thuyết giảng có tương tác giúp người học đạt được các CĐR về kiến thức liên quan đến việc hiểu, phân tích vấn đề và có thể áp dụng được vấn đề để giải quyết các nhiệm vụ cụ thể về quan hệ công chúng. Phương pháp dạy học tương tác như thảo luận, hoạt động nhóm giúp người học nhận rõ trình độ hiểu biết của mình về chủ đề nghiên cứu được đưa ra. Phương pháp này không chỉ giúp người học đạt được CĐR về kiến thức, phát triển khả năng nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, đánh giá mà còn đạt được CĐR về kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

- Chiến lược dạy học gián tiếp gồm phương pháp nghiên cứu trường hợp (casestudy), giải quyết vấn đề, dạy học qua tình huống giúp sinh viên phát triển khả năng hiểu, phân tích, vận dụng, đánh giá, giải quyết vấn đề. Phương pháp này giúp người học đạt được CĐR vận dụng kiến thức cơ bản về QHCC và truyền thông bao gồm: lý luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong QHCC.

- Chiến lược dạy học trải nghiệm, bao gồm các phương pháp nghiên cứu thực tế, thực địa; thực hành; bài tập thực hành; dự án, giúp sinh viên phát triển khả năng vận dụng, phân tích, đánh giá; giải quyết vấn đề; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, và các kỹ năng mềm khác.

Bên cạnh đó, việc kết hợp mô hình lớp học truyền thống với lớp học đảo ngược góp phần không nhỏ tới việc đạt được CĐR về tri thức, về kỹ năng và năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm. Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom) là mô hình giáo dục tiên tiến được ứng dụng dựa trên sự phát triển của công nghệ eLearning và phương pháp đào tạo hiện đại. Theo mô hình lớp học đảo ngược, sinh viên sẽ phải tự làm việc với bài giảng trước thông qua đọc tài liệu, tóm tắt tài liệu, nghe giảng thông qua các phương tiện hỗ trợ như băng hình, trình chiếu PowperPoint và khai thác tài liệu trên mạng. Toàn bộ thời gian trên lớp sẽ dành cho các hoạt động giải bài tập, ứng dụng lí

thuyết bài giảng vào giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm để xây dựng hiểu biết dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Thay vì thuyết giảng, trong lớp học giảng viên đóng vai trò là người điều tiết hỗ trợ, có thể giúp học sinh giải quyết những điểm khó hiểu trong bài học mới. Nhờ đó, sinh viên có thể phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thuyết trình, phát triển tư duy phản biện và hệ thống.

Những phương pháp này không chỉ giúp người học đạt được CĐR về kiến thức mà còn đạt được CĐR về kỹ năng như: phân tích, phản biện, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy sáng tạo và CĐR về năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm.

CTDH được xây dựng dựa trên mối quan hệ nhất quán giữa CĐR, phương pháp dạy và học và hình thức kiểm tra đánh giá. Hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả của người học được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và gắn với phương pháp giảng dạy đã sử dụng trong từng môn học. Sự kết hợp một cách có chủ đích đó đảm bảo đánh giá đúng kết quả của người học, là công cụ tích cực góp phần hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của người học một cách hiệu quả [H3.03.01.07.DC] [H3.03.01.08.DC].

Về cơ bản, mỗi học phần được đánh giá dựa trên 3 hệ số A, B, C theo công thức:

$$\mathbf{Đ_{HP} = 0,1A + 0,3B + 0,6C}$$

Trong đó:

A: Đánh giá ý thức

B: Điểm đánh giá định kỳ

C: Điểm đánh giá kết thúc học phần

Căn cứ vào quy định đó, điểm A, B là điểm được giảng viên phụ trách môn học xác định căn cứ vào quy định chung của trường và căn cứ vào phương pháp giảng dạy đã áp dụng đối với môn học. Điểm A, B được thể hiện bằng kết quả trong hồ sơ giảng dạy của từng giảng viên [H3.03.01.09]. Về cơ bản, phương pháp đánh giá được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 3.1. Ma trận đáp ứng giữa phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Phương pháp hoạt động dạy và học	CHUẨN ĐẦU RA PLO																
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17
<b>I. Dạy học tương tác</b>																	
<b>1. Thuyết giảng tương tác*</b>	X	X	X	X	X	X	X	X	X								
<b>2. Thảo luận nhóm</b>	X	X	X	X	X	X	X	X	X						X	X	
<b>II. Dạy học gián tiếp</b>																	
<b>1. Giải quyết vấn đề</b>		X	X	X	X	X	X	X	X			X		X	X	X	X
<b>2. Nghiên cứu trường hợp</b>		X	X	X	X	X	X	X				X		X	X	X	X
<b>IV. Dạy học trải nghiệm</b>																	
<b>1. Nhập vai, mô phỏng</b>		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>2. Thực hành/thí nghiệm</b>		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>3. Dự án (Sản phẩm)</b>		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>4. Thực tế/thực tập</b>		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>V. Sinh viên thuyết trình</b>	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X			X	X	X

Các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ cũng như tổng kết được thiết kế nhằm đảm bảo đạt CĐR:

Kiểm tra trắc nghiệm: Nhằm đánh giá khả năng ghi nhớ và hiểu biết các kiến thức nền tảng thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành. **[H3.03.01.06.DC]**

Kiểm tra viết tự luận: Kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức, vận dụng và liên hệ những kiến thức đã học để đánh giá, phân tích vấn đề, hiện tượng hoặc các trường hợp điển hình trong thực tế. **[H3.03.01.06.DC]**

Kiểm tra vấn đáp: Nhằm đánh giá kỹ năng phân tích, lập luận; kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, lý giải các sự kiện và hiện tượng. Ngoài ra phương pháp này còn đánh giá kỹ năng giao tiếp của người học. **[H3.03.01.06.DC]**

Kiểm tra thuyết trình: Kiểm tra khả năng hiểu, vận dụng kiến thức; kỹ năng phân tích, lập luận; tư duy phản biện; kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm học. **[H3.03.01.06.DC]**

Tiểu luận: Kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức lý luận vào giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích, tổng hợp; tư duy phản biện; kỹ năng giao tiếp; năng lực tự chủ, kỹ năng nghiên cứu, tự học. **[H3.03.01.06.DC]**

Bài tập lớn: Bao gồm việc thực hiện sản phẩm truyền thông như bài viết, thiết kế hình ảnh, video, các kế hoạch chiến dịch quan hệ công chúng, dự án nghiên cứu quan hệ công chúng, dự án chiến dịch quảng bá v.v nhằm kiểm tra kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm. **[H3.03.01.06.DC]**

Sản phẩm và báo cáo thực tế, thực tập: Bao gồm báo cáo và các sản phẩm truyền thông đã thực hiện trong các đợt thực tế chính trị-xã hội, thực tập nghề nghiệp nhằm kiểm tra tổng hợp năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, các kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm như phân tích, phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, năng lực dẫn dắt chuyên môn, v.v. **[H3.03.01.06.DC]**

Khoá luận tốt nghiệp: Đánh giá năng lực vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng mềm như phân tích, phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, năng lực dẫn dắt chuyên môn, v.v. **[H3.03.01.06.DC]**

Các học phần đều có hình thức kiểm tra thường xuyên nhằm đánh giá sự tham gia tích cực của người học, thái độ, tinh thần học tập. Ngoài ra, CTDH cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bố giữa số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp. Tăng cường thực hành giao tiếp, tăng kỹ năng tự làm việc, làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm tăng cường tính chủ động, sáng tạo và các khả năng nghề nghiệp cho người học. Số giờ tự học, tự nghiên cứu của sinh viên được lập theo từng tuần gắn với số giờ trên lớp với quy định cứ 1 giờ lên lớp sinh viên phải tự học, tự nghiên cứu 2 giờ **[H3.03.01.06.DC]**.

Như đã trình bày ở trên, CTDH ngành Quan hệ công chúng được xây dựng với các nội dung cụ thể từ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và từng học phần **[H3.03.01.02.DC]** được công bố công khai trên Website của nhà trường **[H3.03.01.10.DC]**.

CTDH đã nhận được khá nhiều ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các thông tin phản hồi có được từ nhiều kênh khác nhau tùy thuộc vào từng bên liên quan cụ thể **[H3.03.01.11.DC]**, **[H3.03.01.12.DC]**, **[H3.03.01.13.DC]**, **[H3.03.01.14.DC]**.

Ý kiến phản hồi của người học được thu nhận thông qua phiếu khảo sát đánh giá, thông qua các buổi đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo nhà trường, thông qua các buổi sinh hoạt lớp với cố vấn học tập thông qua các cuộc họp phản ánh tình hình sinh viên hàng tháng giữa khoa và đại diện các lớp, thông qua hoạt động của các câu lạc bộ,... Phần lớn các ý kiến đều cho rằng CTDH là rõ ràng, các học phần trong chương trình giúp sinh viên dần hoàn thiện kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ cần thiết để có thể tự tin sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng cần chú trọng tăng cường các môn học gắn với thực tế, trải nghiệm thực tế, nghiệp vụ để sinh viên dễ dàng hòa nhập với thị trường lao động **[H3.03.01.11.DC]**.

Cựu sinh viên của ngành cho rằng, CTDH giúp sinh viên có được kiến thức nền tảng tốt về chuyên ngành, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và phát huy tính chủ động, sáng tạo của bản thân. CTDH đảm bảo kết hợp song song giữa lý thuyết và thực hành, phù hợp với các yêu cầu thực tế của thị trường lao động hiện nay, đáp ứng được nhu cầu của sinh viên khi ra trường làm việc. **[H3.03.01.12.DC]**

Nhà tuyển dụng nhận xét, CTDH cung cấp các kiến thức thiết thực trong chuyên ngành, phù hợp với nhu cầu với thực tế trong lĩnh vực QHCC hiện nay. Sinh viên tốt nghiệp sẽ cơ bản đáp ứng được các yêu cầu tuyển dụng [H3.03.01.14.DC].

## ***2. Điểm mạnh***

Chương trình dạy học ngành Quan hệ công chúng được thiết kế phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của ngành về kiến thức, kỹ năng, thái độ (mức tự chủ và trách nhiệm). Chương trình cũng đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo sự cân đối giữa giờ tự học và giờ trên lớp, đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần trong chương trình... Cấu trúc các học phần trong CTDH thể hiện tỷ lệ cân đối, logic với cấu phần của CĐR. Các điều kiện tiên quyết đối với người học; cách thức lựa chọn phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá sinh viên đảm bảo đạt được/hướng tới CĐR.

Khoa QHCC&QC cũng đã nỗ lực sử dụng ý kiến đóng góp của các bên liên quan như sinh viên, giảng viên, người sử dụng lao động trong điều chỉnh thiết kế chương trình dạy học.

## ***3. Điểm tồn tại***

Trọng số kiểm tra đánh giá trong các học phần hiện nay còn chưa hợp lý để đảm bảo CĐR.

## ***4. Kế hoạch cải tiến chất lượng***

Từ năm 2021, Khoa phối hợp với Ban QLĐT, TTKT&KĐCLĐT đề xuất điều chỉnh trọng số điểm đánh giá ý thức tăng từ 10% lên 20%.

## ***5. Đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí***

**Mức độ đạt được của tiêu chí: 5.5/7**

### ***Tiêu chí 3.2.***

***Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng***

#### ***1. Mô tả:***

Việc xây dựng CTDH ngành Quan hệ công chúng được thực hiện theo quy trình xây dựng, cập nhật CTĐT, trong đó các học phần được xác định rõ mức đóng góp để đạt được CĐR [H3.03.01.01.DC]. Mức độ đóng góp của từng học phần vào CĐR của

CTĐT được xem xét ở ba cấp độ: thấp (L), trung bình (M), cao (H) **[H3.03.01.02.DC]**.  
Đề cương các học phần đều thể hiện rõ mối liên hệ giữa CDR học phần và CDR của CTĐT **[H3.03.01.06.DC]**.

Trong chương trình dạy học, các nhóm học phần nói chung và từng học phần nói riêng đều thể hiện được sự đóng góp một cách rõ ràng cho việc đạt được CDR. Cụ thể như sau:

Các môn Khoa học Mác - Lênin có CDR là sinh viên hiểu kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam làm nền tảng, định hướng cho việc học tập, làm việc theo ngành được đào tạo. Các học phần thuộc nhóm này hướng tới đạt CDR PLO1. **[H3.03.01.02.DC]**.

Các học phần khoa học xã hội có mục tiêu sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học. Các học phần thuộc nhóm này hướng tới đạt CDR PLO2. **[H3.03.01.02.DC]**.

Các học phần như lý thuyết truyền thông, quan hệ công chúng và quảng cáo, nhập môn quan hệ công chúng, các phương tiện truyền thông, ngôn ngữ truyền thông... có mục tiêu giúp người học vận dụng kiến thức cơ bản về QHCC và truyền thông bao gồm: lý luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong QHCC (PLO3). Các học phần như các chuyên đề quan hệ công chúng, quan hệ công chúng ứng dụng... giúp sinh viên vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn về QHCC trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục và các lĩnh vực khác (PLO4). Các học phần như nhập môn Marketing, nhập môn quảng cáo, viết lời quảng cáo, pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông, công chúng báo chí – truyền thông giúp sinh viên vận dụng kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing vào hoạt động nghiên cứu và thực hành QHCC (PLO5). Bên cạnh đó, các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo yêu cầu trong thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng cho Việt Nam (PLO8) và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông ở trình độ cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ



thông tin (PLO9) là các chuẩn đầu ra cơ bản của khối kiến thức đại cương. **[H3.03.01.02.DC]**.

Nhóm các học phần chuyên ngành, các học phần thay thế khóa luận giúp người học vận dụng các kiến thức về lập kế hoạch, quy trình và các hoạt động, công cụ, chiến lược vào nghiên cứu, phát triển, vận hành và đánh giá các chiến dịch, dự án QHCC (PLO6); vận dụng kiến thức QHCC chuyên sâu vào quản lý vấn đề, quản lý danh tiếng, quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng của tổ chức và đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng, đề xuất giải pháp kiến nghị trong lĩnh vực truyền thông. Ngoài ra, nhóm học phần còn giúp người học có kỹ năng Kỹ năng lập kế hoạch QHCC: nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề; tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án QHCC (PLO12); Kỹ năng thiết kế, sáng tạo và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực QHCC và truyền thông (PLO13); Kỹ năng quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng, quản lý các hoạt động, chiến dịch, dự án QHCC (PLO14). **[H3.03.01.02.DC]**.

Các học phần này cũng hướng tới các chuẩn đầu ra như kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo (PLO8); kỹ năng phát ngôn, giao tiếp, đàm phán và thuyết trình các ý tưởng (PLO9) cũng như năng lực tự chủ và trách nhiệm (PLO15, PLO16, PLO17) với mức độ từ L đến H. **[H3.03.01.02.DC]**.

Những phân tích ở trên cho thấy, tất cả các học phần được thiết kế có sự logic nhằm đạt CĐR của học phần nói riêng và của CTDH nói chung. **[H3.03.01.02.DC]**.

Phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong CTDH ngành Quan hệ công chúng được xác định theo Hướng dẫn thiết kế phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá hướng tới đạt CĐR của Học viện BCTT **[H3.03.02.01]**, **[H3.03.02.02]**. Khi thiết kế CTDH, Khoa Quan hệ công chúng đã xây dựng các ma trận phương pháp dạy học và CĐR, phương pháp kiểm tra đánh giá và CĐR **[H3.03.01.07.DC]** **[H3.03.01.08.DC]** nhằm đảm bảo phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong CTDH đa dạng, phù hợp đảm bảo đáp ứng CĐR. Đề cương học phần cũng thể hiện rõ sự phù hợp của các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá trong học phần với CĐR **[H3.03.01.06.DC]**.

CTDH ngành Quan hệ công chúng được thiết kế dựa trên sự tham khảo CTĐT cùng ngành Quan hệ công chúng của Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội (ĐH KHXH&NV) **[H3.03.02.03.DC]**. Sự giống và khác nhau giữa các học phần trong

CTĐT ngành Quan hệ công chúng của HVBCCT và CTĐT Quan hệ công chúng Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội (ĐH KHXH&NV) được thể hiện như sau:

**Bảng 3.2. Bảng đối sánh các học phần trong CTĐT ngành QHCC của HVBCCT và CTĐT QHCC Đại học KHXH&NV, Hà Nội**

Nội dung đối sánh	CTDH ngành Quan hệ công chúng của HVBCCT	CTDH ngành Quan hệ công chúng của Đại học KHXH&NV
<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>		
Học phần giống nhau trong khối kiến thức giáo dục đại cương	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Triết học Mác – Lênin (3 TC)</li> <li>2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2TC)</li> <li>3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)</li> <li>4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2TC)</li> <li>5. Xây dựng Đảng (2 TC)</li> <li>6. Tin học ứng dụng (3TC)</li> <li>7. Tiếng Anh HP 1 (3 TC)</li> <li>8. Tiếng Anh HP 2 (4 TC)</li> <li>9. Tiếng Anh HP 3 (4 TC)</li> <li>10. Tiếng Anh HP 4 (4 TC)</li> <li>11. Pháp luật đại cương (3 TC)</li> <li>12. Chính trị học (2 TC)</li> <li>13. Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn (2 TC).</li> </ol>	<p>Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (2 TC)</p> <p>Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (3 TC)</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)</p> <p>Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 TC)</p> <p>Tin học (3 TC)</p> <p>Ngoại ngữ 1 (4 TC)</p> <p>Ngoại ngữ 2 (5 TC)</p> <p>Ngoại ngữ 3 (5 TC)</p> <p>Nhà nước và pháp luật đại cương (2 TC)</p> <p>Chính trị học đại cương (3 TC)</p> <p>Các phương pháp nghiên cứu khoa học (3 TC)</p>
Các học phần khác nhau	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>Lịch sử văn minh thế giới</p> <p>Cơ sở văn hoá Việt Nam</p> <p>Xã hội học đại cương</p> <p>Tâm lý học đại cương</p> <p>Lôgic học đại cương</p>
<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>		
Các học phần giống nhau	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông (3 TC)</li> <li>2. Nhập môn quan hệ công chúng (3 TC)</li> <li>3. Nghiên cứu và đánh giá quan hệ công chúng (3 TC)</li> <li>4. Quản trị thương hiệu (3 TC)</li> <li>5. Viết cho PR (4 TC)</li> <li>6. Kiến tập nghề nghiệp (3</li> </ol>	<p>Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông</p> <p>Quan hệ công chúng đại cương</p> <p>Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông</p> <p>Xây dựng và phát triển thương hiệu</p> <p>Kỹ năng viết cho quan hệ công chúng</p> <p>Thực tập thực tế</p>

	<p>TC)</p> <p>7. Thực tập cuối khóa (4 TC)</p> <p>8. Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp (6 TC)</p> <p>9. Tổ chức sự kiện (3 TC)</p> <p>10. Ngôn ngữ truyền thông (3 TC)</p> <p>11. Lý thuyết truyền thông (3 TC)</p> <p>12. Các chuyên đề quan hệ công chúng (3 TC)</p>	<p>Thực tập tốt nghiệp</p> <p>Khoá luận tốt nghiệp</p> <p>Tổ chức sự kiện</p> <p>Ngôn ngữ báo chí</p> <p>Lý luận báo chí truyền thông</p> <p>Các chương trình quan hệ công chúng</p>
Các học phần khác nhau	<p>Công chúng báo chí – truyền thông</p> <p>Quan hệ công chúng và quảng cáo</p> <p>Nhập môn Marketing</p> <p>Hành vi khách hàng</p> <p>Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)</p> <p>Thực tế chính trị - xã hội</p> <p>Kỹ năng giao tiếp đàm phán và phát ngôn</p> <p>PR doanh nghiệp</p> <p>Chiến dịch quảng bá</p> <p>Sản xuất video clips</p> <p>Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng</p>	<p>Báo chí truyền thông đại chúng</p> <p>Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông</p> <p>Lý luận về quan hệ công chúng</p> <p>Đại chúng về quảng cáo</p> <p>Kỹ năng viết cho báo in</p> <p>Kỹ năng viết cho báo điện tử</p> <p>Kỹ năng viết cho phát thanh và truyền hình</p> <p>Lý luận và thực tiễn quan hệ công chúng</p> <p>Quan hệ công chúng ứng dụng</p>
<b>Nội dung đối sánh</b>	<b>CTDH ngành Quan hệ công chúng của HVBC TT</b>	<b>CTDH ngành Quan hệ công chúng của Đại học KHXH&amp;NV</b>
<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>		

Học phần giống nhau trong khối kiến thức giáo dục đại cương	<p>14. Triết học Mác – Lênin (3 TC)</p> <p>15. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2TC)</p> <p>16. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)</p> <p>17. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2TC)</p> <p>18. Xây dựng Đảng (2 TC)</p> <p>19. Tin học ứng dụng (3TC)</p> <p>20. Tiếng Anh HP 1 (3 TC)</p> <p>21. Tiếng Anh HP 2 (4 TC)</p> <p>22. Tiếng Anh HP 3 (4 TC)</p> <p>23. Tiếng Anh HP 4 (4 TC)</p> <p>24. Pháp luật đại cương (3 TC)</p> <p>25. Chính trị học (2 TC)</p> <p>26. Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn (2 TC).</p>	<p>Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (2 TC)</p> <p>Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (3 TC)</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)</p> <p>Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 TC)</p> <p>Tin học (3 TC)</p> <p>Ngoại ngữ 1 (4 TC)</p> <p>Ngoại ngữ 2 (5 TC)</p> <p>Ngoại ngữ 3 (5 TC)</p> <p>Nhà nước và pháp luật đại cương (2 TC)</p> <p>Chính trị học đại cương (3 TC)</p> <p>Các phương pháp nghiên cứu khoa học (3 TC)</p>
Các học phần khác nhau	Chủ nghĩa xã hội khoa học	<p>Lịch sử văn minh thế giới</p> <p>Cơ sở văn hoá Việt Nam</p> <p>Xã hội học đại cương</p> <p>Tâm lý học đại cương</p> <p>Lôgic học đại cương</p>
<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>		
Các học phần giống nhau	<p>10. Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền thông (3 TC)</p> <p>11. Nhập môn quan hệ công chúng (3 TC)</p> <p>12. Nghiên cứu và đánh giá quan hệ công chúng (3 TC)</p> <p>13. Quản trị thương hiệu (3 TC)</p> <p>14. Viết cho PR (4 TC)</p> <p>15. Kiến tập nghề nghiệp (3 TC)</p> <p>16. Thực tập cuối khóa (4 TC)</p> <p>17. Sản phẩm tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp (6 TC)</p> <p>18. Tổ chức sự kiện (3 TC)</p> <p>10. Ngôn ngữ truyền thông (3 TC)</p> <p>11. Lý thuyết truyền thông (3 TC)</p> <p>12. Các chuyên đề quan hệ công chúng (3 TC)</p>	<p>Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông</p> <p>Quan hệ công chúng đại cương</p> <p>Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông</p> <p>Xây dựng và phát triển thương hiệu</p> <p>Kỹ năng viết cho quan hệ công chúng</p> <p>Thực tập thực tế</p> <p>Thực tập tốt nghiệp</p> <p>Khoá luận tốt nghiệp</p> <p>Tổ chức sự kiện</p> <p>Ngôn ngữ báo chí</p> <p>Lý luận báo chí truyền thông</p> <p>Các chương trình quan hệ công chúng</p>

Các học phần khác nhau	Công chúng báo chí – truyền thông Quan hệ công chúng và quảng cáo Nhập môn Marketing Hành vi khách hàng Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC) Thực tế chính trị - xã hội Kỹ năng giao tiếp đàm phán và phát ngôn PR doanh nghiệp Chiến dịch quảng bá Sản xuất video clips Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng	Báo chí truyền thông đại chúng Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông Lý luận về quan hệ công chúng Đại cương về quảng cáo Kỹ năng viết cho báo in Kỹ năng viết cho báo điện tử Kỹ năng viết cho phát thanh và truyền hình Lý luận và thực tiễn quan hệ công chúng Quan hệ công chúng ứng dụng
------------------------	--	---

Sự khác nhau giữa chương trình của hai trường là do chương trình của Học viện Báo chí và Tuyên truyền tập trung đào tạo về quan hệ công chúng chuyên nghiệp tại các cơ quan, tổ chức trong khi Đại học KHXH&NV đào tạo quan hệ công chúng dựa trên nền tảng kiến thức, kỹ năng thiên về báo chí.

CTDH ngành QHCC đã được rà soát, điều chỉnh qua các năm 2016, 2018, 2020 **[H3.03.01.02.DC] [H3.03.02.04.DC] [H3.03.02.05.DC]** Quá trình rà soát, điều chỉnh có sự tham khảo ý kiến của các bên liên quan, bao gồm giảng viên, sinh viên cuối khoá, sinh viên tốt nghiệp, nhà tuyển dụng **[H3.03.01.11.DC], [H3.03.01.12.DC] [H3.03.01.13.DC] [H3.03.01.14.DC]**.

Trước khi được công bố chính thức, CTDH của từng ngành, từng chuyên ngành đều được thông qua bởi bộ môn chuyên môn, Hội đồng Khoa học Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Hội đồng khoa học Học viện Báo chí và Tuyên truyền **[H3.03.01.01.DC]**.

Sau những lần chỉnh sửa và đưa vào tổ chức giảng dạy, ngành QHCC đã nhận được những phản hồi tích cực từ phía nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý về CTDH hiện nay đang thực hiện **[H3.03.01.11.DC], [H3.03.01.12.DC], [H3.03.01.13.DC], [H3.03.01.14.DC]**.

Với việc làm minh bạch và rõ ràng, kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá ngành Quan hệ công chúng năm 2019 cho thấy mức độ hài lòng trung bình đối với chương trình dạy học của khoa là 3.9/5.0 (đánh giá theo các tiêu chí như chương trình có mục tiêu, chuẩn đầu ra rõ ràng, cụ thể; khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, nội dung các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp chuyên môn của SV...) [H3.03.01.12.DC].

## **2. Điểm mạnh**

Tất cả các học phần trong CTDH đều thể hiện rõ mức độ đóng góp cụ thể về kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được CĐR của người học. Điều này thể hiện rất rõ thông qua ma trận kỹ năng của CTDH.

Ngoài ra các học phần trong CTDH đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy và nêu rõ tên các giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học trong từng học phần được quy định cụ thể. Việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo và giảng viên trực tiếp phụ trách học phần thực hiện theo hướng dẫn và theo phương pháp giảng dạy trong từng học phần

## **3. Điểm tồn tại**

Hoạt động tự học của sinh viên ở một số một số học phần trong CTDH chưa đạt hiệu quả cao do chưa phát huy hết năng lực của sinh viên.

## **4. Kế hoạch cải tiến**

Từ năm 2021, Khoa QHCC&QC thống nhất với các giảng viên về cách thức kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của SV một cách cụ thể, thường xuyên nhằm phát huy tối đa hiệu quả đạt được CĐR của việc sinh viên tự nghiên cứu trong mỗi học phần. Khoa cũng tổ chức các buổi trao đổi ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm để nâng cao chất lượng của hoạt động này.

## **5. Đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí**

**Mức độ đạt được của tiêu chí: 5.5/7**

### **Tiêu chí 3.3.**

**Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.**

#### **1. Mô tả:**

CTDH của ngành Quan hệ công chúng được thiết kế dựa trên Quy trình xây dựng, cập nhật CTĐT của Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhằm hướng tới việc đạt được CDR của CTĐT [H3.03.03.01.DC]. Nhằm đáp ứng các CDR về kiến thức, kỹ năng chung; kiến thức, kỹ năng ngành và chuyên ngành; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, CTDH được cấu trúc với các khối kiến thức: Kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, cơ sở ngành và chuyên ngành [H3.03.01.02.DC], số tín chỉ và tỷ lệ cụ thể như sau:

**Bảng 3.3: Cấu trúc kiến thức đào tạo ngành Quan hệ công chúng năm 2020**

<b>TT</b>	<b>Khối kiến thức</b>	<b>Tín chỉ bắt buộc</b>	<b>Tín chỉ tự chọn</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>Tỉ lệ, %</b>
<b>1</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>38</b>	<b>6</b>	<b>44</b>	<b>34</b>
<b>2</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>71</b>		<b>86</b>	<b>66</b>
	Kiến thức cơ sở ngành	12	<b>6</b>	18	14
	Kiến thức ngành	20	<b>6</b>	26	20
	Kiến thức bổ trợ	9	<b>3</b>	12	9
	Kiến thức chuyên ngành	27	3	30	23
	- Thực tập + Khoá luận/học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp	10		10	7.7
	<b>TỔNG</b>	<b>106</b>	<b>24</b>	<b>130</b>	<b>100,00</b>
	<b>Tỉ lệ, %</b>	<b>82,00</b>	<b>18,00</b>	<b>100</b>	

Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 44 TC chiếm tỉ lệ 34% tổng số TC trong nội dung kiến thức đào tạo. Trong đó có 38 TC bắt buộc và 6 TC tự chọn.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 86 TC chiếm 66% nội dung kiến thức đào tạo. Trong đó kiến thức cơ sở ngành có 18 tín chỉ với 12 tín chỉ bắt buộc chiếm tỉ lệ 14%, kiến thức bổ trợ chiếm 9% và kiến thức ngành chiếm 20% trong nội dung kiến thức đào tạo.

Khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ, chiếm 23%, trong đó có 27 TC bắt buộc và 6 TC tự chọn. Trong khối kiến thức chuyên ngành số TC dành cho thực tập và khoá luận/các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp là 10 tín chỉ chiếm trên 33.3% trong tổng số TC của khối kiến thức chuyên ngành.

Trong tổng số TC của toàn bộ nội dung kiến thức đào tạo có 106 TC bắt buộc chiếm 82%, còn lại 24 TC tự chọn chiếm 18%.

Với cấu trúc như trên có thể nhận thấy một số điểm nổi bật như sau:

- Tỉ lệ các khối kiến thức trong CTDH được thiết kế khá cân đối và hợp lý.
- Số TC dành cho môn học chuyên ngành, kiến tập và thực tập nghiệp vụ nhiều thể hiện sự tập trung cho việc đạt CĐR của sinh viên dưới góc độ nâng cao cả về kiến thức chuyên ngành và kỹ năng làm việc.
- Tỉ lệ tín chỉ tự chọn hơi thấp so với toàn bộ (18%) trong khi số học phần tự chọn khá nhiều (tự chọn là 24 học phần trên tổng số 68 học phần). Điều này là một trong những khó khăn đối với sinh viên khi lựa chọn môn học.
- Số TC dành cho các học phần thực tế chính trị-xã hội, kiến tập, thực tập nhiều thể hiện sự tập trung cho việc đạt CĐR của sinh viên dưới góc độ nâng cao cả về kiến thức chuyên ngành và kỹ năng làm việc.

Các khối kiến thức cụ thể trong nội dung kiến thức đào tạo ngành Quan hệ công chúng được thiết kế theo trình tự từ kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành, bổ trợ và chuyên ngành, chương trình được giảng dạy trong 4 năm. Các kiến thức giáo dục đại cương được cung cấp cho sinh viên trong 3 học kỳ đầu tiên. Các học phần cơ sở chuyên ngành được thiết kế trong ba học kỳ tiếp theo bao gồm các học phần cơ sở chuyên ngành tự chọn. Hai học kỳ cuối của chương trình, sinh viên được cung cấp các học phần chuyên ngành và khoá luận tốt nghiệp. Các học phần tự chọn được thiết kế nhằm mục đích hướng sinh viên vào các chuyên sâu và mở rộng kiến thức bằng cách chọn các môn trong một chương trình gần với chuyên sâu lựa chọn. Các học phần



chuyên ngành được tổ chức đào tạo vào năm cuối cùng. Sự cân đối của các khối kiến thức, kết hợp với trình tự giảng dạy từng học phần, kế hoạch giảng dạy từng kì học [H3.03.01.02.DC]. Mục tiêu cũng như sự đóng góp cụ thể của từng học phần vào CDR của CTĐT là cơ sở để sinh viên tiếp thu tốt kiến thức hướng tới đạt CDR một cách chắc chắn nhất có thể [H3.03.03.01.DC].

Khi xây dựng CTDH ngành Quan hệ công chúng, Khoa QHCC&QC đã tham khảo CTDH của khá nhiều trường có uy tín trong và ngoài nước như: Đại học Middlesex (Anh Quốc) [H3.03.03.02], Đại học KHXH&NV Hà Nội [H3.03.02.03.DC].

CTĐT của Đại học Middlesex (Anh Quốc) kéo dài 3 năm, gồm 12 học phần chuyên ngành Quan hệ công chúng, Quảng cáo và Truyền thông. Với CTĐT của Đại học Middlesex (Anh Quốc), Khoa QHCC&QC đã tham khảo cách tiếp cận về mục tiêu chung và CDR cụ thể. Nội dung chương trình của chương trình Đại học Middlesex chỉ gồm 12 học phần. Khoa QHCC&QC đã tham khảo nội dung của các học phần này và tham khảo một số định hướng sau: (1) Tiếp cận ngành quan hệ công chúng trong sự kết nối với quảng cáo, truyền thông. Vì vậy chương trình ngành QHCC có nhiều học phần cơ sở ngành, ngành liên quan đến quảng cáo và truyền thông như Nhập môn quảng cáo, Quảng cáo và quan hệ công chúng, Lý thuyết truyền thông; (2) Gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành. Trong chương trình có sự kết hợp các môn lý thuyết và thực hành. Chương trình của ĐH Middlesex có học phần về Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu, học phần về Sản xuất truyền thông. Chương QHCC của khoa QHCC&QC có học phần Nghiên cứu và đánh giá QHCC; học phần Sản xuất video clips; (3) Xây dựng các môn học có tính tích hợp (mỗi học phần trong chương trình của Đại học Middlesex gồm đến 30 tín chỉ, tích hợp nhiều nội dung trong chương trình dạy học). Ví dụ các môn học của chương trình QHCC có tính tích hợp là Chiến dịch quảng bá, Truyền thông tiếp thị tích hợp... Sinh viên sau khi học xong những môn này có thể đạt được một chuẩn đầu ra trong chương trình. [H3.03.03.03]

**Bảng 3.4: Thống kê, đánh giá mức độ tham khảo CTĐT của một trường đại học trong nước (chỉ tính các học phần bắt buộc)**

Trường- Khối kiến thức	Giáo dục đại cương	Giáo dục chuyên nghiệp	Tổng số

	Số HP	Số TC	Số HP	Số TC	Số HP	Số TC	
<b>CTĐT ngành QHCC Trường HV Báo chí &amp; Tuyên truyền</b>	<b>14</b>	<b>38</b>	<b>23</b>	<b>64</b>	<b>37</b>	<b>102</b>	
Số HP/TC của ngành QHCC trùng với CTDH của	Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội	13	36	12	41	25	77
Chỉ tiêu đánh giá mức độ tham khảo của CTDH ngành QHCC với	Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội	92.9%	94.7%	52.1%	64%	67.6%	75.5%

Số liệu thống kê, phân tích trong bảng 3.3 cho thấy rõ mức độ tham khảo CTDH của một cơ sở đào tạo trong nước. Trong 37 học phần bắt buộc (102 TC) thuộc CTDH của ngành QHCC có 25 học phần (77 TC) có nội dung tương đương với CTDH của Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội. Số lượng học phần (số TC) còn lại của CTDH là dành cho các học phần mang tính đặc thù của ngành.

Về cơ bản, khối kiến thức giáo dục đại cương trong CTDH ngành Quan hệ công chúng khá tương đồng với các khối kiến thức này của CTDH trường Đại học KHXH&NV Hà Nội. Điều này được minh chứng bởi 92.9% số học phần (94.7% số TC) trong khối kiến thức giáo dục đại cương của CTDH ngành Quan hệ công chúng trùng với CTDH của Đại học KHXH&NV Hà Nội.

Đối với khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, mức độ tham khảo của ngành QHCC, Học viện Báo chí và Tuyên truyền với Đại học KHXH&NV Hà Nội là hơn 52% (tính theo số học phần) hoặc hơn 64% (tính theo số TC). Cụ thể, trong tổng số 23 học phần bắt buộc có 12 học phần trùng với CTDH của Đại học KHXH&NV Hà Nội (tương đương 52.1%).

CTDH ngành QHCC của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Đại học KHXH&NV Hà Nội đều xây dựng nền tảng kiến thức về truyền thông và định hướng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng quan hệ công chúng chuyên nghiệp, thể hiện ở các học phần trùng nhau như Lý thuyết truyền thông, Pháp luật và đạo đức báo chí – truyền

thông, Ngôn ngữ truyền thông, Viết cho PR, Tổ chức sự kiện và các học phần Kiến tập, Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp.

Bên cạnh đó, có nhiều điểm khác biệt căn bản giữa CTDH ngành QHCC của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Đại học KHXH&NV Hà Nội. Thứ nhất, CTDH ngành QHCC của Đại học KHXH&NV Hà Nội định hướng chuyên sâu hơn về báo chí, thể hiện ở tỷ lệ cao các học phần liên quan báo chí như Báo chí truyền thông đại cương, Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông. Trong khi đó, CTDH ngành QHCC của Học viện Báo chí và Tuyên truyền chú trọng cung cấp kiến thức và kỹ năng QHCC như một hoạt động đặc thù thuộc lĩnh vực truyền thông và marketing của các tổ chức, doanh nghiệp. Chính vì vậy, CTDH có một số học phần bắt buộc mang tính đặc thù như Nhập môn Marketing, Hành vi khách hàng, Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC), PR doanh nghiệp, Chiến dịch quảng bá. Thứ hai, sự khác biệt còn thể hiện ở các học phần rèn luyện kỹ năng cho sinh viên. CTDH của Đại học KHXH&NV Hà Nội có nhiều học phần về các kỹ năng đặc thù cho các loại hình báo chí như Kỹ năng viết cho báo in, Kỹ năng viết cho báo điện tử, Kỹ năng viết cho phát thanh và truyền hình. Còn CTDH của Học viện Báo chí và Tuyên truyền cung cấp các học phần về kỹ năng truyền thông trong tổ chức như Sản xuất video clips, Kỹ năng giao tiếp đàm phán và phát ngôn. Thứ ba, bên cạnh các học phần kiến tập, thực tập tương tự Đại học KHXH&NV Hà Nội, CTDH của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có thêm học phần bắt buộc Thực tế chính trị - xã hội. Học phần nhằm giúp sinh viên thâm nhập, nắm bắt và nghiên cứu thực tiễn trên các mặt như: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành của các tổ chức thuộc hệ thống chính trị các cấp, các doanh nghiệp...; vận dụng những kiến thức đã học để thực hành kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của hoạt động QHCC. **[H3.03.03.04]**

CTDH ngành Quan hệ công chúng từ năm 2014 đến nay đã được chỉnh sửa 3 lần vào năm 2016, 2018 và 2020 xuất phát từ việc yêu cầu phải bắt kịp sự thay đổi về nhu cầu nguồn nhân lực trong xã hội, cập nhật xu hướng phát triển của ngành. Các lần thay đổi đó Học viện đều có ban hành các quy định, hướng dẫn điều chỉnh sửa đổi CTĐT **[H3.03.01.01.DC]**, **[H3.03.03.05]** **[H3.03.03.06.DC]**. Quy trình rà soát, cập nhật CTDH được thực hiện như sau:

Bước 1. Định kỳ 2 năm/lần Học viện BCTT ban hành kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT [H3.03.01.01.DC], [H3.03.03.05], [H3.03.03.06.DC]

Bước 2. Khoa QHCC&QC tổ chức họp rà soát, đánh giá lại cấu trúc và nội dung CTDH [H3.03.01.01.DC], căn cứ trên kết quả khảo sát các bên liên quan [H3.03.01.11.DC], [H3.03.01.12.DC], [H3.03.01.13.DC], [H3.03.01.14.DC].

Bước 3. Tổ chức hội thảo, tọa đàm xây dựng CTĐT, lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan, bao gồm cán bộ quản lý CT, chuyên gia, NTD [H3.03.01.01.DC]; đối sánh với CTĐT cùng ngành trong nước và quốc tế [H3.03.03.03.DC] [H3.03.03.04.DC]

Bước 4. Điều chỉnh, cập nhật CTDH và thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa QHCC&QC và nghiệm thu bởi Hội đồng nghiệm thu của Học viện [H3.03.01.01.DC]

Bước 5. Giám đốc HVBC&TT ra quyết định ban hành CTDH [H3.03.01.01.DC]; CTDH sau khi được nghiệm thu công khai cho các bên liên quan và đưa vào sử dụng [H3.03.01.10.DC]

Dưới đây là cấu trúc kiến thức đào tạo được chỉnh sửa qua các năm: [H3.03.02.04.DC], [H3.03.02.05.DC], [H3.03.01.02.DC]

**Bảng 3.4: Cấu trúc kiến thức đào tạo ngành Quan hệ công chúng năm 2014**

*Tổng số tín chỉ phải tích lũy:* 120 tín chỉ trong đó:

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Tỉ trọng (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	
1	Kiến thức đại cương	42	4	38.3%
2	Kiến thức cơ sở ngành	10	6	13.3%
3	Kiến thức ngành và chuyên ngành	29	7	30%
4	Kiến thức bổ trợ	5	5	8.3%
5	Kiến tập, thực tập, Khóa luận	12	0	10%
	<b>TỔNG</b>	120		100%

**Bảng 3.5: Cấu trúc kiến thức đào tạo ngành Quan hệ công chúng  
2016, 2018, 2020**

STT	Khối kiến thức	Năm 2016			Năm 2018			Năm 2020		
		Số tín chỉ		Tỉ trọng (%)	Số tín chỉ		Tỉ trọng (%)	Số tín chỉ		Tỉ trọng (%)
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn	
1	Kiến thức đại cương	50	4	42%	38	6	34%	38	6	34%
2	Kiến thức cơ sở ngành	10	6	13%	12	6	14%	12	6	14%
3	Kiến thức ngành (không bao gồm thực tế chính trị-xã hội, kiến tập)	29	7	28%	15	6	16%	15	6	16%
4	Kiến thức bổ trợ	5	5	8%	9	3	9%	9	3	9%
5	Kiến thức chuyên ngành (Không bao gồm học phần thực tập và khoá luận TN)				17	3	15%	17	3	15%

6	Thực tế chính trị-xã hội, kiến tập, thực tập, khóa luận/học phần thay thế tốt nghiệp	12	0	9%	15	0	11.5%	15	0	11.5%
<b>TỔNG</b>		128		100%	130		100%	130		100%

Từ các bảng cấu trúc kiến thức đào tạo các năm 2014, 2016, 2018 và 2020 có thể thấy sự thay đổi nhất định theo thời gian [H3.03.03.07]:

- Năm 2016 CTĐT thay đổi so với CTĐT năm 2014 cụ thể như sau: Tăng 8 tín chỉ khối kiến thức giáo dục đại cương, cụ thể là các học phần Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam – mỗi học phần tăng 1 tín chỉ. Tổng số tín chỉ Ngoại ngữ tăng từ 10 tín chỉ lên 15 tín chỉ, đáp ứng nhu cầu nâng cao kỹ năng ngoại ngữ của sinh viên và nhà tuyển dụng. Về cơ bản số môn học cũng như số tín chỉ trong từng khối kiến thức không có sự thay đổi đáng kể do năm 2014.

- So với năm 2016, CTĐT năm 2018 và 2020 có nhiều thay đổi ở kết cấu các khối kiến thức do được sắp xếp lại cho phù hợp hơn. Tỷ trọng kiến thức đại cương giảm từ 42% xuống còn 34%; tăng tỉ trọng các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp từ 58% lên 66%. Sự điều chỉnh này đáp ứng kì vọng của sinh viên về việc tăng tỷ trọng khối giáo dục chuyên nghiệp. Chương trình tăng số tín chỉ các học phần mang tính thực tế như kiến tập, thực tập, đồng thời có thêm học phần Thực tế chính trị - xã hội, tạo điều kiện cho sinh viên có thêm cơ hội trải nghiệm thực tiễn ngành nghề và xã hội.

CTĐT năm 2018, 2020 cũng có nhiều thay đổi về các học phần so với năm 2016, cụ thể như sau:

+ Bổ sung các học phần Quan hệ công chúng và quảng cáo. Đây là môn cơ sở ngành được giảng dạy cho toàn bộ nhóm ngành Báo chí – truyền thông do phù hợp với xu thế tích hợp PR, quảng cáo với nhau trong hoạt động truyền thông nói chung, có liên quan chặt chẽ đến các chuyên ngành thuộc nhóm báo chí - truyền thông.

+ Bổ sung học phần bắt buộc Chiến dịch quảng bá, thay thế cho học phần Lập kế hoạch Quan hệ công chúng (từ nhóm môn chuyên ngành bắt buộc chuyển thành môn kiến thức ngành tự chọn). Lý do là Chiến dịch quảng bá là học phần mang tính tích hợp cao hơn. Học phần này cũng được giảng dạy trong CTĐT của Đại học Middlesex (Anh Quốc).

+ Bổ sung các học phần Truyền thông mạng xã hội, PR doanh nghiệp, Văn hoá doanh nghiệp, PR nội bộ do đây đều là những lĩnh vực công việc thiết thực, được quan tâm hiện nay trong ngành quan hệ công chúng thời đại số.

+ Bổ sung học phần Thực tế chính trị - xã hội để tăng cơ hội trải nghiệm thực tế cho sinh viên, giúp sinh viên có thể tìm hiểu thực tế địa phương, tăng vốn sống, mở rộng kết nối, quan sát thực tế ngành nghề để chuẩn bị tốt hơn trong các học phần Kiến tập, Thực tập tiếp theo.

+ Đổi tên các học phần Công cụ quan hệ công chúng 1, 2 thành Viết cho PR và Sản xuất video clips để làm rõ hơn nội dung giảng dạy của các học phần đó. Phát triển môn Công chúng truyền thông thành Công chúng báo chí - truyền thông để đảm bảo sự kết nối nền tảng về báo chí, truyền thông.

+ Thay đổi tính chất bắt buộc, tự chọn của một số học phần: Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng trở thành học phần thay thế khoá luận dành cho chuyên ngành QHCC chuyên nghiệp; Các phương tiện truyền thông, Tác động QC trong xã hội thuộc nhóm học phần tự chọn cơ sở ngành; Lập kế hoạch QHCC, Nhập môn QC, Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, QHCC ứng dụng thuộc kiến thức ngành tự chọn. Nhập môn Marketing, Ngôn ngữ truyền thông, Hành vi khách hàng thuộc nhóm kiến thức ngành bắt buộc. Các chuyên đề QHCC và PR doanh nghiệp thuộc nhóm kiến thức bổ trợ bắt buộc.

+ Bỏ học phần Thuật ngữ Quan hệ công chúng cho phù hợp với logic nội dung CTĐT. Một số học phần tăng từ 2 tín chỉ thành 3 tín chỉ: Lý thuyết truyền thông, Pháp

luật và đạo đức báo chí - truyền thông, Các phương tiện truyền thông, Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, Truyền thông tiếp thị tích hợp,...để đảm bảo thời lượng giảng dạy phù hợp giúp sinh viên đạt được CĐR.

Những sự thay đổi nói trên xuất phát từ nhu cầu của người học và để đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tế về quan hệ công chúng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. So với năm 2018, CTĐT năm 2020 không có thay đổi về cấu trúc kiến thức đào tạo.

Tuy nhiên, CTĐT năm 2020 có thay đổi về CĐR (được trình bày dưới dạng PLO) cho phù hợp với xu thế, đồng thời bổ sung ma trận chuẩn đầu ra CTĐT [H3.03.03.07]. Dựa trên CĐR này, nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của các học phần được điều chỉnh tương ứng, thể hiện qua các thay đổi trong đề cương chi tiết học phần [H3.03.01.06.DC], nhằm đảm bảo cho sinh viên đạt được các CĐR của CTDH.

Các điều chỉnh ở trên được căn cứ vào quy định về việc xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT [H3.03.01.01.DC] và dựa trên sự góp ý của các bên liên quan.

Như vậy, từ 2014 đến nay, CTDH được điều chỉnh 3 lần bình quân 2 năm /lần tương ứng với những lần điều chỉnh CĐR vào các năm 2018, 2020. Năm 2016 chỉ thay đổi về khối lượng tín chỉ kiến thức đại cương.

CTDH ngành Quan hệ công chúng với 130 TC trong thời gian 8 học kì tương đương 4 năm học đã tích hợp được các kiến thức từ giáo dục đại cương đến cơ sở ngành và chuyên ngành. Việc bố trí các học phần theo từng kì học một cách hợp lý giúp người học dần dần đạt được CĐR theo yêu cầu. Bởi, mỗi khối kiến thức, mỗi học phần trong từng khối kiến thức đều tập trung hướng đến những mục tiêu và gắn với CĐR cụ thể. Cùng với đó, các học phần trong kiến thức đào tạo cũng có mối liên hệ, gắn kết nhất định thể hiện rõ ràng ở sự phân chia các khối kiến thức, nhóm kiến thức trong nội dung kiến thức đào tạo. Sự phân định đó làm tiền đề quan trọng cho việc phát triển nội dung kiến thức đào tạo của CTĐT cao học trong tương lai.

Về tính liên thông, kết nối giữa CTĐT ngành QHCC với các CTĐT khác [H3.03.03.08] (cụ thể là CTĐT ngành Quảng cáo) được cụ thể như sau:



- Về cấu trúc chương trình: Tổng khối lượng kiến thức là 130 tín chỉ được chia thành các khối chính là Kiến thức Giáo dục đại cương, Kiến thức cơ sở ngành, Kiến thức ngành, Kiến thức bổ trợ và Kiến thức chuyên ngành thống nhất cho cả 2 ngành:

- Về các học phần trong CTĐT:

+ Khối kiến thức đại cương: các học phần của 2 ngành hoàn toàn giống nhau

+ Khối kiến thức cơ sở ngành: kiến thức cơ sở ngành bắt buộc gồm 12 TC giống nhau hoàn toàn giữa 2 ngành, bao gồm: Lý thuyết truyền thông, Pháp luận và đạo đức báo chí – truyền thông, Công chúng báo chí – truyền thông, Quan hệ công chúng và Quảng cáo; Các học phần tự chọn của khối kiến thức này gồm 6TC của hai chuyên ngành này là khác nhau. Tổng số tín chỉ giống nhau của khối kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở ngành là 62 TC.

+ Khối kiến thức bổ trợ của cả 2 ngành là 12 tín chỉ, trong đó trùng nhau 1 học phần (3TC) là: Kỹ năng giao tiếp đàm phán và phát ngôn.

+ Khối kiến thức ngành và chuyên ngành: số TC thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành của cả hai ngành là 56 tín chỉ. Ở khối kiến thức này, số TC trùng nhau giữa hai chuyên ngành là 27 TC của các học phần: Nhập môn Marketing, Nhập môn QHCC, Hành vi khách hàng, Thực tế chính trị - xã hội, Quản trị thương hiệu, Kiến tập nghề nghiệp, Thực tập cuối khoá, Khoá luận tốt nghiệp.

Như vậy so sánh chương trình dạy học của ngành Quảng cáo và ngành Quan hệ công chúng chuyên nghiệp khối lượng kiến thức có thể chuyển đổi hoàn toàn ít nhất là 68,46% (89TC/130TC), như vậy khối lượng kiến thức phải tích lũy bổ sung nhiều nhất cũng chỉ là 31,54%. Điều này thể hiện tính liên thông cao của chương trình dạy học ngành QHCC theo chiều ngang.

Trong chương trình dạy học ngành Quan hệ công chúng, có một số học phần có tính tích hợp cao, tức đáp ứng nguyên một trong những CDR của chương trình. Ví dụ, sau khi hoàn thành học phần Lập kế hoạch QHCC hay Chiến dịch quảng bá, sinh viên có thể đạt được chuẩn đầu ra về vận dụng kiến thức cơ bản về QHCC và truyền thông bao gồm: lý luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong QHCC (PLO3); học phần Các chuyên đề Quan hệ công chúng có thể giúp sinh

viên hướng đến CDR PLO4 - vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn về QHCC trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục và các lĩnh vực khác; học phần Quan hệ công chúng và quảng cáo có thể giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra PLO5 - vận dụng kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing vào hoạt động nghiên cứu và thực hành QHCC.

## **2. Điểm mạnh**

Chương trình dạy học ngành Quan hệ công chúng có cấu trúc rõ ràng, hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành, giữa khối kiến thức bắt buộc và tự chọn. CTĐT được thiết kế đảm bảo sự logic về cấu trúc cho phép sinh viên có khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đáp ứng yêu cầu thực tế về nhân lực của xã hội.

CTDH được xây dựng, rà soát, điều chỉnh dựa trên kết quả đánh giá của các bên liên quan (người học, nhà tuyển dụng - chuyên gia) và tham khảo, cập nhật CTĐT của các trường có uy tín trong và ngoài nước. Chương trình có nhiều học phần có tính tích hợp cao, tức đáp ứng nguyên một trong những CDR của chương trình. Bên cạnh đó, chương trình bảo được tính liên thông với chương trình ngành quảng cáo.

## **3. Điểm tồn tại**

Hoạt động trải nghiệm thực tế tại các tổ chức bên ngoài nhà trường ở một số học phần có thời lượng chưa cao cũng như chưa đủ đa dạng, phong phú.

## **4. Kế hoạch cải tiến**

Từ năm 2021, Khoa QHCC&QC sẽ đa dạng hoá các hình thức thực tế phù hợp với nội dung từng học phần đồng thời xây dựng hệ thống mạng lưới các đơn vị, tổ chức có thể tiếp nhận SV đi thực tế.

## **5. Đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí**

Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

### **Kết luận về tiêu chuẩn 3**

Chương trình dạy học của ngành Quan hệ công chúng được thiết kế với các khối kiến thức, các học phần phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, đảm bảo tính cân đối và logic giữa các học phần.

Mỗi học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ sự tương thích về nội dung, tổ hợp phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra.

Chương trình dạy học của ngành Quan hệ công chúng đã thể hiện tính logic, cấu trúc hợp lý và tính tích hợp giữa các học phần. Các học phần được bố trí hợp lý về điều kiện tiên quyết, thời lượng, thời điểm. Đồng thời, các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành đảm bảo chương trình trở thành khối thống nhất.

CTDH thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của đào tạo, yêu cầu chuẩn đầu ra và đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Nội dung cập nhật trong CTDH được dựa trên những kết quả khảo sát các đối tượng liên quan.

Tuy nhiên, trọng số điểm đánh giá ý thức trong ĐCHP hiện nay còn chưa hợp lý; hiệu quả của các hoạt động tự học của sinh viên ở một số học phần trong CTDH chưa cao; thời lượng hoạt động thực tế tại cơ sở ở một số học phần chưa cao.

Từ năm 2021, Khoa phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm KT - KĐCLĐT đề xuất điều chỉnh điểm trọng số đánh giá ý thức tăng từ 10% lên 20%; sát sao hơn việc kiểm tra, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của sinh viên; đa dạng hoá hình thức hợp tác với các cơ quan, tổ chức bên ngoài để sinh viên đi trải nghiệm thực tế trong từng học phần.

***Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí, cả 3 đều đạt, điểm trung bình là 5.33/7.***

### **TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DẠY VÀ HỌC**

#### ***Mở đầu***

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng. Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dạy và học trong việc đảm bảo chất lượng đào

tạo, Khoa QHCC&QC luôn coi trọng việc xây dựng chiến lược dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm, giảng viên đóng vai trò dẫn dắt, truyền cảm hứng học tập và phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của sinh viên. Các giảng viên trong Khoa và các Bộ môn chuyên ngành luôn nỗ lực hết mình triển khai các phương pháp giảng dạy tích cực, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đảm bảo chất lượng đầu ra được nhà tuyển dụng đánh giá cao, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp.

#### ***Tiêu chí 4.1.***

***Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan***

##### ***1. Mô tả***

Mục tiêu giáo dục của Học viện và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo được thể hiện qua sứ mạng của Học viện và được đề cập cụ thể trong chiến lược phát triển của Học viện đó là “nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác” [H4.04.01.01]. Đặc điểm của nguồn nhân lực chất lượng cao là nguồn nhân lực có trình độ học vấn và chuyên môn cao, có kỹ năng lao động giỏi và có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi nhanh chóng của thời đại, có khả năng đáp ứng được với công việc của tổ chức trong cả hiện tại và tương lai; có sức khỏe và phẩm chất tốt, có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức, những kỹ năng đã được đào tạo vào quá trình sản xuất nhằm đem lại năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Mục tiêu này đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng và vai trò của Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng văn hóa, báo chí-truyền thông và một số ngành Khoa học xã hội và Nhân văn khác.

Mục tiêu giáo dục trên đã được Học viện tuyên bố rõ ràng trên website của Học viện và được cụ thể hoá thành tuyên bố của các cấp lãnh đạo cao nhất của Học viện thông qua các chủ trương “Tự chủ, đổi mới, chất lượng cao” của Học viện. [H4.04.01.01]

Mục tiêu này đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng và vai trò của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, trong đó Khoa Quan hệ công chúng và quảng cáo là nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực báo chí truyền thông.

Đối với CTĐT ngành Quan hệ công chúng, mục tiêu đào tạo của ngành là "Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành QHCC hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và QHCC; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời." [H4.04.01.02.DC].

Để thực hiện mục tiêu giáo dục này, toàn bộ các học phần hiện nay trong CTĐT của ngành Quan hệ công chúng được xây dựng dựa trên thực tế nhu cầu xã hội, nằm trong chủ trương điều chỉnh của Học viện nhằm đảm bảo mục tiêu giáo dục, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ, thể hiện trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình. Cụ thể CTĐT với tổng số tín chỉ là 130 tín chỉ (chưa tính đến các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng). Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 44 tín chỉ ( $44/130 = 36,7\%$ ), khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ gồm 56 tín chỉ chiếm 43%, khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ, chiếm 23%. Kết cấu này đảm bảo đạt được những chuẩn đầu ra nhất định về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H4.04.01.07], góp phần đào tạo được các cử nhân QHCC có trình độ cao, được trang bị kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng, truyền thông, thương hiệu đáp ứng được các nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực QHCC. Cụ thể:

+ Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học đạt được chuẩn đầu ra như: Hiểu các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam được xác định là chuẩn đầu ra (PLO1); hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, văn học và tin học cơ bản (PLO2); Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6 theo yêu cầu trong thông tư số

01/2014/TT-BGDĐT về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng cho Việt Nam (PLO10); Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông ở trình độ cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (PLO11).

+ Khối kiến thức ngành giúp người học có thể vận dụng kiến thức cơ bản về QHCC và truyền thông bao gồm: lý luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong QHCC (PLO3); Vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn về QHCC trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục và các lĩnh vực khác (PLO4); Vận dụng kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing vào hoạt động nghiên cứu và thực hành QHCC (PLO5).

+ Khối kiến thức chuyên ngành giúp người học vận dụng các kiến thức về lập kế hoạch, quy trình và các hoạt động, công cụ, chiến lược vào nghiên cứu, phát triển, vận hành và đánh giá các chiến dịch, dự án QHCC (PLO6); Vận dụng kiến thức QHCC chuyên sâu vào quản lý vấn đề, quản lý danh tiếng, quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng của tổ chức và đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng, đề xuất giải pháp kiến nghị trong lĩnh vực truyền thông (PLO7). Bên cạnh đó, giúp sinh viên có kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo, kỹ năng phát ngôn, giao tiếp, đàm phán và thuyết trình các ý tưởng (PLO8, PLO9); kỹ năng lập kế hoạch QHCC: nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề; tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, các dự án QHCC, kỹ năng thiết kế, sáng tạo và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực QHCC và truyền thông, kỹ năng quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng, quản lý các hoạt động, chiến dịch, dự án QHCC (PLO12, PLO13, PLO14).

Bên cạnh đó, trong quá trình giảng dạy các môn học trong CTĐT ngành Quan hệ công chúng, giảng viên sẽ sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp với từng khối kiến thức và giai đoạn học tập của sinh viên trong CTĐT nhằm đạt được mục tiêu giáo dục của ngành Quan hệ công chúng. Đối với các môn học lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà cho sinh viên và kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận,

seminar; đối với các môn ứng dụng, sinh viên được học tập, thực hành trong các phòng học thực hành của Trường. Đối với các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành giảng viên áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, nghiên cứu thực tế, dự án độc lập, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc các lĩnh vực QHCC [H4.04.01.07]. Hiệu quả của các phương pháp dạy học tích hợp này với chuẩn đầu ra được thể hiện rõ trong ma trận phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra [H4.04.01.08.DC].

Phương pháp hoạt động dạy và học	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PL	PL	PL	PL	P	P	P	P	P	P	P
							O	O	O	O	L	L	L	L	L	L	L
							7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>I. Dạy học tương tác</b>																	
1. Thuyết giảng tương tác*	X	X	X	X	X	X	X	X	X								
2. Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X						X	X	
<b>II. Dạy học gián tiếp</b>																	
1. Giải quyết vấn đề		X	X	X	X	X	X	X	X		X		X	X	X	X	X
2. Nghiên cứu		X	X	X	X	X	X	X			X		X	X	X	X	X

cứu trường hợp																	
<b>IV. Dạy học trải nghiệm</b>																	
1. Nhập vai, mô phỏng		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2. Thực hành/thí nghiệm		X	X	X	X	X	X	a	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3. Dự án (Sản phẩm)		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4. Thực tế/thực tập		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>V. Sinh viên thuyết trình</b>	X	X	X	X	X	X	X	a	X			X			X	X	X

**Bảng 4.1: Ma trận phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra**

Trong tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành QHCC, tiêu chí đánh giá học phần, kiểm tra đánh giá sinh viên, mức độ kiến thức sinh viên cần đạt được sau mỗi học phần đều được tuyên bố rõ ràng và cụ thể trong đề cương chi tiết học phần [H4.04.01.09.DC]. Sinh viên có thể biết được mình cần phải học những nội dung gì trong từng học phần, mục tiêu của học phần, hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá từ đó có thể truyền tải mục tiêu giáo dục của Học viện và của ngành QHCC vào trong các hoạt động học tập của mình. Tất cả các học phần trong CTĐT được thiết kế rõ ràng gồm giờ lý thuyết trên lớp, giờ thực hành, giờ tự học. Các phương pháp học tập tích cực hiện đại như làm việc nhóm, thuyết giảng tương tác, giải quyết vấn đề, nghiên cứu trường hợp, dự án sản phẩm, thực tế, thực tập, mô hình lớp học đảo ngược được vận dụng tích cực trong các học phần chuyên ngành nhằm đạt được mục tiêu đào tạo của CTĐT [H4.04.01.09.DC] [H4.04.01.06.DC].



Để giới thiệu và phổ biến rộng rãi mục tiêu đào tạo của ngành Quan hệ công chúng, vào đầu học kỳ của các năm học, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo và các Bộ môn chuyên ngành tổ chức các buổi tuyên truyền về mục tiêu đào tạo, CTĐT của ngành được phổ biến trong "Tuần học tập chính trị đầu khóa" dành cho các tân sinh viên và gặp mặt đầu khóa mới của Khoa [H4.04.01.10]. Tại các buổi "Open day" và "Tư vấn tuyển sinh" tổ chức hàng năm, các thông tin về mục tiêu đào tạo, cơ hội việc làm, vị trí việc làm của sinh viên ngành QHCC được làm thành các brochure (tờ rơi) nhằm truyền tải và phổ biến rộng rãi các thông tin về mục tiêu đào tạo của ngành đến các nhà tuyển dụng, các em sinh viên [H4.04.01.11].

Bên cạnh đó, Khoa QHCC cũng như các Bộ môn trong Khoa đã thực hiện việc phổ biến mục tiêu giáo dục này thông qua các buổi họp khoa bàn về mục tiêu, cách thức dạy học [H4.04.01.12]. Qua các đề tài khoa học mà Khoa đã hướng dẫn sinh viên thực hiện qua các năm có thể thấy Khoa luôn định hướng những đề tài gắn liền với nhu cầu thực tiễn, phù hợp với triết lý, mục tiêu CTĐT của Khoa cũng như xu thế và nhu cầu của xã hội [H4.04.01.13.DC]. Bảng khảo sát ý kiến của người học về hiệu quả của triết lý giáo dục của Khoa [H4.04.01.14.DC] và minh chứng về tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, những lĩnh vực việc làm mà sinh viên khoa QHCC các khóa tốt nghiệp đang đảm nhận đến nay cũng như ý kiến đánh giá của Nhà tuyển dụng có thể thấy mục tiêu giáo dục của Khoa được hiện thực hóa một cách rất rõ ràng, cụ thể và đúng với định hướng mục tiêu về triết lý phát triển đào tạo nhân lực trong lĩnh vực truyền thông đối ngoại và quan hệ công chúng [H4.04.01.15] [H4.04.01.16.DC].

## **2. Điểm mạnh**

Mục tiêu đào tạo của ngành Quan hệ công chúng đã được tuyên bố rõ ràng trên các văn bản chính thức được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Học viện, Fanpage của Khoa và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới giảng viên và sinh viên. Đội ngũ cán bộ giảng viên và viên chức nắm rất rõ mục tiêu giáo dục và thống nhất hành động để hiện thực hóa mục tiêu này.

## **3. Điểm tồn tại**

Mục tiêu giáo dục chưa được lan tỏa đến tất cả bên có liên quan một cách mạnh mẽ. Mặc dù mục tiêu đào tạo của Học viện và ngành Quan hệ công chúng được công

bỏ cho các bên liên quan, nhưng mới chỉ giới hạn ở những chuyên gia có tham gia giảng dạy và tham gia các buổi hội thảo, chưa được tổ chức thường xuyên.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Để khắc phục các tồn tại trên, từ năm 2021, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau: tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các bên liên quan để giới thiệu về mục tiêu giáo dục, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, chuẩn đầu ra.

#### **5. Tự đánh giá:**

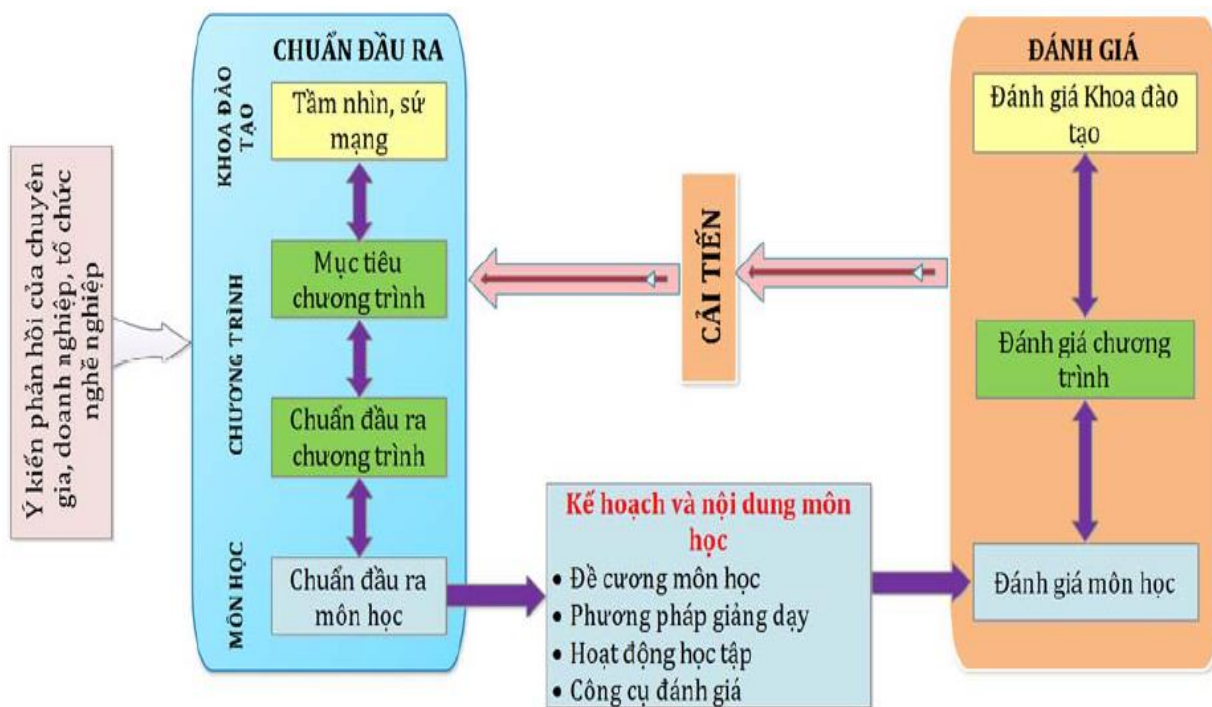
Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

##### ***Tiêu chí 4.2.***

#### ***Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra***

##### ***1. Mô tả***

Chiến lược giảng dạy và học tập của ngành QHCC là tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra môn học. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến hành giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình. (Hình 4.2. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của ngành QHCC)



Quy định thiết kế phương pháp giảng dạy được quy định rõ trong thiết kế phương pháp giảng dạy của Trung tâm khảo thí và kiểm định chất lượng [H4.04.02.01]. Chiến lược giảng dạy và học tập của ngành QHCC là tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra môn học. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến hành giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình

Giảng viên trong Học viện nói chung và Khoa nói riêng đều thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng về các phương pháp giảng dạy, về cách thiết kế và tổ chức hoạt động học tập đa dạng [H4.04.02.02; H4.04.02.03]. Bên cạnh đó, Học viện cũng rất chú trọng công tác tổ chức các hội thảo khoa học hàng năm với nhiều chủ đề hội thảo cấp khoa được phê duyệt có nội dung bàn về phương pháp giảng dạy với từng chuyên ngành cụ thể. [H4.04.02.05].

Công nghệ được sử dụng trong hoạt động dạy và học một cách linh hoạt với việc sử dụng kết hợp hình thức giảng dạy online và offline. Giảng viên có thể giao và kiểm tra bài tập thường xuyên cho sinh viên trực tiếp hoặc trực tuyến. Về cơ sở vật chất tại Học viện hiện nay đã được đầu tư mạng wifi phủ sóng toàn bộ các giảng đường và sinh viên, giảng viên đều dễ dàng tiếp cận. Các phần mềm hỗ trợ học tập như Microsoft Teams cũng được phổ biến và sinh viên hoàn toàn được miễn phí trong việc được cung cấp tài khoản. Các trang thiết bị, phòng học, phòng thực hành đa dạng đáp ứng đầy đủ mục tiêu đào tạo. **[H4.04.02.05; H4.04.02.06]**. Việc chuẩn bị và tổ chức bài giảng dùng các phương tiện giảng dạy hiện đại như máy chiếu đã được Học viện trang bị trên tất cả các phòng học của giảng đường. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên đưa vào nhiều hình ảnh liên hệ thực tế, hoặc biểu đồ, sơ đồ, video, các mô hình để bài giảng sinh động, thu hút với sinh viên **[H4.04.02.07] [ H4.04.02.08]**.

Phương pháp dạy, phương pháp học và hình thức kiểm tra đánh giá được hội đồng khoa học khoa nhận xét là phù hợp với từng học phần **[H1.01.01.17.DC] [H1.01.01.18.DC]**. Các tổ bộ môn và Khoa cũng thường xuyên nhắc nhở, đôn đốc giảng viên linh hoạt trong việc lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp cho số tín chỉ và tính chất của từng học phần cũng như tùy đối tượng sinh viên (trong ngành, ngoài ngành) **[H4.04.02.09]**. Tất cả các học phần trong CTĐT đều yêu cầu sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của sinh viên. **[H4.04.02.20; H4.04.02.10]**

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên, chẳng hạn sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Với các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc các lĩnh vực quan hệ quốc tế, truyền thông quốc tế, thông tin đối ngoại. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến

thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện [H4.04.02.10] [H4.04.02.02].

Chương trình học tập của ngành QHCC được thiết kế linh hoạt giúp sinh viên có thể lựa chọn môn học, lộ trình học, phương thức đáp ứng yêu cầu kiểm tra đánh giá, phương thức đào tạo và thời lượng học tập tối ưu [H4.04.02.19]. Sự đa dạng trong môi trường học tập được phát huy khi sinh viên được đăng ký theo hệ thống tín chỉ, bởi sinh viên có thể tùy chọn lớp phù hợp với thời gian và lộ trình học tập của bản thân. Đối với khoa QHCC, sinh viên còn được tiếp cận với những môn học giảng dạy bằng tiếng Anh hoàn toàn theo phương pháp online thông qua giảng viên của trường ĐH Sookmyung, Hàn Quốc trong chương trình liên kết của Học viện, đồng thời môi trường học tập bao gồm sinh viên nhiều khóa và có thể đến từ các khoa khác nhau [H4.04.02.11]. Các phương pháp được áp dụng cho các môn lý thuyết được áp dụng linh hoạt: tổ chức thảo luận nhóm, trình bày các nghiên cứu cá nhân, thuyết trình theo chủ đề... Đề cương của mỗi một môn học đều có phần hướng dẫn tự học với khối lượng tự học bằng 2 lần khối lượng giờ lý thuyết [H4.04.02.20]. Đây là các hoạt động tự học của sinh viên nhằm kết nối khối lượng kiến thức và xuyên chuỗi các môn học trong hệ thống các môn học của ngành QHCC.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học ngành QHCC là “*lấy người học làm trung tâm*” với các phương pháp dạy học đa dạng như: Phương pháp thuyết giảng, phương pháp dạy học tương tác, phương pháp dạy học gián tiếp và phương pháp dạy học trải nghiệm. Cụ thể:

- Nhóm phương pháp thuyết giảng mang tính tương tác: Bao gồm phương pháp giảng lý thuyết, hỏi đáp (Mục đích: phát triển khả năng nhớ, hiểu);
- Nhóm phương pháp dạy học tương tác: Bao gồm phương pháp thảo luận nhóm, thảo luận chuyên đề (Mục đích: Phát triển khả năng nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, đánh giá);

- Nhóm phương pháp dạy học gián tiếp: Bao gồm phương pháp nghiên cứu trường hợp, giải quyết vấn đề, dạy học qua tình huống (Mục đích: Phát triển khả năng hiểu, phân tích, vận dụng, đánh giá, giải quyết vấn đề);

- Nhóm phương pháp dạy học trải nghiệm: Bao gồm phương pháp nghiên cứu thực tế, thực địa; thực hành; bài tập thực hành; dự án (Mục đích: Phát triển khả năng vận dụng, phân tích, đánh giá; giải quyết vấn đề; kỹ năng thực hành nghề nghiệp).

Để phát huy tính chủ động của sinh viên, trong quá trình giảng dạy giảng viên đã đặt ra nhiều câu hỏi gợi mở để sinh viên tự tư duy, phát triển ý tưởng, đóng góp vào bài học [H4.04.02.20]. Trong các hình thức đánh giá, bài tập lớn, tiểu luận được giao một cách linh hoạt phù hợp với môn học để yêu cầu sinh viên tìm kiếm, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp tài liệu [H4.04.02.20].

Để lấy ý kiến phản hồi của người học về các phương pháp giảng dạy của giảng viên, sau khi kết thúc một môn học, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo đều thực hiện Khảo sát đánh giá của sinh viên đối với giảng viên bằng hình thức trực tuyến. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết người học đều đồng ý với phương pháp giảng dạy của giảng viên sử dụng trên lớp (điểm trung bình đối với các chỉ tiêu đánh giá phương pháp giảng dạy của giảng viên đều đạt mức 8,0 điểm trở lên) [H4.04.02.13]. Căn cứ vào kết quả này, mỗi giảng viên sẽ tự mình điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng môn học.

Ngoài ra, theo chu kỳ 2 năm một lần, các bộ môn quản lý chuyên ngành còn thực hiện khảo sát đánh giá các bên liên quan về phương pháp giảng dạy, chương trình đào tạo để liên tục điều chỉnh cho phù hợp với các yêu cầu thực tiễn của các đơn vị được khảo sát tuyển dụng [H4.04.02.12] [H4.04.02.14] [H4.04.02.15]. Sau khi có kết quả khảo sát, các bộ môn tiến hành tổng hợp rà soát và điều chỉnh. Bộ môn đã tăng cường các học phần chuyên ngành, các môn phục vụ trực tiếp yêu cầu của công việc, xã hội và nhiều học phần tự chọn mang tính chuyên sâu giúp sinh viên lựa chọn được các học phần phục vụ cho yêu cầu công việc trong thực tế và tăng cường kỹ năng tổ chức, lãnh đạo, và thuyết trình [H4.04.02.19].

Ngoài hoạt động dạy/học, việc chủ động học tập, tìm tòi cái mới của sinh viên luôn được khuyến khích thông qua các hoạt động đa dạng như: các cuộc thi sáng tạo,

các phong trào NCKH sinh viên được tổ chức hàng năm với các giải thưởng có tính khoa học và thực tiễn cao [H4.04.02.16]. Với nguồn cơ sở dữ liệu trực tuyến đa dạng và phong phú, dễ tiếp cận trên thư viện của Học viện tại địa chỉ <http://ajc.hcma.vn> đã tạo điều kiện cho sinh viên tự nghiên cứu, tìm tòi các kiến thức liên quan đến các bài tập hoặc NCKH của mình [H4.04.02.15]. Sinh viên Học viện được tiếp cận với nghiên cứu khoa học từ rất sớm. Năm đầu tiên, hầu hết sinh viên sẽ được tiếp cận với các môn học liên quan đến phương pháp nghiên cứu và từ năm thứ hai trở đi, các sinh viên được đăng ký nghiên cứu đề tài khoa học thông qua cố vấn học tập và Khoa. Ý tưởng về đề tài sẽ được thông qua và cấp kinh phí nghiên cứu nếu có hướng nghiên cứu phù hợp. [H4.04.01.04.DC]

Thông kê công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên cho thấy việc Học viện chú trọng việc đầu tư cho sinh viên được nghiên cứu đề tài phù hợp với nội dung của các học phần trong chương trình, đáp ứng mục tiêu đào tạo [H4.04.02.18].

Việc áp dụng các nghiên cứu khoa học vào giảng dạy là một phần quan trọng trong công tác nghiên cứu khoa học hàng năm của giảng viên, và điều này thể hiện qua việc giải trình sự ứng dụng đề tài nghiên cứu khoa học là giáo trình in sách, giáo trình nội bộ hay tài liệu tham khảo hàng năm của giảng viên. Trong giai đoạn 2015-2020, Học viện ưu tiên các công trình, đề tài mang tính ứng dụng cao vào công tác giảng dạy, đặc biệt chú trọng đến giáo trình in sách cho các học phần trong tất cả các chương trình đào tạo [H4.04.02.16]. Học viện và Khoa đã tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động thực tế, thực tập bằng việc hỗ trợ kinh phí cho các đợt thực tập của sinh viên và cấp kinh phí cho các đề tài khoa học của sinh viên một cách thường xuyên, đều đặn [H4.04.02.18]. Đồng thời các giảng viên cũng thường xuyên có liên hệ với nhà tuyển dụng để làm cầu nối giúp sinh viên có môi trường thực tập trải nghiệm được nhiều công việc trong thực tiễn nhất có thể.

Đào tạo thực tế là một nội dung bắt buộc của Học viện. Trong tổng số tín chỉ của ngành QHCC có tín chỉ dành riêng cho việc thực tế chính trị-xã hội, kiến tập, thực tập. Tuy nhiên, việc đưa kiến thức thực tiễn vào giảng dạy không chỉ thông qua các học phần thực tập, kiến tập mà trong suốt các học phần, sinh viên thường xuyên có các

chuyên đi thực tế môn học tại các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức truyền thông trong nước [H4.04.02.17] [H4.04.02.18].

Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên. Điều này được thể hiện tóm tắt thông qua ma trận phương pháp, hình thức dạy học và chuẩn đầu ra cùng với đề cương học phần. [H4.04.02.16] [H4.04.01.09.DC] Các cơ quan ban ngành, tổ chức chính trị xã hội và doanh nghiệp thường xuyên phối hợp với khoa trong việc kết hợp đào tạo thực tế thông qua các học phần thực tập, kiến tập cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc đề nghị gửi sinh viên đi thực tế môn học. [H4.04.02.17; H4.04.02.18]. Thông qua trao đổi trực tiếp và khảo sát nhà tuyển dụng, có thể thấy mức độ đào tạo thực tế đối với sinh viên khoa được thực hiện khá tốt, với mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng trung bình là hơn 80% với chất lượng đào tạo của Học viện [H4.04.01.16.DC].

Nắm bắt kịp xu hướng đào tạo phục vụ phát triển cộng đồng, Khoa QHCC đã liên tục định hướng cho sinh viên tổ chức các sự kiện trực tiếp nằm trong khuôn khổ các môn học. Hoạt động đã thu hút sự tham gia của nhiều sinh viên các khóa trong khoa, đồng thời là minh chứng rõ ràng cho việc đào tạo gắn liền với thực tế của Khoa. Nhiều sự kiện khác của sinh viên như chào khoá mới, cuộc thi truyền thông hàng năm... đã thể hiện sự năng động, sáng tạo của sinh viên đồng thời gắn liền việc giảng dạy về truyền thông và quan hệ công chúng gắn liền với thực tiễn [H4.04.02.19] [H4.04.02.20] [H4.04.02.21].

## ***2. Điểm mạnh***

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, sinh được tiếp cận với nhiều phương pháp giảng dạy đa dạng; ngoài ra CTĐT của ngành được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo, thường xuyên cập nhật nội dung thực tế, kết hợp lý thuyết và thực hành theo tỷ lệ phù hợp, trú trọng nâng cao các kỹ năng về tin học và ngoại ngữ của sinh viên để đảm bảo đạt chuẩn đầu ra, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.



Các hoạt động dạy và học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học như đã công bố.

### **3. Điểm tồn tại**

Cơ sở hạ tầng một số phòng học chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động của người học; Một số môn học có số lượng sinh viên trong một lớp quá đông dẫn tới gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực. Một số ít giảng viên chưa thường xuyên cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chưa đáp ứng tốt nhu cầu học tập tích cực của sinh viên.

### **4. Kế hoạch hành động**

Để khắc phục các tồn tại trên, từ năm 2021, các đơn vị: Bộ môn chuyên ngành, Phòng Đào tạo đại học, Phòng Cơ sở vật chất cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau: tiếp tục thực hiện đổi mới các hoạt động dạy và học cho phù hợp hơn với các CDR trong CTĐT hướng người học chủ động tự học và tự nghiên cứu; Phòng đào tạo Đại học cần nghiên cứu bố trí một lớp dạy với số lượng sinh viên vừa đủ.

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

#### ***Tiêu chí 4.3.***

***Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học***

#### ***1. Mô tả***

Với tầm nhìn đến năm 2030 của Khoa QHCC trở thành đơn vị có uy tín trong đào tạo quan hệ công chúng và truyền thông quốc tế [H4.04.01.02.DC], Khoa QHCC & Quảng cáo đề ra sự thống nhất giữa mục tiêu, cách tiếp cận dạy học, đào tạo con người có tư duy sáng tạo, phê phán, tiếp cận công nghệ, làm việc trong môi trường công nghệ số - 4.0. Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ

năng làm việc nhóm **[H4.04.01.03.DC]** **[H4.04.01.04.DC]****[H4.04.01.05.DC]**  
**[H4.04.01.06.DC]**.

Hoạt động học tập đa dạng giúp sinh viên hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi sinh viên phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể **[H4.04.01.04.DC]**.

Tất cả đề cương chi tiết các môn học cho sinh viên ngành QHCC đều nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Đề cương mỗi môn học đều có phần hướng dẫn tự học của học phần nhằm hướng dẫn sinh viên tự học, thời lượng tự học được quy định bằng 2 lần thời lượng học trên lớp. Mỗi học phần đều mô tả chi tiết các kiến thức và kỹ năng sinh viên đạt được khi kết thúc học phần **[H1.01.02.08.DC]** **[H1.01.02.09.DC]** **[H4.04.01.09.DC]**. Đặc biệt trong học phần thực tập hoặc tốt nghiệp chuyên ngành QHCC đều có các nội dung mở, hướng người học áp dụng các kiến thức đã được trang bị để tự lựa chọn các chuyên đề thực tập tốt nghiệp **[H4.04.03.07]** **[H4.04.03.08]** **[H4.04.03.09]**.

Về hoạt động giảng dạy, giảng viên dành thời gian trên lớp truyền đạt các kiến thức nền tảng, đồng thời giải đáp thắc mắc và định hướng cho sinh viên tìm hiểu thêm qua hệ thống tham khảo trên thư viện Học viện, ở các thư viện trực tuyến có liên kết với Học viện hoặc kho dữ liệu cá nhân của chính các giảng viên. Các kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng đặt vấn đề - giải quyết vấn đề với nguồn tài nguyên kiến thức trực tuyến thông qua đó được hình thành và giúp cho người học rất nhiều cho quá trình làm việc sau này.

Để lấy ý kiến phản hồi của người học về các phương pháp giảng dạy của giảng viên có giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, sau khi kết thúc môn học, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo đều thực hiện Khảo sát đánh giá của sinh viên đối với giảng viên bằng hình thức trực tuyến **[H4.04.02.12]**. Kết quả khảo sát cho thấy: hầu hết người học đều cho rằng "Môn học góp phần trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho bạn"; "Giảng viên hướng dẫn cho bạn phương pháp học tập khi bắt đầu môn học"; "Giảng viên rèn

luyện cho bạn phương pháp liên kết giữa các vấn đề của môn học với thực tiễn" với số điểm đánh giá đều trên 8,5 cho từng chỉ tiêu. Kết quả này cho thấy phương pháp giảng dạy của giảng viên đã giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học [H4.04.02.07.DC]

Sinh viên ngành QHCC được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô [H4.04.03.01] [H4.04.01.04.DC]; Nhiều hoạt động ngoại khóa do các câu lạc bộ của Khoa, Trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu của sinh viên ngành QHCC [H4.04.03.02]. Các bài tập, sản phẩm thực hành phong phú của sinh viên như thông qua bài thuyết trình, clips, dự án... được làm đã chứng tỏ sự tự nghiên cứu nghiêm túc của sinh viên với các học phần nói riêng và đối với chương trình đào tạo nói chung [H4.04.03.02].

Hàng năm, Học viện đều tổ chức các lớp học bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên của Khoa và toàn trường nhằm rèn luyện các kỹ năng tự học, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình [H4.04.03.03]. Các cuộc thi sáng tạo, NCKH sinh viên được tổ chức nhằm tăng cơ hội học hỏi cho người học, cọ sát với các tình huống thực tế cũng như rèn luyện kỹ năng viết và tổ chức báo cáo... Tất cả các kỹ năng này sẽ giúp sinh viên nâng cao khả năng tự học suốt đời.

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động dạy và học đa dạng và có tính định hướng cao, tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Khoa và các Bộ môn chuyên ngành rất tích cực động viên người học tham gia hoạt động ngoại khóa, thực hành - thực tập tại các cơ sở sản xuất để nâng cao chuyên môn và rèn luyện phẩm chất.

## **3. Điểm tồn tại**

Còn một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia vào hoạt động chung của Khoa và Trường; các yếu tố khách quan như việc sinh viên vừa học vừa làm, sử dụng Internet, mạng xã hội không kiểm soát ... Một số giảng viên chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ các khả năng tư duy phản biện, các kỹ năng mềm: các bài tập đưa ra chưa phong phú, hoặc chưa gắn liền với thực tiễn cuộc sống. Bên cạnh đó, phòng

học cơ sở vật chất không tạo sự linh động cho việc áp dụng các bài tập nhóm, cùng với lượng sinh viên ở một số học phần quá đông gây ảnh hưởng đến quá trình tương tác của giảng viên với sinh viên.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Để khắc phục các tồn tại trên, từ năm 2021, các đơn vị: Khoa QHCC, Phòng CTCT-QLSV, Ban Quản lý đào tạo cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau: Khoa sẽ kiến nghị với các giảng viên bổ sung tiêu chí khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch, ... vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng phần của sinh viên.

Với các học phần có tính thực hành, bài tập nhóm, khoa cũng đề xuất với Học viện trang trí phòng học bàn ghế có thể di chuyển, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tương tác giữa giảng viên và sinh viên.

#### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

### **Kết luận tiêu chuẩn 4**

Với mục đích giáo dục đại học là nhằm phát triển tri thức ngày càng cao trong người học. Mục tiêu giáo dục ngành Quan hệ công chúng được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến công khai tới các bên liên quan, các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp với CDR, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Kết quả đánh giá của 3 tiêu chí trong tiêu chuẩn 4 ở trên cho thấy CTĐT ngành Quan hệ công chúng đã đạt được các yêu cầu của tiêu chuẩn 4. Căn cứ vào kết quả đánh giá theo thang điểm đã đưa ra, tổ tự đánh giá CTĐT ngành cho rằng mặc dù vẫn còn một số hạn chế trong phương pháp tiếp cận dạy và học ngành Quan hệ công chúng nhưng nhìn chung kết quả đánh giá các tiêu chí trong tiêu chuẩn 4 đều đạt mức điểm 5. Trong thời gian tới, tập thể cán bộ, giảng viên ngành Quan hệ công chúng sẽ tiếp tục thực hiện công tác rà soát, đổi mới, cải tiến CTĐT kết hợp với thiết kế hợp lý phương pháp và nội dung của từng học phần. Đây được xem là nhiệm

vụ cần thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng mục tiêu của đào tạo cũng như nâng cao chất lượng dạy và học theo các tiêu chí mà tiêu chuẩn 4 đã đề ra.

***Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí và cả 3 tiêu chí đều đạt, điểm trung bình 5/7 điểm***

## **TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC**

### ***Mở đầu***

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Học viện, Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học CTĐT ngành QHCC được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được của chuẩn đầu ra, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành đều được thông báo công khai tới người học thông qua Sổ tay sinh viên lúc mới nhập học. Sinh viên cũng có thể tìm hiểu thông tin về các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học thông qua đề cương chi tiết của các học phần được đăng tải trên website của Học viện, Khoa. Khi bắt đầu học các học phần trong CTĐT ngành, người học được các giảng viên thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá được sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

### ***Tiêu chí 5.1.***

***Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra***

#### ***1. Mô tả***

Để người học đạt được những CDR trong CTĐT ngành QHCC, Học viện đã triển khai nhiều hoạt động kiểm tra đánh giá người học. Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của Bộ GD&ĐT, Học viện đã ban hành quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá người học trong quá trình đào tạo, thi tốt nghiệp và chấm khoá luận tốt nghiệp. Các quy định này thống nhất trong toàn trường, được nêu rõ trong quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.01.DC]**. Mỗi sinh viên khi nhập trường đều được phát 01 cuốn sổ tay sinh viên trong đó có nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm, xếp loại **[H5.05.01.02.DC]**. Ngoài ra, ngay khi bắt đầu mỗi học phần các giảng viên chủ động cung cấp cho sinh viên đề cương chi tiết của học phần, trong đó cũng nêu rõ cách đánh giá: tỷ trọng điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, bài tập, bài thi kết thúc học phần **[H5.05.01.03.DC]**

Để hoàn thành chương trình học tập ngành QHCC, sinh viên phải tích lũy đủ 130 tín chỉ của chương trình **[H5.05.01.04.DC]**. Điểm đánh giá học phần được quy định rõ trong trong các Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.01.DC]**. Điểm đánh giá học phần bao gồm điểm quá trình: điểm A về đánh giá ý thức của sinh viên trong quá trình học từ tham gia đầy đủ các buổi lên lớp, tích cực đóng góp xây dựng bài, điểm B là điểm các bài kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ hay tiểu luận và điểm C là điểm thi kết thúc học phần. Cụ thể, tỷ trọng của các điểm thành phần A, B, C lần lượt là 0,1, 0,3 và 0,6. Điểm đánh giá học phần được chuyển sang thang điểm chữ và thang điểm 4 được quy định trong các quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ nêu trên. Các quy định về số lượng các đầu điểm, tỷ trọng các điểm thành phần của học phần được quy định rõ trong 100% đề cương chi tiết học phần **[H5.05.01.03.DC]**.

Việc lựa chọn các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học ngành QHCC được xác định theo Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng Chuẩn đầu ra của Học viện **[H5.05.01.05.DC]**. Theo đó, xuất phát từ CDR của CTĐT, Khoa QHCC&QC lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp để có thể đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra **[H5.05.01.06]**.

**Bảng 5.1. Ma trận đáp ứng kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

STT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>A</b>	<b>Đánh giá thường xuyên</b>																	
1	Kiểm tra chuyên cần	x	x	x	x	x	x											
2	Bài tập về nhà	x	x	x	x	x	x											x
3	Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x		x	x							x	
<b>B</b>	<b>Đánh giá tổng kết</b>																	
4	Kiểm tra khách quan: <i>Câu hỏi trắc nghiệm/câu hỏi ngắn</i>	x	x	x	x	x	x		x									
5	Kiểm tra viết tự luận		x	x	x	x	x	x	x									
6	Kiểm tra vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x									
7	Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x			x	x	x
8	Tiểu luận		x	x	x	x	x	x	x	x			x			x		x
9	Bài tập lớn: <i>Nghiên cứu trường hợp, sản phẩm, dự án, thao diễn.</i>		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Khoá luận/sản phẩm tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

a: Việc đạt được CĐR phụ thuộc vào nội dung kiểm tra đánh giá

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để có thể đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Tùy vào đặc thù và mục tiêu của học phần, các hình thức kiểm tra đánh giá được lựa chọn và có thể được kết hợp với nhau để đánh giá kết quả học tập. Các hình thức thi/kiểm tra phổ biến là kiểm tra khách quan (Trắc nghiệm khách quan và ngân hàng câu hỏi), tiểu luận, thuyết trình nhóm, bài tập lớn. Ngoài ra còn có hình thức vấn đáp được áp dụng đối với một số học phần. Tỷ lệ hình thức đánh giá được sử dụng cho các chuyên ngành thuộc ngành QHCC được tổng hợp trong danh mục thống kê hình thức giảng dạy và kiểm tra đánh

giá kết quả các học phần trong chương trình đào tạo **[H5.05.01.07.DC]**. Kết quả tổng hợp cho thể thấy, hiện tại các học phần ngành QHCC chủ yếu sử dụng hình thức thi viết (câu hỏi tự luận) để đánh giá với tỷ lệ hơn 65%. Hình thức bài tập lớn, dự án hoặc tiểu luận chiếm khoảng 30% và kiểm tra vấn đáp chỉ chiếm khoảng 5%, Hình thức tự luận giúp đánh giá khả năng tái hiện kiến thức, vận dụng và liên hệ những kiến thức đã học để phân tích vấn đề, hiện tượng hoặc các trường hợp diễn ra trong thực tế. Hình thức tiểu luận giúp đánh giá khả năng vận dụng kiến thức lý luận vào giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích, tổng hợp; tư duy phản biện; kỹ năng giao tiếp; năng lực tự chủ, kỹ năng nghiên cứu, tự học. Hình thức bài tập lớn bao gồm việc thực hiện sản phẩm truyền thông như bài viết, thiết kế hình ảnh, video, các kế hoạch chiến dịch quan hệ công chúng, dự án nghiên cứu quan hệ công chúng, dự án chiến dịch quảng bá v.v nhằm kiểm tra kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm. Hình thức kiểm tra vấn đáp giúp đánh giá kỹ năng phân tích, lập luận; kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, lý giải các sự kiện và hiện tượng và kỹ năng giao tiếp của người học.

Căn cứ theo Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR của HVBC TT, các giảng viên lựa chọn phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với CDR của học phần **[H5.05.01.05.DC]**. Mỗi ĐCHP đều ghi rõ các phương pháp kiểm tra đánh giá, yêu cầu, tiêu chí đánh giá và có các ma trận thể hiện sự tương thích giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với từng CDR của học phần. Tùy vào đặc thù và mục tiêu của học phần, các hình thức kiểm tra đánh giá được lựa chọn và có thể được kết hợp với nhau để đánh giá kết quả học tập **[H5.05.01.03.DC]** **[H5.05.01.07.DC]**

Học viện đã ban hành tài liệu hướng dẫn về thiết kế câu hỏi, đề thi và ngân hàng đề thi chi tiết và khoa học **[H5.05.01.08.DC]**. Trên cơ sở đó, các bộ môn chủ động thiết kế ngân hàng đề thi gồm các nhóm câu hỏi dễ, trung bình và khó tương ứng với 6 cấp bậc tư duy trong thang cấp độ, tư duy của Bloom: Nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo. Mỗi đề thi bao gồm các câu hỏi của cả ba nhóm từ dễ đến khó ở trên. Với cách thức này, công tác thi, kiểm tra đánh giá được mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn, cũng như kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề của người học. Hàng năm, Trung tâm KT-KĐCLĐT có các báo cáo



tổng kết rút kinh nghiệm về công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá [H5.05.01.09.DC].

Sinh viên đủ điều kiện được giao thực hiện khoá luận tốt nghiệp khi tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình đào tạo và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy chế đào tạo đại học được nêu rõ trong Sổ tay sinh viên [H5.05.01.02.DC]:

- Sinh viên hệ chính quy bậc đại học không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong quá trình học tập;

- Sinh viên đã tích lũy ít nhất được 80% số tín chỉ (không tính tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng);

- Điểm trung bình chung tích lũy của sinh viên đạt 2,50 trở lên.

Tỷ lệ sinh viên làm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp không vượt quá 30% tổng số sinh viên mỗi lớp đối với hệ đào tạo văn bằng 1 và không quá 40% tổng số sinh viên đối với hệ đào tạo văn bằng thứ hai.

Việc giao đề tài và hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện được thể hiện trong các cuộc họp khoa và danh sách phân công giáo viên hướng dẫn [H5.05.01.10] [H5.05.01.11]. Trong quá trình thực hiện khóa luận, về cơ bản sinh viên của Khoa đều chủ động cùng giảng viên hướng dẫn hoàn thành khóa luận. Đối với những sinh viên còn chưa chủ động, BCN Khoa cùng GV đôn đốc, nhắc nhở trong các buổi phản ánh tình hình sinh viên hàng tháng và email, điện thoại trực tiếp [H5.05.01.12] [H5.05.01.13].

Khoá luận tốt nghiệp giúp đánh giá việc sinh viên tự nghiên cứu chuyên sâu các kiến thức chuyên sâu chuyên ngành QHCC, áp dụng kiến thức để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động QHCC trong các cơ quan, doanh nghiệp, trong các lĩnh vực cụ thể hoặc theo các vấn đề đặc thù của ngành. Khoá luận tốt nghiệp được đánh giá thông qua điểm chấm khoá luận tốt nghiệp của hội đồng, có cân nhắc đến nhận xét về quá trình sinh viên làm khoá luận của giảng viên hướng dẫn [H5.05.01.14.DC]. Quy trình đánh giá này được thực hiện theo quy chế, quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01.DC]

Quy trình về xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên trước khi ra trường được quy định rõ trong quy chế, quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01.DC]. Sinh

viên phải tích lũy đủ số học phần và khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo với 130 tín chỉ, điểm trung bình chung tích lũy của khóa đạt  $\geq 2.0$ , có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học [H5.05.01.04.DC] [H5.05.01.15]. Quy trình xét công nhận tốt nghiệp cho người học được thực hiện theo các bước:

Bước 1. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Bước 2. Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Học viện được Giám đốc uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng ban Quản lý Đào tạo làm Ủy viên thường trực và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn và một số phòng ban có liên quan.

Bước 3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Danh sách sinh viên đủ điều kiện được công bố công khai trên website trường qua các năm [H5.05.01.16].

Kết quả khảo sát đánh giá chất lượng môn học dưới hình thức phát phiếu điều tra với sinh viên ngành QHCC cho thấy 90% sinh viên hài lòng với tiêu chí “các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra”. [H5.05.01.17.DC].

**Bảng 5.2. Bảng tổng hợp kết khảo sát mức độ hài lòng của người học với các phương pháp kiểm tra đánh giá năm 2020**

*Đơn vị: %*

<b>Nội dung</b>	<b>Hài lòng (%)</b>	<b>Mức độ hài lòng trung bình (/5)</b>
Các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng chuẩn đầu ra	90	4.18
Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng nhận thức bậc cao của người học	68	3.76

Các bài thi, kiểm tra đánh giá được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người học.	74	3.82
Người học hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá	80	3.98
Quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng.	84	4.02

Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá trong CTĐT ngành QHCC học được định kỳ rà soát, cải tiến dựa trên sự tham khảo ý kiến các bên liên quan [H5.05.01.17.DC] [H5.05.01.18.DC] [H5.05.01.19] Sự cải tiến trong công tác kiểm tra đánh giá được thể hiện tăng cường hình thức thi tiểu luận, bài tập lớn [H5.05.01.07.DC].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện, Khoa và các phòng ban chức năng đã tích cực trong việc thiết kế công tác đánh giá kết quả của người học phù hợp với mục tiêu từng học phần và mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại, phúc khảo được quy định rõ trong các văn bản của Học viện. Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá.

## **2. Điểm tồn tại**

Hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn chiếm tỷ lệ thấp, đặc biệt là ở các học phần thuộc khối Kiến thức giáo dục đại cương.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2021, Trung tâm KT-KĐCLĐT và Ban QLĐT phối hợp với các khoa giảng dạy các môn đại cương xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm với tỷ lệ phù hợp đáp ứng tốt CĐR.

## **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5.5/7 điểm

### **Tiêu chí 5.2.**

***Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.***

### **1. Mô tả**

Hiện nay các quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá người học trong quá trình tuyển sinh đầu vào, quá trình đào tạo, thi tốt nghiệp và chấm khoá luận tốt nghiệp được nêu rõ trong quy chế tuyển sinh ĐH hệ chính quy, quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, trong quy định công tác khảo thí [H5.05.01.01.DC] [H5.05.02.01.DC] [H5.05.02.02] [H5.05.02.03] và trong đề cương chi tiết các học phần [H5.05.01.03.DC]. Các quy định này được công bố công khai trong sổ tay sinh viên [H5.05.01.02.DC], trên website của Học viện [H5.05.02.04]. Kế hoạch về thời gian thi tuyển sinh đầu vào, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp đều được đăng tải trên website của Học viện [H5.05.02.05] và được gửi về các khoa. Các thông báo này cũng được gửi đến sinh viên thông qua cổng thông tin điện tử dành cho sinh viên. Cụ thể, mỗi học kỳ sinh viên có 12-16 tuần học đối với các môn 3 tín chỉ và 8-9 tuần học đối với các môn 2 tín chỉ, tùy thuộc vào tỉ lệ lý thuyết và thực hành của mỗi học phần. Sau khi kết thúc thời gian học sinh viên bắt đầu vào kỳ thi học kỳ. Trong đó thời gian ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất 2/3 ngày cho 1 tín chỉ [H5.05.01.01.DC]. Ngoài ra, từ năm 2016 Học viện ban hành chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với tất cả các ngành học, đồng thời việc phân loại sinh viên theo trình độ ngoại ngữ ngay từ đầu vào đã được triển khai từ năm học 2016-2017 để dễ dàng triển khai hình thức dạy học phù hợp với đối tượng sinh viên [H5.05.02.06].

Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm đánh giá ý thức học tập; điểm kiểm tra giữa học phần (lý thuyết hoặc thực hành); điểm thi kết thúc học phần. Trọng số của điểm đánh giá bộ phận trong điểm học phần được tính như sau: (A) Điểm đánh giá ý thức học tập: 0,10; (B) Điểm kiểm tra giữa học phần: 0,30; (C) Điểm thi kết thúc học phần: 0,60. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ [H5.05.01.01.DC]. Tất cả đề cương

các học phần đều nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp,...) và được giảng viên giảng dạy học phần đó cung cấp cho lớp **[H5.05.01.03.DC]**.

Đề thi được quy định đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, có khả năng đánh giá được trình độ của người học **[H5.05.01.05.DC]** **[H5.05.01.08.DC]**. Đối với các học phần kiến tập, thực tập, việc đánh giá kết quả học phần của người học được dựa trên các tiêu chí: đánh giá của cơ quan, tổ chức tiếp nhận sinh viên kiến tập/thực tập (dựa trên mức độ tuân thủ nội quy, khả năng làm việc, tác phong làm việc, khả năng giao tiếp, tính chuyên nghiệp... của sinh viên); đánh giá của giảng viên hướng dẫn sinh viên kiến tập/thực tập về tinh thần, thái độ, kết quả kiến tập, thực tập của sinh viên; đánh giá của Khoa chủ quản về chất lượng bài thu hoạch và các sản phẩm sinh viên thực hiện được trong quá trình kiến tập/thực tập **[H5.05.02.07]**

Học viện ra thông báo về kế hoạch khảo thí các học phần giảng dạy trong học kỳ và năm học, các thông báo này được đăng trên website của Học viện **[H5.05.02.08]**. Học viện đã ban hành Quy định công tác khảo thí, trong đó có quy định về kết thúc học phần, có chỉnh sửa, bổ sung định kỳ **[H5.05.02.01.DC]**. Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá **[H5.05.02.01.DC]**. Toàn bộ hoạt động thi, đánh giá kết quả học tập đối với các học phần khảo thí của toàn Học viện do Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng đào tạo theo dõi và thường xuyên có các báo cáo tổng kết công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá **[H5.05.01.09.DC]**.

Trong học kỳ cuối khoá, Học viện sẽ công bố danh sách đủ điều kiện làm khóa luận. Các sinh viên còn lại sẽ học các môn hay thế khoá luận tốt nghiệp được quy định trong chương trình khung đào tạo của ngành Quan hệ công chúng. Nếu sinh viên nằm trong danh sách được làm khóa luận nhưng không muốn thực hiện khóa luận, sinh viên có quyền làm đơn xin học các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp. Sau khi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, được sự thông qua của giáo viên hướng dẫn, sinh viên cần nộp 3 quyển bìa mềm tại Khoa. Sau đó, khóa luận sẽ được hội đồng chấm khóa luận gồm 3 thành viên độc lập đánh giá dựa trên các tiêu chí cụ thể như sau (1) Tính cấp thiết về lý luận và thực tiễn của đề tài; tính khả thi, không trùng lặp với các công trình đã công bố (thể hiện qua phần Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài); (2) Đề tài và phương

pháp nghiên cứu đề tài phù hợp ngành/chuyên ngành đào tạo; (3) Xây dựng khung lý thuyết phù hợp với hướng nghiên cứu của đề tài; (4) Vận dụng khung lý thuyết để khảo sát, phân tích thực tiễn, nhận diện đúng và trúng vấn đề cần khắc phục, giải quyết; (5) Phương hướng, giải pháp phù hợp với yêu cầu lý thuyết và thực tiễn đòi hỏi; (6) Thông tin dữ liệu được cập nhật, dẫn nguồn đầy đủ, chính xác, tin cậy, hình thức trình bày đúng quy cách trình bày khoá luận; (7) Bố cục rõ ràng, cân đối giữa các chương, các tiết, các tiểu tiết; (8) Văn phong mạch lạc, đảm bảo tính khoa học, ít sai sót về chính tả, lỗi kỹ thuật, in ấn; (9) Sắp xếp danh mục tài liệu tham khảo đúng quy định. Các tiêu chí này được quy định rõ trong mẫu phiếu chấm khoá luận tốt nghiệp của ủy viên hội đồng, thư ký hội đồng và thành viên hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp **[H5.05.01.14.DC]**. Điểm chấm khoá luận của từng thành viên tổ chấm theo thang điểm 10, chấm điểm lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá khoá luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của các thành viên hội đồng, làm tròn đến một chữ số thập phân, quy về thang điểm chữ theo quy định. **[H5.05.01.14.DC]**. Bên cạnh đó, giảng viên hướng dẫn cũng gửi nhận xét về quá trình thực hiện khoá luận của sinh viên đề Hội đồng có thêm cơ sở đánh giá. Điểm khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học **[H5.05.01.01.DC]** **[H5.05.01.14.DC]** Sinh viên không hoàn thành khoá luận tốt nghiệp do điều kiện khách quan được giáo viên hướng dẫn và khoa xác nhận, hoặc có kết quả chấm khoá luận tốt nghiệp bị điểm F phải lùi thời gian tốt nghiệp làm lại khoá luận tốt nghiệp hoặc phải học và thi 6 (hoặc 7) tín chỉ thay thế khoá luận tốt nghiệp.

Qua kết quả khảo sát người học về việc đánh giá kết quả học tập dưới hình thức phát phiếu điều tra có thể thấy trên 90% số sinh viên được khảo sát đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý với tiêu chí các quy định về đánh giá kết quả học tập được thông báo rõ ràng và công khai tới người học **[H5.05.01.17.DC]** **[H5.05.01.18.DC]**.

Một số ít sinh viên có kiến nghị về kết quả học tập đã được Học viện giải quyết theo đúng thủ tục quy định, đảm bảo quyền lợi của sinh viên. Kết quả phúc khảo được công bố trên công thông tin dành cho sinh viên và được thông báo tới Khoa chủ quản và Ban Quản lý Đào tạo **[H5.05.02.09.DC]**.

## **2. Điểm mạnh**

Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành QHCC đã được nêu rõ ràng, chi tiết trong đề cương học phần và thông báo của giảng viên phụ trách từng học phần. Các quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh khác nhau như Sổ tay sinh viên, hướng dẫn của giảng viên ngay từ khi bắt đầu học phần, website Học viện.

### **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được đăng tải công khai trên website của Học viện nhưng lượng truy cập vào website của người học còn hạn chế.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2021, Trung tâm KT-KĐCLĐT, Ban QLĐT, Khoa QHCC&QC đặc biệt là cố vấn học tập và giảng viên cần tăng cường giới thiệu và đôn đốc sinh viên truy cập website của Học viện để theo dõi quy định về đánh giá kết quả học tập.

### **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5.5/7 điểm.

#### **Tiêu chí 5.3.**

***Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng***

#### **1. Mô tả**

Chương trình đào tạo ngành QHCC sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả học tập, bao gồm kiểm tra khách quan (gồm trắc nghiệm khách quan, câu hỏi ngắn), thi viết tự luận, tiểu luận, vấn đáp, bài tập lớn (nghiên cứu trường hợp, sản phẩm, dự án) theo nhóm hoặc cá nhân. Sự đa dạng này được thể hiện rõ trong thống kê các hình thức dạy học học và kiểm tra đánh giá, trong các đề cương học phần chi tiết và trong các bài thi, sản phẩm, báo cáo của sinh viên [H5.05.01.07.DC].

Trước năm 2016, Trung tâm KT- KĐCLĐT phụ trách việc ra đề, chấm thi và báo cáo điểm. Năm 2018 các học phần thuộc môn cơ sở ngành và chuyên ngành do các Khoa phụ trách việc ra đề, tổ chức thi, đánh hỏi phách và lên điểm trên cơ sở lịch do Ban Quản lý Đào tạo sắp xếp chung cho toàn trường. Đến nay, công tác này đã có thay

đôi rõ rệt. Hiện nay, phương pháp đánh giá KQHT của người học cho các học phần trong CTĐT được ngành QHCC tuân thủ theo quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá của Học viện [H5.05.01.01.DC] [H5.05.02.01.DC] [H5.05.01.05.DC].

Các hình thức kiểm tra, đánh giá chủ yếu bao gồm: Thi tự luận, bài tập lớn, tiểu luận. Theo thống kê, việc đánh giá học phần dưới hình thức tự luận được thiết kế với cho trên 65% tổng số học phần [H5.05.01.07.DC]. Hình thức thi của từng học phần được bộ môn tham khảo ý kiến của các giảng viên giảng dạy và được thống nhất ghi trong đề cương chi tiết các học phần [H5.05.01.03.DC].

Việc thiết kế đề thi của các học phần trong ngành được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn thiết kế câu hỏi và ngân hàng đề thi do Học viện ban hành [H5.05.01.08.DC]. Để đảm bảo độ giá trị, các đề thi, bài thi, kiểm tra đều được thiết kế dựa trên CDR của học phần, bao phủ các nội dung kiến thức trọng tâm. Mỗi bài thi, kiểm tra đều nêu rõ yêu cầu, tiêu chí đánh giá [H5.05.03.01.DC]

Hiện nay, đề thi các học phần được cấu trúc theo chuẩn đầu ra môn học. Căn cứ kế hoạch của Trung tâm KT-KĐCLĐT [H5.05.01.08.DC], các bộ môn phân công cán bộ giảng dạy xây dựng CSDL ngân hàng đề thi để đánh giá kết quả học tập. Nhóm cán bộ giảng dạy phụ trách môn học sẽ thảo luận về chuyên môn để xây dựng ngân hàng câu hỏi (đối với các môn thi theo hình thức trắc nghiệm) và đề thi (với các môn thi theo hình thức tự luận) theo cấu trúc trên, sau đó, lấy ý kiến góp ý trong cuộc họp chuyên môn của bộ môn và tiến hành điều chỉnh (nếu cần thiết). [H5.05.03.01.DC]

Sau khi được sự nhất trí của bộ môn, ngân hàng câu hỏi và đề thi được chuyển tới Trung tâm KT-KĐCLĐT quản lý, lựa chọn ngẫu nhiên, in cho các học phần thi. Bên cạnh cơ sở dữ liệu ban đầu, hàng kỳ, các bộ môn chuyên môn đều có thể bổ sung/ cập nhật/ sửa đổi các cơ sở dữ liệu của các học phần. [H5.05.03.01.DC] [H5.05.03.02.DC].

Quy trình bổ sung, cập nhật và sửa đổi cũng được tiến hành tuân tự như trên. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo sẽ chỉ quản lý cơ sở dữ liệu, nội dung của cơ sở dữ liệu đánh giá kết quả học tập do nhóm cán bộ giảng dạy và Khoa quản lý phụ trách. Cơ sở dữ liệu đánh giá kết quả học tập của các học phần khảo thí



được lưu trữ và quản lý tại Trung tâm KT-KĐCLĐT [H5.05.01.08.DC]  
[H5.05.03.02.DC]

Đề thi sử dụng trong kỳ thi được lấy ngẫu nhiên từ cơ sở dữ liệu ngân hàng đề thi, đáp án thông qua phần mềm chuyên dụng với số lượng từ 3 đến 5 đề thi cho mỗi học phần đối với các môn trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Đối với các môn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, dựa trên ngân hàng câu hỏi, lãnh đạo khoa hoặc tổ trưởng bộ môn tổ hợp thành ba đề thi (đối với hình thức thi tự luận) và trước giờ thi lãnh đạo khoa sẽ chọn ra một đề trong ba đề thi đó. Thời gian làm mỗi bài thi viết dao động từ 60 phút đến 120 phút, có cấu trúc đề thi rõ ràng, đề thi phải có đáp án và thang điểm chi tiết đến 0,25 điểm. Trung tâm KT-KĐCLĐT có trách nhiệm quản lý, sao in đề thi đối với các môn đại cương còn các môn cơ sở ngành do khoa đảm nhiệm [H5.05.02.01.DC], [H5.05.03.02.DC]. Đến thời điểm tổ chức thi, cán bộ trông thi của mỗi phòng thi sẽ lấy túi đề và bóc niêm phong trước sự chứng kiến của người học. Sau khi kết thúc thời gian làm bài, bài thi và đề sẽ được các bộ coi thi thu lại, chuyển về Trung tâm KT-KĐCLĐT để rọc phách và niêm phong bài thi đối với các học phần kiến thức đại cương. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, cán bộ coi thi chuyển bài thi và các bài thi về văn phòng Khoa chủ quản, cán bộ được phân công sẽ rọc phách và niêm phong bài thi. Bài thi được chấm trong khoảng thời gian 2 tuần sau khi kết thúc kỳ thi [H5.05.02.01.DC]. Việc thực hiện quy định về xây dựng, sử dụng và quản lý câu hỏi thi, ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, ngân hàng đề thi kết thúc học phần, đã giúp công tác quản lý trở nên thuận lợi hơn.

Về công tác chấm thi, đối với các môn đại cương, dưới sự giám sát của đại diện Phòng Thanh tra, cán bộ Trung tâm KT-KĐCLĐT mở niêm phong túi bài thi để đánh, rọc phách và niêm phong đầu phách, thông báo cho Khoa chấm tập trung tại Trung tâm KT-KĐCLĐT. Đối với các môn thi trắc nghiệm, thành phần chấm thi gồm có 02 cán bộ của Trung tâm KT-KĐCLĐT, 1 cán bộ của Khoa có môn thi, 1 cán bộ Phòng Thanh tra. Cán bộ Trung tâm KT-KĐCLĐT mở niêm phong túi bài, quét bài thi và sử dụng phần mềm để xử lý; bài thi phải được niêm phong ngay sau khi chấm xong. Đối với các môn cơ sở ngành và chuyên ngành chấm thi tại Khoa, trong vòng 14 ngày, Trưởng khoa chỉ đạo đánh, rọc, bảo mật đầu phách và chấm thi theo đúng Quy chế,

chịu trách nhiệm trước Giám đốc về chất lượng, tính khách quan, trung thực và bảo mật. Bài thi được chấm tập trung tại Văn phòng khoa. Khi có biểu 4, lãnh đạo Khoa chỉ đạo: mở niêm phong đầu phách, ghép phách, vào điểm, khoá điểm, in bảng điểm và ký bảng điểm. **[H5.05.02.01.DC]**.

Việc chấm thi kết thúc học phần phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình Trưởng bộ môn hoặc Trưởng khoa quyết định. Khi các bài thi đã được chấm theo quy định, cán bộ vào điểm sẽ vào điểm trên phần mềm. Điểm bài thi được cập nhật trên hệ thống phần mềm quản lý, và đồng thời in 01 bản gốc tại Ban Quản lý đào tạo và 02 bản photo để lưu tại Trung tâm KT-KĐCLĐT và Văn phòng khoa **[H5.05.03.03.DC]**. Trong thời gian 15 ngày sau khi thi điểm sẽ được các đơn vị phụ trách cập nhật trên phần mềm quản lý đào tạo. Người học đăng nhập tài khoản cá nhân để biết kết quả đánh giá.

Sau khi nhận được kết quả, nếu người học có yêu cầu, có thể làm thủ tục phúc khảo kết quả đánh giá học phần. Cụ thể, người học liên hệ với Trung tâm KT-KĐCLĐT để làm đơn đề nghị. Sau đó, Trung tâm Trung tâm KT-KĐCLĐT thông báo với các Khoa quản lý học phần để tổ chức chấm thi phúc khảo. Kết quả chấm phúc khảo sẽ là kết quả của đánh giá bài thi. Kết quả này được thông báo tới người học tương tự như trong quy trình công bố điểm lần đầu tiên **[H5.05.02.01.DC]**.

Đối với hình thức thi vấn đáp, công tác tổ chức được tiến hành tập trung tại phòng học. Sinh viên được lần lượt gọi vào phòng thi, bốc thăm đề thi vấn đáp, chuẩn bị trong vòng 5-7 phút và trình bày kết quả của mình trước 02 cán bộ chấm thi; điểm đánh giá được xác định bằng điểm trung bình của 02 cán bộ chấm thi và tuân thủ theo quy định về đánh giá học phần vấn đáp. **[H5.05.01.08.DC] [H5.05.03.02.DC]**

Tỷ lệ sinh viên khiếu nại về điểm bài thi kết thúc học phần rất ít. Sau khi nhận được thông báo từ Trung tâm KT-KĐCLĐT về việc phúc khảo bài thi của các học phần, Trưởng Khoa sẽ chỉ đạo trực tiếp giải quyết. Mọi thông tin liên quan đến việc khiếu nại kết quả học tập sẽ được lưu lại tại Trung tâm KT-KĐCLĐT và Ban Quản lý Đào tạo **[H5.05.03.04]**. Thống kê cho thấy 100% số đơn khiếu nại được giải quyết **[H5.05.02.09.DC]**.

Sự đa dạng, mức độ tin cậy, công bằng của đề thi, công tác tổ chức thi được đưa ra thảo luận trong các cuộc họp Khoa, hội nghị giao ban đào tạo, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học của Khoa Quan hệ công chúng & Quảng cáo, của Học viện **[H5.05.03.05] [H5.05.01.09.DC]**.

Việc phân công hướng dẫn học phần kiến tập, thực tập, thực tế kinh tế-xã hội được thực hiện trước mỗi kỳ kiến tập, thực tập thông qua các buổi họp khoa và có quyết định cụ thể về giảng viên hướng dẫn kiến tập thực tập của Học viện **[H5.05.03.06]**. Các học phần liên quan đến kiến tập, thực tập sẽ là tổng hợp các đầu điểm của cán bộ hướng dẫn tại cơ quan, đơn vị tiếp nhận sinh viên kiến tập, thực tập; giảng viên hướng dẫn sinh viên và của Khoa chủ quản đánh giá chất lượng báo cáo và sản phẩm kiến tập/thực tập **[H5.05.03.03.DC]**.

Đối với khoá luận tốt nghiệp, việc đánh giá được tiến hành bởi hội đồng chấm thi. Thành phần tổ chấm gồm: tổ trưởng, thư ký và 1 ủy viên. Người hướng dẫn không tham gia tổ chấm nhưng phải có bản nhận xét gửi tới Tổ chấm trước khi tổ chức chấm 3 ngày. Tổ chấm khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp chỉ được tiến hành khi có mặt đầy đủ cả 3 thành viên. Tổ chấm cho điểm bằng phiếu chấm. Điểm chấm khoá luận của từng thành viên tổ chấm theo thang điểm 10, chấm điểm lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm học phần khoá luận là trung bình cộng điểm của các thành viên trong tổ chấm, làm tròn đến một chữ số thập phân, quy về thang điểm chữ. Hồ sơ chấm điểm được tập hợp và lưu trữ theo quy định đánh giá khóa luận tốt nghiệp **[H5.05.03.07]**. Đối với các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, việc đánh giá được tiến hành theo hình thức thi.

Kết quả thống kê mức độ hài lòng của sinh viên cuối khoá ngành QHCC về kiểm tra đánh giá năm 2020 cho thấy 84% sinh viên hài lòng với tiêu chí “quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, công bằng”, tăng hơn 10% so với năm 2019 **[H5.05.01.18.DC]**.

## **2. Điểm mạnh**

Công tác đánh giá kết quả học tập thực hiện theo đúng quy trình. Các phương pháp kiểm tra KQHT được sử dụng hợp lý, khách quan, chính xác và đảm bảo công

bằng, phù hợp với chương trình đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung của CTĐT ngành QHCC.

### **3. Điểm tồn tại**

Dù có triển khai giảng dạy trực tuyến nhưng phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2021, Khoa QHCC&QC đề xuất với Học viện, phối hợp cùng Trung tâm KT-KĐCLĐT, Ban QLĐT bổ sung chính thức hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến.

### **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

#### ***Tiêu chí 5.4.***

***Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập***

#### ***1. Mô tả***

Quy định về việc công bố kết quả đánh giá của người học nằm trong Quy định về công tác khảo thí của Học viện [H5.05.02.01.DC] và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện [H5.05.01.01.DC]. Trong vòng 3 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy học phần theo Thời khoá biểu đã ban hành, giảng viên phụ trách học phần nhập điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra giữa học phần (kiểm tra định kỳ) lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Sau khi giảng viên nhập điểm, sinh viên có thể đăng nhập để xem kết quả đánh giá trên Cổng thông tin sinh viên. Bản in có chữ ký của giảng viên phụ trách học phần và xác nhận của Ban Chủ nhiệm khoa nộp về Ban Quản lý Đào tạo; gửi file mềm cho Trung tâm KT-KĐCLĐT. Theo Quy định về công tác khảo thí của Học viện, đối với các môn thi trắc nghiệm, kết quả được công bố sau ngày thi 02 ngày. Đối với các môn đại cương, môn cơ sở ngành và chuyên ngành, việc chấm thi cần hoàn thành trong vòng 14 ngày. Sau 02 ngày hoàn thiện bảng điểm, phải công bố điểm thi cho sinh viên. Riêng đối với các học phần vấn đáp, kết quả đánh giá được thông báo trực tiếp với người học ngay khi kết thúc buổi chấm thi, sau đó, kết quả cụ thể cũng được cập nhật trên phần mềm quản lý tương tự các học phần thi trắc

nghiệm và tự luận. Người học sử dụng tài khoản cá nhân để truy cập vào Cổng tin sinh viên và dễ dàng tra cứu kết quả học tập của mình [H5.05.04.01]. Kết quả học tập của người học được Học viện tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị quản lý đào tạo, Khoa chuyên ngành và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Học viện, được sao lưu định kỳ vào hệ thống và hệ thống máy chủ. Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo đã giúp trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Sinh viên có thể nộp đơn đề nghị kiểm tra lại quy trình chấm thi học phần cho Trung tâm KT-KĐCLĐT trong thời gian 15 ngày kể từ ngày thông báo điểm trên mạng. Thời gian chấm phúc tra và công bố điểm cho sinh viên là 2 tuần kể từ khi nhận được đơn đề nghị của sinh viên [H5.05.02.01.DC].

Ngoài ra, kết thúc mỗi học kỳ Học viện đều bố trí các buổi để CVHT họp lớp, tổng kết hoạt động học tập, ghi nhận những đánh giá của người học về việc đánh giá kết quả học phần, thời gian công bố điểm [H5.05.04.02]. Thông qua kết quả học tập này CVHT sẽ cùng người học có định hướng tốt hơn trong xây dựng kế hoạch học tập. Sau khi họp lớp, Khoa QHCC&QC và Học viện cũng tổ chức buổi tiếp xúc đối thoại giữa sinh viên, CVHT với các đơn vị liên quan để ghi nhận thêm ý kiến của sinh viên về vấn đề kết quả học tập được phản hồi kịp thời [H5.05.04.03] [H5.05.04.04]. Thông qua những cuộc đối thoại này, Khoa QHCC&QC, các bộ môn trong Khoa và các phòng ban chức năng trong Học viện giải đáp thắc mắc của sinh viên, giúp sinh viên nắm rõ hơn về quy trình, thời gian phản hồi kết quả học tập, chuyển những thắc mắc của sinh viên về việc phản hồi kết quả học tập tới các đơn vị liên quan.

Việc công nhận kết quả tốt nghiệp cho sinh viên năm cuối được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định, quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01.DC]. Theo quy định, sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp được nêu rõ trong điều 27 Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ để lập danh sách những sinh viên có đủ điều kiện tốt nghiệp. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng

chứng chỉ của người học được Học viện quản lý và cấp phát đúng quy chế về quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tương tự đối với việc công nhận kết quả thi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định về CDR cũng được Học viện công bố trên cơ sở kết quả đánh giá và văn bản đề nghị công nhận kết quả do Hội đồng chấm thi ngoại ngữ, tin học trình lên Học viện.

Đối với những sinh viên trong diện tồn đọng, cảnh báo, cố vấn học tập sẽ trực tiếp gọi điện, liên lạc bằng nhiều hình thức để nhắc nhở sinh viên. Đồng thời thông qua các buổi họp phản ánh sinh viên, lãnh đạo khoa cũng yêu cầu sinh viên hoặc cán bộ lớp giải trình về các nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của sinh viên. Lãnh đạo Khoa cũng thường đưa ra các giải pháp cho tình trạng này bằng cách đốc thúc, nhắc nhở sinh viên thông qua cán bộ lớp và cố vấn học tập. **[H5.05.04.05]**

Theo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về kết quả đánh giá cải thiện kết quả học tập trong các năm học giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ sinh viên hài lòng luôn chiếm hơn 77%, mức độ hài lòng trung bình khoảng 4.3/5. Đặc biệt, trong học kỳ I năm học 2019 – 2020, tỷ lệ sinh viên hài lòng với tiêu chí này là 82.47%, cao nhất trong các kì thuộc giai đoạn nói trên **[H5.05.01.17.DC]**.

## **2. Điểm mạnh**

Kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được công bố kịp thời, giúp sinh viên có căn cứ để cải thiện quá trình học tập. Từ năm học 2016-2017, Học viện đã sử dụng phần mềm nhập điểm thành phần. Việc nhập các đầu điểm thành phần trên phần mềm đảm bảo SV được biết điểm của mình trên cổng thông tin cá nhân sớm để người học có thể cải thiện được kết quả học tập của mình. Trong quá trình học tập và ngay sau khi có kết quả kiểm tra đánh giá, người học được chủ động trao đổi, hỗ trợ trực tiếp từ cố vấn học tập, giảng viên, từ các bộ phận chuyên môn thông qua thư điện tử hoặc gặp gỡ trực tiếp.

## **3. Điểm tồn tại**

Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm trên phần mềm quản lý đào tạo bị tắc nghẽn, gây khó khăn cho người học trong việc tiếp cận kết quả học tập

Phần mềm đào tạo chưa tích hợp được cảnh báo tồn đọng đối với người học.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Năm 2021, đề xuất Học viện đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo của Học viện.

#### **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 6/7 điểm

##### ***Tiêu chí 5.5.***

##### ***Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập***

#### **1. Mô tả**

Việc giải quyết khiếu nại của người học về kết quả học tập là một trong những nội dung thuộc Quy định khảo thí của Học viện [H5.05.02.01.DC] [H5.05.03.04.DC]. Nội dung này cũng được CVHT, giáo viên trực tiếp giảng dạy các học phần phổ biến đến sinh viên trong các buổi nói chuyện đầu năm học hoặc khi bắt đầu các học kỳ [H5.05.05.01], đồng thời được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Học viện [H5.05.05.02]. Trong đó cụ thể việc khiếu nại được thực hiện như sau: Đối với điểm đánh giá được giảng viên thông báo trực tiếp tới sinh viên như điểm đánh giá quá trình học tập sẽ được giảng viên công bố vào buổi học cuối cùng, điểm thi hết môn của các môn thi vấn đáp. Nếu sinh viên có khiếu nại thì sẽ được giảng viên giải quyết ngay trong buổi đó. Đối với bài thi kết thúc học phần (trừ bài thi thực hành, vấn đáp), sau khi người học nhận được điểm bài thi hết môn trên hệ thống của học viện, căn cứ thông báo về thời gian phúc khảo kết quả bài thi của Trung tâm KT-KĐCLĐT và Ban QLĐT [H5.05.01.01.DC] [H5.05.03.04.DC] nếu có thắc mắc về điểm số, sinh viên có thể làm đơn phúc khảo bài thi gửi lên Trung tâm KT-KĐCLĐT trong thời gian quy định. Mẫu đơn xin phúc khảo được công bố trên website Học viện và Sở tay sinh viên [H5.05.01.02.DC]. Trung tâm KT-KĐCLĐT sẽ tiếp nhận đơn của sinh viên, thành lập Ban phúc khảo bài thi. Sau đó, Trung tâm KT-KĐCLĐT tổng hợp danh sách và gửi danh sách tới khoa có môn thi phải phúc khảo. Việc tổ chức phúc khảo do Trưởng khoa (Tổ trưởng bộ môn) và hai cán bộ chấm thi thực hiện. Trong hai cán bộ phúc khảo phải có ít nhất 1 cán bộ không chấm thi học phần đó lần 1. Điểm phúc khảo được sử dụng

để thay thế điểm thi lần 1. Trung tâm KT-KĐCLĐT tổng hợp điểm thông báo cho sinh viên, đưa lên website Học viện sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn và gửi về Bản QLĐT để sửa điểm trên phần mềm quản lý đào tạo.

Hàng kỳ, vẫn có các trường hợp sinh viên khiếu nại về điểm bài thi kết thúc học phần, tuy nhiên, số lượng đơn khiếu nại chiếm tỷ lệ rất nhỏ trên tổng số bài thi trong kỳ đó. Thống kê cho thấy 100% số đơn khiếu nại được giải quyết **[H5.05.02.09.DC]** **[H5.05.03.04.DC]**.

Ngoài ra, sinh viên có thể phản ánh các ý kiến liên quan đến khiếu nại về kết quả học tập thông qua các buổi họp lớp, cố vấn học tập hoặc các buổi họp phản ánh tình hình sinh viên hàng tháng giữa Ban Chủ nhiệm Khoa QHCC&QC, CVHT và Ban cán sự, Ban chấp hành chi đoàn các lớp sinh viên **[H5.05.05.03]**.

Qua khảo sát người học về thủ tục khiếu nại, kết quả giải quyết khiếu nại KQHT có thể nhận thấy sinh viên cho rằng có thể tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và sinh viên cho rằng các khiếu nại được giải quyết thỏa đáng **[H5.05.01.17.DC]** **[H5.05.01.18.DC]**.

## **2. Điểm mạnh**

Học viện đã ban hành quy trình giải quyết khiếu nại rõ ràng và công khai tới người học thông qua website Học viện, thông tin của các phòng chức năng, qua cổng thông tin sinh viên, qua CVHT, tuần sinh hoạt công dân đầu khoá. Người học được hướng dẫn cụ thể để tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại kết quả học tập, có nhiều kênh để có thể phản ánh các khiếu nại về KQHT. Học viện và Khoa QHCC&QC luôn đảm bảo quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy trình chuẩn về thời gian và quá trình xử lý khiếu nại về kết quả học tập của người học nhưng vẫn còn một số sinh viên chưa nắm rõ về các quy trình, các quy định về khiếu nại KQHT dẫn đến quá hạn thời gian phúc tra, phúc khảo.

## **4. Kế hoạch hành động**



Trong năm học 2020 - 2021, Học viện cần có kế hoạch đầu tư nâng cấp máy chủ cho Trung tâm KT-KĐCLĐT để nâng cao hiệu quả trong các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập, kết quả giải quyết khiếu nại của người học.

Học viện, Trung tâm KT-KĐCLĐT, Ban QLĐT, Khoa QHCC&QC cần tăng cường phổ biến và đôn đốc sinh viên tìm hiểu các quy định về khiếu nại kết quả học tập.

## **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

### **Kết luận tiêu chuẩn 5**

Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành QHCC được thực hiện đúng quy trình theo quy định của Bộ GD&ĐT và Học viện Báo chí và Tuyên truyền, phù hợp với chuẩn đầu ra, được thông báo rõ ràng và công khai tới người học. Các phương pháp kiểm tra đánh giá có tính đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Người học được hướng dẫn cụ thể để tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại kết quả học tập, có nhiều kênh để có thể phản ánh các khiếu nại về kết quả học tập.

Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá.

Tuy nhiên, tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít; lượng sinh viên truy cập vào website của người học còn hạn chế; phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT.

Những hạn chế này sẽ được Học viện, Khoa QHCC&QC, các phòng ban chức năng lên kế hoạch hành động khắc phục từ năm 2021.

***Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí, cả 5 đều đạt, điểm trung bình là 5.4/7.***

## **TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN**

### ***Mở đầu***

Với đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu về chất lượng, số lượng, cơ cấu, độ tuổi, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã và đang thực hiện tốt các nhiệm vụ quan trọng: đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Học viện có kế hoạch, quy trình tuyển dụng viên chức công khai, minh bạch; sử dụng và quản lý cán bộ theo đúng quy định của Nhà nước; có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên được thường xuyên tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ trong và ngoài nước. Quy chế dân chủ được đảm bảo và phát huy trong mọi hoạt động của Học viện. Công tác chuẩn hóa, nâng cao chất lượng, trình độ cho đội ngũ cán bộ luôn được Học viện xác định là nhiệm vụ then chốt.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo là một trong những khoa đào tạo mũi nhọn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền với hai ngành đào tạo là Quan hệ công chúng và Quảng cáo. Chất lượng đội ngũ giảng viên quyết định chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo của Ngành Quan hệ công chúng. Đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng được quy hoạch (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch giảng viên được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định. Việc phân công nhiệm vụ đảm bảo chính xác, phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, thành tích học thuật và kỹ năng của giảng viên. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận sự đóng góp của mỗi cá nhân tạo động lực phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

### ***Tiêu chí 6.1.***

***Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### ***1. Mô tả***

Do nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác cán bộ và phát triển đội ngũ giảng viên trong trường đại học, nên vấn đề quy hoạch, phát triển đội ngũ này luôn được Học viện và Khoa quan tâm, chú trọng. Điều này được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn 2050 và Chiến lược phát triển Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đến năm 2030, tầm nhìn 2050 [H6.06.01.01.DC][H6.06.01.02.DC]. Định hướng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện là: (i) Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên nghiệp, có năng lực quản trị Học viện hiện đại, có khả năng dự báo chiến lược và quản lý sự thay đổi nhằm phát triển Học viện theo các định hướng chiến lược; (ii) Chuẩn hóa và tăng cường đội ngũ giảng viên giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề, thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ để hỗ trợ quá trình học tập của sinh viên; (iii) Phát triển nhóm chuyên gia đầu ngành có khả năng định hướng chuyên môn trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí và truyền thông, trong đó có những chuyên gia có khả năng tham gia giảng dạy quốc tế, nghiên cứu quốc tế [H6.06.01.01.DC]. Để thực hiện định hướng đó, Học viện đã ban hành hệ thống các văn bản sau: Đề án vị trí việc làm; Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý; Quy định liên quan đến giảng viên thỉnh giảng [H6.06.01.03.DC][H6.06.01.08.DC] [H6.06.01.09.DC] [H6.06.01.10]. Các văn bản này đề cập đến công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực, quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm của Học viện, của từng đơn vị trong Học viện. Ngoài ra, hàng năm, tại hội nghị cán bộ viên chức, Học viện báo cáo tổng kết và định hướng công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực [H6.06.01.21].

Quy trình tuyển dụng cán bộ được thực hiện một cách rõ ràng, công khai, minh bạch, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Ban Tổ chức - Cán bộ, căn cứ vào chỉ tiêu viên chức đã được phê duyệt, căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trường đơn vị đăng ký nhu cầu tuyển dụng gửi Ban Tổ chức - Cán bộ tổng hợp báo cáo trình Giám đốc phê duyệt. Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng của Học viện được thành lập nhằm đảm bảo việc tuyển dụng được

chính xác, khách quan. Kết quả tuyển dụng được công bố tới từng ứng viên dự tuyển **[H6.06.01.05.DC]**.

Đối với Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, trong chiến lược phát triển của mình, Khoa luôn chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên cả về số lượng và chất lượng nhằm mục tiêu “xây dựng vững chắc đội ngũ giảng viên quan hệ công chúng, quảng cáo và marketing đạt chuẩn chuyên môn cao theo hướng đại học nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu đổi mới đất nước, hội nhập khu vực và quốc tế”**[H6.06.01.02.DC]**. Định hướng phát triển công tác cán bộ của Khoa được xây dựng phù hợp với chiến lược phát triển của Học viện. Điều này được thể hiện thông qua chiến lược phát triển cũng như báo cáo hội nghị cán bộ viên chức hàng năm của Khoa **[H6.06.01.02.DC]**, **[H6.06.01.04.DC]**. Công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa được thực hiện theo quy trình rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ, khoa học, phù hợp với quy định chung của Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Báo chí và Tuyên truyền **[H6.06.01.08.DC]**, **[H6.06.01.09.DC]**, **[H6.06.01.21]**.

Đối với Ngành Quan hệ công chúng, trong quá trình xây dựng, rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo qua các giai đoạn (2014, 2016, 2018, 2020), trong các cuộc họp khoa, tổng kết năm học, hội nghị cán bộ viên chức hàng năm, việc quy hoạch đội ngũ giảng viên cho Ngành Quan hệ công chúng đều được nghiên cứu kỹ, đề cập rõ ràng và thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định **[H6.06.01.04.DC]** **[H6.06.01.07.DC]**. Trên thực tế, kế hoạch quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng được xây dựng dựa trên kế hoạch phát triển nhân lực của các tổ bộ môn và yêu cầu thực tiễn của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, phù hợp với chiến lược phát triển của Khoa, Học viện.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo tại Khoa cũng được thực hiện một cách nghiêm túc, theo đúng quy định **[H6.06.01.09.DC]**. Quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo bộ môn, khoa đều được thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng, đúng theo quy định của Học viện. Năm 2016, đồng chí Trưởng khoa xin chuyển công tác **[H6.06.01.17.DC]**. Năm 2018, Học viện đã không bổ nhiệm lại một Phó Trưởng khoa là đồng chí Đỗ Thị Minh Hiền theo nguyện vọng cá nhân. Năm 2019, Học viện bổ nhiệm lại đồng chí Nguyễn Thị Minh Hiền tiếp tục giữ chức vụ Phó

Trưởng khoa phụ trách Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo **[H6.06.01.06.DC]**  
**[H6.06.01.16.DC]**.

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của giảng viên cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch. Hàng năm, Học viện có kế hoạch cụ thể về kéo dài thời gian hoặc chấm dứt hợp đồng với giảng viên nghỉ hưu. Chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng chính sách hiện hành. Giai đoạn 2016 – nay, Khoa chưa có giảng viên nào nghỉ hưu; có 01 giảng viên kéo dài thời gian công tác **[H6.06.01.18]**. Cuối năm 2019, có 01 giảng viên của ngành Quan hệ công chúng nhận quyết định chuyển công tác vì lý do cá nhân **[H6.06.01.17.DC]**.

Công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên của Ngành Quan hệ công chúng về cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ cán bộ giảng viên của Ngành ngày càng được nâng cao và chuẩn hóa. Tỷ lệ giảng viên đi học nghiên cứu sinh và có học vị tiến sĩ ngày càng được nâng lên. Trong hai năm 2016 và 2017, số lượng cán bộ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng có sự thay đổi đáng kể (từ 7 lên đến 10 giảng viên). Trong giai đoạn này, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo của Ngành Quan hệ công chúng, Học viện đã tuyển dụng 01 cán bộ giảng viên trẻ và điều động 01 cán bộ từ đơn vị khác sang **[H6.06.01.05.DC]** **[H6.06.01.17.DC]**. Đồng thời, khoa cũng đã điều chuyển 01 giảng viên từ ngành Quảng cáo sang ngành Quan hệ công chúng. Từ 2017 đến nay, số lượng giảng viên không có nhiều biến động, dao động trong khoảng từ 09 đến 10.

Việc bổ nhiệm, điều chuyển, tuyển dụng không chỉ nhằm mục đích tăng cường công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng trong thời điểm hiện tại, mà còn hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ kế cận để đảm đương khối lượng công việc của một số cán bộ giảng dạy sắp đến tuổi nghỉ hưu và của cán bộ được điều động đảm nhận cương vị lãnh đạo khác trong Học viện. Các vị trí lãnh đạo, giảng viên được tuyển dụng/điều chuyển vị trí việc làm đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, quy định tuyển dụng của Khoa và Học viện **[H6.01.01.08.DC]** **[H6.06.01.11.DC]**.

Học viện và Khoa luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của vị trí việc làm. Hàng năm, Học viện, Khoa có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ nói chung và

cán bộ quản lý nói riêng thông qua việc cử đi đào tạo các bậc học dài hạn và các lớp bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước **[H6.06.01.14.DC]**. Học viện cũng ban hành các quy chế khen thưởng nhằm động viên, khích lệ đội ngũ cán bộ giảng viên khi đạt chức danh phó giáo sư, giáo sư, đạt trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đạt giải thưởng trong cuộc thi giảng dạy các cấp, trong nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng... **[H6.06.01.19.DC]**.

Song song với sự khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi của Học viện và Khoa, bản thân giảng viên Ngành Quan hệ công chúng cũng luôn ý thức trau dồi, nâng cao trình độ, kỹ năng thông qua việc tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong và ngoài nước như: nghiệp vụ báo chí truyền thông, biến đổi khí hậu, kinh điển Mác – Lênin, quản lý hành chính nhà nước, cao cấp lý luận chính trị, nghiên cứu sinh... **[H6.06.01.14.DC]**. Đến nay, 100% giảng viên có đầy đủ các chứng chỉ bắt buộc theo quy định: nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ **[H6.06.01.12.DC]**.

Chất lượng giảng viên Ngành Quan hệ công chúng cũng có sự phát triển mạnh mẽ. Thời điểm hiện tại, tổng số cán bộ của Ngành là 09 giảng viên cơ hữu. Đa phần cán bộ giảng dạy của Ngành có tuổi đời trẻ, nhiệt huyết, đam mê giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hiện độ tuổi bình quân của giảng viên cơ hữu là: 38,6; cơ cấu về giới là: 01 nam (11%) và 08 nữ (89%) **[H6.06.01.12.DC]**. Các giảng viên trẻ luôn có tinh thần cầu thị, muốn khẳng định bản thân, giàu nhiệt huyết, sáng tạo, tâm lý và đặc biệt có trình độ ngoại ngữ, tin học thành thạo, có phương pháp giảng dạy tích cực, thu hút người học.

Tính đến thời điểm hiện tại, 100% cán bộ giảng dạy của Ngành đều có trình độ trên đại học. Số lượng giảng viên có học vị tiến sĩ ngày càng tăng. Năm 2017, Học viện điều động thêm 01 tiến sĩ cho Ngành Quan hệ công chúng. Năm 2018, 2019, 2020, mỗi năm đã có thêm 1 cán bộ giảng dạy bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Số giảng viên cơ hữu có chức danh phó giáo sư là 01 (11%), số giảng viên đạt trình độ tiến sĩ là 04 (chiếm 44,5 %) và số giảng viên đang làm nghiên cứu sinh là 01 (11 %). Xét về ngạch giảng viên, hiện nay Ngành Quan hệ công chúng có 01 giảng viên cao cấp, 03 giảng viên chính, 01 giảng viên đã xét hồ sơ đủ tiêu chuẩn và đang chờ nâng hạng chính thức

lên giảng viên chính [H6.06.01.12.DC]. Nhiều cán bộ được bổ nhiệm giữ các chức vụ quan trọng trong bộ môn và khoa [H6.06.01.16.DC].

Tất cả giảng viên của Khoa đều có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp, có thể đọc, dịch tài liệu tiếng Anh để hỗ trợ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Một số giảng viên có thể sử dụng tiếng Anh để giảng dạy các học phần chuyên ngành Quan hệ công chúng đồng thời tham gia trợ giảng/phiên dịch cho chuyên gia trong các chương trình hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo quốc tế [H6.06.01.12.DC] [H6.06.01.23]. Điều đó cho thấy sự đúng đắn trong chính sách phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói chung và Ngành Quan hệ công chúng nói riêng.

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên cho Ngành Quan hệ công chúng, Ban Chủ nhiệm Khoa luôn chú trọng công tác phát triển giảng viên. Căn cứ để Ban Chủ nhiệm Khoa xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng viên chức là: (i) đảm bảo đội ngũ kế cận có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, chuyên môn cao; (ii) đảm bảo số lượng, cơ cấu độ tuổi, giới tính; (iii) dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của giảng viên và lực lượng cán bộ giảng viên sắp nghỉ hưu [H6.06.01.04.DC] [H6.06.01.11.DC]. Việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp cho giảng viên, đặc biệt là các giảng viên mới/trẻ được giao cho các tổ bộ môn phụ trách. giảng viên trẻ trước khi giảng dạy đều được các giảng viên có kinh nghiệm và trình độ kèm cặp, bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp. Theo chiến lược phát triển của Khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo thì đến 2030 số lượng cán bộ giảng dạy của Khoa có trình độ trên đại học đạt tỷ lệ 100%, trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ là trên 50%; đến năm 2035, những giảng viên công tác ở Khoa từ năm 2025 trở về trước đều đạt học vị Tiến sĩ [H6.06.01.02.DC].

Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Khoa còn hợp tác với nhiều giảng viên kiêm nhiệm, thỉnh giảng là các nhà khoa học, giảng viên uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học [H6.06.01.13.DC]. Nhìn chung, công tác quy hoạch và kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Ngành Quan hệ công chúng về cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu

đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ cán bộ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng ngày càng được chuẩn hóa và nâng cao.

Về công tác đánh giá cán bộ, viên chức và bình xét thi đua khen thưởng nhằm ghi nhận, tạo động lực cho đội ngũ giảng viên phấn đấu, hoàn thành tốt trách nhiệm đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng: Học viện đã xây dựng các tiêu chí, chỉ số đánh giá nhằm phục vụ cho việc đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, khen thưởng chính xác nhất, tạo động lực phấn đấu cho đội ngũ cán bộ, viên chức [H6.06.01.24.DC]. Đối với cán bộ quản lý (Ban Chủ nhiệm Khoa) ngoài kênh đánh giá cán bộ, viên chức như đã nêu, Học viện còn đánh giá thông qua lấy phiếu tín nhiệm tại đơn vị theo định kỳ [H6.06.01.06.DC]. Đối với giảng viên mới được tuyển dụng, hàng năm, Khoa đều tiến hành đánh giá năng lực, ý thức, thái độ, phù hợp với quy định của Học viện [H6.06.01.25.DC]. Kết quả đánh giá giúp Học viện nắm được thực trạng năng lực, uy tín của giảng viên và cán bộ quản lý nhằm điều chỉnh cách thức quản lý, điều hành trong công tác phát triển đội ngũ.

Ngoài ra, Học viện cũng tiến hành lấy ý kiến phản hồi của giảng viên về công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên định kỳ và tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với đội ngũ cán bộ quy hoạch nhằm đánh giá công tác quy hoạch, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.01.21][H6.06.01.06.DC].

## **2. Điểm mạnh**

Công tác quy hoạch giảng viên của Ngành (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện công khai, minh bạch, rõ ràng, dân chủ, sát thực với điều kiện, nhu cầu thực tế và phù hợp với các quy định của Khoa, Học viện giúp Ngành Quan hệ công chúng chủ động về công tác cán bộ.

Học viện đã xây dựng được đề án vị trí việc làm đối với tất cả các đơn vị trong Học viện, trong đó có Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo để vận hành công tác tuyển dụng, bổ nhiệm sắp xếp công việc hợp lý.

Giai đoạn 2016 – nay, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói chung và Ngành Quan hệ công chúng nói riêng luôn quan tâm đến việc quy hoạch và phát triển



đội ngũ giảng viên. Tính đến thời điểm hiện tại, Ngành Quan hệ công chúng đã xây dựng được đội ngũ giảng viên trẻ, năng động, có trách nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

### **3. Điểm tồn tại**

Công tác quy hoạch còn chưa chú trọng đúng mức tới sự cân đối tỷ lệ nam - nữ trong phạm vi Ngành, Khoa và Học viện, dẫn tới mất cân bằng giới trong đội ngũ cán bộ giảng viên.

Giảng viên Ngành Quan hệ công chúng có độ tuổi bình quân thấp, nên kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (ở tầm quốc tế) còn hạn chế.

### **4. Kế hoạch hành động**

Học viện cần rà soát lại công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ, giảng viên để đảm bảo có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đảm bảo cân đối về tỷ lệ nam - nữ trong phạm vi ngành, khoa, trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Học viện cũng cần nghiên cứu, bổ sung các chính sách phù hợp nhằm khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ giảng viên trẻ đầu tư nghiên cứu khoa học, đặc biệt ở hạng mục các công trình công bố quốc tế.

### **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

#### ***Tiêu chí 6.2.***

***Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### ***1. Mô tả***

Thời điểm hiện tại, tổng số cán bộ cơ hữu của Ngành Quan hệ công chúng là 09 giảng viên, trong đó số lượng phó giáo sư là 01 (11%), tiến sĩ là 04 (44,5 %); thạc sĩ là 04 (44,5 %) [H6.06.02.05].

Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Khoa còn có sự hợp tác liên kết với các nhà khoa học, giảng viên có uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ trong nước như Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Thương mại, ĐH Kinh tế Quốc dân, ĐH Quốc Gia Hà Nội, Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ Báo chí – Hội nhà báo Việt Nam, Báo Đại biểu Nhân Dân, Bộ Y tế, Đài truyền hình Việt Nam, Đại sứ quán Thụy Điển, KOICA... và các tập đoàn truyền thông lớn trong nước như Le Bros, IB Group, Leo Burnett, CleverAds, VCCorp, Vinalink... [H6.06.02.08] [H6.06.01.13.DC].

**Bảng 6.1. Thống kê giảng viên Ngành Quan hệ công chúng tính đến tháng 12/2020**

Số TT	Trình độ. học vị. chức danh	Hệ số quy đổi theo trình độ	Tổng chưa quy đổi	giảng viên cơ hữu			giảng viên thỉnh giảng	giảng viên quốc tế	Tổng quy đổi nội bộ Ngành	Số giảng viên Nhóm chung (đã quy đổi)	Tổng quy đổi Ngành (để tính SV/GV)
				giảng viên trong biên chế trực tiếp GD	giảng viên HĐ dài hạn trực tiếp GD	giảng viên kiêm nhiệm là CBQL					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Hệ số quy đổi theo vị trí giảng viên			1	1	0,3	0,2	0,2			

	=>										
1	Giáo sư	5		-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	3	01	01	-	-	-	-	-	-	-
3	Tiến sĩ	2	04	04	-	-	-	-	-	-	-
4	Thạc sĩ	1	08	02	02	-	04	-	-	-	-
5	Đại học	0,3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>Tổng</b>		13	07	02	0	04	0	<b>15,8</b>	<b>1,7</b>	<b>17,5</b>

Hiện nay, số lượng giảng viên quy đổi là 15,8 người nếu chỉ tính riêng cho Ngành Quan hệ công chúng và là 17,5 người tính cho tổng số giảng viên tham gia đào tạo. Số lượng sinh viên đại học chính quy ngành Quan hệ công chúng năm 2020 là 300 sinh viên [H6.06.02.06]. Như vậy, tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi của Ngành Quan hệ công chúng là 17,1 sinh viên/giảng viên [H6.06.02.07].

Giai đoạn 2016 - nay, quy mô đào tạo Ngành Quan hệ công chúng khá ổn định, trong khi nhu cầu xã hội có xu hướng tăng lên, thể hiện thông qua điểm đầu vào và số lượng sinh viên dự tuyển, nhập học cao [H6.06.02.09].

Khối lượng công việc, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn, giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên Ngành Quan hệ công chúng được áp dụng theo đúng quy định trong Quy chế giảng viên của Học viện, trong đó quy định rõ giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học cho từng đối tượng. Cụ thể: (i) đối với giảng viên cao cấp - hạng I (GS, PGS, TS): giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với GS là 270 giờ, nghiên cứu khoa học là 950 giờ; học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 90 giờ; giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với PGS là 270 giờ, nghiên cứu khoa học là 900 giờ, học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 110 giờ; đối với TS lần lượt là 290, 850 và 210 giờ. (ii) Đối với giảng viên chính (Hạng II): giảng viên có học vị TS: giờ chuẩn giảng dạy các môn học; giờ nghiên cứu khoa học và giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác lần lượt là: 280, 700 và 260; giảng viên chưa đạt trình độ TS: 280, 700 và 260. (iii) Đối với

giảng viên (Hạng III): giảng viên có học vị TS: 270, 600 và 360 giờ; giảng viên chưa đạt trình độ TS: 270, 600 và 360 giờ [H6.06.02.01.DC].

Nhìn chung, trong giai đoạn 2016 - nay, khối lượng giảng dạy của giảng viên Ngành Quan hệ công chúng đều vượt so với quy định [H6.06.02.11]. Theo số liệu thống kê, bình quân số giờ giảng dạy quy đổi hàng năm của một giảng viên cơ hữu Ngành Quan hệ công chúng khá cao, trong khoảng 550 – 600 giờ, đặc biệt năm học 2019 – 2020 lên tới 755,74 giờ (Bảng 6.2) [H6.06.02.02.DC]. Mặc dù khối lượng giảng dạy lớn, nhưng giảng viên Ngành Quan hệ công chúng vẫn đảm bảo chất lượng giảng dạy. Điều này được thể hiện thông qua khảo sát đánh giá của sinh viên đối với giảng viên và đối với các học phần được học theo từng học kỳ [H6.06.02.12.DC]. Đây là một trong những căn cứ quan trọng để Khoa và bộ môn đánh giá, cải tiến, điều chỉnh trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

**Bảng 6.2. Khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học bình quân của giảng viên cơ hữu Ngành Quan hệ công chúng giai đoạn 2016-nay**

*DVT: giờ quy đổi*

<b>Khối lượng</b>	<b>2015- 2016</b>	<b>2016- 2017</b>	<b>2017- 2018</b>	<b>2018- 2019</b>	<b>2019- 2020</b>
Khối lượng giảng dạy quy đổi	603,57	581,89	547,71	559,75	755,74
Khối lượng nghiên cứu khoa học quy đổi	530,50	472,86	465,20	777,44	1146,25

Bên cạnh giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng là một nhiệm vụ trọng tâm đối với đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng. Điều này đã được quy định rõ trong Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H6.06.02.01.DC]. Đây chính là cơ sở, căn cứ để Học viện, Khoa và các tổ bộ môn đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm của đội ngũ giảng viên trong đơn vị mình. Trong quy chế cũng ghi rõ các yêu cầu về từng loại hoạt động tính ra giờ

quy đổi, từng loại hoạt động khoa học được quy đổi và số giờ quy đổi cho mỗi hoạt động; cách quy đổi tính khối lượng nghiên cứu khoa học hàng năm dựa trên các công trình công bố, các hoạt động khoa học mà giảng viên đã thực hiện trong năm học đó.

Mặc dù trong giai đoạn 2016 - nay, giảng viên Ngành Quan hệ công chúng phải đảm đương khối lượng công việc giảng dạy lớn, nhưng theo số liệu thống kê, thì giảng viên rất tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học. Cụ thể: tham gia thực hiện 02 đề tài cấp Bộ, chủ trì thực hiện 33 đề tài cấp cơ sở; biên soạn và xuất bản 04 sách chuyên khảo, 02 sách giáo trình, 01 sách tham khảo, 01 sách hướng dẫn; công bố 02 bài báo quốc tế, 22 bài báo tạp chí khoa học trong nước, 23 bài báo trên tạp chí khoa học cấp trường, 14 bài báo hội thảo các cấp [H6.06.02.03.DC].

Cùng với những hoạt động khoa học khác, khối lượng giờ nghiên cứu khoa học quy đổi bình quân của một giảng viên trong năm luôn cao hơn so với quy định, đặc biệt trong hai năm học gần đây (2018 – 2019 và 2019 – 2020) (Bảng 6.2) [H6.06.02.02.DC].

## **2. Điểm mạnh**

Tỷ lệ người học/giảng viên và khối lượng công việc của từng giảng viên Ngành Quan hệ công chúng được xác định rõ ràng thông qua hệ thống các văn bản quy định của Học viện và được giám sát bởi tổ bộ môn, Khoa (Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Ban Chủ nhiệm khoa) và các đơn vị chức năng trong Học viện. Điều đó góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Học viện có các quy định cụ thể về khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phân loại đánh giá, thi đua đối với các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên; do đó có căn cứ để cải tiến hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù số lượng giảng viên có học vị tiến sĩ tăng, nhưng tỷ lệ giảng viên có học hàm PGS chưa cao.

Mặc dù khối lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên Ngành Quan hệ công chúng vẫn vượt so với quy định, tuy nhiên số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp cao

như cấp Bộ, cấp Nhà nước còn ít, số lượng bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín còn hạn chế.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2021, Ngành Quan hệ công chúng cần xúc tiến thành lập nhóm nghiên cứu mạnh để có thể thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ở cấp cao hơn và có thêm nhiều công trình công bố quốc tế hơn.

Từ năm 2021, Khoa cần tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước (cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế trong lĩnh vực quan hệ công chúng và báo chí truyền thông) để mời các chuyên gia tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy/trao đổi một số nội dung của các học phần ngành/chuyên ngành cũng như tạo điều kiện hỗ trợ thêm cho sinh viên trong mảng thực tế chính trị - xã hội và kiến tập, thực tập.

#### **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu tiêu chí: 5/7 điểm

##### ***Tiêu chí 6.3.***

***Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

##### ***1. Mô tả***

Phát triển đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức, có năng lực, trình độ là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Để thực hiện điều đó, Học viện đã xây dựng và ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức [H6.06.01.08.DC].

Trong công tác tuyển dụng, hàng năm, Hội đồng tuyển dụng của Học viện triển khai quy trình tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, công khai, bao gồm chỉ tiêu, tiêu chí, hình thức thi tuyển và thời gian tiến hành tuyển dụng. Tiêu chí tuyển dụng được xây dựng dựa trên quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh [H6.06.03.05][H6.06.01.08.DC]. Trong Quy định về việc tuyển

dụng công chức, viên chức của Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) và của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật). Cụ thể: (1) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; (2) Nếu dự tuyển các vị trí có yêu cầu trình độ đại học, ứng viên phải tốt nghiệp cơ sở đào tạo công lập, hệ chính quy, tập trung, loại khá trở lên, không thi lại quá 2 môn (trong đó có môn chuyên ngành) hoặc tốt nghiệp các cơ sở đào tạo uy tín của nước ngoài có chuyên môn phù hợp với vị trí cần tuyển. Nếu dự tuyển các vị trí có yêu cầu trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, ngoài yêu cầu bằng tốt nghiệp đại học chuyên nhanh thỏa mãn điều kiện trên, ứng viên còn phải có bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ chuyên ngành phù hợp; (3) Trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ C trở lên một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc; (4) Trình độ tin học tương đương trình độ B, sử dụng thành thạo chương trình tin học văn phòng và ứng dụng công nghệ thông tin để soạn bài giảng và giảng dạy; (4) Có khả năng sư phạm, không nói ngọng, không nói lắp, bảo đảm các yêu cầu ngoại hình; (5) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; (6) Có lý lịch rõ ràng **[H6.06.01.08.DC]**.

Đối với các ứng viên tuyển dụng vào vị trí giảng viên Ngành Quan hệ công chúng, thì ngoài các yêu cầu chung theo quy định, trước khi đăng ký tuyển dụng, Hội đồng Khoa học bàn đưa ra các yêu cầu riêng tùy thuộc vào yêu cầu phát triển cụ thể của Ngành trong từng giai đoạn. Điều đó được thể hiện trong Biên bản họp khoa quy hoạch rà soát cán bộ và Tiêu chí tuyển dụng của Khoa **[H6.06.03.03]** **[H6.06.01.11.DC]**.

Trên thực tế, quy trình tuyển dụng được tiến hành như sau: hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Ban Tổ chức - Cán bộ, căn cứ vào chỉ tiêu viên chức đã được phê duyệt, căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trưởng đơn vị đề xuất nhu cầu tuyển dụng về Ban Tổ chức - Cán bộ để tổng hợp báo cáo trình Giám đốc phê duyệt. Kế hoạch tuyển dụng của Học viện được gửi tới các đơn vị trong toàn trường, được đăng tải trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng (báo viết, báo nói, báo hình), trên trang tin điện tử của trường và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc **[H6.06.03.01]** **[H6.06.01.05.DC]**. Các bước tuyển dụng được thực hiện

theo đúng quy trình và các quy định của pháp luật như Nghị định 116, Nghị định 29, Luật viên chức 2012, Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018 và Quy định của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về việc tuyển dụng công chức, viên chức **[H6.06.03.05][H6.06.01.08.DC]**. Kết quả tuyển dụng được thông báo tới các ứng viên trúng tuyển, công bố công khai đến các đơn vị, trên trang tin điện tử của trường **[H6.06.01.05.DC]**.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trên website của Học viện, được niêm yết tại Ban Tổ chức – Cán bộ **[H6.06.03.01]**. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Học viện, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, với xu thế phát triển chung của giáo dục đại học.

Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng của Học viện được thành lập để đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng. Hội đồng tuyển dụng hoạt động theo từng kỳ thi tuyển hoặc kỳ xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả tuyển dụng được công bố tới từng ứng viên. Đối với vị trí giảng viên, ứng viên phải trải qua phân thi giảng phù hợp với chuyên môn đăng ký dự tuyển **[H6.06.01.05.DC]**.

Sau khi trúng tuyển, giảng viên tham gia dự giảng, biên soạn đề cương bài giảng, được một giảng viên có kinh nghiệm và chuyên môn sâu hướng dẫn. Giảng viên tập sự phải thông qua bài giảng (giáo án) và giảng thử tại tổ bộ môn trước khi lên lớp chính thức. Trong 1 năm tập sự, sẽ có buổi dự giờ đánh giá của các bộ phận liên quan như tổ bộ môn, khoa. Sau 1 năm tập sự, Học viện, Ban Chủ nhiệm Khoa và tổ bộ môn sẽ tiến hành đánh giá về ý thức, chuyên môn, phương pháp giảng dạy; nếu đạt được các yêu cầu thì mới được công nhận hết tập sự **[H6.06.01.25.DC]**.

Trong giai đoạn từ 2016 – nay, để đảm bảo yêu cầu phát triển đội ngũ giảng viên cũng như phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, ngành Quan hệ công chúng đã tiến hành tuyển dụng thêm 01 cán bộ giảng dạy là Thạc sĩ ngành Quan hệ công chúng và điều động 01 cán bộ là Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ từ đơn vị khác về khoa. Cả hai đều được đào tạo bài bản, có trình độ cao về chuyên môn và ngoại ngữ, có phẩm chất đạo đức tốt **[H6.06.01.05.DC][H6.06.01.17.DC]**.



Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý thực hiện đúng quy trình, đảm bảo công khai và dân chủ. Điều đó được thể hiện thông qua Quyết định về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh **[H6.06.01.09.DC]**. Việc bổ nhiệm cán bộ xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của từng đơn vị và năng lực của từng cán bộ, do đó đội ngũ này phù hợp với vị trí công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, Học viện thực hiện tốt công tác qui hoạch cán bộ lãnh đạo tại các đơn vị, trong đó có Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo; đảm bảo được tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ. Học viện đã triển khai thực hiện tốt Quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ quản lý tại Khoa. Khoa tổ chức hội nghị với sự tham dự của đại diện Ban Giám đốc, Ban Tổ chức – Cán bộ cùng toàn thể đơn vị để lấy phiếu tín nhiệm và trình lên Đảng ủy Học viện xét duyệt **[H6.06.01.06.DC]**. Phiếu giới thiệu là một kênh tham khảo của Giám đốc Học viện trước khi xác định nhân sự bổ nhiệm. Quy định này đảm bảo cho quy trình bổ nhiệm được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, công khai theo tinh thần cải cách hành chính, tránh được phiền hà, tiêu cực. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm lãnh đạo Khoa còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý giữa Khoa và Học viện.

Trong giai đoạn 2016 – 2020, Học viện đã bổ nhiệm lại nhân sự vào vị trí lãnh đạo Khoa (Phó Trưởng Khoa) **[H6.06.01.16.DC]**. Công tác bổ nhiệm của ngành Quan hệ công chúng được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển đội ngũ viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị **[H6.06.03.03]** **[H6.06.01.06.DC]**. Đồng chí được bổ nhiệm đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ về quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng

đồng. Thành tích tập thể và cá nhân được ghi nhận là minh chứng cho sự bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chính xác của Học viện [H6.06.03.06] [H6.06.03.07.DC].

Cuối năm 2019, có 01 giảng viên của ngành Quan hệ công chúng thuyên chuyển công tác vì lý do cá nhân [H6.06.01.17.DC].

Nhìn chung, việc tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm cán bộ Ngành Quan hệ công chúng đảm bảo đúng quy định, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của Ngành, Khoa và Học viện. Giảng viên được tuyển dụng, điều động và cán bộ được bổ nhiệm đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H6.06.03.02]. Điều này được thể hiện thông qua kết quả đạt được trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. 01 giảng viên được tuyển dụng trong giai đoạn này đã hoàn thành tốt thời gian tập sự, được Hội đồng Khoa đánh giá cao [H6.06.01.25.DC]. Sau thời gian tập sự, giảng viên đã tham gia công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Thông qua khảo sát sinh viên về người dạy và các học phần cho thấy, các giảng viên được tuyển dụng, điều động đã đáp ứng được số lượng, chất lượng giảng dạy [H6.06.02.12.DC]. Ngoài ra, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng cũng được đảm bảo theo đúng quy định, được thể hiện thông qua Báo cáo tự đánh giá hàng năm của mỗi giảng viên [H6.06.03.07.DC].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện đã thực hiện tốt quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý đảm bảo tính công khai, minh bạch, rõ ràng, dân chủ, sát thực với điều kiện và nhu cầu thực tế, đặc biệt là đã xây dựng được Đề án vị trí việc làm, làm căn cứ cho công tác tuyển dụng, bổ nhiệm.

Việc tuyển dụng công chức, viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa đáp ứng được cơ cấu về giới trong quá trình tuyển dụng.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2021, Khoa và các Tổ bộ môn cần tiến hành điều chỉnh Đề án vị trí việc làm và các tiêu chí tuyển dụng cho phù hợp hơn với điều kiện thực tế hiện nay, đặc biệt chú ý về giới để đảm bảo sự cân bằng.

## 5. *Tự đánh giá*

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

### *Tiêu chí 6.4.*

*Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá*

#### *1. Mô tả*

Giảng viên là nguồn lực rất quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Khoa nói chung và Ngành Quan hệ công chúng nói riêng, đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu, then chốt. Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, yêu cầu về năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá trong các văn bản như: Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H6.06.04.01] [H6.06.02.01.DC].

Năng lực giảng viên của Học viện được đánh giá ở hai phương diện chính là năng lực sư phạm và năng lực nghiên cứu khoa học: (i) Năng lực sư phạm bao gồm năng lực giảng dạy, thiết kế chương trình, tài liệu dạy học, tổ chức dạy học, năng lực giao tiếp, sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học, v.v; (ii) Năng lực nghiên cứu khoa học bao gồm năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề, thực hiện các công trình, đề tài nghiên cứu khoa học và công bố khoa học trong nước và quốc tế. Những năng lực này của giảng viên được đánh giá ngay trong quá trình tuyển dụng và định kỳ hàng năm trên cơ sở quy định cụ thể trong đánh giá, phân loại giảng viên [H6.06.04.02.DC]. Quy chế giảng viên quy định rõ năng lực, trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện các hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học. Học viện cũng quy định cách thức đánh giá năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với giảng viên ở các trình độ, hạng ngạch khác nhau thông qua định mức giờ chuẩn giảng dạy (bao gồm giờ đứng bục và giờ quy đổi) và giờ chuẩn nghiên cứu khoa học (bao gồm các hoạt động khoa học được quy đổi) [H6.06.02.01.DC].

Ngoài quy định về giờ chuẩn trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Học viện còn đánh giá năng lực giảng viên thông qua giờ quy đổi công tác học tập, bồi

đưỡng và các nhiệm vụ khác, trên cơ sở đó để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Đây là những căn cứ để Học viện quản lý, phân công, bố trí giảng viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và cũng là cơ sở để Học viện đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm. Đồng thời, những quy định trên là cơ sở để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mình.

Việc đánh giá năng lực giảng viên Ngành Quan hệ công chúng dựa vào khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo quy định. Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học hàng năm của Học viện, Khoa, giảng viên Ngành Quan hệ công chúng thực hiện khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học trên cơ sở định mức giờ chuẩn về giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo hạng mức chức danh nghề nghiệp. Trong giai đoạn từ 2016- nay, giảng viên Ngành Quan hệ công chúng đều hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo quy định của Học viện[H6.06.02.02.DC].

Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu về năng lực, đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Từ năm 2016-nay, Ngành Quan hệ công chúng có thêm 03 giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, 01 giảng viên thăng hạng giảng viên cao cấp, 02 giảng viên thăng hạng giảng viên chính, 01 giảng viên đã xét hồ sơ đủ tiêu chuẩn và đang chờ nâng hạng chính thức lên giảng viên chính. Đến nay 100% giảng viên có trình độ trên đại học theo chuẩn chức danh nghề nghiệp [H6.06.01.12.DC].

**Bảng 6.3. Thống kê năng lực của đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng**

Trình độ, học vị, chức danh	Năm học				
	2016	2017	2018	2019	2020
Phó giáo sư	01	01	01	01	01
Tiến sĩ	01	02	03	04	04
Thạc sĩ	05	07	06	05	04
Đại học	-	-	-	-	-

<b>Tổng số</b>	<b>07</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>09</b>
----------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

Học viện quan tâm chú trọng đến năng lực đội ngũ giảng viên thông qua các quy định chuẩn năng lực sư phạm, chuẩn năng lực ngoại ngữ, chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Trên cơ sở các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về năng lực sư phạm, ngoại ngữ, tin học và tiêu chuẩn chức danh, Học viện đã ban hành các văn bản quy định chuẩn năng lực ngoại ngữ, chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên. Thực hiện quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuẩn hóa kỹ năng thực hành sư phạm, Học viện thường xuyên cử cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ. Thông qua các lớp học này, giảng viên được trang bị kiến thức, kỹ năng để có thể đạt được các năng lực sư phạm cũng như các năng lực khác giúp cho công tác đào tạo, giảng dạy của giảng viên ngày càng hiệu quả.

Hiện nay, 100% giảng viên của Ngành Quan hệ công chúng có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm trước khi tham gia đứng lớp, đáp ứng đầy đủ quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy theo Thông tư liên tịch 28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 6/11/2015 của liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ [H6.06.04.01]. Bên cạnh đó, từ 2016 – nay, giảng viên Ngành Quan hệ công chúng cũng tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp ngắn hạn như: Kỹ năng xây dựng bài giảng điện tử, Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, Phương pháp giảng dạy tích cực, Phương pháp quản lý đào tạo theo TC, Sản xuất chương trình trên smart phone, Tập huấn chuyên môn về truyền thông Quan hệ công chúng, Biến đổi khí hậu... [H6.06.04.09].

Hàng năm, Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên theo đúng quy định về đánh giá, xếp loại và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Học viện quy định rõ ràng về trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại xét thi đua, khen thưởng của từng giảng viên và tập thể. Theo đó, giảng viên được đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ thông qua giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng cụ thể. Có 4 mức đánh giá: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Trên cơ sở tự đánh giá của giảng

viên và nhận xét của đồng nghiệp, Trưởng đơn vị đánh giá, xếp loại giảng viên. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Học viện bình xét quyết định xếp loại các danh hiệu thi đua dựa trên các kết quả đánh giá xếp loại giảng viên **[H6.06.03.07.DC]** **[H6.06.04.07.DC]** **[H6.06.04.08.DC]**. Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình; đồng thời giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của cán bộ và nắm bắt tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong Khoa, từ đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp.

Việc đánh giá năng lực giảng viên Ngành Quan hệ công chúng từ phía Học viện (thi giảng viên dạy giỏi), Khoa (dự/thi giờ giảng) và sinh viên (khảo sát) cũng được thực hiện thường xuyên **[H6.06.04.04]** **[H6.06.04.05]** **[H6.06.02.12.DC]**. Với mỗi học phần, giảng viên thường khảo sát sinh viên mức độ cần thiết của môn học hai lần: bắt đầu và giữa/hoặc kết thúc học phần bằng các hình thức đa dạng (phiếu khảo sát, slide, viết ý kiến vào giấy...), trên cơ sở đó tổng hợp và đối sánh với kết quả khảo sát chính thức của Học viện thông qua Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo. Đánh giá của sinh viên đối với giảng viên/các học phần thuộc ngành Quan hệ công chúng được thực hiện công khai, khách quan, minh bạch. Kết quả khảo sát bằng phiếu/online giai đoạn 2016 - nay cho thấy, mức đánh giá của sinh viên đối với giảng viên Ngành Quan hệ công chúng đều đạt ở mức tốt, dao động từ 4,2 – 4,3/5 điểm với 78 – 82% sinh viên cơ bản hài lòng với chất lượng giảng dạy của giảng viên **[H6.06.02.12.DC]**. Đó là minh chứng cho việc giảng dạy một cách nghiêm túc (theo đúng quy định của Học viện) và đảm bảo chất lượng của giảng viên Ngành Quan hệ công chúng. Qua đó góp phần giúp Khoa đánh giá một cách chính xác năng lực của đội ngũ giảng viên tại đơn vị mình.

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng điều chỉnh để hoàn thiện hơn năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

## **2. Điểm mạnh**

Năng lực của giảng viên ngành Quan hệ công chúng được xác định rõ ràng, đầy đủ (thể hiện trong các văn bản quy định của Học viện) và được đánh giá chính xác, hiệu quả bằng nhiều hình thức và nhiều cấp độ khác nhau. Ví dụ: đánh giá, xếp loại, thi đua – khen thưởng, thi giảng viên giỏi cấp trường/thi đua giờ giảng chất lượng cao, dự giờ, khảo sát sinh viên về năng lực của giảng viên...

### **3. *Điểm tồn tại***

Năng lực nghiên cứu khoa học, cụ thể trong hạng mục liên quan đến các công trình công bố quốc tế của giảng viên ngành Quan hệ công chúng vẫn còn hạn chế do một số giảng viên chưa thành thạo ngoại ngữ.

### **4. *Kế hoạch hành động***

Từ năm 2021, Học viện tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng tăng cường năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên; đồng thời tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn khác như: công nghệ thông tin, phương pháp giảng dạy, khai thác cơ sở dữ liệu để nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên.

### **5. *Tự đánh giá***

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

#### ***Tiêu chí 6.5.***

***Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

#### ***1. Mô tả***

Học viện Báo chí và Tuyên truyền luôn chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích và tạo mọi điều kiện để giảng viên hoàn thành tốt công việc của mình. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ giảng viên trẻ, giảng viên tập sự trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học luôn được Học viện xem là nhiệm vụ then chốt.

Phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói chung và Ngành Quan hệ công chúng nói riêng được xác định rõ trong Chiến lược phát triển Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đến năm 2030, tầm nhìn 2050, Báo cáo tổng kết năm học và Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm [H6.06.01.02.DC]

[H6.06.01.07.DC] [H6.06.01.04.DC]. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí cán bộ theo từng năm học và theo từng giai đoạn phát triển. Hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa luôn bám sát Đề án vị trí việc làm của Học viện [H6.06.01.03.DC]. Trong giai đoạn từ năm 2016 – nay, Khoa đã xây dựng kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên: “Đến năm 2030, phần đầu 100% cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ trở lên trong đó 50% đạt trình độ tiến sĩ”, “Đến năm 2035, những giảng viên công tác ở Khoa từ năm 2025 trở về trước đạt học vị Tiến sĩ” [H6.06.01.02.DC]. Các kế hoạch này đã được Khoa và giảng viên triển khai thực hiện, thể hiện sự phát triển về chất của đội ngũ giảng viên. Từ năm 2016 - nay, đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng đã không ngừng hoàn thiện, nâng cao trình độ chuyên môn. Hiện tại, Ngành Quan hệ công chúng gồm 09 giảng viên cơ hữu, trong đó có 1 PGS (11%), 4 tiến sĩ (44,5%) và 4 thạc sĩ (44,5%). Toàn bộ giảng viên của Ngành đều có chứng chỉ tin học, ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm theo quy định.

Chủ trương xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên có năng lực, trình độ chuyên môn cao là chủ trương xuyên suốt, trọng tâm của Học viện Báo chí và Tuyên truyền nói chung và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói riêng. Để đáp ứng nguyện vọng được đào tạo, nâng cao trình độ của giảng viên, Học viện luôn xác định cụ thể các lĩnh vực đào tạo nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng cho đội ngũ giảng dạy. Hàng năm, Ban Tổ chức - Cán bộ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên thông qua việc cử đi đào tạo các bậc học dài hạn và các lớp đào tạo ngắn hạn ở trong và ngoài nước, gửi Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm tới từng đơn vị [H6.06.05.01] [H6.06.01.14.DC]. Để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng đều tích cực tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước do Học viện tổ chức/cử. Cụ thể:

**Bảng 6.4. Thống kê số lượng giảng viên Ngành Quan hệ công chúng tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn từ năm 2016 -nay**



	<b>Số lượng giảng viên tham gia</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>
<b>I</b>	<b><i>Bồi dưỡng ngắn hạn trong nước</i></b>					
1	Lý thuyết truyền thông hiện đại	03	-	-	-	-
2	Tin học cơ bản	01	-	-	-	-
3	Nâng cao năng lực tiếng Anh	-	03	-	-	-
4	Bồi dưỡng kiến thức Quan hệ công chúng của Giảng viên Đại học Sookmyung, Hàn Quốc	-	03	-	-	-
5	Bồi dưỡng giảng viên chương trình liên kết MDX	-	04	-	-	-
6	Ứng dụng 3D trong báo chí truyền thông	-	-	02	-	-
7	Tập huấn kỹ năng sử dụng phòng thực hành nghiệp vụ báo chí – truyền thông	-	-	02	-	-
8	Sản xuất chương trình trên smart phone	-	-	01	-	-
9	Tập huấn chuyên môn về truyền thông	-	-	01	-	-
10	Cập nhật kiến thức mới cho giảng viên giảng dạy báo chí truyền thông, Quan hệ công chúng và Quảng cáo	-	-	-	09	-
11	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh giảng viên cao cấp (hạng I)	-	-	-	01	-
12	Truyền thông sáng tạo và sản phẩm truyền thông số	-	-	-	-	01
13	Kinh điển Mác - Lênin	-	-	-	-	03
<b>II</b>	<b><i>Bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài</i></b>					
1	Chương trình nghiên cứu truyền thông tại Áo	-	-	01	-	-
<b>III</b>	<b><i>Đào tạo bồi dưỡng dài hạn</i></b>					
1	Trong nước	03	03	02	01	-

Để đảm bảo/nâng cao chất lượng cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn, dài hạn, trong và ngoài nước, năm 2018, 2019, Học viện đã tiến hành khảo sát giảng viên về mức độ hài lòng đối với hoạt động này. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ

lệ hài lòng của giảng viên ngành Quan hệ công chúng năm 2019 có sự tăng trưởng so với năm trước đó, chứng tỏ nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên đã phần nào được cải thiện và đáp ứng **[H6.06.05.03]**.

Học viện, Khoa có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong và ngoài nước. Để đẩy nhanh tiến độ giảng viên đạt chuẩn học vị, Học viện có nhiều chính sách khuyến khích như ưu đãi về tài chính, giờ giảng. Đối với giảng viên là học viên cao học, nghiên cứu sinh hệ tập trung: được ưu tiên cho việc tập trung nghiên cứu trong thời gian theo quyết định nhập học của cơ sở đào tạo, được hưởng chế độ khi tham gia giảng dạy như giảng viên mời, được Học viện chi trả học phí theo quy định của Nhà nước, được hưởng các chế độ tương đương khi bình xét thi đua... **[H6.06.02.01.DC]**. Ngoài ra, giảng viên đi học cao học và nghiên cứu sinh sẽ được thưởng khi hoàn thành chương trình học đúng thời hạn **[H6.06.01.19.DC]**. Đối với các chương trình học bổng nước ngoài, Học viện công khai thông báo tới các đơn vị, tạo điều kiện, khuyến khích đề cán bộ giảng viên trẻ tham gia dự tuyển **[H6.06.05.04]**.

Nhu cầu phát triển chuyên môn, nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên còn được Học viện, Khoa quan tâm, tạo điều kiện như cử tham gia hội nghị, hội thảo khoa học các cấp; hỗ trợ công bố nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín, đặc biệt trên các tạp chí quốc tế; cử tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước; hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; khuyến khích, khen thưởng và hỗ trợ các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học... Tổng kinh phí hỗ trợ của Học viện cho các hoạt động trên trong năm 2016 là 15,847 tỷ đồng; năm 2017 là 13,453 tỷ đồng; năm 2018 là 17,058 tỷ đồng; năm 2019 là 12,551 tỷ đồng **[H6.06.05.05]**.

Đối với Ngành Quan hệ công chúng, Khoa chủ trương khuyến khích, động viên giảng viên tham gia các khóa học dài hạn như cao học, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước. Giai đoạn 2016 – nay, ngành có 04 giảng viên đi học nghiên cứu sinh lĩnh vực Truyền thông - Báo chí học tại các cơ sở đào tạo uy tín trong nước. Đến nay, 100% giảng viên Ngành Quan hệ công chúng đã tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng ngắn hạn

về chuyên môn, nghiệp vụ mà Học viện tổ chức [H6.06.01.14.DC]. Một số giảng viên của Khoa sau khi hoàn thành học tập đã được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý. Như vậy, nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng được đánh giá và đã có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

## **2. Điểm mạnh**

Học viện có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng được đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn (giảm giờ giảng, hỗ trợ kinh phí đào tạo, động viên, khen thưởng...).

Hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho giảng viên nhanh chóng, hiệu quả. Nội dung nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên thiết thực, phong phú. Đội ngũ tập huấn viên là những người có trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực đảm nhiệm, nhiều chương trình đào tạo có sự tham gia giảng dạy của giảng viên nước ngoài.

Việc xác định nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của giảng viên được tiến hành khảo sát thường xuyên.

## **3. Điểm tồn tại**

Hình thức tổ chức một số khóa đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của các giảng viên. Ví dụ: một số khóa học ngoại ngữ chưa phù hợp về mặt thời gian do việc bố trí lớp học trong giờ hành chính sẽ khó đảm bảo cho sự tham gia thường xuyên, đầy đủ của giảng viên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2021, Học viện, Khoa có kế hoạch hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí để giảng viên có thể tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn.

Thay đổi hình thức tổ chức các lớp học ngoại ngữ thành đào tạo theo nhu cầu riêng của từng giảng viên, tạo điều kiện về thời gian và công việc để giảng viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực.

## **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

### ***Tiêu chí 6.6.***

***Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### **1. Mô tả**

Với từng chức danh nghề nghiệp, Học viện có quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy). Hàng năm, kết quả công việc của đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học được Khoa đánh giá, phân loại theo quy định [H6.06.04.03]. Kết quả công việc của giảng viên được đánh giá căn cứ trên cơ sở khối lượng công việc theo năm học/năm hành chính [H6.06.02.01.DC] [H6.06.01.24.DC].

Đầu năm học, trên cơ sở khối lượng giảng dạy được Học viện giao, Trưởng bộ môn/Khoa tiến hành phân công cho giảng viên theo quy định hạng mức chức danh nghề nghiệp. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, theo quy định của Học viện, giảng viên còn phải hoàn thành khối lượng cụ thể trong nghiên cứu khoa học như: viết bài báo đăng tạp chí chuyên ngành, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, tham gia hội thảo, sinh hoạt học thuật, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ dài hạn, ngắn hạn, trong và ngoài nước [H6.06.02.01.DC].

Đầu năm, giảng viên thực hiện đăng ký thi đua theo các danh hiệu như lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H6.06.06.02]. Cuối năm hành chính (trước đây là xét theo năm học), Khoa và Học viện tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên theo hướng dẫn của Học viện với các quy định cụ thể về khối lượng công việc, khen thưởng, kỷ luật; trên cơ sở đó làm cơ sở bình xét, đánh giá khả năng hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo các mức sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Hoàn thành nhiệm vụ
- Không hoàn thành nhiệm vụ

giảng viên hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NKCH và các công việc khác luôn nhận được danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Giấy khen của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Thủ tướng Chính phủ. Mức độ hoàn thành công việc sẽ làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng cấp cao [H6.06.06.05] [H6.06.06.06]. Xem xét khen thưởng chính là ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của các cá nhân, tạo động lực cho cán bộ giảng viên phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu; đồng thời là cơ sở để bình xét các danh hiệu thi đua, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý [H6.06.06.05] [H6.06.06.07]. Kết quả xếp loại lao động của cán bộ giảng viên sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm. Thu nhập tăng thêm hàng năm có vai trò động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm.

Quy trình đánh giá cán bộ giảng viên hàng năm được đưa ra trong các quy định, quyết định về đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức của Học viện BC&TT và công văn hướng dẫn đánh giá thi đua hàng năm. Về cơ bản, quy trình đánh giá được thực hiện theo 3 bước: (1) Cá nhân làm báo cáo tự đánh giá kết quả công việc theo nhiệm vụ được giao; (2) Trình bày báo cáo tự đánh giá tại Hội đồng thi đua đơn vị để đồng nghiệp nhận xét, đóng góp ý kiến; (3) Trưởng đơn vị quyết định đánh giá, phân loại. Căn cứ vào các tiêu chí đánh giá, cá nhân tự xếp loại theo 4 mức: (1) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; (2) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; (3) Hoàn thành nhiệm vụ và (4) Không hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.01.24.DC]. Các tiêu chí cụ thể về đánh giá, xếp loại cá nhân được thể hiện rõ trong văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua mà Ban Tổ chức – Cán bộ gửi tới các đơn vị hàng năm, trong đó bao gồm: tư tưởng, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc [H6.06.04.02.DC].

Nhờ những quy định đánh giá, phân loại giảng viên mà năng lực trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên Ngành Quan hệ công chúng ngày càng được hoàn thiện. Trong 5 năm qua, giảng viên Ngành Quan hệ công chúng liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, nhiều giảng viên được khen thưởng bậc cao như bằng khen của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ [H6.06.06.05] [H6.06.06.06].

Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân đã giúp giảng viên của Ngành Quan hệ công chúng nâng cao hiệu quả công việc, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Khoa và Học viện. Nội dung kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ để nâng lương trước thời hạn cho cán bộ giảng viên [H6.06.06.07].

Để đảm bảo quản trị công việc theo kết quả của giảng viên được dân chủ, khách quan; trước khi ban hành các văn bản quy định về chế độ làm việc, đánh giá cán bộ giảng viên, quy chế khen thưởng, quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm v.v, Học viện đều tiến hành gửi công văn góp ý dự thảo tới Khoa [H6.06.01.24.DC]. Ý kiến đóng góp của giảng viên được tổng hợp thành văn bản gửi Ban Tổ chức – Cán bộ để hoàn thiện, trình Ban Giám đốc phê duyệt trước khi ban hành. Ngoài ra, việc lấy ý kiến đóng góp ý kiến của giảng viên còn được thực hiện qua nhiều hình thức khác như thông qua Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức của Khoa và Học viện, Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học [H6.06.01.04.DC] [H6.06.01.20.DC] [H6.06.06.03]; thông qua khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên đối với cán bộ quản lý; khảo sát ý kiến phản hồi của giảng viên về công tác quản lý; hoạt động đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học; khảo sát ý kiến phản hồi của giảng viên và sinh viên về hoạt động hỗ trợ của cán bộ khối phòng, ban. Các kết quả thu được từ khảo sát cho thấy sự phản hồi tích cực của các giảng viên đối với công tác quản lý, hoạt động đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện [H6.06.06.08]. Trên cơ sở những ý kiến đóng góp đó, Học viện đã tiến hành cải tiến trong công tác thi đua khen thưởng hàng năm nhằm sát thực, phù hợp với thực tế [H6.06.06.09].

Tính đến thời điểm hiện nay, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo không có đơn từ khiếu nại nào về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên. Về cơ bản, công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được đánh giá tốt.

## **2. Điểm mạnh**

Học viện đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, thi đua - khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên. Điều đó không chỉ tạo động lực cho giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được thực hiện tốt.

Phần lớn giảng viên Ngành Quan hệ công chúng đều vượt định mức qui định cụ thể về khối lượng công việc (giảng dạy, nghiên cứu khoa học). Nhiều giảng viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, được nâng lương trước thời hạn...

### **3. Điểm tồn tại**

Việc quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa giảng viên của các tổ bộ môn trong Khoa chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2021, Khoa tiến hành xây dựng cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa giảng viên của các tổ bộ môn trong Khoa.

### **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm

#### ***Tiêu chí 6.7.***

***Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### ***1. Mô tả***

Cùng với đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học được Học viện xem là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện mục tiêu và sứ mạng xây dựng Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành một cơ sở đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao [H6.06.01.01.DC]. Hoạt động nghiên cứu khoa học gắn kết với quá trình đào tạo của Học viện và Khoa. Khoa rất chú trọng hỗ trợ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng trong các hoạt động nghiên cứu khoa học [H6.06.01.02.DC] [H6.06.07.01]. Hầu hết giảng viên trong Khoa đều là chủ nhiệm hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, 100% đề tài được hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài đạt chất lượng xuất sắc [H6.06.07.02].

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ giảng viên Khoa

Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói chung và Ngành Quan hệ công chúng nói riêng. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập rõ ràng. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Ngành Quan hệ công chúng được thực hiện theo Quy định về quản lý hoạt động khoa học theo Quyết định số 856/QĐ-MĐC của Học viện Báo chí và Tuyên truyền [H6.06.07.04]. Theo đó, giảng viên phải hoàn thành khối lượng nghiên cứu khoa học như: nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, viết bài đăng tạp chí khoa học, tham luận hội thảo khoa học các cấp, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, tham dự hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học, sinh hoạt học thuật, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề... Trong kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm, giảng viên phải đề ra những mục tiêu nghiên cứu cụ thể nhằm ít nhất đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học...) [H6.06.07.05]. Học viện đã ban hành quy định số giờ chuẩn hoạt động khoa học hàng năm đối với mỗi chức danh, học vị của cán bộ giảng viên trong trường. Cụ thể, đối với giảng viên cao cấp, giáo sư/phó giáo sư là 900 giờ; giảng viên chính là 700 giờ; giảng viên là 600 giờ. Trong quy định cũng ghi rõ các yêu cầu về từng loại hoạt động khoa học được quy đổi và số giờ quy đổi cho mỗi hoạt động. Trên cơ sở giờ quy định về nghiên cứu khoa học, Học viện tiến hành đối sánh với kết quả thực hiện công tác nghiên cứu khoa học của giảng viên, làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành công việc và bình xét thi đua khen thưởng hàng năm. [H6.06.02.01.DC].

Việc đăng ký, xét duyệt đề tài các cấp của giảng viên được thực hiện theo đúng quy định. Căn cứ vào kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm, Ban Quản lý khoa học gửi thông báo chỉ tiêu cùng các tiêu chí cụ thể cho từng loại hình đề tài tới các đơn vị trong trường; giảng viên đề xuất và thuyết minh đề tài khoa học với Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa; Sau khi được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa thông qua, các đề tài khoa học được tổng hợp và đăng ký với Ban Quản lý khoa học; Ban Quản lý khoa học thẩm tra đề xuất của Khoa trước khi báo cáo Học viện; Lãnh đạo Học viện ra quyết định giao đề tài cũng như các nhiệm vụ khoa học khác trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện [H6.06.07.01] [H6.06.07.05]



**[H6.06.07.04].** Với quy trình xét duyệt chặt chẽ và yêu cầu cụ thể về sản phẩm đã góp phần nâng cao chất lượng của đề tài khoa học của Học viện.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Ngành Quan hệ công chúng được giám sát thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa. Ban Quản lý khoa học thường xuyên theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của các đơn vị trong trường. Đối với đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, chủ nhiệm đề tài phải báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện theo thời gian quy định của Học viện (bằng văn bản và có minh chứng gián tiếp); đồng thời được đề xuất, kiến nghị những nội dung cụ thể, những khó khăn trong quá trình thực hiện để đảm bảo chất lượng nghiên cứu **[H6.06.07.06] [H6.06.07.07].**

Cuối năm, Khoa và Học viện sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học làm một trong những căn cứ đánh giá trong công tác đánh giá, xếp loại và xét thi đua, khen thưởng như: danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua ... nhằm khuyến khích giảng viên tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học **[H6.06.04.02.DC].**

Chất lượng các công trình nghiên cứu KH của giảng viên Ngành Quan hệ công chúng luôn được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa giám sát, đánh giá theo quy định về quản lý khoa học của Học viện. Nhìn chung, những công trình khoa học này đều được xuất bản bởi các nhà xuất bản uy tín, đăng trên những tạp chí khoa học chuyên ngành có chỉ số ISSN, nhiều báo cáo tại các hội thảo quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ. Đa đa số các công trình khoa học của giảng viên Ngành Quan hệ công chúng đã được xã hội hóa, làm tài liệu học tập, tham khảo cho người học và những ai quan tâm nghiên cứu trong lĩnh vực Quan hệ công chúng, truyền thông. Kết quả nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng trong 5 năm gần đây được thống kê tại các bảng từ 6.5 - 6.8 dưới đây **[H6.06.02.03.DC], [H6.06.07.02] [H6.06.07.03]:**

**Bảng 6.5. Thống kê số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của Ngành Quan hệ công chúng**

TT	Phân loại đề tài	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020

1	Đề tài cấp NN	-	-	-	-	-
2	Đề tài cấp Bộ*	-	-	-	02	-
3	Đề tài cấp cơ sở	04	07	09	05	08
4	<b>Tổng</b>	<b>04</b>	<b>07</b>	<b>09</b>	<b>07</b>	<b>08</b>
5	<b>Bình quân /giảng viên</b>	<b>0.6</b>	<b>0.7</b>	<b>0.9</b>	<b>0.7</b>	<b>0.9</b>

(Ghi chú: \* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước)

**Bảng 6.6. Thống kê lượng đầu sách của Ngành Quan hệ công chúng được xuất bản**

TT	Phân loại sách	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Sách chuyên khảo	01	-	01	01	01
2	Sách giáo trình	-	-	-	02	-
3	Sách tham khảo	-	01	-	-	-
4	Sách hướng dẫn	-	-	01	-	-
5	<b>Tổng</b>	<b>01</b>	<b>01</b>	<b>02</b>	<b>03</b>	<b>01</b>
6	<b>Bình quân /giảng viên</b>	<b>0.14</b>	<b>0.1</b>	<b>0.2</b>	<b>0.3</b>	<b>0.11</b>

**Bảng 6.7. Thống kê số lượng bài của giảng viên Ngành Quan hệ công chúng được đăng tạp chí**

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Tạp chí khoa học quốc tế	-	-	01	-	01
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	-	05	02	05	10
3	Tạp chí /tạp san của cấp trường	07	03	03	04	06

4	<b>Tổng</b>	<b>07</b>	<b>08</b>	<b>06</b>	<b>09</b>	<b>17</b>
5	<b>Bình quân /giảng viên</b>	<b>1</b>	<b>0.8</b>	<b>0.6</b>	<b>0.9</b>	<b>1.9</b>

**Bảng 6.8. Thống kê số lượng báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế**

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Hội thảo quốc tế	-	-	02	-	02
2	Hội thảo trong nước	-	02	02	01	02
3	Hội thảo cấp trường	-	-	01	02	-
4	<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>02</b>	<b>05</b>	<b>03</b>	<b>04</b>
5	<b>Bình quân /giảng viên</b>	<b>0</b>	<b>0.2</b>	<b>0.5</b>	<b>0.3</b>	<b>0.4</b>

Theo số liệu thống kê 4 hạng mục ở trên (đề tài, sách, bài đăng tạp chí, báo cáo khoa học), thì năm 2020, giảng viên Ngành Quan hệ công chúng có nhiều công trình khoa học được công bố nhất, đặc biệt là số lượng bài đăng tạp chí được nâng cao đáng kể.

Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị Thư ký khoa học nhằm tổng kết, đánh giá các hoạt động nghiên cứu khoa học trong năm của trường, thông báo các kết quả nghiên cứu khoa học, các quy định mới liên quan đến nghiên cứu khoa học; khả năng hợp tác, liên kết nghiên cứu khoa học với các đơn vị ngoài trường cũng như những phương hướng, nhiệm vụ triển khai trong thời gian tới.

## **2. Điểm mạnh**

Giảng viên Ngành Quan hệ công chúng không những đáp ứng tốt năng lực giảng dạy mà còn đáp ứng tốt năng lực nghiên cứu khoa học và luôn coi nghiên cứu khoa học là một trong hai nhiệm vụ quan trọng nhất của người giảng viên.

Nhìn chung, giảng viên Ngành Quan hệ công chúng luôn vượt mức giờ nghiên cứu khoa học hàng năm do Học viện quy định. Đội ngũ giảng viên tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau và đảm bảo chất lượng các công trình nghiên cứu: tham gia

đề tài khoa học các cấp, sách chuyên khảo, giáo trình, bài viết đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên ngành Quan hệ công chúng được xác lập rõ ràng.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên ngành Quan hệ công chúng được giám sát chặt chẽ, thường xuyên bởi Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa và Ban Quản lý Khoa học Học viện nhằm đảm bảo định mức, tiến độ và chất lượng.

### **3. Điểm tồn tại**

Trong những năm gần đây, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước còn ít, các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế và chủ yếu là của những giảng viên có học hàm, học vị cao.

### **4. Kế hoạch hành động**

Học viện khuyến khích giảng viên tích cực đăng ký tham gia đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước, viết nhiều bài báo có hàm lượng khoa học cao để đăng trên các tạp chí quốc tế đồng thời có cơ chế, chính sách hỗ trợ động viên, khen thưởng kịp thời các giảng viên có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học.

Từ năm 2021, Khoa khuyến khích các tổ bộ môn thành lập nhóm nghiên cứu mạnh để định hướng giảng viên Ngành Quan hệ công chúng tham gia thực hiện đề tài các cấp, đặc biệt là đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước và có nhiều công trình công bố quốc tế hơn.

### **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

## **Kết luận tiêu chuẩn 6**

Đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng đảm bảo năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công khai. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên, cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo luôn chú trọng và khuyến khích đội ngũ giảng viên

Ngành Quan hệ công chúng tham gia tích cực, chủ động vào các hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu. Hiện tại, chất lượng đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng đảm bảo đảm đương được nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác mà Khoa, Học viện giao phó.

Bên cạnh những điểm tích cực trên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: (i) Về công tác tuyển dụng, Học viện, Khoa chưa quan tâm đúng mức tới cơ cấu về giới, nên tỷ lệ nam - nữ chưa cân đối. Thông tin tuyển dụng trước năm 2020 chưa được thông tin rộng rãi để thu hút số lượng ứng viên có năng lực chuyên môn cao tham gia ứng tuyển. (ii) Về đội ngũ giảng viên Ngành Quan hệ công chúng, tỉ lệ giảng viên có học hàm PGS còn ít; (iii) Về các lớp bồi dưỡng, tập huấn, còn có những điểm chưa phù hợp: thời gian, nhu cầu, kinh phí...; (iv) Về nghiên cứu khoa học, số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Nhà nước cũng như các công trình công bố quốc tế của giảng viên Ngành Quan hệ công chúng chưa nhiều.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng đó, Học viện và Khoa sẽ tiếp tục phát huy các thế mạnh và có kế hoạch hành động nhằm hạn chế tối đa những tồn tại. Cụ thể: (i) Có chính sách tuyển dụng đảm bảo thu hút các ứng viên có năng lực chuyên môn cao, đặc biệt chú trọng về giới nhằm đảm bảo cân bằng tỉ lệ nam – nữ; (ii) Hỗ trợ giảng viên có học vị TS làm hồ sơ xét chức danh PGS; (iii) Xem xét điều chỉnh thời gian của các lớp tập huấn, bồi dưỡng để giảng viên có thể tham gia tốt hơn; (iv) Có các cơ chế để nâng cao hơn nữa năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên, đặc biệt trong những hạng mục còn hạn chế như: đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và các công trình công bố quốc tế.

***Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí thì cả 7 đều đạt, điểm trung bình đạt 5,14/7***

## **TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN**

Đội ngũ nhân viên đóng vai trò quan trọng và khẳng định được vị trí của mình trong nhiều hoạt động của Học viện. Hoạt động hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thực hiện hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy - học, nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Đội ngũ này là những người làm việc tại Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo và tại các đơn vị khác trong trường.

Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo chủ trương đưa ra các chính sách cũng như phương pháp để thực thi, phát triển hệ thống nhân viên hỗ trợ nhằm đạt chất lượng phục vụ tốt nhất. Đó là các chiến lược trong quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo để phát triển đội ngũ nhân viên.

Đội ngũ nhân viên của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói chung và Ngành Quan hệ công chúng nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đó là những nhân viên có tinh thần phục vụ tốt, năng lực chuyên môn cao, sẵn sàng tham gia các khóa bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hiện tại, số lượng nhân viên của Ngành Quan hệ công chúng là 24, trong đó của Khoa là 10 và của các đơn vị trong trường là 14.

#### ***Tiêu chí 7.1.***

***Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

##### ***1. Mô tả***

Năm 2017, Học viện có Quyết định về việc chỉnh sửa và ban hành Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn 2050, trong đó bao gồm kế hoạch hành động về xây dựng nguồn nhân lực. Giải pháp nêu rõ: (i) Học viện cần có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm phù hợp với điều kiện cụ thể; (ii) Xây dựng quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch; (iii) Có chính sách phát triển trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách rõ ràng [H7.07.01.01.DC].

Dựa trên kế hoạch hành động về phát triển nguồn nhân lực, Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã tiến hành xây dựng và triển khai công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng. Về phía Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện đã xây dựng Đề án vị trí việc làm nhằm rà soát, xác định nhu cầu đội ngũ cán bộ viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên hỗ trợ nói riêng; đồng thời tiến hành quy hoạch chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp và hoàn thành đề án việc làm cho các đơn vị hành chính trực thuộc [H7.07.01.03.DC].

Về phía Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, rà soát vị trí việc làm, xây dựng kế hoạch và triển khai công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên được thể hiện trong Chiến lược phát triển của Khoa, Biên bản họp hội nghị cán bộ viên chức hàng năm và Đề án vị trí việc làm **[H7.01.01.02.DC]** **[H7.07.01.03.DC]** **[H7.07.01.04]**.

Đầu năm học, Học viện thường tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên, đối chiếu với Đề án vị trí việc làm, trên cơ sở đó tiến hành phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao về hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, các phòng, ban, trung tâm phân tích nhu cầu đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với đề án vị trí việc làm của Học viện.

Việc đề xuất nhân sự của các đơn vị được Ban Tổ chức – Cán bộ tổng hợp và trình lên Ban Giám đốc, trên cơ sở đó làm căn cứ xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự của Học viện **[H7.07.01.07]**. Hàng năm, Học viện công bố kế hoạch tuyển dụng chung cho toàn trường, trong đó bao gồm đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Kế hoạch tuyển dụng được thông báo trong Hội nghị giao ban cán bộ quản lý, bằng văn bản tới các đơn vị trong trường và trên trang thông tin điện tử của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

*Học viện có các chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.* Điều đó được thể hiện trong Quy định về tuyển dụng công chức, viên chức và Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý **[H7.07.01.05.DC]** **[H7.07.01.06.DC]**. Để giúp đội ngũ nhân viên nâng cao trình độ, chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc, Học viện thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng như: tin học văn phòng, quản lý nhân sự, tổ chức - cán bộ, tài chính - kế toán, pháp chế, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục... Ngoài ra, Học viện cũng có các chính sách hỗ trợ đội ngũ nhân viên tham gia các khóa học dài hạn như: cử nhân chuyên ngành hai, thạc sĩ, tiến sĩ... **[H7.07.01.08.DC]**

Đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) của Ngành Quan hệ công chúng đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ

cộng đồng [H7.07.01.09.DC] [H7.07.01.10.DC]. Đội ngũ nhân viên được định kỳ đánh giá thông qua kết quả xếp loại hàng năm và thông qua đánh giá của sinh viên [H7.07.01.11.DC] [H7.07.01.16.DC].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ trực tiếp chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng gồm giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, chuyên viên văn phòng khoa, nhân viên tại các phòng ban, trung tâm như Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý khoa học, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Trung tâm Thông tin Khoa học, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Phòng Công nghệ thông tin (Văn phòng), Bộ phận thực hành và hỗ trợ sinh viên (Văn phòng), Phòng Quản trị và Quản lý kí túc xá. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ được thực hiện tốt, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trung tâm Thông tin khoa học luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin, lưu trữ, tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên Ngành Quan hệ công chúng. Các công cụ tra cứu tài liệu được cải tiến định kỳ. Do vậy để đáp ứng yêu cầu công việc, đội ngũ nhân viên thư viện phải có trình độ chuyên môn cao và phải được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ. Hàng năm, theo quy định của Học viện, Trung tâm Thông tin khoa học đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về khả năng phục vụ bạn đọc để kịp thời điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của người học và giảng viên [H7.07.01.16.DC]. Trung tâm Thông tin khoa học phân bổ nhân viên phụ trách các khoa trong trường để thuận lợi trong quá trình triển khai công việc, trong đó số lượng nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng là 03 [H7.07.01.09.DC] (Bảng 7.1).

Bên cạnh Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện, Khoa cũng có tủ sách phục vụ cho việc tra cứu của sinh viên, học viên, trong đó bao gồm các tài liệu về Quan hệ công chúng. Chuyên viên văn phòng Khoa kiêm nhiệm hỗ trợ công việc này. Theo quy định, sinh viên có thể lên VP khoa để mượn tài liệu vào 03 ngày trong tuần. Cụ thể: sáng từ 8:00 -10:30, chiều từ 14:00 – 16:30 các ngày thứ 2, thứ 4 và thứ 6 hàng tuần. Tài liệu của khoa luôn được kịp thời cập nhật, kiểm kê và phân loại số lượng theo danh mục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu của người học [H7.07.01.12].



Các phòng ban chức năng khác cũng luôn tạo điều kiện hỗ trợ tốt nhất cho chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng. Ban Quản lý đào tạo, Phòng Công nghệ thông tin (Văn phòng), Bộ phận Thực hành và hỗ trợ sinh viên (Văn phòng), Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Phòng Quản trị và Quản lý Kí túc xá đều phân công nhân viên trực tiếp phụ trách các vấn đề liên quan đến ngành Quan hệ công chúng **[H7.07.01.09.DC]** (Bảng 7.1).

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng có trình độ từ đại học trở lên, trình độ ngoại ngữ từ B1 trở lên và chứng chỉ tin học văn phòng trở lên. Trong số đó, nhiều nhân viên có chứng chỉ quản lý nhà nước chương trình chuyên viên/chuyên viên chính. Nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng tại các phòng, ban, trung tâm trên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng. **[H7.07.01.10.DC]**.

Đối với Khoa Quan hệ công chúng, bên cạnh 01 chuyên viên văn phòng, còn có 09 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập. Chủ trương của Khoa là giảng viên đồng thời kiêm nhiệm cố vấn học tập nhằm tạo thuận lợi cho việc quản lý, hỗ trợ sinh viên; giúp sự tương tác, chia sẻ, trao đổi giữa Khoa/Ngành Quan hệ công chúng và người học được sát sao, kịp thời nhất. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ này đều có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên, trình độ ngoại ngữ từ B1 trở lên, trình độ công nghệ thông tin cơ bản trở lên. Với trình độ chuyên môn và năng lực tin học, ngoại ngữ của mình, cố vấn học tập có thể hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học **[H7.07.01.10.DC]**. Với tư cách là cố vấn học tập, nhân viên hỗ trợ phải có hiểu biết sâu về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo nhằm tư vấn cho sinh viên trong quá trình học tập đồng thời phải có khả năng quản lý, tư vấn giải quyết các vấn đề khác ngoài học tập của sinh viên như: xây dựng đội ngũ cán sự lớp, kỷ luật, rèn luyện, các hoạt động ngoại khóa **[H7.07.01.13]** ... Chuyên viên văn phòng Khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của nhà nước. Cố vấn học tập luôn có giờ trực và công việc cụ thể tại Khoa (1 buổi/tuần) **[H7.07.01.14.DC]**.

Ngoài ra, Khoa còn xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ khác, cụ thể: 01 thư ký khoa học, 01 phụ trách công tác phát triển Đảng sinh viên (Chi ủy), 01 phụ trách truyền thông và quản lý hoạt động sinh viên (kiêm Bí thư Liên chi đoàn), 01 thủ quỹ/kế toán [H7.07.01.14.DC]. Những nhân viên này có nhiệm vụ hỗ trợ người học trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển Đảng và các hoạt động ngoại khóa...

Dưới đây là thống kê số lượng và danh sách trích ngang (trình độ chuyên môn, nghiệp vụ) của đội ngũ nhân viên hỗ trợ Ngành Quan hệ công chúng:

**Bảng 7.1. Danh sách trích ngang đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng năm 2020**

TT	Họ và tên	Giới tính		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			
		Nam	Nữ	Chuyên môn		Tin học	Ngoại ngữ
				Trình độ đào tạo	Chuyên ngành TN		
1	2	3	4	5	6	7	12
<b>I</b>	<b>Giáo viên chủ nhiệm/ Cố vấn học tập</b>						
1	Vũ Thị Kim Hoa		x	TS	Ngôn ngữ		
2	Vũ Tuấn Hà	x		TS	Báo chí học	CNTT cơ bản	B2
3	Đỗ Thị Hải Đăng		x	ThS	Quan hệ công chúng	CNTT cơ bản	B1
4	Lê Thị Thùy Linh		x	ThS	Quan hệ công chúng	CNTT cơ bản	B2
5	Tào Thanh Huyền		x	ThS	Quan hệ công chúng	B	C
6	Nguyễn Thùy Linh		x	ThS	Quản trị và marketing	CNTT cơ bản	C1
7	Nguyễn Hoàng Yến		x	ThS	Báo chí học	B	IELTS 5.5
8	Nguyễn Hoàng Oanh		x	ThS	Truyền thông đại chúng	CNTT cơ bản	C1
9	Vũ Hạnh Ngân		x	ThS	Quan hệ công chúng	CNTT cơ	B1

						bản	
10	Mai Thị Lan Phương		x	ThS	Xuất bản	B	C
<b>II</b>	<b>Chuyên viên văn phòng Khoa - Hỗ trợ CTĐT</b>						
1	Mai Thị Lan Phương		x	ThS	Xuất bản	B	C
<b>III</b>	<b>Bộ phận hỗ trợ thực hành (Văn phòng)</b>						
1	Trần Tuấn Anh	x		CN	CNXHKH		C
<b>IV</b>	<b>Bộ phận Công nghệ thông tin (Văn phòng)</b>						
1	Vũ Hồng Thái	x		ThS	Quản lý giáo dục	Kỹ sư CNTT	C
2	Trần Thị Lan Hương		x	ThS	CNTT	ThS CNTT	C
<b>V</b>	<b>Trung tâm thông tin khoa học</b>						
1	Phạm Thị Thúy Hằng		x	ThS	Thư viện học	Nâng cao	CN
2	Nguyễn Thị Lay Don		x	CN	Thông tin – thư viện	B	B
3	Nguyễn Thị Kim Oanh		x	ThS	Thông tin – thư viện	CNTT cơ bản	C
<b>VI</b>	<b>Ban Quản lý Đào tạo đại học</b>						
1	Lê Hồng Quang	x		ThS	Xuất bản	Nâng cao	CN
<b>VII</b>	<b>Phòng Công tác chính trị - Hỗ trợ sinh viên</b>						
1	Thái Hồng Đức	x		ThS	Chính trị học	B	C
2	Phạm Ngọc Thúy Hằng		x	ThS	Xã hội học	Cơ bản	CN
3	Nguyễn Đình Định	x		ThS	Kinh tế chính trị	Nâng cao	CN
<b>VIII</b>	<b>Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo</b>						
1	Trần Thị Thảo Anh		x	ThS	Kinh tế chính trị	C	B1
2	Trần Đình Đức	x		ThS	Lịch sử Đảng	B	B
3	Hoàng Việt Linh	x		CN	Sư phạm vật lý	CNTT cơ bản	B1
<b>IX</b>	<b>Ban Quản lý khoa học</b>						
1	Lê Trần Lan Hương		x	ThS	Báo chí học	B	CN

Để đảm bảo chất lượng, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đều được tham gia các khóa tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: quản lý nhà nước chương trình chuyên viên chính, tiếng Anh, tin học... [H7.07.01.08.DC]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ

của Ngành Quan hệ công chúng luôn hoàn thành tốt việc hỗ trợ học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên [H7.07.01.13] [H7.07.01.15].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được định kỳ đánh giá thông qua kết quả xếp loại hàng năm và thông qua đánh giá của sinh viên [H7.07.01.11.DC] [H7.07.01.16.DC].

Theo thống kê, kết quả xếp loại hàng năm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ đều ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và tương ứng với kết quả đó là các mức thi đua – khen thưởng, đa số là lao động tiên tiến [H7.07.01.11.DC].

## ***2. Điểm mạnh***

Học viện đã quan tâm đến việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ thông qua các chiến lược dài hạn và kế hoạch ngắn hạn. Các chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ được cụ thể hóa theo các năm. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của nhân viên hỗ trợ ngày càng tốt nhờ công tác đào tạo bồi dưỡng thường xuyên và quá trình học tập nâng cao trình độ.

Nhờ có chiến lược và kế hoạch phát triển rõ ràng, đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng luôn đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ chương trình đào tạo.

Đội ngũ nhân viên đã hỗ trợ sinh viên tận tình, giải đáp mọi thắc mắc của sinh viên liên quan đến vấn đề học tập, nghiên cứu và rèn luyện tại khoa, trường giúp sinh viên có thành tích học tập, nghiên cứu tốt hơn.

## ***3. Điểm tồn tại***

Chuyên viên văn phòng khoa chưa được tham gia một số lớp bồi dưỡng, tập huấn như nghiệp vụ thư viện...

## ***4. Kế hoạch hành động***

Năm 2021, Khoa kiến nghị với Học viện tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện cho chuyên viên văn phòng khoa kiêm nhiệm công việc thủ thư.

## ***5. Tự đánh giá:***

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

## ***Tiêu chí 7.2.***

## ***Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

### ***1. Mô tả***

Học viện có qui trình chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên. Quá trình tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo đúng qui trình, quy định. Nhờ đó, Học viện có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác.

Trong công tác tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng của Học viện triển khai quy trình tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, công khai, bao gồm chỉ tiêu, tiêu chí, hình thức thi tuyển và thời gian tiến hành tuyển dụng. Công tác tuyển dụng nhân sự được thực hiện nghiêm túc theo các văn bản nhà nước: Nghị định 116 về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước, Nghị định 29 về việc sử dụng, tuyển dụng và quản lý viên chức, Luật viên chức, Luật giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 và Quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H7.07.02.01] [H7.07.01.05.DC] [H7.07.01.06.DC].

Việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên xuất phát từ nhu cầu của khoa, phòng, ban, trung tâm. Sau khi khảo sát trực tiếp nhu cầu nhân sự của các đơn vị, Ban Tổ chức – Cán bộ sẽ triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.03.DC].

Đối với Ngành Quan hệ công chúng, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn phù hợp với quy định của Khoa và Học viện.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường [H7.07.01.05.DC] [H7.07.01.06.DC]. Kế hoạch, tiêu chí tuyển chọn, danh sách thí sinh được công bố công khai trên trang Thông tin điện tử của Học viện và các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong quá trình tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị nói chung và ngành Quan hệ công chúng nói riêng, Hội đồng tuyển dụng của Học viện được thành lập để đảm

bảo tính chính xác, khách quan, công bằng. Hội đồng tuyển dụng hoạt động theo từng kỳ thi tuyển hoặc kỳ xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, Học viện thực hiện tốt công tác qui hoạch cán bộ lãnh đạo thuộc các lĩnh vực công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể; đảm bảo được tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của các phòng, ban, trung tâm và năng lực của mỗi cán bộ, được thực hiện theo đúng qui định của Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Các tiêu chí bổ nhiệm được quy định đầy đủ, rõ ràng trong Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [**H7.07.01.06.DC**]. Những nhân viên hỗ trợ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn, được đề nghị bổ nhiệm theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ của Học viện.

Đội ngũ kỹ thuật viên, cán bộ nhân viên chủ yếu có trình độ đại học các chuyên ngành phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Học viện có môi trường làm việc dân chủ: cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên có quyền tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của Học viện; mọi yêu cầu chính đáng và các khiếu nại, tố cáo (nếu có) đều được giải quyết kịp thời, đúng qui định. Trong thời gian từ 2016-nay, không có bất kỳ khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến công tác bổ nhiệm, tuyển dụng và điều chuyển cán bộ quản lý, nhân viên Ngành Quan hệ công chúng.

Từ năm 2016-nay, số lượng nhân viên hỗ trợ được xác định là phù hợp với nhu cầu thực tế của chương trình đào tạo. Đề án vị trí việc làm cũng xác định số lượng nhân viên hỗ trợ thực tế là tương đối phù hợp với nhu cầu vị trí việc làm.

## **2. Điểm mạnh**

Văn bản liên quan tới tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Học viện xác định và công khai. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên hỗ trợ được quy định rõ ràng trong thông tin tuyển dụng. Các tiêu chí tuyển dụng được xác định thông qua nhu cầu hoạt động của Học viện, ý kiến đóng góp của các đơn vị trong Học viện. Những

nhân viên hỗ trợ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ của Học viện.

Học viện đã tuyển dụng được đội ngũ nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Học viện có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ số lượng với cơ cấu hợp lý, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực công tác: hành chính, phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ nhân viên nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế văn hóa công sở của Học viện.

### ***3. Điểm tồn tại***

Các kế hoạch tuyển dụng hàng năm chưa thực sự phù hợp với đề án vị trí việc làm do có nhiều thay đổi trong cách thức, quy mô tuyển sinh, cơ cấu tổ chức, cơ cấu nhân sự phụ trách các đơn vị chức năng trong thời gian qua.

### ***4. Kế hoạch hành động***

Năm 2021, Học viện tiếp tục triển khai hoàn thiện đề án vị trí việc làm, thực hiện điều chuyển nhân viên kiêm nhiệm công việc giữa các phòng, ban, trung tâm. Học viện có kế hoạch xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể để giúp triển khai và đánh giá công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Tiếp tục động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động phục vụ cộng đồng.

### ***5. Tự đánh giá:***

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

### ***Tiêu chí 7.3.***

***Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá***

#### ***1. Mô tả***

Bên cạnh đội ngũ giảng viên, Ngành Quan hệ công chúng luôn đề cao vai trò của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Xây dựng đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất và năng lực là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Quy trình đánh giá nhân viên hỗ trợ hàng năm được đưa ra trong các Quy định về Quy chế công tác thi đua, khen thưởng và công văn hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua hàng năm [H7.07.03.01.DC] [H7.07.03.02.DC]. Về cơ bản, quy trình đánh giá được thực hiện theo 3 bước: (1) Cá nhân làm báo cáo tự đánh giá kết quả công việc theo nhiệm vụ được giao; (2) Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp để các thành viên trong đơn vị đóng góp ý kiến; (3) Trưởng đơn vị quyết định đánh giá, phân loại nhân viên. Căn cứ vào các tiêu chí đánh giá, cá nhân tự xếp loại theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Các tiêu chí cụ thể để đánh giá, xếp loại cá nhân được thể hiện rõ trong văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua do Ban Tổ chức – Cán bộ gửi tới các đơn vị hàng năm, trong đó bao gồm tư tưởng, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc [H7.07.03.02.DC].

Hiện nay, kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện định kỳ vào cuối năm hành chính. Ban Tổ chức – Cán bộ gửi Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua tới các đơn vị. Tại đơn vị, thủ trưởng kết hợp với công đoàn tiến hành tổ chức bình xét toàn bộ nhân viên của đơn vị mình. Tiêu chí, quy trình đánh giá như đã trình bày ở trên đảm bảo tính dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá, xếp loại cá nhân là căn cứ quan trọng để tham mưu, đề xuất nâng cao hiệu quả công tác; kiện toàn tổ chức bộ máy; bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp; quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển; khen thưởng, kỷ luật, bình xét các danh hiệu thi đua; chi thu nhập tăng thêm và thực hiện các chính sách khác đối với nhân viên hỗ trợ.

Bên cạnh đánh giá từ phía cá nhân, đơn vị chủ quản, Học viện, thì năng lực, thái độ, kết quả làm việc của đội ngũ nhân viên còn được đánh giá thông qua khảo sát lấy ý kiến của giảng viên và người học. Nhân viên hỗ trợ được đánh giá, xếp loại hàng năm



thông qua các loại hình khác nhau sẽ làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Hiện nay, chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng có 01 chuyên viên văn phòng khoa. Chuyên viên văn phòng khoa có trình độ thạc sĩ, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, trình độ tin học B, trình độ ngoại ngữ C. 09 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập đều có trình độ từ thạc sĩ trở lên (100%), trong đó có 02 tiến sĩ, 07 thạc sĩ [H7.07.01.10.DC].

Nhằm đáp ứng nhiệm vụ đảm nhận, hàng năm, đội ngũ nhân viên đều được tham gia các khóa bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ, quản lý hành chính nhà nước, quốc phòng - an ninh..., được tạo điều kiện để bồi dưỡng nâng cao trình độ; có nhiều người được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, được tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước, được tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học... [H7.07.01.08.DC]. Nhiều cán bộ được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở, lao động tiên tiến [H7.07.01.11.DC] [H7.07.03.03.DC]. Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Khoa và Học viện đối với đóng góp thành tích của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Nhìn chung, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, chuyên viên văn phòng đều đảm bảo năng lực hỗ trợ tốt cho chương trình đào tạo (Bảng 7.2).

Năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng tại các phòng, ban khác trong trường: Ban Quản lý Đào tạo, Ban Quản lý khoa học, Trung tâm Thông tin Khoa học, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá, Phòng Công nghệ thông tin (Văn phòng), Bộ phận Thực hành và hỗ trợ sinh viên (Văn phòng) đều đáp ứng năng lực được quy định trong đề án vị trí việc làm [H7.07.01.03.DC] [H7.07.01.10.DC].

### **Bảng 7.2. Thống kê kết quả đánh giá xếp loại đội ngũ nhân viên CTĐT**

#### **Ngành Quan hệ công chúng**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>
<b>I</b>	<b>Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập</b>				
1	Vũ Thị Kim Hoa	HTTNV	HTNV	HTTNV	HTTNV
2	Vũ Tuấn Hà	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
3	Đỗ Thị Hải Đăng	HTTNV	HTSXNV	HTTNV	HTTNV
4	Lê Thị Thùy Linh	HTSXNV	HTTNV	HTTNV	HTSXNV
5	Tào Thanh Huyền	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTSXNV
6	Nguyễn Thùy Linh	HTTNV	HTTNV	HTSXNV	HTTNV
7	Nguyễn Hoàng Yên	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
8	Nguyễn Hoàng Oanh	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTSXNV
9	Vũ Hạnh Ngân	-	HTTNV	HTTNV	HTTNV
10	Mai Thị Lan Phương	HTTNV	HTTNV	HTSXNV	HTTNV
<b>II</b>	<b>Chuyên viên văn phòng khoa</b>				
1	Mai Thị Lan Phương	HTTNV	HTTNV	HTSXNV	HTTNV
<b>III</b>	<b>Cán bộ phòng thực hành</b>				
1	Trần Tuấn Anh	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
<b>IV</b>	<b>Cán bộ phòng CNTT</b>				
1	Vũ Hồng Thái	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
2	Trần Thị Lan Hương	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
<b>V</b>	<b>Cán bộ Trung tâm thông tin khoa học</b>				
1	Phạm Thị Thúy Hằng	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
2	Nguyễn Thị Lay Đơn	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
3	Nguyễn Thị Kim Oanh	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
<b>VI</b>	<b>Cán bộ Ban Quản lý đào tạo</b>				
1	Lê Hồng Quang	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
<b>VII</b>	<b>Cán bộ phòng CTCT-HTSV</b>				
1	Thái Hồng Đức	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
2	Phạm Ngọc Thúy Hằng	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
3	Nguyễn Đình Định	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
<b>VIII</b>	<b>Cán bộ Trung tâm KT-KĐCLĐT</b>				
1	Trần Thị Thảo Anh	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
2	Trần Đình Đức	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV
3	Hoàng Việt Linh	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV

IX	Cán bộ ban Quản lý khoa học				
1	Lê Trần Lan Hương	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV

Kết quả đánh giá phân loại tập thể và cá nhân được Học viện thông báo tới các đơn vị, trong Báo cáo Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm để toàn thể cán bộ, viên chức, công chức trong trường biết. Các nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng không có ai bị xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ, đa phần đều đạt từ mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (Bảng 7.2) **[H7.07.01.11.DC]** **[H7.07.03.03.DC]** **[H7.07.03.04.DC]**.

Bên cạnh đó, Học viện và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã thực hiện khảo sát với người học và giảng viên về mức độ hài lòng đối với năng lực của nhân viên hỗ trợ. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của giảng viên đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong 2 năm gần đây (2018, 2019) lần lượt là 37,50% và 71,43%. **[H7.07.03.05.DC]**. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong 4 năm gần đây 2017, 2018, 2019, 2020 lần lượt là 32,81%, 44,94%, 75,70% và 77,20% **[H7.07.01.16.DC]**. Từ số liệu đối sánh đó cho thấy, mức độ hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng tăng dần theo các năm.

## ***2. Điểm mạnh***

Hoạt động đánh giá, phân loại đội ngũ nhân viên hỗ trợ công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Học viện.

Khoa luôn quan tâm đến việc hỗ trợ phát triển chuyên môn, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên. Hiện nay, các nhân viên hỗ trợ của Khoa đang được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia học nghiên cứu sinh cũng như tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ liên quan.

Đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những cán bộ trẻ, năng động, nhiệt tình.

## ***3. Điểm tồn tại***

Giờ làm việc của giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy mỗi kỳ.

#### ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa phối hợp với các phòng ban chức năng sắp xếp thời gian cụ thể cho cố vấn học tập trong việc hỗ trợ sinh viên.

#### ***5. Tự đánh giá:***

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm.

#### ***Tiêu chí 7.4.***

***Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

##### ***1. Mô tả***

Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực là điều kiện quyết định để Học viện có thể phát triển trong môi trường cạnh tranh. Vì vậy, chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, đặc biệt chú trọng về chất lượng hỗ trợ công tác đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm. Điều đó được thể hiện trong mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ - viên chức đến năm 2035, tầm nhìn đến 2050 và Đề án vị trí việc làm của Học viện [H7.07.01.01.DC] [H7.07.01.03.DC]. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được Nhà trường xây dựng phù hợp với chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên. Bên cạnh đó, Học viện cũng quan tâm, xem xét đến nhu cầu phát triển của cá nhân, được thể hiện thông qua việc phê duyệt đề nghị đi học các khóa đào tạo/bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.04].

Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được xây dựng trên cơ sở đối chiếu giữa thực trạng đội ngũ nhân viên của Nhà trường so với tiêu chuẩn quy định của Nhà nước [H7.07.04.01]. Kế hoạch mở/cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng được thông báo rộng rãi trên website của Học viện và gửi đến các đơn vị liên quan để nhân viên có kế hoạch đăng ký tham gia, đơn vị lập danh sách đăng ký gửi về Ban Tổ chức – Cán bộ. Trong giai đoạn từ 2016-nay, Nhà trường đã cử nhiều nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như: đại học chuyên ngành II và sau đại học, các lớp ngắn hạn về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, quản lý nhân sự, tổ chức - cán bộ, tài

chính - kế toán, công tác pháp chế, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục v.v [H7.07.01.08.DC]. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên còn được Học viện khuyến khích thi thăng hạng. Việc tham gia các khóa bồi dưỡng này đã giúp nâng cao hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Việc triển khai các hoạt động đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Học viện nói chung và Ngành Quan hệ công chúng nói riêng do Ban Tổ chức – Cán bộ phụ trách thực hiện. Tuy nhiên, các đơn vị phụ trách nhân sự liên quan đến đội ngũ nhân viên cho chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng cũng đồng thời có những kế hoạch phát triển đội ngũ riêng của mình, phù hợp với chiến lược chung của Học viện.

Trong năm 2020, toàn trường có 111 lượt cán bộ lãnh đạo và nhân viên hỗ trợ được cử đi tham gia 12 khóa tập huấn ngắn hạn và tham gia các hội nghị, hội thảo nhằm nâng cao trình độ [H7.07.01.08.DC] [H7.07.04.04].

Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, Học viện đã tiến hành tổ chức các cuộc đối thoại tại Hội nghị cán bộ viên chức, giữa Ban Giám đốc với sinh viên, giữa lãnh đạo Khoa với sinh viên chính quy trong khoanhằm lắng nghe những tâm tư nguyện vọng của cán bộ giảng viên và sinh viên đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo của Học viện và của Khoa [H7.07.03.04.DC] [H7.07.04.05] [H7.07.04.06]. Ngoài ra, Học viện còn khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về đội ngũ nhân viên hỗ trợ [H7.07.01.16.DC] [H7.07.03.05.DC].

Học viện tiến hành tổ chức/cử đội ngũ nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động hỗ trợ; luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước bằng cách tạo điều kiện về chế độ chính sách: thời gian, khối lượng công việc, kinh phí học tập, bồi dưỡng [H7.07.04.04] [H7.07.04.07].

Hiện nay, Ngành Quan hệ công chúng có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đảm bảo năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lý sinh viên và các hoạt động hỗ trợ khác. Cụ thể, Khoa có 01 nhân viên văn phòng kiêm quản

lý sinh viên và 09 giảng viên kiêm nhiệm các công tác hỗ trợ sinh viên như: cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, thư ký khoa học, phát triển Đảng, truyền thông, hoạt động Đoàn... [H7.07.01.14.DC]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Ngành Quan hệ công chúng được BCN Khoa định hướng nhu cầu đào tạo bồi dưỡng để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động, Ngành Quan hệ công chúng còn nhận được sự phối hợp chặt chẽ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm tốt. Đó là các kỹ thuật viên, nhân viên làm việc ở các đơn vị khác trong trường: Ban Quản lý Đào tạo, Ban Quản lý khoa học, Trung tâm Thông tin Khoa học, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá, Văn phòng [H7.07.01.09.DC] [H7.07.01.10.DC].

## ***2. Điểm mạnh***

Hàng năm, Học viện và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ này. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên được đảm bảo thực hiện.

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Học viện đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học tại trường.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho sinh viên.

## ***3. Điểm tồn tại***

Sau khi tổ chức các khóa học đào tạo, bồi dưỡng, Học viện chưa thường xuyên thực hiện lấy ý kiến phản hồi của nhân viên hỗ trợ về hiệu quả của các hoạt động trên, mà chủ yếu là do các chuyên gia/giáo viên giảng dạy tự lấy ý kiến phản hồi từ người tham gia để thay đổi phương pháp giảng dạy cũng chất lượng của bài giảng của mình.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Học viện động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ nhân viên hỗ trợ tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Từ năm 2021, Ban Tổ chức – Cán bộ cần tiến hành lấy ý kiến phản hồi của những người tham gia về hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng sau khi kết thúc khóa học.

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

#### ***Tiêu chí 7.5.***

***Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

##### ***1. Mô tả***

Học viện, các phòng, ban, trung tâm và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo luôn quan tâm, quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho nhân viên trong quá trình làm việc và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Học viện ban hành quy định cụ thể về khối lượng công việc đối với đội ngũ nhân viên, đồng thời cũng có những quy định cụ thể về các tiêu chí liên quan đến đánh giá, xếp loại, thi đua – khen thưởng [H7.07.05.01] [H7.07.03.01.DC] [H7.07.03.02.DC]. Hàng năm, Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, các phòng, ban, trung tâm triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo. Nhân viên hỗ trợ hoàn thành tốt/xuất sắc công việc được giao sẽ nhận được những danh hiệu xứng đáng: lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cơ sở, được nâng lương trước thời hạn.

Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, các phòng, ban, trung tâm, thực hiện đánh giá định kỳ kết quả triển khai công việc và xem xét thi đua - khen thưởng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Dựa vào kết quả thực hiện của nhân viên, các đơn vị và Học viện thành lập Hội đồng tiến hành họp xét công tác đánh giá xếp loại, thi

đua – khen thưởng [H7.07.05.05] [H7.07.05.06]. Về cơ bản, các bước bình xét được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ: (1) Học viện gửi công văn hướng dẫn đánh giá, xếp loại, bình xét danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân hàng năm tới các đơn vị; (2) các bước tiến hành đánh giá ở các đơn vị: cá nhân tự đánh giá -> các thành viên trong đơn vị đóng góp ý kiến -> quyết định của trường đơn vị; (3) các bước tiến hành đánh giá ở cấp trường: các đơn vị tổng hợp kết quả đánh giá cùng với bản tự đánh giá cá nhân có ý kiến của lãnh đạo đơn vị tới Ban Tổ chức – Cán bộ, trên cơ sở đó Ban Tổ chức – Cán bộ tập hợp báo cáo lên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của Học viện để đánh giá và quyết định [chưa có BB hội đồng thi đua khen thưởng của trường]; (4) Ban Tổ chức – Cán bộ công bố kết quả tới toàn thể các đơn vị trong trường bằng văn bản [H7.07.01.11.DC]. Kết quả thi đua khen thưởng trong các năm gần đây của đội ngũ cán bộ hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng giai đoạn 2016 – nay được thể hiện trong bảng 7.3.

**Bảng 7.3. Thống kê kết quả thi đua khen thưởng của cán bộ hỗ trợ CTĐT Ngành Quan hệ công chúng**

TT	Họ và tên	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>I</b>	<b>Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập</b>					
1	Vũ Thị Kim Hoa	-	LĐTT	-	LĐTT	LĐTT
2	Vũ Tuấn Hà	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
3	Đỗ Thị Hải Đăng	LĐTT	-	LĐTT	LĐTT	LĐTT
4	Lê Thị Thùy Linh	HTTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
5	Tào Thanh Huyền	HTTNV	-	LĐTT	LĐTT	LĐTT
6	Nguyễn Thùy Linh	LĐTT	-	LĐTT	LĐTT	LĐTT
7	Nguyễn Hoàng Yến	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
8	Nguyễn Hoàng Oanh	-	-	LĐTT	LĐTT	LĐTT-CSTĐCS
9	Vũ Hạnh Ngân	-	-	LĐTT	LĐTT	LĐTT
10	Mai Thị Lan Phương	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
<b>II</b>	<b>Chuyên viên văn phòng khoa</b>					
1	Mai Thị Lan Phương	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT



<b>III</b>	<b>Cán bộ phòng thực hành</b>					
1	Trần Tuấn Anh	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
<b>IV</b>	<b>Cán bộ phòng CNTT</b>					
1	Vũ Hồng Thái	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Trần Thị Lan Hương	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
<b>V</b>	<b>Cán bộ Trung tâm thông tin khoa học</b>					
1	Phạm Thị Thúy Hằng	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Nguyễn Thị Lay Don	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
3	Nguyễn Thị Kim Oanh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
<b>VI</b>	<b>Cán bộ Ban Quản lý đào tạo</b>					
1	Lê Hồng Quang	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
<b>VII</b>	<b>Cán bộ phòng CTCT-HTSV</b>					
1	Thái Hồng Đức	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Phạm Ngọc Thúy Hằng	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
3	Nguyễn Đình Định	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
<b>VIII</b>	<b>Cán bộ Trung tâm KT-KĐCLĐT</b>					
1	Trần Thị Thảo Anh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
2	Trần Đình Đức	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
3	Hoàng Việt Linh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
<b>IX</b>	<b>Cán bộ Ban Quản lý khoa học</b>					
1	Lê Trần Lan Hương	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT

Để thuận tiện cho việc theo dõi và giám sát quá trình làm việc của đội ngũ nhân viên cũng như giúp đội ngũ nhân viên nắm được các công việc để chủ động thực hiện, Học viện đã xây dựng đề án vị trí việc làm [H7.07.01.03.DC]. Đề án vị trí việc làm quy định cụ thể khối lượng công việc đối với từng vị trí việc làm. Đây cũng là cơ sở đánh giá kết quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Năng lực của đội ngũ nhân viên còn được Học viện đánh giá thông qua khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên và giảng viên [H7.07.01.16.DC] [H7.07.03.05.DC].

Học viện đã ban hành quy định công khai, rõ ràng về chế độ làm việc của đội ngũ nhân viên, cụ thể thời gian làm việc sáng từ 8h - 12h, chiều từ 13h - 17h [H7.07.05.01]. Ngoài việc đánh giá đội ngũ nhân viên qua kết quả công việc, Nhà trường còn đánh giá thời gian làm việc thông qua hình thức chấm công, kiểm tra đột xuất [H7.07.05.02].

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện nghiêm túc thông qua Trưởng các đơn vị và bộ phận thanh tra theo các văn bản quy định của Học viện, Khoa và các phòng, ban, trung tâm.

Ngoài danh hiệu thi đua khen thưởng, nhân viên hỗ trợ có kết quả làm việc tốt đáp ứng các tiêu chuẩn của Học viện về nâng bậc lương trước thời hạn sẽ được xét theo quy định **[H7.07.05.08]**. Dựa vào kết quả đánh giá phân loại cán bộ viên chức của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, hàng năm Học viện tính toán và chi trả mức thu nhập tăng thêm tương ứng nhằm khuyến khích đội ngũ nhân viên nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Việc quản trị theo kết quả công việc và quá trình làm việc đã góp phần khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên, từ đó nâng cao hiệu quả hỗ trợ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng của chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng. Có thể thấy sự cải thiện đó thông qua một số kết quả sau: (i) Các vấn đề thắc mắc, góp ý của cán bộ giảng viên và người học được thể hiện tại các buổi đối thoại, tọa đàm liên quan đến hoạt động hỗ trợ của nhân viên đối với chương trình đào tạo Ngành Quan hệ công chúng hầu hết đã được giải quyết và thay đổi, các ý kiến thắc mắc năm sau không còn bị lặp lại so với năm trước thể hiện các vấn đề đó đã được cải thiện **[H7.07.04.05]**; (ii) Việc quy định chấm công thời gian làm việc hàng ngày khiến cho đội ngũ nhân viên phải thực hiện nghiêm túc hơn về thời gian làm việc, giảm hiện tượng đi sớm về muộn, điều đó được thể hiện qua bảng chấm công thời gian làm việc hàng ngày **[H7.07.05.07]**; (iii) Có những phản hồi tích cực về hoạt động của đội ngũ nhân viên thông qua kết quả khảo sát các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên từ 2016-nay **[H7.07.01.16.DC][ H7.07.03.05.DC]**.

Để đảm bảo quy chế dân chủ trong việc đóng góp ý kiến của đội ngũ cán bộ viên chức, trước khi ban hành các quy định về thi đua - khen thưởng hoặc quy định đánh giá thực hiện công việc, Học viện công bố bản dự thảo gửi về các đơn vị để lấy ý kiến đóng góp, sau đó tổng hợp điều chỉnh trước khi ban hành các quy định chính thức. **[H7.07.05.09]**

Học viện có những cải tiến, thay đổi trong việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các

hoạt động phục vụ cộng đồng. Những cải tiến trong quy trình, quy định triển khai đánh giá xếp loại thể hiện ở những nội dung: (i) quy định về đối tượng đánh giá, phân loại; (ii) tiêu chuẩn đánh giá xếp loại; (iii) tỷ lệ đánh giá xếp loại và (iv) quy trình đánh giá, xếp loại [H7.07.05.10]. Những cải tiến này dựa trên ý kiến đóng góp của các đơn vị trong Học viện và đảm bảo tính hợp lý hơn của công tác đánh giá.

## **2. Điểm mạnh**

Công tác thi đua - khen thưởng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ được quy định rõ ràng, công khai giúp công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Học viện.

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tham gia trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá.

## **3. Điểm tồn tại**

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ rất khó đạt được danh hiệu thi đua cao nhất (chiến sĩ thi đua cấp cơ sở) theo quy định của công tác thi đua - khen thưởng.

Chưa triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên hỗ trợ về kết quả đánh giá và kết quả thi đua- khen thưởng của Học viện.

Học viện cần có biện pháp/hệ thống theo dõi sự cải tiến/tiến bộ của nhân viên sau đánh giá.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2021, Học viện cần có những thay đổi về quy định thi đua - khen thưởng cho phù hợp để tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở nhằm khuyến khích nhân viên nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm 2021, Học viện cần xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc cũng như xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho đội ngũ nhân viên trong quá trình làm việc.

Tiến hành khảo sát sự hài lòng của đội ngũ nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của Học viện.

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

#### ***Kết luận về tiêu chuẩn 7:***

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ Ngành Quan hệ công chúng đảm bảo về số lượng và năng lực chuyên môn. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy định, quy trình. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công khai. Học viện, Khoa Quan hệ công chúng tạo điều kiện, khuyến khích nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ hiện nay đảm bảo đảm đương được công tác phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Khoa, Học viện. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tham gia đóng góp xây dựng các quy định của Học viện về công tác đánh giá, thi đua – khen thưởng và các mặt hoạt động khác.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mạnh trên, thì vẫn còn một số tồn tại như: (i) Đội ngũ cố vấn học tập của Ngành Quan hệ công chúng đều do giảng viên kiêm nhiệm, nên khối lượng công việc khá nhiều, thời gian cố định trực trên văn phòng khoa do đó cũng bị ảnh hưởng; (ii) Các kế hoạch tuyển dụng hàng năm chưa thực sự phù hợp với đề án vị trí việc làm do có nhiều thay đổi trong cách thức, quy mô tuyển sinh, cơ cấu tổ chức, cơ cấu nhân sự phụ trách các đơn vị chức năng trong thời gian qua; (iii) Học viện chủ yếu quan tâm tới đội ngũ nhân viên thuộc các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ, chưa có sự quan tâm đúng mức cho đội ngũ chuyên viên văn phòng khoa.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng đó, Học viện, Khoa sẽ tiếp tục phát huy các thế mạnh và có kế hoạch hành động nhằm hạn chế tối đa những tồn tại. Cụ thể: (i) Rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các khoa, phòng, ban, trung tâm để đáp ứng tốt hơn về nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện nói chung và Ngành Quan hệ công chúng nói riêng; (ii) Tiếp tục triển khai hoàn thiện đề án vị trí việc làm. Học viện có kế hoạch xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể để giúp triển khai và đánh giá công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ; (iii) Tổ chức các lớp bồi dưỡng như: kỹ năng cố vấn cho sinh

viên, nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ văn phòng cho cán bộ khoa đảm nhận các công việc hỗ trợ sinh viên.

**Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí, cả 5 đều đạt, điểm trung bình là 5,2/7 điểm.**

## **TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ SỰ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC**

### ***Mở đầu***

Chất lượng đầu vào của người học luôn là yếu tố then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và chất lượng đầu ra. Để có thể tuyển chọn được người học có năng lực phù hợp, trong 5 năm học qua, Khoa QHCC và Quảng cáo đã xây dựng cho ngành QHCC một chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai. Bên cạnh đó Học viện đã chuyển đổi từ hình thức đào tạo theo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ để đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT và xu thế của thời đại. Hình thức đào tạo này đã thể hiện rõ ưu điểm của mình là giúp người học tăng cường ý thức trách nhiệm đối với việc đào tạo của bản thân mình, là thực hiện dân chủ hoá trong giáo dục: người học tham gia vào tất cả các khâu trong tiến trình đào tạo của mình, từ việc cơ cấu các môn học dựa trên hệ thống tự chọn, đến việc quy hoạch lộ trình thực hiện tiến trình đào tạo đó tùy theo điều kiện và năng lực về tài chính về quỹ thời gian của mình.

Để phát huy ưu điểm đó Khoa và Học viện đã tổ chức hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV ngành QHCC một cách minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên. Cụ thể để giúp người học trong quá trình học tập tại ngành QHCC thì Học viện, Khoa QHCC và Quảng cáo đã tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi nhất nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người học như phát triển đội ngũ cộng tác viên; định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa SV với các DN, nhà tuyển dụng, nâng cấp phần mềm quản lý SV... Ngoài ra Học viện còn tạo môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh đẹp, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

### ***Tiêu chí 8.1.***

***Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.***

### **1. Mô tả**

Chính sách tuyển sinh của Học viện được thể hiện cụ thể trong Đề án tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.01]. Thông tin về tuyển sinh các ngành học, trong đó có Ngành QHCC luôn cụ thể, rõ ràng: khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh, điều kiện nhận hồ sơ, phương thức tuyển sinh, hình thức xét tuyển, đối tượng ưu tiên, đối tượng tuyển thẳng... Các thông tin này cũng được công bố công khai và thường xuyên cập nhật trên các phương tiện thông tin đại chúng như: cổng thông tin tuyển sinh (<http://tuyensinhajc.edu.vn/>), website Học viện BC&TT, fanpage Khoa QHCC, trong cuốn Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH các năm, trong tờ rơi quảng bá CTĐT, thông báo tuyển sinh... [H8.08.01.02] [H8.08.01.03] [H8.08.01.04] [H8.08.01.05].

Từ năm 2015 đến nay, thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh ĐH, Học viện đã sử dụng kết quả thi trung học phổ thông Quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ ĐH chính quy cho Ngành QHCC [H8.08.01.01]. Khi xét tuyển, các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực, theo chế độ chính sách được thụ hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt theo đúng quy định. Học viện cũng áp dụng triệt để tuyển sinh theo ngành, tất cả thông tin của Ngành QHCC như: số lượng tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển, cách tính điểm trúng tuyển, điểm chuẩn ... đều được công bố công khai và cập nhật hàng năm [H8.08.01.01]. Các chính sách tuyển sinh thay đổi hàng năm liên quan đến: phương thức xét tuyển; tổ hợp môn xét tuyển; chính sách học bổng tuyển sinh; điểm tuyển chọn; công tác truyền thông hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh:

- Năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh Đại học, Học viện xét tuyển theo 3 nhóm ngành căn cứ kết quả thi THPT quốc gia [H8.08.01.01]. Riêng nhóm 1 ngành Báo chí tổ chức thi bổ sung môn Năng khiếu báo chí. Từ năm 2016 đến nay, Học viện xét tuyển theo 4 nhóm ngành (Nhóm 1: Ngành Báo chí; Nhóm 2 gồm các ngành: Triết học, Kinh tế, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Chính trị học, Xuất bản, Xã hội học, Công tác xã hội; Nhóm 3: Ngành Lịch sử; Nhóm 4 gồm các ngành: Quan

hệ quốc tế, Quan hệ công chúng, Quảng cáo, Ngôn ngữ Anh) căn cứ kết quả thi THPT quốc gia.

- Ngành QHCC sử dụng 04 tổ hợp môn xét tuyển, gồm: D01 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán); D14 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử); D15 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lý) và D11 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Vật lý) [**H8.08.01.01**].

Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành QHCC đều được Phòng đào tạo tổng kết và báo cáo lãnh đạo Học viện, lãnh đạo Khoa QHCC và Quảng Cáo nhằm đánh giá công tác tuyển sinh [**H8.08.01.06**].

**Bảng 8.1: Bảng đối sánh chính sách tuyển sinh cho ngành QHCC giai đoạn 2015-2020**

Nội dung	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019		
	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
Đối tượng tuyển sinh	Đã tốt nghiệp THPT			Đã tốt nghiệp THPT			Đã tốt nghiệp THPT (riêng ĐH Thủy Lợi yêu cầu có điểm trung bình từ 5.5 trở lên)			Đã tốt nghiệp THPT (riêng ĐH Thủy Lợi yêu cầu có điểm trung bình từ 5.5 trở lên)			Là công dân Việt Nam đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đủ sức khỏe và không vi phạm pháp luật		
Phạm vi tuyển sinh	Cả nước			Cả nước			Cả nước			Cả nước			Cả nước		
Phương thức tuyển sinh	Thi tuyển			Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia; Tuyển thẳng theo quy định			Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia; Tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT			Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia: (1), (2), (3) áp dụng			Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia: (1), (2), (3) áp dụng		
										Tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT: (1), (2), (3) áp dụng			Tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT: (1), (2), (3) áp dụng		



		của Bộ GD&ĐT							Xét tuyển theo học bạ: (2) (3) áp dụng	Xét tuyển theo học bạ: (2) (3) áp dụng					
									(3) áp dụng thêm 3 trường hợp tuyển thẳng khác như học sinh đạt giải nhất nhì cấp Tỉnh/thành phố, học sinh trường chuyên và học sinh giỏi 3 năm PTTH	(3) áp dụng thêm 3 trường hợp tuyển thẳng khác như học sinh đạt giải nhất nhì cấp Tỉnh/thành phố, học sinh trường chuyên và học sinh giỏi 3 năm PTTH					
Tổ hợp môn thi/ xét tuyển	AVD/AVT/ AVL	AV D	AV T	AV S	D01	D14	D15/D 11	D01/R2 4	D72/D 78	R25/R26	D01/D7 2	D78/R 24	R25/R26		
Điểm trúng tuyển	2 9. 5	29	29	30.5	30	30. 5	33.8 3	34.3 3	34.33/3 3.33	29	28.5/3 0.5	29.5	34.95/3 4.45	36.2/34 .95	34.45/36. 2
Điểm ưu tiên	Áp dụng chính sách cộng điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng vào điểm thi/điểm xét tuyển (Điểm ưu tiên từ 0,5 đến 2 điểm)														
Đối tượng ưu tiên	Theo quy định của Quy chế tuyển sinh ĐH, Cao đẳng do Bộ GD&ĐT ban hành														

(1): Ngành Quan hệ công chúng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

(2): Ngành Quan hệ công chúng,

(3): Ngành Quan hệ công chúng,

Là đơn vị thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ GD&ĐT, Học viện BC&TT luôn thực hiện đúng các quy định về tuyển sinh do Bộ GD&ĐT công bố hàng năm cho tất cả các ngành đào tạo của trường, trong đó có Ngành QHCC [H8.08.01.07].

Quy trình xây dựng tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học được thực hiện theo các bước sau: (1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu sinh viên □ Tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp □ Đề xuất tiêu chí và phương thức tuyển chọn sinh viên theo ngành đào tạo □ (2) Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn sinh viên theo ngành đào tạo; (3) Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT áp dụng trong công tác tuyển sinh. Tuy nhiên, sau tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh. Nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện cải tiến, điều chỉnh bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh [H8.08.01.03] [H8.08.01.04] [H8.08.01.05].

Hoạt động tuyển sinh được giám sát và phân tích hàng năm thông qua việcthống kê kết quả tuyển sinh từng năm theo các ngành cụ thể như: số lượng thí sinh trúng tuyển (nguyện vọng 1, nguyện vọng bổ sung, tuyển sinh, tuyển thẳng, dự bị đào tạo, lưu học sinh Lào), số lượng thí sinh nhập học [H8.08.01.06]. Bên cạnh đó, để phục vụ cải tiến chất lượng tuyển sinh, Học viện họp Hội đồng tuyển sinh hàng năm nhằm đánh giá kết quả, phương thức, tiêu chí tuyển sinh, các kênh tuyển sinh của năm trước và đề xuất phương án tuyển sinh năm mới [H8.08.01.01] [H8.08.01.08].

Để đảm bảo số lượng, chất lượng đầu vào, ngoài chính sách tuyển sinh, Học viện và Khoa cũng sử dụng nhiều biện pháp quảng bá tuyển sinh khác nhau: AJC open day, livestream, tư vấn tuyển sinh (tại chỗ, đi đến các tỉnh thành) cho học sinh PTTH và phụ huynh [H8.08.01.09] [H8.08.01.10]. Hoạt động này đã giới thiệu những nội dung chi tiết trong chính sách tuyển sinh cũng như CTĐT chuyên ngành QHCC Chuyên nghiệp của ngành QHCC tại Học viện BC&TT.

Hoạt động tuyển sinh Ngành QHCC có sự tham gia tích cực của Khoa và giảng viên trong khoa. Khoa đã thành lập Ban Truyền thông và Sinh viên, trong đó có nội dung liên quan đến tuyển sinh, thiết kế poster, tờ rơi, cử giảng viên có kinh nghiệm

trong hoạt động tư vấn tại các sự kiện như AJC open day, livestream hoặc tới các trường PTTH để tư vấn cho thí sinh... [H8.08.01.09] [H8.08.01.10].

Số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển, nhập học, điểm chuẩn của Ngành QHCC đều được Ban QLĐT tổng kết, báo cáo lãnh đạo Học viện và lãnh đạo Khoa QHCC nhằm đánh giá công tác tuyển sinh [H8.08.01.06]. Số liệu thống kê tại bảng 8.4 cho thấy số lượng và chất lượng đầu vào của người học Ngành QHCC tương đối ổn định qua các năm và khá cao so với mặt bằng chung.

**Bảng 8.2: Thống kê số lượng đăng ký, trúng tuyển, nhập học của ngành QHCC giai đoạn 2015-2020**

<b>Năm</b>	<b>Số lượng thí sinh trúng tuyển</b>	<b>Số nhập học thực tế (người)</b>	<b>Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm</b>	<b>Điểm trung bình của SV được tuyển</b>
2015	112	97	29;29.5/40	29.25
2016	116	61	30;30.5/40	30.25
2017	93	84	33.83;34.33/40	34.08
2018	128	101	28.5;29;29.5;30/40	29.25
2019	79	62	32.25;32.75;33.25;33.75;34/40	33.2
2020	134	55	32	32

Hàng năm, trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan như: nhà tuyển dụng, chuyên gia, cựu SV, Khoa và Học viện tiến hành nghiên cứu, xem xét cập nhật chính sách tuyển sinh của Ngành trong mối tương quan với nhu cầu nhân lực về QHCC của thị trường lao động [H1.01.01.15.DC]. Không chỉ thế, chính sách tuyển sinh qua các năm được ra soát, đánh giá, đối chiếu, so sánh nhằm phục vụ quá trình xây dựng đề án tuyển sinh cho các năm tiếp theo [H8.08.01.11].

## **2. Điểm mạnh**

Công tác tuyển sinh của Học viện được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai trong toàn xã hội. Chính sách tuyển sinh có tính

lượng hóa với việc quy định cụ thể về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh, giúp Ngành QHCC tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh còn được cập nhật hàng năm trên cơ sở góp ý của các bên liên quan; từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học, tạo nên tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất.

Chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

### **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng chính sách tuyển sinh của Ngành QHCC vẫn còn một số tồn tại: hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo (Ngành QHCC và Khoa QHCC&QC) chưa được chi tiết, đầy đủ.

Chưa có các hình thức quảng bá để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực, đam mê ngành QHCC vào học.

Cần mở rộng thêm tới đối tượng là phụ huynh của thí sinh khi thực hiện truyền thông về tuyển sinh.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa QHCC&QC và Học viện cần tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh; mỗi giảng viên là một tuyên truyền viên cho Ngành QHCC.

Thực hiện điều chỉnh, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về Ngành QHCC và Khoa QHCC&QC.

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyển sinh của Học viện để có chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp.

Cần tiếp tục hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh hàng năm để đảm bảo hiệu quả công tác tuyển sinh ĐH chính quy theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

### **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 6/7 điểm.

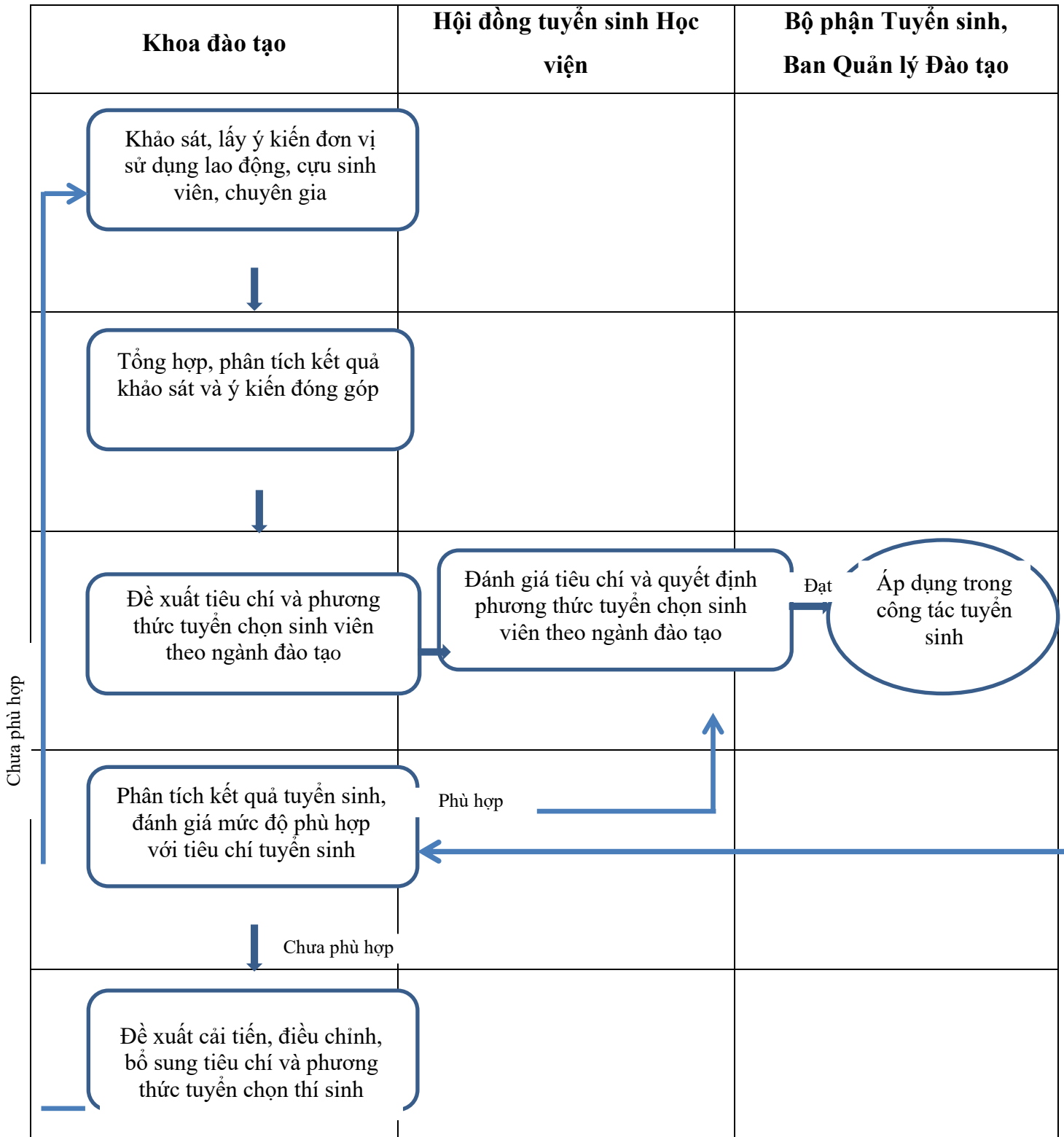
## ***Tiêu chí 8.2.***

### ***Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá***

#### ***1. Mô tả***

Để đảm bảo tính khoa học, khách quan, chính xác, quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Học viện thực hiện dựa trên góp ý của các khoa đào tạo, nhà tuyển dụng, nhà khoa học, cựu sinh viên... Trên cơ sở góp ý của các bên liên quan, các bước tiến hành của quy trình gồm: (1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu sinh viên □ Tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp □ Đề xuất tiêu chí và phương thức tuyển chọn sinh viên theo ngành đào tạo □ (2) Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn sinh viên theo ngành đào tạo; (3), Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT áp dụng trong công tác tuyển sinh. Tuy nhiên, sau tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh. Nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện cải tiến, điều chỉnh bổ sung tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh [H8.08.01.03] [H8.08.01.06] [H8.08.01.07]. Dưới đây là sơ đồ minh họa quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học:

#### **Sơ đồ 8.1: Quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học**



Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy của các ngành đào tạo trong trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được xác định, ghi rõ trong Đề án tuyển sinh - công bố công khai hàng năm trên trang website tuyển sinh của Học viện [H8.08.01.01] [H8.08.02.02].

Đối với Ngành QHCC, từ năm 2014 về trước, phương pháp tuyển chọn người học được thực hiện theo 2 phương thức: thi tuyển và xét tuyển thẳng. Với phương pháp thi tuyển, tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng: đó là các thí sinh có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương có tổng điểm các môn thi khối C, D trong kỳ thi tuyển sinh ĐH chung do Bộ GD&ĐT tổ chức cộng điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) phải lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển chung của Học viện. Với phương pháp xét tuyển thẳng, tiêu chí tuyển chọn người học Ngành QHCC được áp dụng theo quy chế tuyển thẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể là các thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia.

Từ năm 2015 - nay, Học viện thay đổi phương pháp tuyển chọn người học cho Ngành QHCC. Cụ thể: áp dụng phương pháp xét tuyển với ba hình thức gồm xét tuyển theo kết quả thi PTTH quốc gia, xét tuyển thẳng và xét tuyển theo học bạ PTTH. Với phương pháp xét tuyển thẳng: vẫn áp dụng theo quy chế tuyển thẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo như năm 2014. Với phương pháp xét tuyển theo kết quả thi PTTH quốc gia: tiêu chí tuyển chọn người học cho ngành đào tạo QHCC là sử dụng 04 tổ hợp môn xét tuyển, gồm: D01 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Toán); D14 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử); D15 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lý) và D11 (Tiếng Anh, Ngữ văn, Vật lý).

Thí sinh dự tuyển có thể tra cứu kết quả xét tuyển tại trang tuyển sinh của trường tại địa chỉ: <http://tuyensinhajc.edu.vn/>[H8.08.01.05]. Sau khi có kết quả xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh Học viện BC&TT gửi giấy báo đến thí sinh trúng tuyển để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và đến nhập học theo thời gian ghi trong Giấy báo nhập học [H8.08.02.01].

Dựa trên quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học (Sơ đồ 8.1), Học viện, Khoa luôn có sự rà soát, điều chỉnh tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học sao cho phù hợp với năm tuyển sinh sau đó [H8.08.01.03][



**H8.08.01.11]**. Như vậy mới đảm bảo sự hợp lý trong quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của các ngành đào tạo nói chung và Ngành QHCC nói riêng.

Tính đến thời điểm này, Học viện và Khoa QHCC chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét, đánh giá không tốt nào về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Ngành QHCC [**H8.08.02.02**].

## **2. Điểm mạnh**

Hiện nay, Học viện và Khoa đã có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Ngành QHCC trên cơ sở góp ý của các bên liên quan.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Ngành QHCC được công bố rộng rãi, công khai, là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi, giám sát.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Ngành QHCC rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT, nên kết quả tuyển chọn khách quan và chính xác.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực, có kiến thức và ngoại ngữ vào học Ngành QHCC.

## **3. Điểm tồn tại**

Phương thức tuyển sinh của Ngành QHCC còn bó hẹp ở phương thức xét tuyển theo điểm thi THPT Quốc gia; tổ hợp môn thi dùng trong xét tuyển theo điểm thi PTTH quốc gia còn chưa phong phú.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Ban QLĐT kết hợp với Khoa QHCC tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh hàng năm theo đúng quy chế tuyển sinh với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, phù hợp với Ngành QHCC.

Khoa đề xuất với Hội đồng Tuyển sinh Học viện: bổ sung thêm tổ hợp môn thi khác như tổ hợp D07 để xét tuyển theo điểm thi PTTH quốc gia trong kỳ tuyển sinh năm 2021.

## **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm.

### ***Tiêu chí 8.3.***

***Có hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.***

#### ***1. Mô tả***

Học viện BC&TT xây dựng lộ trình và bắt đầu triển khai lộ trình chuyển đổi sang đào tạo theo TC từ năm 2014 đối với hệ đại học chính quy. Như vậy, bắt đầu từ năm 2014, về cơ bản tất cả các hệ đào tạo Ngành QHCC đã tổ chức chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang hình thức đào tạo theo TC với nhiều ưu điểm. Để phát huy tối đa ưu điểm của hình thức đào tạo theo TC, Học viện, Khoa QHCC&QC đã áp dụng hệ thống giám sát phù hợp theo dõi sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện cũng như kết quả, khối lượng học tập của sinh viên Ngành QHCC. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và kết quả, khối lượng học tập của sinh viên Ngành QHCC là sự kết hợp của 3 cấu phần: (1) Hệ thống các văn bản quy định làm cơ sở cho việc giám sát [H8.08.03.01] [H8.08.03.02] [H8.08.03.03] [H8.08.03.04]; (2) Các công cụ phương tiện hỗ trợ quản lý theo học chế tín chỉ như phần mềm quản lý đào tạo [H8.08.03.05], tài khoản cá nhân sinh viên [H8.08.03.06][H4.04.02.10]; (3) Các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát như văn phòng Khoa, Ban QLĐT, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ sinh viên, đội ngũ cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm...[H8.08.03.02][H8.08.03.03] [H8.08.03.04].

#### **• Hệ thống các văn bản quy định làm cơ sở cho việc giám sát**

Học viện BC&TT đã ban hành nhiều quy định hướng dẫn cách thức xác định kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên để làm cơ sở cho việc giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo TC [H5.05.01.01] [H8.08.03.07]. Tất cả các quy định này được tập hợp trong cuốn Sổ tay sinh viên và được phát miễn phí sau khi sinh viên nhập học. Cụ thể đối với Ngành QHCC, người học sẽ phải hoàn thành 130 TC trong 4 năm (8 học kỳ chính). Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học Ngành QHCC được đánh giá theo 3 thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1, thang điểm chữ đạt từ điểm D. Trong trường hợp sinh viên

không đạt, phải đăng ký học lại học phần đó. Sinh viên Ngành QHCC được Học viện công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 2,0 trở lên theo thang điểm 4 [H8.08.03.08]. Bên cạnh việc ban hành các quy định về xác định điểm học tập và rèn luyện, Học viện và Khoa cũng ban hành CTĐT phù hợp [H8.08.03.09] [H2.02.03.02]. Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với sinh viên Ngành QHCC không vượt quá 23 TC. Khối lượng học tập này được thiết kế để người học với lực học trung bình có thể hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định (thời hạn đào tạo thiết kế). Bên cạnh đó, trong CTĐT Ngành QHCC, kế hoạch học tập được phổ biến cho toàn thể SV của Ngành để thông qua đó, bản thân SV, Khoa chủ quản và Học viện có thể so sánh, đánh giá khối lượng học tập của SV trong suốt thời gian học [H8.08.03.10].

- **Hệ thống công cụ và phương tiện hỗ trợ việc giám sát**

Học viện, Khoa đã thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp để theo dõi sự tiến bộ, kết quả, thành tích và khối lượng học tập của sinh viên Ngành QHCC. Học viện đã xây dựng, phát triển hệ thống quản lý theo học chế TC (phần mềm Maxman) để theo dõi sự tiến bộ, thành tích và khối lượng học tập của sinh viên [H8.08.03.05]. Phần mềm này tích hợp nhiều phân hệ quản lý (quản lý hồ sơ sinh viên, quản lý điểm rèn luyện, quản lý điểm học tập...) và được phân quyền các hệ quản lý cho Ban QLĐT, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ SV, Khoa QHCC&QC. Bên cạnh đó, sinh viên Ngành QHCC cũng được cung cấp tài khoản cá nhân, nhờ đó có thể truy cập cổng thông tin sinh viên bất kỳ lúc nào để nắm rõ các thông báo như: lịch thi, lịch sinh hoạt lớp, thời khóa biểu, đăng ký thi, đăng ký học, CTĐT và đặc biệt là kết quả, quá trình học tập của mình (điểm trung bình tích lũy, điểm từng môn học, điểm rèn luyện, kết quả xử lý học vụ...) [H8.08.03.10]. Đầu mỗi kỳ, sinh viên tiến hành đăng ký số lượng TC cho kỳ học trên cổng thông tin sinh viên, sau đó in nộp Bản đăng ký TC cho cố vấn học tập. Trên cơ sở đó, cố vấn học tập duyệt đăng ký tín chỉ và nộp Bản tổng hợp cho Ban QLĐT [H8.08.03.11]

Cuối mỗi học kỳ và năm học, sinh viên tự đánh giá bản thân trên hai phương diện: kết quả học tập và rèn luyện; sau đó tập thể lớp, cố vấn học tập xem xét, đánh giá vào phiếu rèn luyện cuối kỳ, cuối năm học của sinh viên [H8.08.03.12] [H8.08.03.13].

### • Các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát

Tham gia vào hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên Ngành QHCC là đội ngũ cố vấn học tập và giáo viên chủ nhiệm [H8.08.03.14]. Đại đa số cố vấn học tập đồng thời là giáo viên chủ nhiệm. Là những cán bộ giảng dạy nắm chắc quy chế và CTĐT, nên cố vấn học tập có thể tư vấn một cách hiệu quả về kế hoạch, tiến độ, phương pháp học tập, phương thức kiểm tra, đánh giá theo học chế TC. Đội ngũ cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm thường xuyên cung cấp thông tin, thông báo những nội dung liên quan đến chương trình học tập, quyền lợi và trách nhiệm cho người học bám sát tiến trình đào tạo. Việc tư vấn học tập được tiến hành đều đặn, thường kỳ trong các buổi sinh hoạt lớp (định kỳ 3 tháng/1 lần hay phản ánh sinh viên định kỳ 1 tháng 1 lần (vào ngày 20 hàng tháng) [H3.03.01.08].

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua: (1) họp khoa, trong đó có nội dung về công tác đào tạo, công tác sinh viên, công tác NCKH [H8.08.03.15]; (2) họp phản ánh SV (thành phần: đại diện lãnh đạo khoa, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, chuyên viên VP khoa và đại diện ban cán sự các lớp, đại diện liên chi đoàn Khoa QHCC) nhằm nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện cũng như lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, đề xuất của người học để kịp thời giải đáp, điều chỉnh hay báo cáo, đề xuất lên Học viện. Ngoài ra, cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm của Ngành QHCC cũng nắm bắt tiến độ của người học thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Học viện [H8.08.03.05].

Tại Học viện BC & TT, Ban QLĐT được giao nhiệm vụ là đơn vị quản lý, hỗ trợ các hoạt động dạy, học và kết quả học tập của sinh viên [H8.08.03.01]. Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ SV là đơn vị quản lý các hoạt động rèn luyện và kết quả rèn luyện của SV [H8.08.03.03].

Sau mỗi học kỳ, Ban Quản lý đào tạo, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ sinh viên, Khoa QHCC đánh giá và đưa ra các quyết định về kết quả rèn luyện của sinh viên căn cứ trên thành tích học tập và quá trình rèn luyện [H8.08.03.12] [H8.08.03.13]; trên cơ sở đó, Học viện sẽ xét học bổng/khen thưởng hoặc đưa ra các quyết định kỷ luật sinh viên ở các mức độ khác nhau (khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ học 1 năm, buộc thôi học) [H8.08.03.16]. Cuối học kỳ, Ban Quản lý đào tạo phối hợp với Phòng Công

tác - Chính trị & Hỗ trợ sinh viên, Khoa QHCC&QC xem xét tình trạng học tập (nghỉ học quá thời gian cho phép, không đăng ký đủ số lượng TC cho học kỳ, điểm tích lũy thấp dưới mức quy định...) của sinh viên, sau đó sẽ gửi danh sách chính thức những sinh viên thuộc diện kỷ luật ở các mức độ khác nhau kèm Quyết định tới Khoa. Số liệu về kết quả sinh viên các khóa, tỷ lệ sinh viên thôi học được thống kê trong báo cáo tổng kết năm học của Khoa và Học viện để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại và phương hướng cho năm học tới. **[H8.08.03.05] [H8.08.03.16] [H8.08.03.17]**

Như vậy, nhờ có hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện bởi nhiều bộ phận khác nhau: thông qua Ban Quản lý đào tạo, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ sinh viên (cấp trường) và hệ thống cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, chuyên viên VP Khoa (cấp khoa), mà sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được giám sát để điều chỉnh kịp thời. Số lượng sinh viên thực tế của ngành QHCC luôn được theo dõi sát sao.

**Bảng 8.3: Thống kê số lượng sinh viên theo kỳ học của ngành  
QHCC giai đoạn 2015-2020**

STT	Năm học	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
		(Năm 1)	(Năm 1)	(Năm 2)	(Năm 2)	(Năm 3)	(Năm 3)	(Năm 4)	(Năm 4)
1	2015-2016	98	98	58	58	56	56	50	49
2	2016-2017	61	61	97	97	58	58	56	55
3	2017-2018	86	86	60	60	96	96	52	51
4	2018-2019	101	101	86	86	60	60	78	77
5	2019-2020	62	62	100	100	82	82	58	56
6	2020-2021	296							

Hệ thống giám sát phù hợp và áp dụng liên tục còn giúp tỷ lệ sinh viên Ngành QHCC hoàn thành chương trình học đúng tiến độ hàng năm khá cao với tỷ lệ từ 70% trở lên **[H4.04.01.05]**.

**Bảng 8.4: Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp của ngành  
QHCC giai đoạn 2015-2020**

<b>Năm TN</b>	<b>Số lượng sinh viên TN</b>
<b>2015</b>	<b>57</b>
<b>2016</b>	<b>45</b>
<b>2017</b>	<b>48</b>
<b>2018</b>	<b>48</b>
<b>2019</b>	<b>62</b>
<b>2020</b>	<b>49</b>

## **2. Điểm mạnh**

Việc ban hành công khai, đầy đủ quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống TC và quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy của Học viện cùng với sự hỗ trợ hữu ích của phần mềm quản lý đào tạo, tài khoản cá nhân sinh viên và sự nhiệt tình, trách nhiệm của các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát đã giúp Học viện, Khoa giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên Ngành QHCC.

Kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên Ngành QHCC trên phần mềm quản lý đào tạo được chia sẻ cho chuyên viên VP khoa, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên liên tục, nên kịp thời nắm bắt sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Phần mềm chuyên dụng (Maxman) chưa nâng cấp thường xuyên, nên chưa đáp ứng kịp các yêu cầu trong quản lý đào tạo.

Quy trình giám sát tiến bộ học tập của người học còn chưa có sự phân định rõ ràng chức năng nhiệm vụ của Ban QLĐT và của Khoa.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2020 - 2021, Ban Quản lý đào tạo, Trung tâm Thông tin – Tư liệu - Thư viện, Phòng CNTT & Hỗ trợ giảng dạy, Phòng Quản trị & Quản lý KTX phối hợp, xây

dựng và triển khai đề án đầu tư, nâng cấp đường truyền internet, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để hỗ trợ khoa, đơn vị chức năng và giảng viên lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo cũng như hỗ trợ giám sát sự tiến bộ của người học kịp thời.

Ban QLĐT phối hợp với Khoa rà soát lại quy trình giám sát sự tiến bộ của người học để phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ.

## **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm.

### ***Tiêu chí 8.4.***

***Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.***

#### **1. Mô tả**

Quy trình/kế hoạch cũng như công tác thực hiện các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua cùng với các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm giúp cải thiện kết quả học tập và khả năng có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp được thể hiện rõ trong Quy định đào tạo đại học hệ tín chỉ **[H5.05.01.01]**.

Để giúp sinh viên Ngành QHCC học tập, rèn luyện tốt, có khả năng xin được việc làm sau khi tốt nghiệp, thì ngoài hoạt động giảng dạy trên lớp, Học viện BC&TT đã có nhiều hỗ trợ để cải thiện kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên. Học viện giao nhiệm vụ cho nhiều đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác như: Khoa QHCC&QC, Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý khoa học, Phòng Công tác - Chính trị và Hỗ trợ sinh viên, Văn phòng, Trung tâm Khảo thí & Hỗ trợ đào tạo, **[H8.08.04.01] [H8.08.04.02] [H8.08.04.03][H8.08.04.04]**. Chính vì vậy, sinh viên Ngành QHCC luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời, có hiệu quả trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu khoa học, thi đua và các hoạt động ngoại khóa.

Để giúp sinh viên mới nhập học sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học, Phòng Công tác – Chính trị & Hỗ trợ sinh viên có trách nhiệm phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho sinh viên trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, cũng như cung cấp thông tin cho tân sinh viên về các chính sách dịch vụ hỗ trợ (ký túc xá, kiểm tra sức khỏe, BHYT, miễn giảm học phí....) **[H4.04.02.08]** **[H4.04.01.01]**. Trong ngày nhập trường, Đoàn thanh niên Học viện, Liên chi đoàn Khoa QHCC có rất nhiều hoạt động giới thiệu về các câu lạc bộ của Học viện và Khoa như: đội văn nghệ xung kích, CLB lễ tân, truyền thông, bóng đá nam/nữ, tiếng Anh v.v để sinh viên Ngành QHCC có thể lựa chọn, ứng tuyển theo năng lực và sở thích của mình **[H8.08.04.05]**.

Đối với các hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học và đào tạo: sau khi sinh viên nhập học, Khoa tổ chức gặp mặt giữa BCN Khoa, cố vấn học tập và sinh viên nhằm giới thiệu/trao đổi các quy định, hướng dẫn thực hiện CTĐT **[H8.08.04.06]** **[H8.08.04.07]**. Bên cạnh đó, trang website của Học viện, tài khoản của sinh viên cũng cung cấp đầy đủ thông tin, hệ thống văn bản, thông báo về quy định đào tạo, CTĐT, kế hoạch năm học, kết quả học tập, đánh giá, khen thưởng, kế hoạch tốt nghiệp v.v. Trước mỗi học kỳ, Ban Quản lý Đào tạo xây dựng thời khóa biểu và gửi tới giảng viên, sinh viên. Sau mỗi học kỳ, sinh viên nhận được đầy đủ kết quả học tập trên trang cá nhân của phần mềm quản lý đào tạo.

Sinh viên được BCN Khoa, cố vấn học tập nhiệt tình tư vấn, giải quyết các vấn đề liên quan: lựa chọn môn học, đăng ký TC, sắp xếp kế hoạch học tập để đạt CDR, học bổng, học lại, học vượt, học song bằng, xóa cảnh báo, các vấn đề liên quan đến qui chế đào tạo...**[H8.08.04.06]** **[H8.08.04.08]**. Sinh viên được cung cấp số điện thoại của cố vấn học tập, chuyên viên VP khoa hoặc dễ dàng tra cứu trên website của Khoa, Học viện tên cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm cùng với thông tin liên lạc (email, số điện thoại) để có thể liên lạc nhận được sự tư vấn ngoài giờ học **[H8.08.04.09]**.

Ngoài ra, thông qua mạng xã hội (facebook, viber, zalo...), mỗi lớp đều thiết lập một nhóm bao gồm toàn bộ sinh viên và cố vấn học tập để thông báo các thông tin liên quan cũng như trao đổi, chia sẻ những vấn đề riêng của lớp **[H8.08.04.08]**.



Sinh viên Ngành QHCC được khuyến khích nghiên cứu khoa học và được hỗ trợ cũng như cung cấp các điều kiện tốt để nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên Ngành QHCC. Hàng năm, sau khi nhận được thông báo đăng ký nhiệm vụ khoa học của đơn vị, Khoa sẽ gửi bản đăng ký, trong đó có nhiệm vụ khoa học của sinh viên (bao gồm đề tài khoa học sinh viên, hội thảo khoa học sinh viên) cho Ban Quản lý khoa học. Sau khi Hội đồng Khoa học trường phê duyệt, Ban Quản lý khoa học sẽ gửi kế hoạch hoạt động khoa học trong năm tới từng đơn vị để triển khai. Số lượng đề tài trung bình của sinh viên Ngành QHCC tham gia trong giai đoạn 2015 – nay là 2-3 đề tài/năm và số sinh viên tham gia khoảng 10-15 sinh viên/năm [H8.08.04.10]. Bên cạnh các đề tài khoa học, sinh viên Ngành QHCC còn tham gia viết bài tham luận cho hội thảo khoa học sinh viên cấp cơ sở, cụ thể: năm 2019, 2020: có 16 tham luận [H8.08.04.11]. Đây là cơ hội tốt để sinh viên bước đầu làm quen với nghiên cứu khoa học: biết cách viết một tham luận báo cáo tại hội thảo, cách trình bày các kết quả nghiên cứu của mình, qua đó giúp cải thiện khả năng học tập, nghiên cứu của sinh viên Ngành QHCC.

Sinh viên Ngành QHCC cũng được Khoa, Học viện khuyến khích tham gia các kỳ thi bổ ích, thiết thực, liên quan đến chuyên ngành học như: Olympic tiếng Anh, nghiên cứu khoa học sinh viên toàn quốc, Young Marketer, SV... [H8.08.04.10][H8.08.04.12][H8.08.04.13]. Đó thực sự là những sân chơi thú vị, bổ ích và lành mạnh dành cho sinh viên, giúp sinh viên có cơ hội trải nghiệm, học hỏi và hội nhập. Với mục đích động viên, khuyến khích sinh viên nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình, Học viện đã có những chính sách khen thưởng kịp thời như: trao học bổng, giấy khen, giải thưởng cho tập thể và cá nhân có thành tích học tập, nghiên cứu khoa học tốt [H8.08.04.14].

Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức gặp gỡ và đối thoại giữa Ban Giám đốc, lãnh đạo các khoa, phòng, ban với đại diện sinh viên tất cả các lớp trong trường. Tại buổi gặp gỡ - đối thoại này, Ban Giám đốc, lãnh đạo các đơn vị giải đáp và tư vấn trực tiếp những vướng mắc, kiến nghị của sinh viên liên quan đến đào tạo, rèn luyện, đời sống v.v, đồng thời cập nhật những thông tin mới nhất về chính sách, CTĐT [H8.08.04.15]. Sau buổi đối thoại, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ sinh viên có

trách nhiệm tổng hợp những ý kiến, đóng góp, đề xuất của sinh viên trong báo cáo tổng kết và gửi các đơn vị chức năng để phối hợp giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sinh viên học tập, rèn luyện để nâng cao chất lượng đào tạo.[H8.08.04.15].

Học viện ủy quyền cho Phòng Công tác – Chính trị & Hỗ trợ sinh viên thực hiện công tác làm thủ tục xác nhận vay vốn tín dụng giáo dục cho sinh viên, đảm bảo cho 100% sinh viên thuộc đối tượng vay vốn được làm đúng thủ tục tại trường [H8.08.04.16]. Đồng thời, Phòng Công tác – Chính trị & Hỗ trợ sinh viên cũng là đầu mối phối hợp với khoa đào tạo trong việc rà soát lập danh sách sinh viên thuộc diện được học bổng khuyến học, học bổng cho sinh viên nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn....[H8.08.04.14]

Ngoài ra Học viện và Khoa QHCC và Quảng cáo còn tổ chức cho SV ngành QHCC các hoạt động như hoạt động tình nguyện mùa hè xanh, hoạt động tình nguyện phục vụ tuyển sinh ĐH, hiến máu nhân đạo, các giải bóng đá nam nữ SV, giải bóng chuyền nam nữ SV, giải bóng rổ nam nữ SV, giải cầu lông nam nữ SV, hoạt động cắm trại 8/3, hoạt động thể thao 26/3, hoạt động văn nghệ SV, tham gia các câu lạc bộ nguồn nhân lực HRC (human resource club), câu lạc bộ ghi ta,... Nhìn chung SV ngành QHCC tham gia tích cực vào các hoạt động ngoại khóa [H8.08.04.17]

**Bảng 8.5: Bảng thống kê một số hoạt động ngoại khóa của SV ngành QHCC giai đoạn 2015-nay**

Tên hoạt động ngoại khóa, hoạt động tư vấn	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
<b>1. Tình nguyện hè</b>					
Số SV trung bình ngành QHCC tham gia	2	2	3	3	Không thực hiện được do Covid
Tổng số SV tham gia toàn trường	50	50	50	50	Không thực hiện được do

					Covid
Tỷ lệ tham gia SV ngành QHCC / toàn trường (%)	4%	4%	6%	6%	Không thực hiện được do Covid
<b>2. Phục vụ tuyển sinh ĐH</b>					
Số SV ngành QHCC tham gia				Không có hoạt động của Đoàn trường	Không có hoạt động của Đoàn trường
Tổng số SV tham gia toàn trường					
Tỷ lệ tham gia SV ngành QHCC / toàn trường					
<b>3. Tham gia CLB, đội, nhóm</b>					
Số SV trung bình ngành QHCC tham gia	80	80	80	80	80
Tổng số SV tham gia toàn trường	1000	1000	1000	800	800
Tỷ lệ tham gia SV ngành QHCC / toàn trường (%)	8%	8%	8%	10%	10%

Bên cạnh hai hoạt động chính là học tập và nghiên cứu khoa học, thì những hoạt động khác như: tham gia các kỳ thi, các hoạt động tình nguyện, ngoại khóa cũng rất bổ ích, thiết thực, giúp sinh viên tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học, hình thành và phát triển kỹ năng mềm. Tổng hòa các lí do đó, nên tỷ lệ sinh viên năm thứ 2,3,4 đạt kết quả học tập từ khá trở lên tăng hơn so với năm thứ nhất (sơ đồ 8-2); tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp trong 03 năm gần đây của Ngành QHCC khá cao (từ 85%-95%) **[H4.04.01.05]**

Hàng năm, Học viện và Khoa đều có báo cáo, phân tích, đánh giá về các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. Điều đó được thể hiện trong Báo

cáo tổng kết năm học, Thống kê kết quả rèn luyện của sinh viên, Thống kê kết quả tốt nghiệp của sinh viên [H8.08.03.12] [H8.08.03.13] [H8.08.04.18].

Năm 2018, khảo sát ý kiến người học Ngành QHCC về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp do Học viện, Khoa QHCC tổ chức cho kết quả là thực sự tốt cho sinh viên (tỷ lệ 17% người được hỏi hoàn toàn đồng ý, 67% đồng ý). Các hoạt động Đoàn, đội nhóm giúp ích và có tác dụng thiết thực đối với SV Ngành QHCC trong cải thiện học tập và triển vọng việc làm (tỷ lệ 15% người được hỏi hoàn toàn đồng ý, 66% đồng ý); sinh viên ngành QHCC được định hướng nghề nghiệp tốt từ phía Khoa (tỷ lệ 22% người được hỏi hoàn toàn đồng ý, 60% đồng ý) [H8.08.04.18].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện, Khoa đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, thi đua, tư vấn hỗ trợ học tập, hỗ trợ SV tìm hiểu cơ hội/định hướng nghề nghiệp, giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

## **3. Điểm tồn tại**

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về nhu cầu, nội dung và hình thức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ sinh viên khác chưa được thực hiện đều đặn hàng năm.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Phòng Công tác chính trị & Hỗ trợ sinh viên phối hợp với Văn phòng Đảng – Đoàn thể và các khoa chuyên môn duy trì thường xuyên và phát triển hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, rèn luyện và các hoạt động ngoại khóa trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến người học hàng năm để giúp người học cải thiện kết quả học tập, có được việc làm đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp.

## **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm.

### **Tiêu chí 8.5.**

*Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.*

### **1. Mô tả**

#### **• Môi trường tâm lý, xã hội**

Khoa QHCC, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ sinh viên đóng vai trò tư vấn hỗ trợ tâm lý cho người học khi người học có những vấn đề thắc mắc cần giải đáp [H3.03.01.08] [H8.08.04.08].

Mỗi lớp đều có ban cán sự và ban chấp hành chi đoàn [H8.08.05.01]. Ban chấp hành chi đoàn luôn chú ý đến việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho chi đoàn mình. Một số hoạt động tiêu biểu thường niên như: Chào K, hội trại, các giải thi đấu bóng đá nam/nữ ... Những hoạt động này đã gắn kết các thành viên trong lớp, trong liên chi, tạo ra bầu không khí vui vẻ, năng động và lành mạnh cho sinh viên Ngành QHCC. Như vậy, các hoạt động ngoại khóa đã tạo dựng môi trường tâm lý tốt cho sinh viên. Các hoạt động xã hội, thể thao, văn nghệ... cũng giúp cho sinh viên có cơ hội nâng cao sức khỏe và giảm bớt căng thẳng trong học tập và cuộc sống.

Cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm gặp sinh viên định kỳ hàng tháng/hoặc trong những tình huống phát sinh để nắm bắt tình hình và động viên tâm lý cho sinh viên [H8.08.04.08]. Nếu sinh viên gặp khó khăn, thì lớp, cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm chia sẻ, động viên các em vượt qua hoặc đưa ra các biện pháp tháo gỡ.

Khu kí túc xá được lắp đặt mạng wifi tạo điều kiện thuận lợi thoải mái cho sinh viên trong quá trình học tập và sinh hoạt. Học viện tiến hành đặt các biển cảnh báo phòng cháy chữa cháy tại tất cả các tầng nhà: nhà hành chính A1, các khu giảng đường, thư viện, ký túc xá, studio theo đúng quy định [H8.08.05.02]. Điều này tạo ra một môi trường tâm lý an toàn, thoải mái cho sinh viên và cán bộ, giảng viên.

Học viện, Khoa QHCC thường xuyên tổ chức các hoạt động để tạo môi trường lôi cuốn sinh viên yêu ngành nghề, yêu khoa học tham gia như thành lập các câu lạc bộ (CLB Lễ tân, Truyền thông, tiếng Anh...), thường xuyên tổ chức các hoạt động văn thể như các giải thể thao (bóng đá nam, nữ), hội diễn văn nghệ, cắm trại và các hoạt động tình nguyện (ví dụ thanh niên tình nguyện, mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, hiến máu

nhân đạo, sinh viên bảo vệ môi trường, nghiên cứu khoa học...Tất cả những hoạt động trên đều góp phần tạo ra những sân chơi bổ ích và một môi trường lành mạnh, nhân văn để sinh viên được sống, học tập và rèn luyện nhằm phát huy hết khả năng, trí tuệ của mình.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học của mình. Chính vì vậy, Học viện duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho sinh viên mới nhập học hàng năm cũng như cho toàn bộ sinh viên trong trường theo định kỳ [H8.08.05.03]. Thực hiện luật bảo hiểm y tế, trong 5 năm qua đã có gần 1000 SV của Ngành QHCC tham gia bảo hiểm y tế [H8.08.05.04]. Nhiều sinh viên trong số đó đã được khám, chữa bệnh thông qua bảo hiểm y tế. Phòng Y tế hỗ trợ sinh viên giải quyết các thủ tục liên quan đến bảo hiểm y tế và là nơi xử lý ban đầu, tư vấn các vấn đề sức khỏe cho người học. Hàng năm, Phòng Y tế báo cáo kết quả về công tác y tế theo đúng quy định hiện hành, chưa để xảy ra vi phạm sự cố về y tế trong 5 năm qua [H8.08.05.05].

Học viện, Văn phòng thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương và công an phường, quận, thành phố nhằm đảm bảo tốt an ninh, tạo môi trường xã hội trật tự, an toàn cho người học tại trường, khu vực kí túc xá và khu vực sinh viên ngoại trú xung quanh trường [H8.08.05.06]. Môi trường tâm lý thoải mái tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, được người học đánh giá tốt với 76,12.% người học hài lòng [H8.08.05.07]. Năm 2020, 74,60% người học đánh giá tốt các hoạt động hỗ trợ học tập, y tế, môi trường an ninh. Tất cả những điều đó cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của đội ngũ nhân viên phòng ban, cán bộ quản lý đã tạo được tâm lý thoải mái, tin tưởng, an tâm cho sinh viên để các em tích cực cố gắng trong học tập và rèn luyện.

#### • **Môi trường cảnh quan**

Học viện BC&TT luôn có ý thức tạo ra môi trường cảnh quan đẹp giúp sinh viên có thể thư giãn, nghỉ ngơi, giải trí ngoài giờ học và các hoạt động ngoại khóa. Trong những năm qua, Học viện không ngừng nỗ lực tạo điều kiện cho sinh viên được học tập, rèn luyện như tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Học viện với không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi có nhiều cây xanh, vườn hoa, ghế đá.

Tổng diện tích đất của trường: 57.310m<sup>2</sup>. Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập): 14.552,19m<sup>2</sup>. Các phòng học nhỏ, phòng học lớn, phòng thực hành được đặt tại các tòa nhà B1, B3, B5, B6, B8A, B8, B9, B11, B15, A1, A2, A4, được bố trí hợp lý, bao gồm 01 hội trường 800 chỗ, 01 Hội trường 200 chỗ, 08 phòng học trên 100 chỗ, 35 phòng học 70 chỗ, 47 phòng học nhỏ (39 phòng trên 40 chỗ, 8 phòng trên 30 chỗ), 02 phòng Bảo vệ luận văn và 17 phòng thực hành trong đó có 04 phòng LAB học Ngoại ngữ; 05 phòng thực hành tin học. Các phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho học tập của SV: bàn ghế, bảng, máy chiếu, điều hòa, quạt ... Các thông tin này được đề cập trên Đề án tuyển sinh, phần giới thiệu về CSVC của trường.

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên Việt Nam: 1106 chỗ.
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên nước ngoài: 86 chỗ.
- Số chỗ ở dự kiến cho sinh viên nhập học năm 2020: 300 chỗ trong phòng đều được trang thiết bị đầy đủ, có wifi.

CSVC phục vụ cho công tác rèn luyện và sinh hoạt văn nghệ, thể dục thể thao của người học bao gồm 1 hội trường lớn 800 chỗ thiết kế theo kiểu sân khấu, 1 sân KTX, 1 sân vận động có trang bị dụng cụ tập luyện thể dục thể thao. Về cơ bản, các công trình trên đảm bảo nhu cầu thiết yếu để người học tổ chức và duy trì được các hội thi/sự kiện văn nghệ, văn hóa, xã hội; luyện tập và tổ chức các giải thể thao cấp khoa, cấp trường đều đặn hàng năm. [H8.08.05.08]

**Bảng 8.8. Thống kê phòng học của Học viện**

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng	146	19.339,00

	viên cơ hữu		
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	11.449,10
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	961,20
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	53	3.557,34
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1.121,76
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	71,28
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	60	2.180,00
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914,00
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	3.924,40
	Tổng	170	27.179,08

Học viện BC&TT có quy định văn hóa công sở, trong đó nhấn mạnh đến cách thức ứng xử thầy - trò, quy định đối với trang phục, thể cán bộ, thể sinh viên nhằm tạo ra trật tự, kỷ cương học đường. Các nội quy/quy tắc ứng xử trong khuôn viên trường cũng được công bố công khai nhằm tạo không khí nghiêm túc, an ninh và trật tự [H8.08.05.09].

Giảng viên cũng có đánh giá tốt về môi trường xã hội, cảnh quan, tâm lý của Học viện [H8.08.05.10] [H8.08.05.11]

## **2. Điểm mạnh**

Người học được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

## **3. Điểm tồn tại**



Về môi trường cảnh quan: cơ sở vật chất đặc thù dành cho người khuyết tật còn chưa đầy đủ như thiếu phòng vệ sinh dành riêng cho người khuyết tật.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2021, Phòng Quản trị & Quản lý KTX cần tham mưu xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo cơ sở vật chất bổ sung các chức năng dành cho người khuyết tật một cách đầy đủ hơn.

#### **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm.

#### ***Kết luận về tiêu chuẩn 8:***

Chất lượng sinh viên là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của Ngành QHCC. Chất lượng này thể hiện trước hết ở điểm đầu vào và kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên trong suốt thời gian được đào tạo tại trường. Trong quá trình học, sinh viên luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Khoa và Học viện như: tư vấn học tập, rèn luyện, các hoạt động ngoại khóa, hướng dẫn NCKH, cấp học bổng, hỗ trợ vay vốn theo chương trình của Ngân hàng chính sách xã hội... Điều đó nhằm khuyến khích sinh viên phấn đấu học tập, NCKH và tu dưỡng, rèn luyện bản thân để đạt được những thành tích tốt trong học tập, nghiên cứu.

Bên cạnh những điểm mạnh đó, vẫn còn một số tồn tại cơ bản như: (i) Đối với công tác tuyển sinh: chưa phát huy các kênh quảng bá để thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh giỏi, yêu thích Ngành QHCC thi tuyển (ii) Đối với hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học: phần mềm chuyên dụng chưa nâng cấp thường xuyên, nên chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu trong quản lý đào tạo. Quy trình giám sát tiến bộ học tập của người học còn chưa có sự phân định rõ ràng chức năng nhiệm vụ của Ban QLĐT và của Khoa; (iii) Về môi trường cảnh quan: cơ sở vật chất đặc thù dành cho người khuyết tật còn chưa đầy đủ như thiếu phòng vệ sinh dành riêng cho người khuyết tật.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng đó, Khoa và Học viện cần triển khai các kế hoạch hành động để phát huy điểm mạnh và hạn chế những tồn tại. Cụ thể: (i) Tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh để thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh giỏi; (ii) Đầu tư, nâng cấp đường truyền internet, nâng cấp

phần mềm quản lý đào tạo nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, giám sát sự tiến bộ của người học kịp thời; (iii) Xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo cơ sở vật chất, bổ sung các chức năng dành cho người khuyết tật một cách đầy đủ hơn.

*Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí, cả 5 tiêu chí đều đạt, điểm trung bình 6/7.*

## **TIÊU CHUẨN 9**

### **CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ**

#### ***Mở đầu***

Tại Học viện Báo chí và Tuyên Truyền, hệ thống thư viện, hệ thống trang thiết bị thực hành, cơ sở vật chất đã và đang từng bước được đầu tư, nâng cấp nhằm đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH và các nhiệm vụ chuyên môn khác.

Bên cạnh công tác đầu tư, cải tạo, Học viện đã từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có, xây dựng cảnh quan xanh – sạch – đẹp, môi trường văn hóa trong Học viện.

Học viện Báo chí và Tuyên Truyền luôn chủ động xây dựng dự án, tranh thủ sự đầu tư từ ngân sách nhà nước để bổ sung, hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, NCKH và các nhiệm vụ chuyên môn.

Công tác quản lý, sử dụng trang thiết bị thực hành của Học viện đã từng bước đi vào nề nếp. Trung tâm Thông tin - Thư viện của Học viện khang trang đáp ứng tốt nhu cầu của giảng viên và người học. Ký túc xá được đầu tư xây dựng và cải tạo thoáng mát, sạch sẽ. Việc khai thác CSVC của Học viện đã từng bước đi vào khoa học, hiệu quả.

Với sự quan tâm của Học viện, Khoa Quan hệ công chúng đã được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành Quan hệ công chúng, chuyên ngành Quan hệ công chúng chuyên nghiệp, truyền thông Marketing. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc,

phòng học, phòng thực hành, hệ thống tài liệu khoa học... mà ngành Quan hệ công chúng hiện có và sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

**Tiêu chí 9.1.**

***Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

**1. Mô tả**

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có đủ giảng đường, phòng học, phòng chuyên đề, phòng đọc cùng trang thiết bị kèm theo đáp ứng nhu cầu dạy và học của GV, SV theo qui định. Cơ sở vật chất dành cho CTĐT ngành QHCC nằm trong tổng thể cơ sở vật chất trong toàn Học viện và được bố trí hợp lý, hiệu quả. Đơn cử, việc bố trí các giảng đường phục vụ công tác đào tạo ngành QHCC nói riêng được thực hiện hợp lý. Thể hiện ở chỗ Học viện bố trí các giảng đường lớn phục vụ công tác giảng dạy các học phần cơ sở với số lượng sinh viên lớn ( từ 80 đến 150 SV). Đồng thời, Học viện cũng bố trí linh hoạt các phòng học phục vụ số lượng sinh viên nhỏ hơn (từ 30 đến 50 SV) Số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc phục vụ đào tạo của HVBCCTT như sau:

**Bảng 9.1. Thống kê danh sách và diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>)</b>
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	146	19.339,00
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	11.449,10
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	961,20

1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	53	3.557,34
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1.121,76
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	71,28
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	60	2.180,00
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914,00
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	3.924,40
	Tổng	170	27.179,08

Diện tích xây dựng phục vụ đào tạo của HVBCCTT bao gồm Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu là 19.339,00 m<sup>2</sup>. Trong đó diện tích phòng học là 11,957,9m<sup>2</sup> trên tổng sinh viên chính quy là 7557; do đó, diện tích phòng học bình quân là 1,58m<sup>2</sup>/sv[.

#### **[H9.09.01.01]**

Số lượng và diện tích phòng học của Học viện đáp ứng yêu cầu dạy và học của tất cả các ngành đào tạo trong đó có ngành QHCC (bao gồm giờ giảng lý thuyết, bài tập thực hành, thảo luận). 100% các phòng học này được trang bị đầy đủ máy chiếu, bảng chống lóa và màn chiếu, đầy đủ hệ thống quạt, hệ thống chiếu sáng, âm thanh, góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo của ngành QHCC. Các giảng đường đều được lắp hệ thống âm thanh hỗ trợ giảng dạy. ngồi tại khu giảng đường nhà B1, B3 và B8. Ngoài ra, các phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc còn được trang bị đầy đủ điều hoà[H9.09.01.02] [H9.09.01.03]

**Bảng 9.2. Thống kê trang thiết bị phòng học, phòng chức năng phục vụ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Phòng học	SL	Trang thiết bị	Số lượng
-----------	----	----------------	----------

Giảng đường, phòng học	86	<b>Bàn</b>	2,859
		<b>Ghế</b>	6,296
		<b>Máy chiếu</b>	99
		<b>Loa đài</b>	96
		<b>Hệ thống chiếu sáng</b>	

Trong mỗi phòng học, giảng đường, đều có nội quy, quy định về việc sử dụng CSVC, trang thiết bị. Các thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập tại các giảng đường, lớp học được quản lý, kiểm tra hằng ngày bởi tổ cán bộ Trung tâm Thực hành và hỗ trợ đào tạo và các công nhân vệ sinh [H9.09.01.04]. Do đó, trang thiết bị hỏng hóc được sửa chữa kịp thời. Thống kê trong giai đoạn 2015-2020, số phòng học sử dụng chung toàn Học viện đã đáp ứng nhu cầu đào tạo và giảng dạy của ngành QHCC. Cụ thể tuần suất sử dụng phòng học sử dụng riêng cho ngành QHCC so với toàn Trường chiếm từ 4% (học kỳ 2 năm học 2016-2017) và cao nhất đến 13% (học kỳ 2 năm học 2018-2019).

Hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV, CBVC. Hiện tại, Học viện có 86 phòng làm việc với diện tích 11.957,9m<sup>2</sup> cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 11 tầng, Học viện đã có khu hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar. Học viện đã ban hành biểu quản lý, sử dụng tòa nhà hành chính làm việc, đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT ngành Quan hệ công chúng [H9.09.01.05] [H9.09.01.06] [H9.09.01.07] [H9.09.01.08].

Khoa Quan hệ công chúng có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp đủ để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Khoa được phân 02 phòng làm việc, 02 phòng dành cho BCN Khoa, tại tòa nhà A1. Trong đó có một phòng 15 m<sup>2</sup>, một phòng 51,84m<sup>2</sup>, hai phòng là 25,92m<sup>2</sup> (bình quân 8,5m<sup>2</sup>/giảng viên), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, máy in, máy tính, bàn ghế, trang thiết bị văn phòng có

kết nối mạng internet, phòng làm việc chung có 02 máy in, 2 phòng làm việc của Ban chủ nhiệm. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn ghế hệ thống điều hòa trung tâm hiện đại, tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy đã được kiểm định [H9.09.01.09].

Trang thiết bị và các phòng làm việc đáp ứng tốt định mức theo quy định của Học viện và đảm bảo điều kiện về ánh sáng để đáp ứng CSVC tốt nhất cho GV, cán bộ có điều kiện tốt để phân đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mình [H9.09.01.09].

**Bảng 9.3: Thống kê CSVC khoa Quan hệ công chúng**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số phòng được giao sử dụng	Phòng	04	
2	Tổng diện tích sử dụng	m <sup>2</sup>	119	
3	Diện tích bình quân	m <sup>2</sup> /người	8,5	
4	Bàn làm việc, bàn vi tính	Cái	15	
	Ghế các loại	Chiếc	82	
5	Máy tính để bàn	Cái	04	
6	Máy tính xách tay	Cái	02	
7	Máy in	Cái	04	
8	Máy ảnh (KTS)	Cái	01	
9	Điện thoại để bàn	Cái	04	
10	Các loại trang thiết bị khác	Cái (bộ)	15	

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, đều được phân bổ hợp lý và có sơ đồ rõ ràng [H9.09.01.10]. Các bộ phận chức năng của Học viện đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, người học đối với mức độ đáp ứng về CSVC của Học viện. Cụ thể, năm 2017 có 69,84% số lượng GV và SV tham gia khảo sát hài lòng về hệ thống phòng học của Học viện và con số này đã tăng lên 73,13% tính đến năm 2020 [H9.09.01.11] [H9.09.01.12].

Hàng năm, phòng Quản trị sẽ tổng hợp lập kế hoạch đầu tư, xây dựng, cải tạo hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng trên cơ sở đề xuất của các đơn vị. Hoạt động đầu tư, cải tạo này phải nằm trong kế hoạch đã được Giám đốc phê duyệt, các đơn vị báo Phòng Quản trị để kiểm tra thực tế, lên phương án và thực hiện việc đầu tư, sửa chữa. Việc nghiệm thu sẽ được phối hợp giữa Phòng Quản trị và đơn vị có đề xuất đầu tư sửa chữa [H9.09.01.13]. Hàng năm, Học viện dành từ 10 đến 15 tỷ đồng để đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch, quy mô đào tạo của Học viện [H9.09.01.14]. Hệ thống phòng làm việc của Khoa Quan hệ công chúng trong giai đoạn vừa qua cũng được Học viện trang bị thêm những thiết bị cần thiết như: máy tính, bàn ghế, tủ...[H9.09.01.09].

**Bảng 9.4. Thống kê kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Đơn vị tính: triệu đồng

Hạng mục	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí
Máy tính	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
Máy chiếu	11	273	17	428	4	98	14	236	15	367
Loa đài	51	257			30	222	39	200	15	521
Phần mềm	1	53	118	528	3	846				
Điều hoà	17	425			11	362	284	6844		
Máy in					1	48				
Máy photo										
Các loại trang thiết bị khác										
<b>Tổng</b>										

**Bảng 9.5. Thống kê kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

<b>Năm</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Kinh phí (VNĐ)</b>
		<b>2,212,059,000</b>
<b>2015</b>	Cải tạo Phòng TH hỗn hợp nhà B1	198,000,000
	Cải tạo XD nhà B2 cũ - B8	71,910,000
	Cải tạo, sửa chữa nhà B5,B6	1,942,149,000
2016	Cải tạo 03 phòng khách tầng 3 nhà A3	<b>584,959,000</b>
2017	Không	<b>0</b>
2018	Cải tạo lớp học nhà B1	<b>823,620,000</b>
2019	Cải tạo, nâng cấp nhà B3	<b>3,448,806,000</b>

## **2. Điểm mạnh**

Số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, phòng hội thảo, phòng chức năng hiện có với các trang thiết bị phù hợp và luôn được cải tạo sửa chữa đã đáp ứng tốt, có hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH,... của Học viện nói chung và ngành Quan hệ công chúng nói riêng.

Hệ thống điều hòa trong hệ thống giảng đường đáp ứng tốt cho SV khi học tập trong những ngày hè nóng bức.

Việc bố trí phòng học được thực hiện khoa học cùng với nỗ lực của Trung tâm hỗ trợ và thực hành đào tạo đã đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng phòng học cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo như học nhóm, tự học,....

## **3. Điểm tồn tại**

Hệ thống các phòng thực hành nghiệp vụ cho sinh viên chuyên ngành Quan hệ công chúng chuyên nghiệp và Truyền thông Marketing còn hạn chế.



Học viện chưa có đủ các phòng tự học đáp ứng tốt nhu cầu của sinh viên vào mùa thi.

Hệ thống bàn ghế trong các phòng học còn mang tính cố định nên chưa đáp ứng đầy đủ cho các hoạt động học tập nhóm, hoạt động học tập lấy người học làm trung tâm.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2020-2021, đối với hệ thống giảng đường, Học viện cần lên kế hoạch nghiên cứu xây dựng phương án bố trí thêm các phòng tự học cho sinh viên. Đồng thời, phòng Quản trị cần có kế hoạch nâng cấp hệ thống bàn ghế trong một số phòng học để phù hợp thêm cho các hoạt động tập tích cực.

#### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm

##### ***Tiêu chí 9.2.***

***Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

##### ***1. Mô tả***

Với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, ngay từ những ngày đầu mới đào tạo ngành QHCC, Học viện trên cơ sở phối hợp của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã rất chú trọng việc cung cấp sách báo, tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của SV ngành QHCC.

Hiện tại Trung tâm Thông tin khoa học (thư viện) trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Thư viện sử dụng toà nhà 3 tầng có diện tích hơn 3.000 m<sup>2</sup> bao gồm 10 phòng học, 05 phòng phục vụ với 300 chỗ ngồi [H9.09.02.01]. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm: bàn, ghế, tủ, giá sách, máy số hóa, máy tính, máy photocopy, máy in, ti vi, điều hòa ... đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. [H9.09.02.02]

Trung tâm Thông tin khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, bổ sung đầy đủ, kịp thời giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của Học viện. Đặc biệt, thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc mở, phòng đọc báo - tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng phục vụ các lớp chất lượng cao, phòng đọc giảng viên... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá tạo thuận lợi cho việc quản lý bạn đọc và tài liệu, giúp bạn đọc thuận tiện trong việc tra cứu và sử dụng tài liệu đạt hiệu quả. Thư viện có nguồn tài liệu phong phú bao gồm: giáo trình; sách tham khảo; khóa luận tốt nghiệp; luận văn thạc sĩ; luận án tiến sĩ; đề tài khoa học; tạp chí; ấn phẩm; bản tin... Đây là nguồn thông tin khoa học quý giá phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

**Bảng 9.6. Thống kê danh mục tài liệu in tại Thư viện**

STT	LOẠI TÀI LIỆU IN	SỐ ĐẦU TL	SỐ BẢN
1	Đề tài khoa học	1913	2.579
2	Giáo trình	671	12.987
3	Khóa luận tốt nghiệp	2.100	2.389
4	Luận án tiến sĩ	85	85
5	Luận văn thạc sĩ	3.975	4095
6	Sách tham khảo	14.516	95.530
7	Sách ngoại văn	1.289	2046
8	Báo, Tạp chí, bản tin	110	374
9	Thông tin chuyên đề	57	500

Trung tâm Thông tin khoa học ứng dụng phần mềm quản lý tài liệu số, với hệ thống giáo trình, sách tham khảo phong phú đa dạng.

**Bảng 9.7. Thống kê danh mục tài liệu số tại Thư viện**

STT	LOẠI TÀI LIỆU SỐ	SỐ ĐẦU TL	SỐ BẢN
1	Đề tài khoa học	1193	1193
2	Giáo trình	473	473
3	Khóa luận tốt nghiệp	32	32

4	Luận án tiến sĩ	74	74
5	Luận văn thạc sĩ	3.414	3.414
6	Sách tham khảo	1.585	1.585
7	Sách ngoại văn	447	447
8	Tạp chí	39	39
9	Thông tin chuyên đề	47	47

Từ năm 2013, Thư viện sử dụng phần mềm Thư viện số Dspace, phiên bản 5.9, để quản lý các tài liệu số và phục vụ bạn đọc tra cứu và xem toàn văn tài liệu qua mạng internet; tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc có thể tiếp cận tài liệu dễ dàng mà không phải trực tiếp đến Thư viện [H9.09.02.03]. Năm 2019 sau khi nâng cấp phần mềm, bạn đọc có thể truy cập tài liệu số trên điện thoại di động. Địa chỉ truy cập: **thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace**: Từ năm 2018 đến nay, Thư viện sử dụng phần mềm Thư viện điện tử Kipos, phiên bản 6.X gồm 04 module cơ bản: biên mục tài liệu, lưu thông tài liệu, quản lý ấn phẩm định kỳ và công thông tin điện tử, để quản lý toàn bộ các tài liệu in có trong thư viện qua mã vạch, các tài liệu in được cập nhật thường xuyên phục vụ bạn đọc tra tìm tài liệu, quản lý quá trình lưu thông mượn, trả tài liệu của bạn đọc. Địa chỉ truy cập: **thuvienajc.hcma.vn**.

Hệ thống máy tính của Trung tâm bao gồm 63 máy tính, 48 máy tra cứu của bạn đọc. Hệ thống này được kết nối Internet. Các phòng làm việc và phục vụ bạn đọc đều được trang bị quạt, điều hòa, đèn điện đạt tiêu chuẩn [H9.09.02.02].

Các tài liệu, tạp chí luôn luôn được đầu tư mua mới, bổ sung. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu bổ sung tài liệu của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo [H9.09.02.04], Trung tâm Thông tin khoa học đề nghị Học viện Báo chí và Tuyên truyền dành một khoản kinh phí để bổ sung tài liệu cho ngành Quan hệ công chúng [H9.09.02.05]. Trong giai đoạn 2016 đến 2020, thư viện của Học viện đã bổ sung 2.118 đầu sách (tương đương 17.306 bản sách) trong số đó, 359 đầu sách (tương đương 4.083 bản) phục vụ cho đào tạo, học tập và NCKH của GV và SV ngành Quan hệ công chúng. Điều này đảm bảo nguồn tài liệu, tạp chí,... của thư viện luôn luôn được cập nhật [H9.09.02.06], đáp ứng nhu cầu học tập nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Kinh

phí Học viện dành cho việc bổ sung số lượng sách, tạp chí, cơ sở dữ liệu cho toàn Học viện trong đó có cả ngành QHCC được mô tả cụ thể trong **Bảng 9.8**.

**Bảng 9.8: Thống kê ngân sách mua tài liệu ngành QHCC giai đoạn 2016-2020**

STT	Tên đầu mục	Số tiền	Năm
1	Kinh phí mua Báo, tạp chí	328,324,500	2016
2	Kinh phí mua sách tiếng Việt	49,396,000	2016
3	Kinh phí số hoá tài liệu	99,450,000	2016
4	Kinh phí mua Báo, tạp chí	336,800,890	2017
5	Kinh phí số hoá tài liệu	199,050,000	2017
6	Kinh phí mua sách điện tử	42,152,100	2017
7	Kinh phí mua sách ngoại văn	59,159,000	2017
8	Kinh phí mua sách tiếng Việt	96,563,000	2017
9	Kinh phí số hoá tài liệu	198,975,000	2018
10	Kinh phí mua Báo, tạp chí	344,358,138	2018
11	Kinh phí mua sách tiếng Việt	77,469,500	2018
12	Kinh phí mua sách ngoại văn	125,688,000	2018
13	Kinh phí số hoá tài liệu	296,750,000	2019
14	Kinh phí mua Báo, tạp chí	390,743,340	2019
15	Kinh phí mua sách tiếng Việt	136,355,000	2019
16	Kinh phí mua sách tiếng Việt	44,641,000	2020
17	Kinh phí mua báo, tạp chí	284,262,790	2020

Hàng năm, thư viện đã tổ chức trao đổi, lấy ý kiến của CB, GV và SV về hoạt động của Thư viện để khảo sát mức độ hài lòng của bạn đọc. Kết quả thăm dò về mức độ đáp ứng của thư viện đối với chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng cho thấy: giảng viên và sinh viên ngành QHCC về cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Có 67,15 % người tham gia khảo sát đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là tốt; 78,91% người tham gia khảo sát đánh giá mức độ phù hợp của việc tổ chức các phòng đọc, mượn hiện tại của thư viện

là tốt [H9.09.02.07].

Vào đầu năm học, cán bộ thư viện trực tiếp giới thiệu và hướng dẫn SV ngành Quan hệ Công chúng và Quảng cáo mới nhập học cách tra cứu, mượn trả sách, sử dụng thư viện điện tử, nội quy và thời gian phục vụ của Thư viện [H9.09.02.08]. Ngoài ra, cán bộ thư viện còn hướng dẫn trực tiếp bạn đọc cách sử dụng thư viện tại quầy phục vụ khi có yêu cầu. Nội quy Thư viện có quy định loại tài liệu, số lượng đầu sách, thời gian được mượn cho từng đối tượng bạn đọc. Thời gian phục vụ bạn đọc được thông báo ở nội quy Thư viện, trên website của Trung tâm và tại các phòng phục vụ của Thư viện.

Theo quy định, tài liệu in bạn đọc được mượn giáo trình, sách tham khảo về nhà; với tài liệu số bạn đọc chỉ được đọc trực tuyến toàn văn, không được tải về. Đối với các cơ sở dữ liệu điện tử bạn đọc sẽ sử dụng qua các đường link trên thư viện số [H9.09.02.09].

Tủ sách tại khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cung cấp những nguồn học liệu chuyên biệt của ngành Quan hệ công chúng như tài liệu về các tổ chức quan hệ công chúng, truyền thông đại chúng, lý thuyết truyền thông nâng cao, quan hệ công chúng chuyên nghiệp... với hàng trăm đầu luận văn để dành cho SV ngành QHCC tham khảo trong quá trình học tập như bảng 9.4 [H9.09.02.10].

**Bảng 9.9: Thống kê số lượng sách, báo, tạp chí và học liệu phục vụ ngành QHCC giai đoạn 2016 –2020**

STT	Loại tài liệu	Số đầu	Số bản	Năm
1	Giáo trình, sách tham khảo	62	818	2016
2	Giáo trình, sách tham khảo	81	1754	2017
3	Giáo trình, sách tham khảo	71	505	2018
4	Giáo trình, sách tham khảo	74	634	2019
5	Giáo trình, sách tham khảo	71	372	2020
6	Đề tài khoa học, luận văn thạc sĩ	134	134	2016-2020
7	Báo, tạp chí	123	242	2016
8	Báo, tạp chí	121	239	2017

9	Báo, tạp chí	123	243	2018
10	Báo, tạp chí	125	246	2019
11	Báo, tạp chí	110	374	2020

## **2. Điểm mạnh**

Trung tâm Thông tin khoa học có nguồn tài liệu đa dạng. Hàng năm nguồn tài liệu được bổ sung đều đặn, cập nhật được những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của các ngành đào tạo trong đó có ngành Quan hệ công chúng... Bên cạnh đó, tủ sách tại khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cũng cung cấp nguồn tài liệu học tập chuyên ngành quý giá và hữu ích cho sinh viên của ngành QHCC

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Thư viện hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu của bạn đọc với hệ thống phòng phục vụ rộng rãi, mát mẻ, đủ chỗ ngồi và phần mềm quản lý chuyên dụng cho Thư viện (hệ thống tra cứu, đường truyền tại thư viện ổn định cho phép người học và giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến qua thư viện điện tử và truy cập, sử dụng toàn văn tài liệu trên thư viện số). Thư viện có đủ giáo trình, sách tham khảo phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện.

Thư viện đã có các quy định hướng dẫn người đọc rõ ràng, đầy đủ, cán bộ thư viện chủ động hướng dẫn bạn đọc sử dụng thư viện hiệu quả.

## **3. Điểm tồn tại**

Thư viện còn thiếu các cơ sở dữ liệu điện tử; việc cập nhật và bổ sung tài liệu nước ngoài còn hạn chế dẫn đến việc học liệu chưa thực sự đa dạng và phong phú.

## **4. Kế hoạch hành động**

Thư viện Nâng cấp thêm một số module của phần mềm Thư viện điện tử Kipos: về công tác bổ sung, thống kê tài liệu... Bổ sung cơ sở dữ liệu điện tử, tài liệu tiếng nước ngoài; tiếp tục phát triển kho tài nguyên số. Thư viện tiếp tục phối hợp cùng các đơn vị trong Học viện để bổ sung tài liệu, nâng cấp hạ tầng mạng, đường truyền tốc độ cao, wifi để đảm bảo truy cập trang Thư viện điện tử, Thư viện số phục vụ hoạt động đào tạo.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đề xuất Học viện có kế hoạch từng bước tăng cường các đầu sách mới xuất bản trong nước và ngoài nước để đảm bảo tính cập

nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Quan hệ công chúng: cụ thể mỗi năm mua từ 3-7 đầu sách.

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm.

#### ***Tiêu chí 9.3.***

***Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

##### ***1. Mô tả***

Học viện báo chí và Tuyên truyền luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV và sinh viên, nâng cao kỹ năng thực hành, kỹ năng sử dụng các thiết bị hiện đại cho SV trước khi tốt nghiệp. Hiện nay, Học viện báo chí và Tuyên truyền có tổng số phòng thực hành là 19 và số lượng phòng học là 86 [H9.09.01.01].

Hệ thống phòng thực hành trong Học viện báo chí và Tuyên truyền đáp ứng được nhu cầu thực hành của SV thuộc tất cả các ngành đào tạo trong đó có ngành Quan hệ công chúng. Đối với người học ngành Quan hệ công chúng, để phục vụ cho SV trong quá trình học các học phần khoa học cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành như: Sản xuất các sản phẩm truyền thông, Tổ chức sự kiện... Hệ thống phòng studio, phòng thực hành của Học viện được trang bị các các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.01]. Đối với một ngành đào tạo mang tính năng động và hiện đại mang nhiều tính ứng dụng như ngành Quan hệ công chúng thì việc có phòng thực hành là cần thiết và phù hợp. Thời gian vừa qua, hệ thống các Phòng thực hành của Học viện đã được Khoa Quan hệ Quan hệ công chúng sử dụng hiệu quả trong công tác đào tạo, giúp SV ngành Quan hệ công chúng thực hành một số kỹ năng nghề nghiệp.

Ngoài ra, Học viện báo chí và Tuyên truyền có 06 phòng máy tính phục vụ thực hành tin học, 04 phòng Lab có trang thiết bị học ngoại ngữ [H9.09.03.01] để phục vụ SV ngành Quan hệ công chúng trong quá trình học các môn trong CTĐT như Ngoại

ngữ cơ bản, Ngoại ngữ chuyên ngành, tin học văn phòng, chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ.

**BẢNG 9.10: DANH SÁCH PHÒNG THỰC HÀNH KÈM TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CTĐT NGÀNH QHQT**

(Nguồn: Số liệu của Phòng QT&QLKTX)

	Tên phòng	Trang thiết bị	Số lượng
1	Phòng thực hành Báo chí – Truyền thông: P.203 - B1	- Máy tính bàn.	25
		- Máy in khổ A3.	1
		- Máy chiếu.	1
		- Âm thanh.	1
2	Phòng thực hành quay phim 01: P.102-B3	• Máy quay phim.	3
		- Bộ bàn trộn hình Full HD.	1
		- Bộ ghi hình Full HD.	1
		• Mixer Audio Soundcraft.	1
		• Mixer Video SONY.	1
		- Tivi	1
		- Cầu (Boom Camera).	1
		• Ray (Doll Camera).	1
• Bàn ghế trường quay.	40		
• Đèn trường quay	28		
3	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo): P.105-B1	• Máy quay HD HXC-FB75KC.	3
		• Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70.	1
		• Hệ thống nhắc lời QPRO17.	1
		• Hệ thống bàn trộn hình HVS-110.	1
		• Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G.	1
		• Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E).	1
		• Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực.	1
		• Hệ thống phát file.	1
		• Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ.	1
		• Hệ thống thu ghi tín hiệu.	1
• Thiết bị thu/phát tín hiệu.	1		



		• Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ.	1
		• Hệ thống thiết bị intercom và audio.	1
		• Hệ thống ánh sáng trường quay.	1
		• Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .	1
4	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB): P.101-B3	• Máy tính bàn.	33
		• Máy chiếu.	1
		• Tai nghe.	33
5	Phòng thực hành tin học: P.304-B1	• Máy tính bàn.	31
		• Máy chiếu.	1

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như công tác quản lý trang thiết bị thực hành, Học viện báo chí và Tuyên truyền, đã thông qua quy định về quản lý và sử dụng tài sản công [H9.09.03.02] [H9.09.03.32][H9.09.03.04]. Các phòng thực hành có bảng phân phối và sơ đồ sử dụng hợp lý [H9.09.03.04]. Trong mỗi phòng thực hành đều có nội quy, quy định việc sử dụng CSVN, trang thiết bị. Các trang thiết bị luôn được thống kê, báo cáo hằng năm trong chu kỳ đánh giá về số lượng và chất lượng. Danh mục trang thiết bị tại các phòng thực hành phục vụ cho giảng dạy và học tập được thống kê, báo cáo hằng năm trong chu kỳ đánh giá về số lượng và chất lượng. Trên cơ sở đó có các kế hoạch đề xuất cho việc đầu tư hay sửa chữa kịp thời phục vụ công tác đào tạo và NCKH [H9.09.03.05] [H9.09.03.06] [H9.09.03.07].

Tại các phòng thực hành luôn có sổ theo dõi tần suất sử dụng [H9.09.03.08]. Hàng năm Học viện báo chí và Tuyên truyền, khoa Quan hệ công chúng có khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. Trên 80% GV và SV ngành Quan hệ công chúng được khảo sát đều đồng ý, phòng thực hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đáp ứng tốt và rất tốt [H9.09.03.09].

Số lượng và thiết bị phòng thực hành hiện có đã đáp ứng thiết thực cho việc dạy và học của ngành Quan hệ công chúng. Cụ thể, theo thống kê mức độ hài lòng về cơ sở vật chất phục vụ cho học tập, khi được hỏi về mức độ đáp ứng của Phòng thực hành về trang bị các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thì câu trả lời là đáp ứng đến 72,60 % ở năm 2019 và con số này năm 2020 là 73,13% [H9.09.03.09]. Hàng

năm, Học viện báo chí và Tuyên truyền đều dành kinh phí cho việc đầu tư, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị cho các phòng thực hành. Tổng kinh phí mua sắm trang thiết bị thường xuyên hàng năm trung bình khoảng từ 2 đến 4 tỷ đồng. Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa trung bình một năm từ năm 2015 đến 2017 là khoảng 5 tỷ đồng. Riêng năm học 2018-2019, do đầu tư xây dựng, cải tạo lại hệ thống phòng học các khu giảng đường A3, A4, B11, B3, đặc biệt là đầu tư để cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC tại nhà A1, nên số kinh phí dành cho cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định năm 2019 tổng mức là 23,2 tỷ đồng [H9.09.03.10] [H9.09.03.11] [H9.09.03.12] [H9.09.03.13].

## **2. Điểm mạnh**

Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ cho giảng dạy đào tạo NCKH ngành Quan hệ công chúng đã được trang bị phù hợp và có bổ sung, sửa chữa hàng năm. Hoạt động của Trung tâm thực hành và hỗ trợ đào tạo đã góp phần quan trọng vào việc kết hợp đào tạo lý thuyết với thực hành kỹ năng nghiệp vụ Quan hệ công chúng chuyên nghiệp cho người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Hiện nay, khoa Quan hệ công chúng vẫn còn thiếu các phòng thực hành nghiệp vụ chuyên biệt. Các phòng thực hành chung của Học viện báo chí và Tuyên truyền còn chưa thực sự hiệu quả do thiếu đội ngũ kỹ thuật viên trình độ cao. Hiện nay, việc tiếp cận và sử dụng thiết bị thực hành kỹ thuật cao (studio) còn khó khăn nên chưa khai thác triệt để và hiệu quả các phòng thực hành.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trên cơ sở kế hoạch nguồn kinh phí NCKH và đầu tư CSVN, hằng năm Khoa sẽ đề xuất đầu tư thêm cho phòng thực hành của Khoa bằng việc đầu tư phòng thực hành chuyên biệt của khoa, mua sắm, bổ sung thêm máy tính hiện đại, máy chiếu cùng các dụng cụ thực hành, đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH của ngành Quan hệ công chúng.

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tăng cường công tác tuyên truyền nhằm thu hút hơn nữa việc sử dụng phòng thực hành, để nâng cao hiệu suất sử dụng phòng đồng thời giúp SV bổ sung các kỹ năng thực hành phục vụ cho công việc sau này.

## **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

**Tiêu chí 9.4.**

**Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

**1. Mô tả**

Hiện nay, Học viện có 610 bộ máy tính để bàn, 99 máy chiếu. Tất cả các phòng làm việc của khoa Quan hệ công chúng đều được trang bị máy tính, máy in và các thiết bị làm việc cần thiết khác. Cụ thể, Khoa Quan hệ công chúng hiện nay có 3 máy tính [H9.09.01.09]. Tất cả các GV đều có máy tính cá nhân.

Học viện có 06 phòng máy tính phục vụ SV thực hành, học tập các môn học trong đó có các môn học của ngành Quan hệ công chúng như Tin học cơ bản, tin học nâng cao, 01 phòng máy tính cho GV và SV tìm kiếm tài liệu ở Thư viện, trên Internet; 04 phòng máy chuyên dụng cho học ngoại ngữ [H9.09.01.01] [H9.09.04.01]

100% các máy tính của Học viện đều sử dụng các phần mềm có bản quyền để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và công tác quản lý [H9.09.04.02].

Các máy tính của Học viện đều được nối mạng và sử dụng Internet miễn phí để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường [H9.09.04.02]. Cán bộ, giảng viên và sinh viên đều có địa chỉ email do Học viện cung cấp. Học viện cũng có mạng không dây kết nối Internet cho cán bộ, giảng viên và sinh viên toàn trường [H9.09.04.02].

Toàn bộ các công nghệ thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được Phòng Công nghệ thông tin có chức năng chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của Học viện cũng như Khoa, Kinh phí đầu tư, nâng cấp, sửa chữa hệ thống tin học hàng năm của Trường từ 1 đến 5 tỷ đồng [H9.09.04.03] [H9.09.04.04].

**Bảng 9.11: Kinh phí mua sắm sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị tin học**

(Công nghệ thông tin, phần mềm) -- Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hạng	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
-----	------	----------	----------	----------	----------	----------

	<b>mục</b>	<b>S</b>	<b>Kinh</b>		<b>Kin</b>		<b>Kinh</b>		<b>Kinh</b>		<b>Kinh</b>
		<b>L</b>	<b>phí</b>	<b>SL</b>	<b>h</b>	<b>SL</b>	<b>phí</b>	<b>SL</b>	<b>phí</b>	<b>SL</b>	<b>phí</b>
<b>1</b>	<b>Thiết bị CNTT</b>	<b>1</b>	<b>30</b>	<b>68</b>	<b>757</b>	<b>39</b>	<b>567</b>	<b>128</b>	<b>1664</b>	<b>35</b>	<b>524</b>
	Máy tính	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
	Ổ cứng										
<b>2</b>	<b>Phần mềm</b>	<b>1</b>	<b>53</b>	<b>118</b>	<b>529</b>	<b>3</b>	<b>846</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>180</b>
	Phần mềm chấm thi, dạy học	1	53			1	95				
	Phần mềm thi trắc nghiệm					1	55				
	Phần mềm quản lý tài sản									1	180
	Phần mềm Quản lý Thư viện					1	696				

Phân mềm học tiếng Anh				118	529						
Phân mềm khác:...											

Năm 2018, 2019 Học viện tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người học về mức độ hài lòng với trang thiết bị tin học. Thống kê kết quả cho thấy, năm 2018 có 57,89% số SV ngành Quan hệ công chúng được hỏi ý kiến hài lòng với trang thiết bị tin học của Học viện. Con số đó năm 2019 là 73,97% [H9.09.04.05].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện báo chí và Tuyên truyền, Khoa Quan hệ công chúng đầu tư tập trung và liên tục nhằm nâng cao chất lượng CSVC, hạ tầng cho công nghệ thông tin; phòng máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống máy tính cho các phòng thi,... được đảm bảo, hoạt động liên tục; phòng ốc và diện tích mặt bằng phù hợp (bao gồm các phòng thi, các phòng máy tính, các phòng hỗ trợ kỹ thuật tại các tòa nhà).

Chất lượng mạng internet đảm bảo. Trường hợp có sự cố về mạng, các bộ phận Công nghệ thông tin và Trung tâm thực hành và hỗ trợ đào tạo luôn hỗ trợ kịp thời.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số máy tính đã sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao. Giảng viên tự phải đầu tư máy tính xách tay trong khi đời sống còn khó khăn.

Hiện nay, hệ thống wifi của Học viện mới chỉ phủ sóng ở các khu vực làm việc của cán bộ, chưa phủ sóng Thư viện và KTX, không gian chung của toàn Học viện và miễn phí cho mọi đối tượng.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm 2020-2021, Khoa tiếp tục lập kế hoạch đề xuất Học viện bổ sung một số máy tính hiện đại cho các bộ môn, thay thế các máy hỏng phục vụ cho các nhiệm vụ chuyên môn và NCKH.

**5. Tự đánh giá:** Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm

### ***Tiêu chí 9.5.***

***Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật***

#### ***1. Mô tả***

Học viện luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại khu làm việc cũng như tại KTX SV. Phòng Bảo vệ, Phòng thiết bị quản trị, Phòng y tế, Ban Quản lý KTX có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ.

Về môi trường, Học viện luôn chú trọng đến việc tạo không gian thoáng mát, cảnh quan xanh sạch đẹp phù hợp với mọi đối tượng (trong đó có người khuyết tật) [H9.09.05.01]. Hệ thống thùng rác được bố trí trong khuôn viên Học viện (trên giảng đường, khu phòng làm việc...) tại những nơi thuận tiện để thấy. Bên cạnh đó Học viện ký hợp đồng hàng năm với công ty vệ sinh môi trường để thu gom rác thải trong toàn khuôn viên. Học viện cũng ký hợp đồng với công ty vệ sinh để đảm bảo các phòng học, phòng làm việc... luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học. Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong nhà ăn, vệ sinh môi trường ở KTX cũng được Học viện hết sức quan tâm. Hằng năm, Văn phòng Học viện đề ra kế hoạch, tổ chức thực hiện và báo cáo công tác vệ sinh trường học, trong đó có nội dung kiểm tra công tác vệ sinh tại KTX SV và đảm bảo thực hiện đúng Luật vệ sinh an toàn thực phẩm tại nhà ăn [H9.09.05.02]. Học viện có Phòng Y tế riêng để đáp ứng nhu cầu trợ giúp kịp thời của GV và SV khi gặp vấn đề về sức khỏe [H9.09.05.03]. Ngoài ra, Phòng y tế liên kết chặt chẽ với trạm y tế phường, các bệnh viện tuyến trên để xử lý những trường hợp khẩn cấp khi xảy ra tại khu vực Học viện và khu vực KTX SV. Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ. Đồng thời, Học viện duy trì tổ chức khám sức khỏe cho SV đầu khóa [H9.09.05.03].

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã ban hành các nội quy, quy định về công tác trật tự trị an, nội quy quy định khi sử dụng phòng học, phòng thực hành, vệ sinh môi trường... và được niêm yết tại các vị trí dễ đọc nhất. Không chỉ chủ động trong công việc của mình, Phòng Bảo vệ, Ban Quản lý KTX đã có liên kết, phối hợp tốt với Công an phường Dịch Vọng Hậu trong công tác bảo đảm an ninh trật tự. Vì vậy, việc giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực trường luôn đảm bảo tốt nhất [H9.09.05.04]. Bên cạnh đó, phòng Bảo vệ và nhà trường còn phối hợp với công an phường trong công tác quản lý tạm trú SV ở trong KTX; thường xuyên báo cáo công tác an ninh, trật tự trong Trường với phòng PA 83, Công an thành phố Hà Nội. Trong các dịp lễ Tết và trong các hoạt động lớn, Học viện đều có thông báo đến từng thành viên, tổ chức kế hoạch canh gác, bảo vệ, trực chỉ huy, trực lãnh đạo.

Với số lượng 16 người chuyên trách [H9.09.05.05], lực lượng bảo vệ đủ để đảm trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Học viện. Nhân viên bảo vệ có trách nhiệm bảo đảm trực 24/24 trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Khu vực tuần tra, kiểm soát bao gồm: (1) cổng chính: Kiểm soát các phương tiện vào ra Trường 24/24 giờ; (2) khu vực nhà A1 tầng: Kiểm soát thực hiện nội quy vào ra của CB, GV, SV và khách đến làm việc trong giờ hành chính, cứu hộ thang máy khi gặp sự cố; (3) toàn bộ khuôn viên sân trường, các giảng đường, KTX SV: tuần tra, hướng dẫn, sắp xếp ô tô của CBVC và khách đỗ đúng nơi quy định. Để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn tối đa cho khu giảng đường, phòng thực hành, KTX, sân vận động (nằm trong khu KTX).

Học viện hàng năm tiến hành các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho SV cũng như cán bộ [H9.09.05.06] [H9.09.05.07]. Học viện đã phối hợp với Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu hộ cứu nạn, Sở Cảnh sát PCCC Thành phố Hà Nội, xây dựng phương án PCCC [H9.09.05.06] [H9.09.05.07]. Hệ thống các thiết bị PCCC được đảm bảo tại tất cả các khu giảng đường, thư viện, KTX, các phòng thực hành theo đúng quy định [H9.09.05.08]. Các thiết bị PCCC như bình chữa cháy xách tay các loại, hệ thống họng nước vách tường,... đã được trang bị đầy đủ và được rà soát bổ sung, thay thế. Như vậy, công tác phòng chống cháy nổ tại Học viện được đảm bảo tốt nhất, không để xảy ra các sự cố [H9.09.05.06] [H9.09.05.07] [H9.09.05.08].

Học viện Báo chí và tuyên truyền cũng thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan công an phường, quận và thành phố đảm bảo tốt an ninh, trật tự và an toàn cho người học (trong đó có người khuyết tật) tại Học viện, khu vực KTX và khu vực SV ngoại trú xung quanh Học viện. Phòng Cảnh sát PCCC&CHCN, Sở Cảnh sát PCCC TP. Hà Nội, thường xuyên kiểm tra công tác PCCC của Học viện, cấp giấy chứng nhận huấn luyện PCCC cho CB, GV và SV và kiểm tra các thiết bị báo cháy tự động[H9.09.05.08]. Học viện thường xuyên tổ chức tổng kết công tác bảo vệ trật tự trị an và PCCC.

Học viện Báo chí và tuyên truyền thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho toàn thể CB, GV và SV. Đối với SV mới nhập học, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Học viện đều phổ biến nội quy, quy định bảo vệ Học viện, nội quy và kiến thức PCCC, nội quy KTX.

Học viện cũng đã có chính sách quan tâm đến nhu cầu người khuyết tật. Các toà nhà hành chính, các khu học tập, giảng đường đều được thiết kế có lối đi riêng dành cho người khuyết tật [VP.9.09.05.10]

## **2. Điểm mạnh**

Toàn thể đội ngũ bảo vệ, ban quản lý KTX đều được tập huấn, học nghiệp vụ công tác bảo vệ do Công an thành phố tổ chức. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa bộ phận bảo vệ cùng với đội tự vệ, đội phòng cháy, chữa cháy của Học viện trong công tác an ninh, trật tự. Hàng năm, trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, Học viện luôn bố trí thời gian để truyền đạt đến SV về các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Học viện.

Học viện có khuôn viên xanh, sạch, đẹp, diện tích cây xanh bao phủ khuôn viên toàn Học viện và được chăm sóc tốt, tạo môi trường, cảnh quan, không gian học tập và công tác tốt cho cán bộ, giảng viên và sinh viên

- Đội ngũ Ban quản lý giảng đường, Trạm y tế luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe xanh-sạch- đẹp

## **3. Điểm tồn tại**



Công tác tuần tra vào ban đêm còn mỏng nên hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Một số SV vẫn còn không mua bảo hiểm y tế. Chưa có chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2021, Ban Quản lý KTX đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện nội quy KTX của SV.

Từ năm 2021, Phòng Công tác chính trị - SV kết hợp với Trạm y tế tiếp tục đơn đốc đảm bảo 100% SV mua bảo hiểm y tế.

Từ năm 2021, Văn phòng Học viện phối hợp với Phòng Quản trị tham mưu tăng cường các chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

#### **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm

#### ***Kết luận tiêu chuẩn 9***

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành Quan hệ công chúng hiện nay. Phòng học, phòng thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH, phát huy thế mạnh của đơn vị có các chuyên gia đầu ngành về Quan hệ công chúng và Truyền thông Marketing, Thông tin đối ngoại. Thư viện Học viện có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư thường xuyên. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. KTX đủ chỗ ở để phục vụ cho SV thuộc diện chính sách. Trường có sân bãi, hội trường, phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, văn nghệ của cán bộ, viên chức, giảng viên và SV. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

***Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí, cả 5 đều đạt, điểm trung bình 5,6/7điểm***

## **TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG**

### ***Mở đầu***

Học viện Báo chí & Tuyên truyền (HVBC&TT) nói chung và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói riêng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc thường xuyên điều chỉnh nâng cao chất lượng của các ngành đào tạo trong đó có ngành Quan hệ công chúng. Việc điều chỉnh được diễn ra định kỳ trên cơ sở lắng nghe và thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan cũng như tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới nhằm học hỏi và cập nhật. Bên cạnh đó chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng tại HVBC&TT cũng bám sát vào triết lý và mục tiêu giáo dục Học viện cũng như của khoa.

Học viện cùng với Khoa đã liên tục có các hoạt động đảm bảo cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo với các nội dung triển khai cụ thể như sau:

- Duy trì cơ chế phản hồi có tính hệ thống từ các bên liên quan (giảng viên, sinh viên đang học, cựu người học, các đơn vị tổ chức sử dụng lao động cũng như các bên liên quan khác) làm căn cứ để giúp thiết kế tốt và phát triển chương trình dạy học (CTDH) đảm bảo tính cập nhật và phù hợp;
- CTDH được định kỳ đánh giá và cải tiến chất lượng đáp ứng CDR và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động;
- Quá trình dạy và học, quy định đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát, đánh giá thường xuyên đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR;
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ thường xuyên được đánh giá và cải tiến chất lượng;

Các kết quả NCKH được áp dụng trong chương trình dạy học, đồng thời cải tiến việc dạy và học ngành QHCC tại HVBC&TT.

### ***Tiêu chí 10.1.***

***Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.***

#### ***1. Mô tả***

Công tác tự đánh giá và cải tiến chất lượng giáo dục nói chung và các hoạt động đào tạo trong đó có thiết kế và phát triển chương trình dạy học nói riêng được Học viện Báo chí & Tuyên truyền rất quan tâm và đã triển khai trong nhiều năm. Bên cạnh việc huy động các nhà khoa học, chuyên gia và các GV có kinh nghiệm tham gia xây dựng chương trình đào tạo theo quy trình, đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố của từng ngành đào tạo, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Học viện, một trong những căn cứ quan trọng để xây dựng chương trình cũng như đổi mới, cải tiến chương trình là chú ý xem xét đến ý kiến phản hồi, nhu cầu của các bên liên quan. Học viện đã có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển chương trình, cụ thể:

HVBC&TT đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan làm căn cứ để xây dựng, điều chỉnh cải tiến CTDH. Học viện đã thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo (tháng 1/5//2012) theo quyết định số 876/QĐ-HVCT-HVQG làm đầu mối triển khai hoạt động khảo sát phản hồi ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo. **[H10.10.01.01]**. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo sau đó được đổi tên thành trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo (KT&KĐCLĐT) đồng thời, chức năng, nhiệm vụ của TTKT&KĐCLĐT cũng được quy định cụ thể và rõ ràng hơn, có liên quan đến trách nhiệm thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan phục vụ kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo **[H10.10.01.01]**. Ngoài ra, Học viện ban hành quy định về xây dựng CTĐT trong đó có quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và quy định về xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT vào năm 2018 **[H10.10.01.02]**, **[H10.10.01.03]**.

Hàng năm, Học viện triển khai các loại hình khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên, bao gồm: **[H10.10.01.04]**

1. Khảo sát sinh viên theo học kỳ về chất lượng môn học và giảng dạy: **[H10.10.01.05]**

*Nội dung:* Mục tiêu, CĐR của học phần, nội dung học phần, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong học phần, cơ sở vật chất phục vụ học phần.

*Đối tượng:* Toàn bộ người học đang theo học tại HVBCTT

*Phương pháp:* Được thực hiện qua cổng thông tin sinh viên

*Thời điểm:* hàng kỳ.

2. Khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo của Học viện:

**[H10.10.01.06]**

*Nội dung:* Giảng viên, CDR, nội dung, cấu trúc chương trình dạy học, phương pháp dạy học, hoạt động kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, cơ sở vật chất (thư viện, phòng học, phòng thực hành, ký túc xá, công nghệ thông tin, trang thiết bị dạy học,...) , môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.

*Đối tượng:* Toàn bộ sinh viên trước khi tốt nghiệp

*Phương pháp:* Sử dụng biểu mẫu Google, gửi phiếu đánh giá qua email

*Thời điểm:* Kết thúc năm học

3. Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách

**[H10.10.01.07]**

*Nội dung:* Chương trình dạy học, cơ sở vật chất, hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng,...

*Đối tượng:* Toàn bộ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện

*Phương pháp:* Sử dụng biểu mẫu Google, gửi phiếu đánh giá qua email

*Thời điểm:* Hàng năm

4. Khảo sát cựu sinh viên về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo sau 01 năm tốt nghiệp **[H10.10.01.08]**

*Nội dung:* Mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra, tình trạng việc làm, chương trình đào tạo

*Đối tượng:* Toàn bộ sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp

*Phương pháp:* Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

*Thời điểm:* Sau 01 năm tốt nghiệp

5. Khảo sát nhà tuyển dụng **[H10.10.01.09]**

*Nội dung:* Chất lượng sinh viên tốt nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, khả năng tiếp cận thông tin về chương trình đào tạo.

*Đối tượng:* Các nhà tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp đúng ngành hoặc gần ngành

*Phương pháp:* Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

*Thời điểm:* hàng năm

Trong các văn bản hướng dẫn đã xác định trách nhiệm phối hợp thực hiện của Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo với Khoa đào tạo trong việc thu thập thông tin phản hồi từ người học, cựu người học, người sử dụng lao động và cán bộ viên chức. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được dùng sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTDH ngành Quan hệ công chúng trình độ đại học.

Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo (KT - KĐCLĐT) là đơn vị đầu mối xây dựng mẫu phiếu khảo sát, hàng năm tổ chức thực hiện và phân tích kết quả khảo sát. Riêng đối với khảo sát sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng thì do Khoa tiến hành khảo sát và gửi phiếu lên trung tâm KT - KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Các phương pháp khảo sát đa dạng, bao gồm trực tuyến qua cổng thông tin điện tử, gọi điện thoại, gửi email và gửi phiếu trực tiếp. Kết quả khảo sát được phân tích định lượng theo thông kê mô tả (bao gồm tỉ lệ % và mức trung bình) và định tính (Phân tích các nội dung đề xuất, góp ý của các bên liên quan). Báo cáo kết quả khảo sát được gửi về các Khoa, phòng, ban làm căn cứ để cải tiến chất lượng.

Trong giai đoạn đánh giá, cơ chế phản hồi đã có những điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng. Thứ nhất, trước năm 2016, Học viện mới thực hiện khảo sát chất lượng giờ giảng và môn học đối với sinh viên hàng kỳ; khảo sát sinh viên cuối khoá và sinh viên tốt nghiệp với quy mô nhỏ. Từ năm 2017, Học viện đã thực hiện khảo sát đa dạng các đối tượng, bao gồm nhà tuyển dụng. Đến năm 2018, Học viện bắt đầu triển khai khảo sát giảng viên, cán bộ nhân viên về chương trình đào tạo và chất lượng các mặt hoạt động. Thứ hai, phương pháp, hình thức khảo sát ngày càng đa dạng dẫn đến số lượng sinh viên cuối khoá, sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng phản hồi khảo sát ngày càng tăng. Trước năm 2018, Học viện chỉ tiến hành khảo sát qua email nên số lượng phản hồi thấp; từ năm 2019 trở đi, Học viện đã đa dạng hóa các hình thức khảo sát, bao gồm gọi điện thoại, gửi phiếu trực tiếp và gửi email nên số lượng phản hồi khảo sát cao.

Ngoài ra, Khoa QHCC-QC cũng đã chủ động thu thập các thông tin phản hồi về chương trình học, các môn giảng dạy trực tiếp thông qua các cuộc họp phản ánh sinh viên hàng tháng, trong đó có sự tham gia của đại diện sinh viên các lớp, ban lãnh đạo khoa và các CVHT với lớp chuyên ngành **[H10.10.01.10]**.

Kết quả phân tích thông tin phản hồi từ các bên liên quan cho thấy những tín hiệu tích cực đối với chương trình đào tạo và sản phẩm đầu ra. Ví dụ như kết quả khảo sát các nhà tuyển dụng năm 2018 do Khoa tiến hành cho thấy 100% nhà tuyển dụng được khảo sát hài lòng với chất lượng sinh viên tốt nghiệp từ ngành QHCC của HVBCCTT, với mức hài lòng trung bình 4,15/5 với các nội dung đánh giá cụ thể như: mức độ hài lòng về kiến thức chuyên ngành, kỹ năng chuyên ngành, kiến thức nền tảng, kỹ năng chung, phẩm chất cá nhân và năng lực tự chủ. Có 15% ý kiến của nhà tuyển dụng cho rằng sinh viên tốt nghiệp tại khoa ra trường hoàn toàn đáp ứng yêu cầu công việc, có thể sử dụng được ngay, 85% ý kiến cho rằng sinh viên cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc và cần đào tạo thêm để thích ứng tốt hơn và không có một ý kiến nào phản hồi sinh viên phải đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng mới có thể làm việc được. **[H10.10.01.11]**

Đối với khảo sát phản hồi của sinh viên đang học sau mỗi học kỳ đối với mỗi môn học và giảng viên giảng dạy cũng như chịu trách nhiệm môn học: kết quả cập nhật trực tuyến và giáo viên hoàn toàn có thể truy cập trang thông tin tài khoản cá nhân để xem phản hồi của sinh viên sau mỗi môn học về tất cả các khía cạnh: môn học đáp ứng mục tiêu đặt ra, tài liệu đầy đủ, phù hợp; hình thức kiểm tra đánh giá chính xác và toàn diện; giảng viên có kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại có hiệu quả; mức độ kiến thức, kỹ năng được cung cấp có khả năng vận dụng trong thực hành nghề nghiệp tương lai... Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, giảng viên nắm bắt được điểm mạnh, hạn chế trong từng môn học, lên kế hoạch thay đổi nâng cao chất lượng trong kỳ giảng dạy tiếp theo hoặc có những thay đổi mang tính toàn diện hơn trong những đợt điều chỉnh, sửa đổi chương trình mang tính định kỳ. **[H10.10.01.05.DC]**

Đối với sinh viên cuối khoá, sau khi kết thúc toàn bộ chương trình học tập chuyên ngành, khảo thí tiến hành khảo sát lấy ý kiến của sinh viên nhằm thu nhận và nắm bắt ý

kiến phản hồi về chương trình đào tạo, kết quả đầu ra, các hình thức kiểm tra đánh giá, cơ sở vật chất, giảng viên, đội ngũ giảng viên, đội ngũ nhân viên, KTV. Trong năm 2017 - năm đầu tiên tiến hành đánh giá thu thập thông tin, ý kiến phản hồi của sinh viên còn ít, cụ thể là 18 sinh viên tham gia khảo sát. Tuy nhiên, đến năm 2018, số lượng sinh viên tham gia phản hồi đã cao hơn gần gấp đôi với 34 sinh viên ngành QHCC tham gia. Kết quả khảo sát cho thấy có hơn 45% sinh viên hoàn toàn hài lòng với chương trình học, còn lại sinh viên hài lòng nhưng còn một vài băn khoăn, có sinh viên nào không hài lòng về chương trình. Năm 2019, có 53 sinh viên tham gia khảo sát với tỷ lệ hài lòng với CTĐT lên tới 81,1%. Sinh viên có nhận xét rất tích cực về đội ngũ giảng viên, phương pháp giảng dạy và năng lực chuyên môn. Chương trình học giúp sinh viên định hướng được nghề nghiệp tương lai. Năm 2020, có 50 sinh viên ngành QHCC tham gia khảo sát với tỷ lệ hài lòng lên tới 86%. Có thể thấy, trải qua từng năm, CTĐT ngành QHCC càng đáp ứng được yêu cầu của người học và làm hài lòng người học. Một số đề xuất của sinh viên tập trung vào mong muốn giảm tải các môn học lý luận, tăng cường các môn thực hành. Các môn học cũng cần sắp xếp lại để tránh sự chồng chéo. **[H10.10.01.06.DC] H10.10.01.12] [H10.10.01.13]**

Như vậy, Trung tâm KT - KĐCLĐT đã phối hợp với khoa chủ quản dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo của Học viện triển khai hiệu quả hệ thống các cơ sở dữ liệu, thông tin phản hồi từ đầy đủ các bên liên quan về chương trình đào tạo. Đây là căn cứ để điều chỉnh, phát triển chương trình đào tạo phù hợp với triết lý giáo dục của Học viện, của khoa chủ quản, đồng thời đáp ứng được nhu cầu của người học, người sử dụng lao động và sự phát triển của xã hội nói chung.

Tất các các ý kiến phản hồi và nhu cầu từ các bên liên quan được Trung tâm KT - KĐCLĐT tổng hợp lại để làm báo cáo gửi Học viện cũng như gửi cho các Khoa. Học viện và Khoa sẽ sử dụng những báo cáo này để làm căn cứ điều chỉnh, thiết kế và phát triển CTDH theo đúng quy trình xây dựng, cập nhật CTĐT **[H10.10.01.12]**. Cụ thể trong giai đoạn từ năm 2014 đến nay, mục tiêu CTĐT ngành QHCC đã qua 3 lần chỉnh sửa thay đổi cho phù hợp (năm 2016, 2018, 2020). Qua các lần rà soát, sửa đổi chương trình, đặc biệt là bản sửa đổi năm 2020 đã thể hiện được những tiến bộ, đáp ứng yêu

cầu chuẩn của một CTĐT bậc cử nhân. Cụ thể về một số thông tin đối sánh cơ bản giữa các phiên bản CTĐT như sau [H10.10.01.13]:

Năm 2018, CTĐT được bổ sung thêm chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm so với năm 2016. Chương trình dạy học năm 2018 của ngành QHCC được thiết kế với 130 tín chỉ trong đó có 44 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và 86 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong khi đó, con số này ở chương trình năm 2016 lần lượt là 128 tín chỉ với 54 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và 74 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Đây là kết quả của việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2016, sự điều chỉnh tập trung vào việc giảm các môn học đại cương, tăng các môn học chuyên ngành, tăng số tín chỉ các môn học, đặc biệt là các môn thực hành từ 2 tín chỉ lên 3 tín chỉ nhằm đảm bảo tính tổng thể của chương trình cũng như tính logic trong việc tiếp nhận kiến thức, kỹ năng của sinh viên. Sự điều chỉnh này được cho là cần thiết để đáp ứng yêu cầu của người tuyển dụng lao động về chuyên môn nghiệp vụ đối với cử nhân ngành QHCC.

Với 130 tín chỉ, các môn học trong CTĐT ngành QHCC được kết cấu thành các khối kiến thức khác nhau, từ mức độ cơ bản đến chuyên sâu. Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 44 tín chỉ (chiếm 34%), khối kiến thức cơ sở ngành gồm 18 tín chỉ chiếm 14%, khối kiến thức ngành gồm 26 tín chỉ chiếm 20%, khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ (chiếm 23%). Ngoài ra, chương trình còn có các kiến thức bổ trợ gồm 12 tín chỉ (chiếm 9%) Các khối kiến thức này góp phần đạt được những chuẩn đầu ra nhất định về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

CTĐT năm 2020 có nhiều nét tương đồng với CTĐT năm 2018, điểm khác biệt lớn nhất là các chuẩn đầu ra được tổng hợp và rút ngắn lại, từ 33 CDR còn 17 PLO.

CTDH là sự gắn kết hợp lý giữa các môn học trong học chương trình từ việc lập kế hoạch chi tiết theo từng kỳ với tiến trình giảng dạy cụ thể và CDR người học cần đạt được sau mỗi học phần. Điều này không chỉ đảm bảo tính logic của chương trình, tính liên quan của các môn học mà còn phù hợp với khả năng tiếp cận của người học theo thời gian. Đây là cơ sở rất quan trọng để đảm bảo CDR của người học.



Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể và thuận lợi hơn trong việc tiếp cận, tiếp thu các kiến thức của học phần là mắt xích quan trọng trong việc đảm bảo CDR về kiến thức của người học.

Các thay đổi về CTĐT qua các năm nói trên được chỉnh sửa dựa trên ý kiến của các bên liên quan, trong đó có ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, chuyên gia và hội đồng nghiệm thu chương trình **[H10.10.01.14]**

Khi xây dựng CTDH ngành Quan hệ công chúng, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo - HVBCCTT, đã tham khảo CTDH của ngành Quan hệ công chúng, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (ĐH KHXH&NV) và rút ra một số vấn đề sau **[H10.10.01.15]:**

Tổng số tín chỉ đào tạo của chương trình cử nhân Quan hệ công chúng thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là 130 tín chỉ, ít hơn chương trình cử nhân Quan hệ công chúng thuộc trường ĐH KHXH&NV là 5 tín chỉ, chưa bao gồm tín chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh. Chương trình đào tạo của chương trình cử nhân Quan hệ công chúng thuộc Học viện Báo chí & Tuyên truyền được xây dựng với các môn học được xác định trên căn cứ mục tiêu chung, 11 mục tiêu cụ thể và 13 chuẩn đầu ra chi tiết cần đạt được, do vậy các môn học được lựa chọn giảng dạy cũng như xây dựng chương trình trên cơ sở mục tiêu và chuẩn đầu ra đã được xác định. Việc xác định chi tiết các chuẩn đầu ra đã định hướng tốt cho việc xác định và xây dựng nội dung giảng dạy chi tiết cho môn học. Chương trình cử nhân Quan hệ công chúng tại Học viện Báo chí & Tuyên truyền chỉ phân chia là 2 khối kiến thức lớn: Khối kiến thức giáo dục đại cương (47 TC) và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (83 TC). Chương trình cử nhân Quan hệ công chúng thuộc trường ĐH KHXH&NV chia làm 5 khối kiến thức: Khối kiến thức chung (27 TC); Khối kiến thức theo lĩnh vực (26 TC); khối kiến thức theo khối ngành (18 TC); Khối kiến thức của nhóm ngành (14 TC); Khối kiến thức ngành (50 TC). Qua phân tích chương trình cho thấy khối kiến thức giáo dục đại cương (chương trình Học viện Báo chí & Tuyên truyền) khá tương đồng với 3 khối kiến thức đầu tiên của chương trình cử nhân Quan hệ công chúng thuộc trường ĐH KHXH&NV. Khối kiến thức giáo dục chuyên biệt (bao gồm kiến

thức cơ sở ngành; kiến thức ngành; kiến thức bổ trợ; kiến thức chuyên ngành) tương đồng với 2 khối kiến thức còn lại của chương trình trường ĐH KHXH&NV (Khối kiến thức của nhóm ngành và khối kiến thức ngành). [H10.10.01.15]. Việc phát triển CTDH ngành QHCC thuộc HVBC&TT được tiếp thu có chọn lọc thông tin phản hồi của các bên liên quan, đối sách với chương trình cùng ngành của cơ sở đào tạo khác, đồng thời phù hợp với Luật giáo dục đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT) [H10.10.01.16], phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016) [H10.10.01.17].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện đã xây dựng được cơ chế lấy ý kiến phản hồi khách quan, hiệu quả, đồng thời sử dụng đa dạng các kênh phản hồi: khảo sát các bên liên quan, hội nghị, đối thoại nhằm thu được nhiều nhất các thông tin phản hồi phục vụ quá trình thiết kế, phát triển CTDH.

Các bên liên quan được xác định đầy đủ và thu thập được đa chiều cạnh ý kiến của tất cả các bên liên quan nhằm có được thông tin khách quan nhất: ý kiến của người học trong từng học kỳ đối với từng môn học và ý kiến của người học đánh giá tổng thể chương trình sau khi kết thúc toàn bộ chương trình học và ý kiến sinh viên sau một năm ra trường; ý kiến giảng viên; ý kiến của đơn vị sử dụng lao động.

Ý kiến phản hồi đã được Học viện, khoa chủ quan và giảng viên quan tâm, sử dụng trong quá trình thiết kế, phát triển CTDH, giúp chương trình phát triển theo hướng cải tiến, đáp ứng CDR, đồng thời lấy người học làm trung tâm.

## **3. Điểm tồn tại**

Các ý kiến đề xuất có tính tham mưu cho Học viện, Khoa trong việc cải tiến nâng cao chất lượng CTDH ngành QHCC còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021, Khoa phối hợp với TTKT&KĐCLĐT cùng ban TCCB xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bên trong việc thu thập và chia sẻ ý kiến phản hồi và tổng hợp được các thông tin phản hồi một cách hệ thống nhằm có những tham mưu mang tính chiến lược thay đổi, cải tiến CTDH đạt hiệu quả cao hơn nữa từ thông tin thu được thông qua phản hồi về CTDH của các bên liên quan.

## 5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí mức 5/7 điểm.

### ***Tiêu chí 10.2.***

***Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.***

#### ***1. Mô tả***

HVBC&TT có ban hành quy định 6520/QĐ-HVBC&TT ngày 28/12/2018 về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT, đồng thời có hướng dẫn về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH với hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, CDR ngành, thiết kế và phát triển CTDH, tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, phát triển chương trình, thực hiện so sánh đối chiếu với các CTĐT tương tự trong nước, quốc tế...[H10.10.02.01].

Theo đó, quy trình xây dựng CTĐT gồm 9 bước sau:

- (1) Khảo sát nhu cầu và lập kế hoạch xây dựng CTĐT;*
- (2) Xây dựng mục tiêu và CDR của CTĐT;*
- (3) Thiết kế chương trình khung;*
- (4) Đối sánh với các CTĐT khác trong và ngoài nước để hoàn thiện CTĐT;*
- (5) Xây dựng Đề cương chi tiết học phần;*
- (6) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện CTĐT;*
- (7) Thẩm định CTĐT;*
- (8) Phê duyệt và ban hành;*
- (9) Triển khai sử dụng và lưu hồ sơ*

CTĐT cần được đánh giá, cập nhật định kỳ, ít nhất 2 năm/lần. Quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT được thực hiện như sau:

- (1) Lập kế hoạch đánh giá, cập nhật CTĐT;*
- (2) Đánh giá chương trình đào tạo hiện hành;*
- (3) Dự thảo nội dung cập nhật;*
- (4) Phê duyệt và ban hành*

Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện có vai trò quan trọng trong hoạt động xây dựng, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo của Học viện. Chủ tịch Hội đồng khoa học là Giám đốc Học viện và thành viên là các Trưởng khoa, phòng, ban trong Học viện. Những thay đổi, điều chỉnh lớn trong CTĐT đều được Hội đồng khoa học và đào tạo thảo luận và bàn bạc kỹ lưỡng trước khi thông qua. **[H10.10.02.02]**. Trước năm 2018, Ban Quản lý đào tạo được giao là đơn vị chủ trì, đầu mối tổ chức xây dựng, cập nhật CTĐT. Ban QLĐT có trách nhiệm lập kế hoạch đánh giá và ban hành các hướng dẫn liên quan đến xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT **[H10.10.02.03]**. Theo yêu cầu của việc kiểm định chất lượng đào tạo, trong giai đoạn cuối năm 2018-2020, việc xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT được giao cho Trung tâm KT - KĐCLĐT làm đơn vị chủ trì, làm đầu mối nhằm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về kiểm định chất lượng đào tạo. **[H10.10.02.04]**. Từ năm 2018, với đầu mối chịu trách nhiệm chính là TTKT&KĐCLĐT, quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại HVBC&TT, kế hoạch cập nhật rà soát, cập nhật CTĐT, đề cương chi tiết học phần đã được ban hành trong toàn HVBC&TT trong 2 lần rà soát năm 2018 và năm 2020. **[H10.10.02.05]**

Định kỳ sau 2 năm, sau khi tiếp thu ý kiến phản hồi thông qua các cuộc khảo sát từ các bên liên quan, khoa sẽ thực hiện quy trình sửa đổi chương trình đào tạo ngành QHCC, thực tế đã sửa đổi qua 3 lần: 2016, 2018 và 2020 **[H10.10.01.12.DC]**. Hội đồng khoa học - đào tạo khoa chủ trì thực hiện rà soát, cập nhật CTĐT thông qua các cuộc họp với sự tham gia của giảng viên phụ trách môn học và thành viên hội đồng khoa **[H10.10.02.06]**. Khoa cũng tổ chức tọa đàm, hội thảo mở rộng mời các chuyên gia, cán bộ quản lý chương trình, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên tham gia đóng góp xây dựng CTĐT **[H10.10.02.07]**. Các ý kiến đóng góp của giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, chuyên gia v.v. được tổng hợp và tích hợp vào quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT **[H10.10.01.14.DC]**. Chương trình sửa đổi sau khi hoàn chỉnh, thống nhất sẽ được đệ trình xin phê duyệt theo đúng quy trình. Học viện tổ chức nghiệm thu CTĐT theo đúng quy định của Bộ giáo dục và đào tạo theo thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Hội đồng nghiệm thu tối thiểu gồm 5 thành viên là các giáo sư, phó giáo sư tiến sỹ đúng ngành/chuyên ngành; đại diện đơn vị sử dụng lao động. Hội

đồng gồm chủ tịch, thư ký và một số ủy viên. Trong đó, 2 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau ngoài Học viện. Các CTĐT sau khi được nghiệm thu, chỉnh sửa sẽ được Giám đốc Học viện ra quyết định ban hành và đưa vào sử dụng **[H10.10.01.12.DC]**.

Quá trình thực hiện rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH tại Học viện đã góp phần nâng cao chất lượng CTDH. Có thể nhận thấy, giai đoạn trước năm 2016, CTDH của chuyên ngành QHCC được thiết kế theo hướng tiếp cận theo nội dung là giảng viên chỉ cần tìm phương pháp phù hợp để truyền đạt kiến thức đó một cách tốt nhất. Tuy nhiên, từ 2016 đến nay trải qua 2 đợt rà soát, điều chỉnh của HVBC&TT, Khoa QHCC-QC đã xác lập thiết kế CTDH ngành QHCC tiếp cận theo mục tiêu qua đó người dạy, người học đều biết rõ mình phải dạy, phải học những loại kiến thức, kỹ năng gì, năng lực gì, mức độ yêu cầu ra sao, từ đó tìm ra phương pháp phù hợp để đạt mục tiêu một cách tốt nhất. Đề cương chi tiết các học phần trong CTDH sau điều chỉnh đã thể hiện rõ theo hướng tiếp cận mục tiêu, xác định cụ thể mục tiêu cần đạt được của người học sau khi kết thúc học phần (về kiến thức, kỹ năng, thái độ...), kèm theo đó là các CĐR cần đạt được khi kết thúc học phần. Cụ thể, năm 2018, Học viện đã phối hợp cùng các Khoa thực hiện rà soát CTĐT theo công văn số 6520, QĐ-HVBC&TT (ngày 28/12/2018). Sau đó chương trình tiếp tục được chỉnh sửa theo yêu cầu của công văn số 2643/QĐ - HVBC&TT vào năm 2020 và hướng dẫn rà soát cập nhật CTĐT đại học (công văn số 2645/HD - HVBC&TT ngày 31/5/2020) **[H10.10.01.12.DC]**, **[H10.10.02.05.DC]**. Theo đó, từ năm 2018, Học viện đã quy định cách tiếp cận xây dựng và phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra thay vì cách tiếp cận nội dung như truyền thống.

Ngoài ra, việc điều chỉnh CTĐT căn cứ trên ý kiến phản hồi của sinh viên về các môn học qua các học kỳ giảng dạy thông qua các phản hồi của sinh viên đối với các môn học sau mỗi cuối học kỳ, đặc biệt là phản hồi của sinh viên cuối khoá sau khi học xong toàn bộ chương trình về tính hợp lý, hiệu quả của CTĐT **[H10.10.01.05.DC]**. Đây sẽ là căn cứ để tăng/giảm thời lượng môn học, thời gian dành cho thực hành, lý thuyết, thời điểm đưa môn học vào chương trình giảng dạy **[H10.10.01.06.DC]**. Ví dụ như ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khoá đều tập trung vào việc tăng thời lượng

thực hành, thực tế, và nhu cầu này sau khi Khoa giảng dạy chuyên ngành thảo luận thấy rằng đây là nhu cầu chính đáng, đã có điều chỉnh tăng thời lượng thực hành, thực tế trong chương trình đào tạo mới nhất áp dụng cho các khoá mới (từ QHCC K38, QHCC K39, QHCC K40).

Năm 2020, sau khi thực hiện rà soát đánh giá việc xây dựng quy trình của các đơn vị, Học viện giao nhiệm vụ các Khoa phối hợp với Ban Quản lý Đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo hoàn thiện quy trình thiết kế và phát triển CTĐT như đã nêu trước khi công bố CTĐT ngành phiên bản 2020.

Có thể nhận thấy, giai đoạn trước năm 2016, CTDH của ngành QHCC được thiết kế theo hướng tiếp cận theo nội dung nghĩa là giảng viên chỉ cần tìm phương pháp phù hợp để truyền đạt kiến thức đó một cách tốt nhất, đưa người học vào thế thụ động trong tiếp thu, cụ thể đề cương chi tiết các học phần ban hành năm 2013 trở về trước quy định rất rõ ràng người học phải làm gì khi học một học phần nào đó và kèm theo là nội dung tóm tắt của học phần.

Tuy nhiên từ 2016 đến nay trải qua 2 đợt rà soát, điều chỉnh lớn, Học viện, Khoa đào tạo đã xác lập thiết kế CTDH tiếp cận theo mục tiêu qua đó người dạy, người học đều biết rõ mình phải dạy, phải học những loại kiến thức, kỹ năng gì, mức độ yêu cầu ra sao, từ đó tìm ra phương pháp phù hợp để đạt mục tiêu một cách tốt nhất. Đề cương chi tiết các học phần trong CTDH sau điều chỉnh đã thể hiện rõ theo hướng tiếp cận mục tiêu, xác định cụ thể mục tiêu (hoặc CDR) cần đạt được của người học sau khi kết thúc học phần (về kiến thức, kỹ năng, thái độ...) [H10.10.01.12.DC].

## **2. Điểm mạnh**

Khoa phối hợp với các bộ phận chức năng trong Học viện đã liên tục chỉ đạo rà soát, đánh giá, cải tiến CTĐT nói chung và CTDH nói riêng, đồng thời không ngừng hoàn thiện các quy định, quy trình liên quan đến quá trình đánh giá cải tiến CTDH đang áp dụng tại Học viện.

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng, tạo ra CTDH có tính khoa học, tiên tiến. Quá trình dạy - học hợp lý và thường xuyên được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên

quan, do vậy CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

### **3. Điểm tồn tại**

Học viện chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi đầy đủ đối với đối tượng là GV thỉnh giảng.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2021, Trung tâm KT - KĐCLĐT sẽ nghiên cứu phối hợp với Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi với các đối tượng bổ sung là GV kiêm nhiệm, GV thỉnh giảng về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

### ***Tiêu chí 10.3.***

***Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra (CĐR).***

#### **1. Mô tả**

Hoạt động dạy và học của giảng viên và của sinh viên, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên của toàn Học viện cũng như ngành QHCC được tổ chức thực hiện, rà soát, giám sát, đánh giá với sự phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của Ban QLĐT, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Khoa QHCC-QC [H10.10.02.03.DC], [H10.10.01.01.DC]. Lịch học từng kỳ được Ban QLĐT phối hợp với khoa đào tạo lập theo từng kỳ theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt, tuân thủ theo Quy định đào tạo Đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H10.10.03.01]. Thông tin về kế hoạch giảng dạy được cập nhật lên website và được chuyển đến từng khoa đào tạo, thông tin đến tải khoản cá nhân sinh viên theo từng học phần [H10.10.03.02].

Nhằm đảm bảo quá trình giám sát, đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thường xuyên và đảm bảo tương thích với chương trình, phù hợp với CĐR của CTĐT, Học viện đã chỉ đạo và phối hợp cùng khoa ban hành quyết định thành lập hội đồng

khoa học của Khoa trong đó có chức năng, nhiệm vụ rà soát CTDH, đề cương môn học **[H10.10.03.03]**.

Để quản lý một cách hệ thống việc dạy và học của giảng viên và sinh viên các lớp, Học viện đã cung cấp mã số và hòm thư điện tử cho sinh viên và giảng viên. Do vậy sinh viên tham gia đăng ký học, theo dõi lịch học và tiến độ, kết quả học tập của sinh viên được cập nhật thường xuyên trên phần mềm đào tạo thông qua tài khoản đã cấp cho từng cá nhân **[H10.10.03.04]**. Đề cương chi tiết môn học được xây dựng hướng đến đáp ứng tối đa CDR cho từng môn, thông tin chi tiết sẽ được giảng viên giới thiệu vào buổi đầu tiên dạy môn học tại lớp để sinh viên nắm được. Trên cơ sở đó, sinh viên cùng tham gia vào quá trình học và đồng thời giám sát, đánh giá môn học đáp ứng các CDR vào cuối mỗi kỳ học. **[H10.10.03.05]**

HVBC&TT đã ban hành Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTDH nhằm thường xuyên rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh chương trình, đề cương học phần, CDR, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn **[H10.10.02.05.DC]**. Định kỳ 2 năm/lần trong các lần điều chỉnh, cập nhật CTĐT, Khoa rà soát lại CTĐT, bao gồm phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá để đảm bảo cập nhật, phù hợp và tương thích với CDR thông qua tọa đàm, hội thảo xây dựng chương trình **[H10.10.02.06.DC]**, **[H10.10.01.14.DC]**. Kết quả khảo sát các bên liên quan, cụ thể là khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học được tiến hành sau mỗi kỳ học cũng là căn cứ quan trọng để Ban chủ nhiệm Khoa và giảng viên đánh giá lại phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và đề xuất những thay đổi, bổ sung cho phù hợp. Kết quả khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, bao gồm cả đánh giá về các mức độ phù hợp, hiệu quả của phương pháp kiểm tra, đánh giá được thông báo theo tài khoản cá nhân giảng viên trên trang đào tạo để giảng viên điều chỉnh kịp thời phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá của mình cho phù hợp với yêu cầu và mục tiêu CDR. Kết quả khảo sát cũng là căn cứ để ban chủ nhiệm Khoa có những quyết định cải tiến đổi mới khi rà soát CTĐT **[H10.10.01.05.DC]**. Trên cơ sở ý kiến phản hồi qua các kỳ học, các giảng viên thực hiện điều chỉnh, cập nhật CDR, nội dung giảng dạy, các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, thể hiện cụ thể qua đề cương chi tiết học phần theo hướng dẫn xây dựng



CĐR chương trình đào tạo **[H10.10.03.06]**. Trong ĐCHP ghi rõ phương pháp dạy học đáp ứng với từng nội dung và chuẩn đầu ra học phần. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi HP trong CTĐT ngành QHCC được đa dạng hóa theo yêu cầu chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu CĐR đề ra, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, bài tập lớn, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,... **[H10.10.03.05.DC]**.

Nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, Học viện đã ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể thiết kế và sử dụng phương pháp dạy học đáp ứng CĐR **[H10.10.03.07]**, hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần **[H10.10.03.08]**, xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi **[H10.10.03.09]**, **[H10.10.03.10]**, trên cơ sở những hướng dẫn nói trên, Khoa chủ quản và giảng viên phụ trách môn cùng phối hợp thực hiện theo đúng các quy định và hướng dẫn.

Học viện cũng chỉ đạo Khoa và các bộ phận chức năng (Ban Quản lý Đào tạo, Phòng Thanh tra, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo) đã thực hiện công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy và học bằng nhiều hình thức, cụ thể là:

Hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị đào tạo vào cuối năm học để tổng kết rà soát, đánh giá hoạt động đào tạo của các ngành đào tạo toàn trường. Tại hội nghị, đại diện các khoa đào tạo/ cá nhân GV có thể nêu lên những bất cập trong quá trình giảng dạy từ đó có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp mục tiêu, nội dung và tương thích với CĐR. **[H10.10.03.11]**

Việc đánh giá quá trình dạy học còn thông qua kênh dự giờ lên lớp của các GV được các Khoa/Bộ môn tổ chức định kì. Thông qua hoạt động dự giờ (đặc biệt những GV trẻ) nhằm đóng góp ý kiến, học hỏi rút kinh nghiệm cho các GV về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của SV. **[H10.10.03.12]**

Thi giáo viên dạy giỏi: Định kỳ hàng năm hoặc 2 năm/lần, nhà trường tổ chức các đợt thi giáo viên dạy giỏi, giờ giảng chất lượng cao. Thông qua dự giờ chấm điểm, đưa ra các ý kiến nhận xét, giảng viên tham gia dự thi và giảng viên trong khoa tham

dự góp ý kiến đều nâng cao được năng lực giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm [H10.10.03.13].

Bên cạnh đó Phòng Thanh tra, Ban Quản lý đào tạo của Học viện cũng thường xuyên thành lập các đoàn thanh tra kiểm tra hoạt động giảng dạy theo thời khóa biểu trên các giảng đường, các buổi thi kết thúc học phần đã học. [H10.10.03.14][H10.10.03.15]

Ngoài ra trong công tác CVHT và giáo viên chủ nhiệm, Học viện quy định rõ trách nhiệm theo dõi tình hình, kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ để tư vấn cho sinh viên đăng ký, điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp. Thông qua các buổi sinh hoạt lớp, giáo viên chủ nhiệm từng lớp nắm được tình hình học tập của sinh viên, động viên sinh viên có ý thức, kết quả học tập tốt, nhắc nhở những sinh viên có ý thức học tập chưa tốt hoặc ở dạng chờ xử lý. CVHT đồng thời giải đáp những băn khoăn của sinh viên hoặc làm cầu nối với giáo viên giảng dạy nếu có vấn đề khúc mắc. Đồng thời thu nhận cả các ý kiến phản hồi từ sinh viên về quá trình dạy - học, quá trình đánh giá KQHT đang diễn ra, từ đó có những phản hồi lại với BCN Khoa [H10.10.03.16].

Nhìn chung, tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên) về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá KQHT đã được tiếp thu và đã giúp cho Khoa QHCC-QC và Học viện xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng đảm bảo các CĐR của ngành QHCC đã công bố. Cụ thể, trong giai đoạn đánh giá, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đã có sự thay đổi, cải tiến, thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của HVBC&TT và gắn với phương pháp giảng dạy đã sử dụng trong từng môn học. Sự kết hợp một cách có chủ đích đó đảm bảo đánh giá đúng kết quả của người học, là công cụ tích cực góp phần hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của người học một cách hiệu quả [H10.10.03.17], [H10.10.03.18]. Về cơ bản, mỗi học phần được đánh giá dựa trên 3 hệ số A,B,C theo công thức:

$$D_{HP} = 0,6A + 0,3B + 0,1C$$

Trong đó:

A: Điểm thi kết thúc học phần

B: Điểm đánh giá giữa học kì

C: Điểm chuyên cần và tinh thần thái độ học tập

Căn cứ vào quy định đó, điểm B, C là điểm được giảng viên phụ trách môn học xác định căn cứ vào quy định chung của trường và căn cứ vào phương pháp giảng dạy đã áp dụng đối với môn học. Điểm B, C được thể hiện trong hồ sơ giảng dạy của từng giảng viên. Các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ cũng như tổng kết được thiết kế nhằm đảm bảo đạt CĐR. Chi tiết các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập được trình bày trong minh chứng bằng ma trận kiểm tra, đánh giá [**H10.10.03.18**].

Bên cạnh việc đánh giá kết quả học tập, việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được thực hiện thường xuyên trong năm học (định kì 2 lần/năm học) thông qua phiếu tự đánh giá theo quy trình: sinh viên tự đánh giá, họp đánh giá của ban cán sự lớp và đoàn, và đánh giá cuối cùng của CVHT. Trong nội dung của Phiếu đánh giá có bao gồm nội dung đánh giá về ý thức tham gia học tập của sinh viên trên lớp và chuyên cần, đây cũng là nội dung quan trọng để đánh giá sinh viên toàn diện, không chỉ là học tập mà còn bao gồm điểm rèn luyện cũng như đóng góp cho hoạt động cộng đồng, xã hội [**H10.10.03.20**]

Nhìn chung, tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, GV) về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá Kết quả học tập đã được tiếp thu và đã giúp cho Khoa QHCC-QC và Học viện xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng đảm bảo các CĐR của chuyên ngành QHCC đã công bố.

## **2. Điểm mạnh**

Quá trình dạy và học, đánh giá KQHT được Học viện, Khoa, Bộ môn kiểm tra giám sát và đánh giá thường xuyên với mục tiêu lấy người học là trung tâm của quá trình đào tạo. Đồng thời có một số biện pháp phù hợp để đảm bảo sau quá trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng, người học khi ra trường được trang bị đầy đủ các kiến thức, kĩ năng và thái độ đáp ứng CĐR đã công bố của ngành Quan hệ công chúng.

## **3. Điểm tồn tại**

Các ý kiến phản hồi chủ yếu thu thập từ người học và người học mới tốt nghiệp chưa có các đối tượng khác như các nhà khoa học, chuyên gia giáo dục, bản thân các GV tham gia phản hồi còn hạn chế.

#### ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm 2021 trở đi, Ban Quản lý Đào tạo, Khoa QHCC-QC sẽ tiếp tục tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định, các nội dung đào tạo, đặc biệt cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan về quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học.

Ngoài ra, Trung tâm KT - KĐCLĐT và Khoa chủ quản tiếp tục triển khai thu thập thông tin phản hồi về quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học.

#### ***5. Tự đánh giá:***

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

#### ***Tiêu chí 10.4.***

***Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.***

##### ***1. Mô tả***

Đối với một cơ sở giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Đối với giảng viên, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính, NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà là trách nhiệm. NCKH giúp GV đưa vào giảng dạy những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy. Các công trình nghiên cứu đề tài các cấp của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học của Khoa, của Học viện.

Học viện có Quy chế quản lý hoạt động NCKH ban hành năm 2011, trong đó phạm vi điều chỉnh của quy chế bao gồm: Hoạt động quản lý khoa học; hoạt động nghiên cứu khoa học; hoạt động khai thác, trao đổi, phổ biến thông tin khoa học; hoạt động phục vụ khoa học (tài chính, hậu cần); hoạt động đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ nhân lực khoa học. [H10.10.04.01] Để hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện BC&TT được chặt chẽ hơn, năm 2017, Học viện đã ban hành quy định tiêu chuẩn

năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện BC&TT.  
**[H10.10.04.02]**

Hàng năm, HVBC&TT xây dựng Kế hoạch hoạt động khoa học phù hợp với chiến lược chung từng giai đoạn và nhiệm vụ từng năm học **[H10.10.04.03]**. Kế hoạch NCKH được thông báo về Khoa, sau khi các Khoa/đơn vị nhận được thông báo, khoa sẽ thông báo định hướng nghiên cứu đến các thành viên trong Khoa. Các thành viên Khoa (giảng viên) và bao gồm cả sinh viên các lớp đăng ký đề tài phù hợp với nhiệm vụ khoa học và giảng dạy của Khoa trong năm học (chủ yếu là giáo trình phục vụ công tác giảng dạy hay các nghiên cứu phù hợp với hướng trọng tâm nghiên cứu của khoa). Hội đồng Khoa học và đào tạo của Khoa sẽ thông qua đề tài đăng ký, duyệt và chuyển danh mục đề tài đến Ban QLKH. Căn cứ vào đề xuất của Khoa, hội đồng Khoa học và đào tạo của Học viện sẽ duyệt và quyết định giao đề tài cho Khoa và các thành viên tham gia đề tài thực hiện. **[H10.10.04.04], [H10.10.04.05]**.

Học viện những năm qua rất quan tâm sử dụng các kết quả NCKH vào cải tiến việc dạy và học. Cụ thể đã ưu tiên những công trình khoa học cấp cơ sở định hướng giáo trình trong CTĐT hiện thời. Các đề tài NCKH của khoa QHCC-QC chủ yếu là đề tài phục vụ giảng dạy như: đề tài cơ sở định hướng giáo trình, giáo trình in sách, nghiên cứu xây dựng tài liệu tham khảo. Đề tài sau khi được nghiệm thu sẽ được nộp bản cứng và bản mềm lên thư viện phục vụ cho nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên và sinh viên **[H10.10.04.06]**. Trong giai đoạn 2016 – 2020, các GV trong Khoa đã hoàn thành và tham gia 01 đề tài cấp nhà nước, 02 đề tài cấp Bộ, 40 đề tài cấp cơ sở. Kết quả một số các đề tài NCKH đã được các GV trong Khoa chuyển thành sách tham khảo phục vụ cho quá trình đào tạo. Cụ thể, năm 2016 đến nay, đã có 3 đề tài được in thành sách. **[H10.10.04.06]**.

**Bảng 10.1: Một số đề tài NCKH điển hình được sử dụng trong dạy và học của GV, SV ngành Quan hệ công chúng giai đoạn 2016 – 2020**

<b>TT</b>	<b>Tên đề tài</b>	<b>Năm</b>
	Công cụ quan hệ công chúng	2016
	Quản trị truyền thông doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay	2016
	Quản lý vấn đề và quản lý khủng hoảng	2016

	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	2017
	Truyền thông và xã hội	2017
	Công chúng truyền thông	2017
	Nghiên cứu Quảng cáo - Marketing	2017
	Nhập môn quảng cáo	2017
9	Lý thuyết truyền thông nâng cao	2017
0	Truyền thông liên văn hoá	2017
1	IMC	2018
2	Sản xuất sản phẩm truyền thông	2018
3	Sáng tạo nội dung	2018
4	Viết lời quảng cáo	2018
5	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2018
6	Chiến dịch quảng bá	2019
7	Ngôn ngữ truyền thông	2019
8	Một số vấn đề về quan hệ công chúng đương đại	2019
9	Nhập môn Quan hệ công chúng	2020
0	Quan hệ công chúng và Quảng cáo	2020
1	Vận động hành lang trong Quan hệ công chúng	2020
	Kỹ năng giao tiếp đàm phán và phát ngôn	2020

2		
3	Nhập môn Marketing	2020
4	Các phương tiện truyền thông	2020
5	Chiến dịch quảng bá	2020

Các đề tài NCKH sau khi chỉnh sửa đã được phê duyệt trở thành giáo trình chính thức hoặc tài liệu tham khảo cho các môn học chuyên ngành [H10.10.04.07], [H10.10.03.05 DC].

Trong các hoạt động NCKH của khoa NCKH sinh viên là một trong những nội dung hoạt động được quan tâm đặc biệt trong khoa nói chung và sinh viên ngành Quan hệ công chúng nói riêng. Hoạt động này được chú trọng, quan tâm từ đội ngũ giảng viên khuyến khích và trợ giúp sinh viên tham gia NCKH hàng năm, do vậy năm nào sinh viên ngành QHCC cũng tham gia từ 1-2 đề tài dưới sự hỗ trợ của giảng viên trong khoa [H10.10.04.08]. Việc tham gia NCKH của sinh viên nhằm tăng cường vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực hành, thực tế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực QHCC, phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của sinh viên, hình thành và phát triển năng lực tự học cho người học, ứng dụng kiến thức đã được trang bị vào xử lý các vấn đề thực tiễn.

Ngoài đề tài khoa học là giáo trình, sách, tài liệu tham khảo phục vụ môn học, giảng viên giảng dạy chuyên ngành QHCC còn tích cực tham gia nhiều hình thức đề tài khác ở các cấp và đặc biệt tích cực tham gia công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế, chia sẻ kết quả nghiên cứu với cộng đồng khoa học trong và ngoài nước. Dưới đây là một số tổng hợp các kết quả cơ bản về NCKH trong giai đoạn từ 2016 - 2020. [H10.10.04.09].

**Bảng 10.3: Thống kê số lượng báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế của giảng viên Khoa QHCC-QC giai đoạn 2016 - 2020**

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Hội thảo quốc tế	0	0	2	0	2
2	Hội thảo trong nước	0	2	2	1	2
3	Hội thảo cấp Học viện	0	0	1	2	0
4	Hội thảo cấp Khoa	14	12	16	11	20
	<b>Tổng</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>21</b>	<b>14</b>	<b>24</b>

Các bài báo khoa học, kỷ yếu hội thảo khoa học được lưu giữ tại khoa làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác dạy và học chuyên ngành QHCC, phục vụ mục đích tham khảo cho giảng viên và sinh viên chuyên ngành.

Với những lợi ích rõ ràng của việc gắn kết đào tạo và NCKH, Học viện Khoa đã tổ chức nhiều hình thức để phổ biến, cập nhật và hướng dẫn cách thức áp dụng kết quả NCKH. Các kết quả NCKH được chuyển thành giáo trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, các bài báo khoa học lưu trữ tại thư viện của Học viện, đồng thời được đưa vào danh mục tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo trong giảng dạy các môn chuyên ngành của Khoa.

## **2. Điểm mạnh**

GV, SV ngành QHCC tham gia tích cực trong hoạt động NCKH, kết quả NCKH đã được vận dụng có hiệu quả để cải tiến việc dạy và học.



Các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở được Học viện và Khoa ưu tiên theo định hướng giáo trình và giáo trình in sách nhằm vận dụng tối ưu vào quá trình dạy và học, triển khai áp dụng những tri thức mới và cập nhật, bài bản, hệ thống vào quá trình dạy và học. Các đề tài cơ sở khác (không thuộc định hướng giáo trình và giáo trình in sách) như đề tài khảo sát, đề tài cơ sở trọng điểm của Học viện, đề tài NCKH của sinh viên cũng được định hướng ngay từ khâu xây dựng đề tài nhằm hướng đến chuyển giao làm tài liệu tham khảo cho các môn học chuyên ngành được giảng dạy trong CTĐT.

### **3. Điểm tồn tại**

Trong 5 năm gần đây, các đề tài NCKH của GV, SV ngành Quan hệ công chúng chủ yếu là đề tài NCKH cấp cơ sở. Các đề tài, dự án NCKH ở các cấp cao hơn còn hạn chế.

### **4. Kế hoạch hành động**

Học viện, Khoa QHCC cần tiếp tục có các chính sách động viên khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy giảng viên hơn trong hoạt động NCKH để tiếp tục có các kết quả NCKH hữu ích phục vụ hoạt động dạy và học.

Khoa QHCC lên kế hoạch xây dựng phương án phối hợp với các cơ quan bên ngoài tăng cường nguồn lực và hợp tác trong nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trong khoa, đồng thời bổ sung tài liệu, sản phẩm khoa học phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy.

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

#### ***Tiêu chí 10.5.***

***Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

#### **1. Mô tả**

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) là một hợp phần quan trọng tác động rất lớn đến chất lượng giảng dạy, học tập, NCKH của giảng viên và sinh viên tại HVBC&TT nói

chung và ngành QHCC nói riêng vì đây là những tiện ích sinh viên, giảng viên tiếp cận và sử dụng hàng ngày cho việc dạy, học, tự học, tự nghiên cứu.

- Dịch vụ hỗ trợ sinh viên hiện có ở trường (miễn phí) bao gồm: như dịch vụ trả mượn sách tại thư viện [H10.10.05.01], dịch vụ hỗ trợ sinh viên trong cuộc sống và học tập thông qua Trung tâm đồng hành cùng sinh viên [H10.10.05.02], Trung tâm hỗ trợ sinh viên phòng chống bạo lực và quấy rối tình dục [H10.10.05.03], dịch vụ và tiện ích phục vụ hoạt động thể dục thể thao của sinh viên trong khu vực ký túc xá [H10.10.05.04].

- Cơ sở vật chất thể và tiện ích phục vụ quá trình dạy và học: hệ thống phòng làm việc, phòng học, ký túc xá, thư viện, sách và tài liệu tham khảo, các phòng máy tính và phần mềm đi kèm.

Về cơ sở vật chất và tiện ích phục vụ học tập và giảng dạy, giảng viên và sinh viên khoa QHCC được trang bị tương đối đầy đủ và đáp ứng tốt những nhu cầu giảng dạy, học tập và thực hành của sinh viên. Cụ thể về cơ sở vật chất chung bao gồm các phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng [H10.10.05.05], đi kèm với nó là trang thiết bị dạy học, thực hành [H10.10.05.06]. Ngoài ra, khoa QHCC cũng được trang bị cơ sở vật chất cho riêng khoa phục vụ cho dạy và học, tự học và nghiên cứu của giảng viên, sinh viên [H10.10.05.07].

**Bảng 10.3: Diện tích phòng học, thực hành, thư viện, KTX của HVBC TT**  
[H10.10.05.05]

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	146	19.339,00
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	11.449,10
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	961,20
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	53	3.557,34

1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1.121,76
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	71,28
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	60	2.180,00
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914,00
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	3.924,40
	Tổng	170	27.179,08

Riêng khoa QHCC, đội ngũ giảng viên, sinh viên ngành QHCC ngoài việc sử dụng tiện ích chung của toàn trường thì cán bộ giảng viên khoa được giao sử dụng một số cơ sở vật chất sau được giao riêng cho khoa:

**Bảng 10.4: Thống kê CSVC khoa Quan hệ công chúng**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Số phòng được giao sử dụng	Phòng	04
2	Tổng diện tích sử dụng	m <sup>2</sup>	119
3	Diện tích bình quân	m <sup>2</sup> /người	8,5
4	Bàn làm việc, bàn vi tính	Cái	15
	Ghế các loại	Chiếc	82
5	Máy tính để bàn	Cái	04
6	Máy tính xách tay	Cái	02
7	Máy in	Cái	04
8	Máy ảnh (KTS)	Cái	01
9	Điện thoại để bàn	Cái	04
10	Các loại trang thiết bị khác	Cái (bộ)	15

Các phòng học đều được trang bị đầy đủ các tiện ích cần thiết cho việc giảng dạy và học tập: máy chiếu, loa, điều hoà. Khoa được phân sử dụng 1 phòng thực hành máy

tính máy tính được trang bị máy tính được cài đặt chương trình Win bản quyền và được kết nối internet phù hợp cho sinh viên thực hành.

100% các máy tính của trường đều sử dụng các phần mềm có bản quyền để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và quản lý. Cụ thể, Học viện đã mua các phần mềm chuyên dụng có bản quyền phục vụ công tác quản lý, đào tạo, NCKH như: Quản lý đào tạo Macman, phần mềm chấm công, phần mềm Quản lý khoa học, phần mềm thư viện số... **[H10.10.05.08]**

Học viện tạo điều kiện nối mạng miễn phí, cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường, xây dựng mạng không dây kết nối Internet cho sinh viên tại Thư viện và các khu KTX có hệ thống mạng máy tính nội bộ. Tất cả CBGV và sinh viên đều có địa chỉ email trong hệ thống mạng thông tin nội bộ của Trường. Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công tác nội bộ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của Học viện cũng như Khoa, Bộ môn. **[H10.10.05.09].**

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (bao gồm sinh viên, giảng viên, cán bộ, nhân viên thuộc HVBC&TT) về cơ sở vật chất, tiện ích, dịch vụ hỗ trợ quá trình dạy và học, Học viện đã ban hành quy chế lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan **[H10.10.05.10]**. Định kỳ hàng năm, Học viện, cụ thể là Trung tâm KT&KĐCĐT triển khai xin ý kiến đánh giá từ phía giảng viên và sinh viên nhằm tìm ra những điểm cần khắc phục, những điểm tích cực để tiếp tục phát huy về cơ sở vật chất, tiện ích, dịch vụ hỗ trợ quá trình dạy và học **[H10.10.05.11], [H10.10.05.12]**.

Dịch vụ hỗ trợ và các dịch vụ tiện ích phục vụ hoạt động dạy và học khác như: dịch vụ trả mượn sách tại thư viện, trung tâm tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong cuộc sống và học tập. Để đánh giá chất lượng dịch vụ này, Học viện đã ban hành quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ đào tạo (TT Thông tin – Khoa học, hệ thống CNTT). Định kỳ hàng năm, Học viện triển khai xin ý kiến đánh giá từ phía GV và người học nhằm tìm ra những điểm cần khắc phục, những điểm hài lòng để tiếp tục phát huy. **[H10.10.05.10] [H10.10.05.11] [H10.10.05.12]**

Cụ thể, năm 2018, tỷ lệ hài lòng của giảng viên về cơ sở vật chất, CNTT là 47,5%; tỷ lệ hài lòng đối với thư viện là 37,5%. Năm 2019, tỷ lệ hài lòng của giảng viên về cơ sở vật chất, CNTT tăng lên là 55,71%, đối với thư viện là 50%.

Đối với sinh viên, khảo sát được thực hiện từ năm 2017 đến nay. Các vấn đề khảo sát liên quan đến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích bao gồm khảo sát về cơ sở vật chất, thư viện, khảo sát về hoạt động hỗ trợ đào tạo, khảo sát về chất lượng đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên.

Kết quả khảo sát cho thấy ý kiến của SV về từng khía cạnh cụ thể như sau:

**Bảng 10.5: Kết quả đánh giá của SV về cơ sở vật chất, thư viện, hoạt động hỗ trợ đào tạo, chất lượng đội ngũ nhân viên, KTV từ năm 2017-2020**

STT	Nội dung	Năm			
		2017	2018	2019	2020
1	Tỷ lệ hài lòng của sinh viên về cơ sở vật chất	50,33%	54,5%	75,9%	77,3%
2	Tỷ lệ hài lòng của sinh viên về thư viện	51,66%	52,23%	75,47%	74%
3	Tỷ lệ hài lòng của sinh viên về hoạt động hỗ trợ đào tạo	30,17%	57,67%	75,5%	75%
4	Tỷ lệ hài lòng của sinh viên về đội ngũ cán bộ hỗ trợ	32,81%	44,94%	75,7%	77,2%

Số liệu ở Bảng 10.5 cho thấy, SV càng ngày càng đánh giá tích cực về chất lượng phục vụ cho việc học tại Học viện.

Bên cạnh đó, Học viện cũng đã thực hiện giám sát kiểm tra đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học thông qua các cuộc kiểm tra Trung tâm Thông tin -Thư viện, Kí túc xá,... Sau mỗi đợt thanh tra, kết luận thanh tra đã chỉ rõ những điểm đơn vị đã thực hiện tốt cũng như chỉ các tồn tại của đơn vị, từ đó yêu cầu các đơn vị có những giải trình và có kế hoạch khắc phục trong các cuộc họp công tác tháng.

**[H10.10.05.13]**

Ngoài ra, hàng năm Học viện thành lập tổ kiểm kê tài sản cố định đến các đơn vị trong trường để kiểm tra đánh giá trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới.

Học viện cũng đã triển khai nhiều kênh thông tin nắm bắt ý kiến của người học về chất lượng các dịch vụ cũng như nắm bắt nhu cầu của SV từ đó có biện pháp cải thiện kịp thời chất lượng các dịch vụ phục vụ người học như: các cuộc họp phản ánh tình hình sinh viên hàng tháng, Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Học viện và các phòng chức năng hàng năm... [H10.10.01.10 DC]; [H10.10.05.14]. Ngoài ra, tại các phòng giảng viên trên các giảng đường, Học viện luôn công khai số trực và số điện thoại của cán bộ phụ trách trang thiết bị, cơ sở vật chất... Bất kể gặp sự cố hỏng hay trục trặc cơ sở vật chất (loa, máy chiếu, phòng học có vấn đề ...), giảng viên giảng dạy đều có thể gọi báo trực tiếp cán bộ phụ trách để khắc phục khẩn cấp ngay hoặc có kế hoạch thay sớm nhất. Ngoài ra, sinh viên sau mỗi giờ học trả thiết bị về phòng quản lý thiết bị dạy học cũng có thể báo trực tiếp hoặc ghi sổ sự cố các thiết bị cần thay hay cần kỹ thuật kiểm tra. Thông thường các vấn đề đơn giản sẽ được đội ngũ kỹ thuật trực khắc phục ngay để đảm bảo quá trình dạy và học không bị gián đoạn hay ảnh hưởng. Đối với những vấn đề phức tạp hay cần thay thế, việc khắc phục cũng diễn ra ngay trong tuần [H10.10.05.15].

Sau khi thực hiện các biện pháp đánh giá, giám sát chất lượng các dịch vụ, tiện ích hỗ trợ người học, Học viện đã chỉ đạo thực hiện các biện pháp cải tiến.

Cụ thể, sau khi kết thúc cuộc họp đối thoại giữa người học với Ban giám đốc và các bên liên quan, các dịch vụ hỗ trợ theo phản hồi của người học đã được cải thiện cụ thể như: Lắp đặt hệ thống điều hoà tại tất cả các phòng học, lắp đặt thêm hệ thống wifi phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, ứng dụng phần mềm vào quản lý hỗ trợ tra cứu tài liệu điện tử, hàng năm có kế hoạch bổ sung sách giáo khoa, tài liệu tham khảo nhằm tăng cường số đầu sách và tài liệu tham khảo giúp GV, người học nâng cao chất lượng dạy - học. Những thay đổi này đã giúp tỉ lệ hài lòng của sinh viên về cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ tăng lên hơn 75% vào năm 2019.

Kết quả phản hồi của giảng viên, cán bộ nghiên cứu về cơ sở vật chất trong năm gần nhất 2019, về cơ bản giảng viên và đội ngũ nhân viên có phản hồi tốt về cơ sở vật

chất, với điểm số hài lòng với từng hạng mục luôn đạt từ 3,5 điểm/ 5 đến đến 4 điểm/ 5 điểm về mức độ hài lòng [H10.10.05.12 DC]. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên cũng có những ý kiến đề xuất về nâng cấp cơ sở vật chất hiện có, ví dụ như: nâng cấp mạng internet không dây với tốc độ tốt hơn phục vụ học tập, nghiên cứu; nâng cấp phòng làm việc thông thoáng hơn; nâng cấp trang thiết bị dạy học (chuyển sang sử dụng mic không dây và hệ thống âm thanh tại phòng học tốt hơn ... ) Đây là một số ý kiến đóng góp để bộ phận chức năng Học viện xem xét, có kế hoạch nâng cấp trong thời gian tới [H10.10.05.12 DC].

Từ năm 2016 đến nay, Học viện liên tục thực hiện nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin, nâng cấp trang thiết bị dành cho phòng thực hành, trang thiết bị dành cho phòng học, thể hiện thông qua các hợp đồng mua sắm và các gói thầu mua sắm, nâng cấp [H10.10.05.16]. Bên cạnh đó, hàng năm Học viện đều có kế hoạch mua mới các trang thiết bị phục vụ việc học và dạy, trong đó có nhiều trang thiết bị mới được trang bị cho khoa QHCC [H10.10.05.17]. Ngoài ra, số lượng đầu sách, giáo trình dành cho sinh viên ngành QHCC cũng được bổ sung liên tục hàng năm [H10.10.05.18]. Từ năm 2015 - 2019, Học viện đã triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn diện thư viện, giúp người dạy, sinh viên và cán bộ nghiên cứu có môi trường nghiên cứu, tra cứu hiện đại và thuận tiện hơn [H10.10.05.19].

Một số những cải tiến nổi bật của Học viện về cơ sở vật chất trong thời gian qua nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học:

- Học viện nâng cấp mạng internet và trang bị đồng bộ cho mỗi giảng viên và sinh viên của trường một tài khoản thư điện tử, mật khẩu để truy cập hệ thống học trực tuyến, tải và chia sẻ tài liệu học tập khi cần.

- Hệ thống thư viện đã cập nhật các giáo trình, tài liệu tham khảo lên hệ thống truy cập trực tuyến để người học có thể truy cập đọc tài liệu từ xa, sử dụng nguồn học liệu thuận tiện, đặc biệt cho việc học từ xa.

- Từ năm 2018, Học viện đã trang bị hệ thống điều hoà tại 100% các phòng học sinh viên phục vụ việc học và dạy trong mùa hè.

## **2. Điểm mạnh**

Trên cơ sở ý kiến phản hồi các bên liên quan, Học viện đã cơ bản trang bị đủ cơ bản các thiết bị hỗ trợ và nâng cấp dịch vụ, tiện ích phục vụ quá trình học và dạy đạt hiệu quả, trong đó có chú trọng đến: hệ thống thư viện, phòng học, mạng internet và tài khoản mạng cho sinh viên, không gian và cảnh quan chung của trường.

Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được quan tâm tiến hành định kỳ và có cơ chế báo bất thường hay kế hoạch nâng cấp, sửa chữa, đổi mới hàng năm.

Những nhu cầu của người học về dịch vụ hỗ trợ được cải thiện kịp thời theo từng năm học sau khi nhận được sự phản hồi của người học. Học viện đã tiến hành các cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho hoạt động dạy và học của ngành QHCC. Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được quan tâm tiến hành theo định kỳ.

### **3. Điểm tồn tại**

Tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa cao, còn tồn tại một số vấn đề: hệ thống tra cứu tại các phòng đọc của Thư viện còn gặp trục trặc nên chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu truy cập của người, tốc độ truy cập mạng còn chậm mặc dù Học viện đã cố gắng phủ sóng wifi toàn Trường.

### **4. Kế hoạch hành động**

Năm 2021, Văn phòng Học viện kết hợp với Trung tâm Thông tin Khoa học, Bộ phận Quản trị và các Khoa sẽ xây dựng quy trình và kế hoạch triển khai đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy - học tập của Học viện trong kế hoạch công tác hàng năm hệ thống và bài bản hơn, trong đó đưa vào bộ câu hỏi đánh giá các nội dung đánh giá cụ thể và chi tiết hơn về từng dịch vụ hỗ trợ, tiện ích và người vận hành dịch vụ để có giải pháp đúng và kịp thời.

Năm 2021, Văn phòng phối hợp kết hợp với Trung tâm Thông tin – Khoa học xây dựng kế hoạch nâng cấp phần mềm quản lý thư viện, lắp đặt bổ sung các điểm phát wifi miễn phí đảm bảo nâng cao chất lượng truy cập và tối ưu hệ thống mạng hiện nay

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.



### ***Tiêu chí 10.6.***

***Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.***

#### ***1. Mô tả***

HVBC&TT đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan làm căn cứ để xây dựng, điều chỉnh cải tiến CTDH. Học viện đã thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo (tháng 1/5//2012) theo quyết định số 876/QĐ-HVCT-HVQG làm đầu mối triển khai hoạt động khảo sát phản hồi ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo, đi kèm với đó là chức năng, nhiệm vụ được quy định rõ ràng, cụ thể. **[H10.10.01.01 DC]**. Ngoài ra, Học viện ban hành quy định về xây dựng CTĐT trong đó có quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và quy định về xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT vào năm 2018. **[H10.10.01.02 DC], [H10.10.02.01 DC]**.

Học viện đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo, quy định rõ các nội dung, mục đích, đối tượng, quy trình lấy ý kiến phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan. Theo đó, hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát bao gồm:

1. Khảo sát sinh viên theo học kỳ về chất lượng học phần **[H10.10.01.05 DC]**
2. Khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo **[H10.10.01.06 DC]**
3. Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách **[H10.10.01.07 DC]**
4. Khảo sát cựu sinh viên **[H10.10.01.08 DC]**
5. Khảo sát nhà tuyển dụng **[H10.10.01.09 DC]**

Cụ thể, quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi được thực hiện như sau:

Trung tâm Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo là đầu mối xây dựng Kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục năm học, kế hoạch khảo sát phản hồi các bên liên quan; xây dựng mẫu phiếu khảo sát; ban hành thông báo khảo sát; tổ chức khảo sát các bên liên quan với các phương thức gọi điện, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tuyến qua phần mềm QLĐT.

Các Phòng chức năng, Khoa, Bộ môn tham gia và phối hợp thực hiện các hoạt động khảo sát thu thập thông tin phản hồi bao gồm các nội dung công việc: Phát hành

thông báo tiến hành khảo sát tới các đối tượng khảo sát. Riêng đối với khảo sát sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng thì Khoa chịu trách nhiệm lập danh sách sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng, phát và thu phiếu khảo sát gửi Trung tâm KT-KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Từ năm 2020, việc lấy dữ liệu khảo sát của sinh viên tốt nghiệp chuyển từ Khoa sang Trung tâm KT-KĐCLĐT.

Các phiếu khảo sát được Trung tâm KT-KĐCLĐT rà soát và loại bỏ các phiếu không đảm bảo tính tin cậy. Số liệu sau khi được nhập được làm sạch và chủ yếu được xử lý đơn giản trên MS Excel lấy ra các kết quả thống kê phản hồi. Kết quả khảo sát được phân tích định lượng theo thống kê mô tả (bao gồm tỉ lệ % và mức trung bình) và định tính (Phân tích các nội dung đề xuất, góp ý của các bên liên quan). Các số liệu thống kê mô tả (Tỉ lệ % hài lòng và mức trung bình) là cơ sở để đối sánh kết quả khảo sát giữa các đối tượng và qua các năm [**H10.10.06.09**]. Trên cơ sở đó, Trung tâm KT-KĐCLĐT viết báo cáo tổng hợp kết quả, báo cáo lãnh đạo Học viện và phản hồi tới các Khoa, phòng, ban.

Các khoa, phòng ban chức năng có nhiệm vụ sử dụng kết quả khảo sát phản hồi làm căn cứ để cải tiến chất lượng.

Công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được Học viện, các bộ phận chức năng quan tâm hoàn thiện và cải tiến nâng cao cả về nội dung và cách thức triển khai thực hiện. Trong giai đoạn đánh giá, cơ chế phản hồi đã có những điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng. Thứ nhất, trước năm 2016, Học viện mới thực hiện khảo sát chất lượng giờ giảng và môn học đối với sinh viên hàng kỳ; khảo sát sinh viên cuối khoá và sinh viên tốt nghiệp với quy mô nhỏ. Từ năm 2017, Học viện đã thực hiện khảo sát đa dạng các đối tượng, bao gồm nhà tuyển dụng. Đến năm 2018, Học viện bắt đầu triển khai khảo sát giảng viên, cán bộ nhân viên về CTĐT và chất lượng các mặt hoạt động. Thứ hai, phương pháp, hình thức khảo sát ngày càng đa dạng dẫn đến số lượng sinh viên cuối khóa, sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng phản hồi khảo sát ngày càng tăng. Trước năm 2018, Học viện chỉ tiến hành khảo sát qua email nên số lượng phản hồi thấp; từ năm 2019 trở đi, Học viện đã đa dạng hóa các hình thức khảo sát, bao gồm gọi điện thoại, gửi phiếu trực tiếp và gửi email nên số lượng phản hồi khảo sát cao [**H10.10.06.09**].

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua khảo sát do TTKT&KĐCLĐT tiến hành, Khoa cũng căn cứ trên ý kiến của các bên liên quan để cải tiến chương trình [H10.10.01.14 DC]. Ý kiến phản ánh của sinh viên thông qua các buổi họp phản ánh sinh viên đề cập đến chương trình, môn học để có hướng cải tiến chương trình phù hợp [H10.10.01.10 DC]. Ngoài ra, để chương trình giảng dạy được cải tiến theo hướng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, khoa cũng tham khảo và lấy ý kiến của các chuyên gia, các nhà tuyển dụng trong các buổi hội thảo, tọa đàm xây dựng CTĐT [H10.10.02.06 DC].

## **2. Điểm mạnh**

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã tiếp nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện đặc biệt là về CTĐT, CTDH, hoạt động giảng dạy của GV, chất lượng các dịch vụ, tiện ích phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của Học viện nói chung và ngành QHCC nói riêng.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc thu thập ý kiến phản hồi đối với nhà tuyển dụng còn hạn chế do khả năng tiếp cận các nhà sử dụng lao động của Khoa còn chưa cao. Phiếu khảo sát sử dụng chung cho toàn trường nên một số nội dung như CĐR chưa mang đặc thù, cụ thể của ngành.

Kết quả khảo sát gửi về các đơn vị còn chậm, việc thảo luận kết quả khảo sát phản hồi chưa được đưa vào thành trọng tâm các cuộc họp có quy mô trường hay đơn vị, từ đó có những giải pháp mang tính hệ thống cải tiến CTĐT cũng như cải tiến hệ thống phục vụ việc dạy và học.

## **4. Kế hoạch hành động**

Hàng năm, Học viện, các bộ phận chức năng, Khoa QHCC-QC cần phối hợp cập nhật điều chỉnh một số nội dung trong Phiếu khảo sát, lấy ý kiến để đem lại hiệu quả thông tin phản hồi cao hơn.

Từ năm học 2020 - 2021, Học viện cần có kế hoạch sử dụng kết quả khảo sát phản hồi từ các bên liên quan hiệu quả hơn. Trung tâm KT- KĐCLĐT cần sớm gửi kết quả khảo sát các bên liên quan, người học, giảng viên và tổng hợp kết quả thành một báo cáo chung tóm tắt các điểm nổi bật về bộ phận lãnh đạo trường và các khoa/ phòng ban liên quan, trong đó có khoa QHCC-QC. Trung tâm KT- KĐCLĐT cần tăng cường

chức năng giám sát, nhắc nhở các đơn vị về việc sử dụng kết quả khảo sát trong kế hoạch điều chỉnh CTĐT, hoặc có phản hồi về kết quả khảo sát gửi về Trung tâm KT-KĐCLĐT, trong đó có những kế hoạch hành động kịp thời đối với các kiến nghị cũng như kết quả có được từ các cuộc khảo sát.

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa QHCC-QC sẽ tăng cường các hình thức, biện pháp kết nối với các nhà tuyển dụng để đảm bảo thu thập thông tin phản hồi từ nhiều nhà tuyển dụng hơn.

### **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

#### **Kết luận tiêu chuẩn 10**

Học viện, Khoa QHCC-QC đã hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo ngành QHCC để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ người học, nhà tuyển dụng, người sử dụng lao động, giảng viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến chương trình đào tạo.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

Hoạt động NCKH của các GV và sinh viên ngành QHCC luôn được quan tâm, khuyến khích, kết quả NCKH đã được thường xuyên sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin,...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

**Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí, cả 6 đều đạt, điểm trung bình là 5/7**

#### **TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA**

##### **Mở đầu**

Đánh giá kết quả đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của một cơ sở đào tạo đại học. Hàng năm, Học viện, Ban Quản lý Đào tạo, Khoa Quan

hệ công chúng và Quảng cáo đã thực hiện giám sát việc đạt CĐR, thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình học. Tỷ lệ sinh viên thôi học, lượng sinh viên tốt nghiệp xin được việc làm,... được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu sinh viên và các đơn vị sử dụng lao động.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu CĐR của CTĐT ngành, phù hợp với các hướng nghiên cứu ưu tiên của Học viện và được lên kế hoạch hàng năm, cũng như được tạo mọi điều kiện khuyến khích, hỗ trợ thực hiện.

Học viện, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo phối hợp cùng Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan, là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Quan hệ công chúng.

### ***Tiêu chí 11.1.***

***Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### ***1. Mô tả***

Ban Quản lý Đào tạo là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát quá trình dạy học và kết quả học tập của sinh viên, bao gồm tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học [H11.11.01.01]. Hàng năm, thông tin tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp được Học viện công bố trong Báo cáo tổng kết năm học và Đề án tuyển sinh hàng năm [H11.11.01.02] [H11.11.01.03].

Chất lượng sinh viên tốt nghiệp, đặc biệt tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, trước hạn hay sau hạn của sinh viên toàn trường và sinh viên các ngành đào tạo luôn được tổng hợp, báo cáo, giám sát bởi Ban đào tạo phối hợp với khoa chủ quan. Vấn đề này được quy định trong chức năng của ban đào tạo, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ của khoa chủ quản quy định trong chức năng, nhiệm vụ của khoa [H11.11.01.04], chức năng nhiệm vụ của CVHT trong việc nắm bắt thông tin, trợ giúp và giải quyết các khó khăn sinh viên gặp phải nhằm đạt được các yêu cầu về CĐR, tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.01.05].

Về giám sát tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, Ban QLĐT là đầu mối cập nhật thông tin về từng đợt sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, xét tốt nghiệp và trao bằng và gửi thông tin danh sách sinh viên đủ điều kiện xuống khoa, CVHT phối hợp với ban chủ nhiệm khoa kiểm tra thông tin, xác nhận với Ban QLĐT. Trên cơ sở thông tin xác nhận, Ban QLĐT sẽ làm các thủ tục ra quyết định và cấp bằng tốt nghiệp. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách kèm theo Quyết định được công bố công khai, đồng thời gửi về Khoa chủ quan và các bộ phận liên quan [H11.11.01.06].

Hàng năm, kết thúc mỗi năm học, lãnh đạo khoa cũng sẽ thông báo về tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành QHCC cũng như tỉ lệ của toàn trường để giáo viên cập nhật, nắm bắt tình hình. Trên cơ sở đó, lãnh đạo Khoa và giảng viên sẽ cùng trao đổi về tình trạng tốt nghiệp đúng thời hạn của sinh viên ngành QHCC so với các ngành khác trong trường và so với các năm trước đó, cùng trao đổi về nguyên nhân của những tồn đọng và giải pháp trợ giúp sinh viên hoàn thành các CDR tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.01.07].

Bảng dưới đây mô tả thống kê về tỉ lệ tốt nghiệp của ngành QHCC giai đoạn 2016 - 2020 [H11.11.01.06].

**Bảng 11.1: Thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành QHCC trong giai đoạn 2016-2020**

Khóa	Tổng số sinh viên nhập học	Tổng sinh viên duy trì đến cuối khoá	Số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp			Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp/ tổng đầu vào	Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp/ số sv duy trì cuối khoá
				3 năm (trước hạn)	4 năm (đúng hạn)	> 4 năm (quá hạn)		
2016 - 2020	64	56	49	0	49	0	76,6%	87,5%

(K36)								
2015- 2019 (K35)	99	77	62	0	56	6	62,6%	80,5%
2014- 2018 (K34)	59	51	48	0	38	10	81,4%	94,1%
2013- 2017 (K33)	56	48	48	0	48	0	85,7%	100%
2012- 2016 (K32)	50	46	45	0	45	0	90%	97,8%

Khoa chủ quản cũng đã nắm được số liệu sinh viên tốt nghiệp của ngành QHCC các năm gần đây thông qua các thông kê đào tạo gửi về khoa (danh sách sinh viên tốt nghiệp theo các đợt). Ban Chủ nhiệm Khoa cũng đã nhận thấy bắt đầu từ khoá K34 trở đi, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn bắt đầu sụt giảm. Nguyên nhân cơ bản là do sinh viên chưa hoàn thành các học phần trong CTĐT và CĐR về tin học, đặc biệt CĐR ngoại ngữ với yêu cầu đạt chuẩn B1.

Ngoài ra, Khoa cũng tiến hành đối chiếu tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành QHCC với ngành khác trong trường nhằm có được số liệu so sánh mặt bằng chung về tình trạng sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn, trên cơ sở đó có biện pháp phù hợp. [H11.11.01.08].

Khoa cũng đã tiến hành theo dõi tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của ngành QHCC, từ đó tiến hành đối chiếu tỷ lệ này với ngành Quan hệ quốc tế của Khoa Quan hệ quốc tế và tỷ lệ của toàn trường. [H11.11.01.09]

**Bảng 11.2: Bảng đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn ngành QHCC với ngành QHQT và toàn trường giai đoạn 2015-2020**

Khóa tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp		
	Ngành QHCC	Ngành QHQT	Toàn trường
2012-2016	100	100	94
2013-2017	100	97,90	91
2014-2018	79,16	69,62	88
2015-2019	90,3	94,56	82
2016-2020	100	100	65,1

Có thể nhận thấy, giai đoạn 2015 - 2020, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành QHCC khá cao, có 4 khoá cao hơn hoặc bằng ngành QHQT và 4 khoá cao hơn tỷ lệ của toàn trường. Ví dụ Khóa tốt nghiệp 2017, tỷ lệ này của ngành QHCC là 100%, ngành QHQT là 97,7% và toàn trường là 91%.

**Bảng 11.3: Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp CTĐT ngành QHCC với các CTĐT trong trường giai đoạn 2016-2020**

Khóa tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp/ tổng số sinh viên duy trì đến cuối khoá			
	CTĐT ngành QHCC	CTĐT ngành QHQT	CTĐT ngành Triết học	CTĐT ngành XHH
2016 - 2020	87,5%	87,5%	93.61%	94%
2015-2019	80,5%	79,3%	100%	85%
2014-2018	94,1%	87,7%	80.0%	72%
2013-2017	100%	91%	74.19%	48,7%
2012-2016	97,8%	91,1%	67.74%	48%



Đôi sánh giữa tỉ lệ tốt nghiệp ngành QHCC và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp các ngành khác trong trường cụ thể là ngành Quan hệ quốc tế (QHQT), ngành Triết học và ngành Xã hội học (XHH), kết quả cho thấy trong 3 khoá học khảo sát: 2012 – 2016; 2013 - 2017; 2014 - 2018, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp/ tổng số sinh viên duy trì đến cuối khoá của khoa QHCC cao hơn các ngành khác trong trường. Khoá 2015 - 2019, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp/ tổng số sinh viên duy trì đến cuối khoá của khoa Triết đạt tuyệt đối.

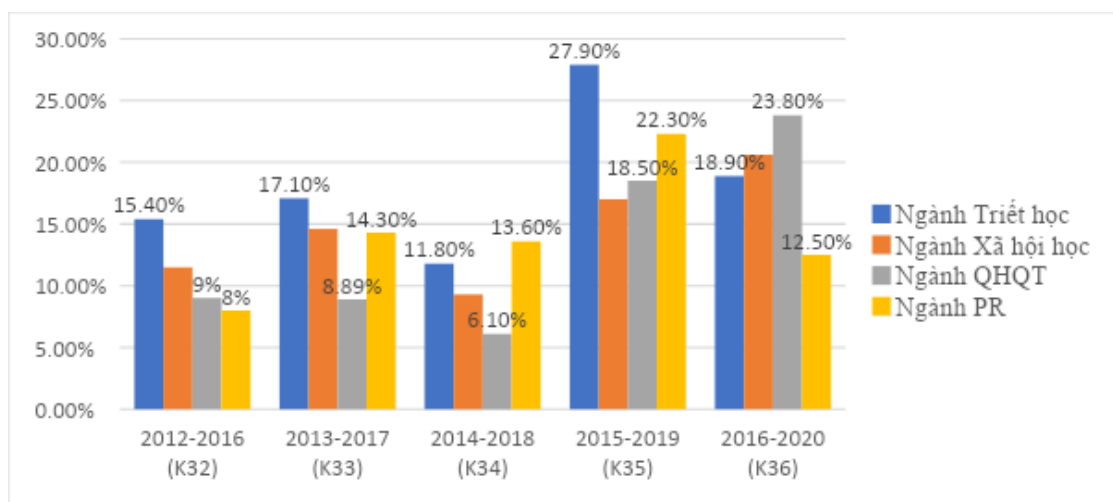
**Bảng 11.4: Thống kê tỷ lệ thôi học của người học ngành QHCC trong giai đoạn 2016-2020**

Khoá	Tổng số sinh viên nhập học	Tổng sinh viên cuối khoá	Số SV, Tỷ lệ SV thôi học	Tỷ lệ (%) sinh viên thôi học sau			
				Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
32	50	46	4		2	1	1
			8%		4%	2%	2%
33	56	48	8	1	3	3	1
			14,3%	1,8%	5,35%	5,35%	1,8%
34	59	51	8	2	2	4	
			13,6%	3,4%	3,4%	6,8%	
35	99	77	22	10	8	3	1
			22%	10%	8%	3%	1%
36	64	56	8	6	1	1	
			12,5%	9,4%	1,55%	1,55%	

**Bảng 11.5: Bảng đôi sánh tỷ lệ thôi học của CTĐT ngành QHCC với các CTĐT trong Trường**

Khóa tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) sinh viên thôi học			
	Ngành QHCC	Ngành QHQT	Ngành XHH	Ngành Triết

2012-2016	8%	9%	11,5%	15,4%
2013-2017	14,3%	8,89%	14,6%	17,1%
2014-2018	13,6%	6,1%	9,3%	11,8%
2015-2019	22%	18,5%	17%	27,9%
2016-2020	12,5%	23,8%	20,6%	18,9%



**Hình 11.1: Biểu đồ đối sánh tỷ lệ sinh viên thôi học của các ngành đào tạo khảo sát giai đoạn 2016 – 2020**

Số SV ngành QHCC thôi học chủ yếu tập trung vào giai đoạn đầu của quá trình đào tạo (các sinh viên năm 1 và năm thứ 2). Có thể thấy, tỷ lệ thôi học của ngành QHCC các khoá 2012-2016, 2016-2020 thấp hơn các ngành khác trong trường. Khoá 2015-2019, tỷ lệ thôi học của sinh viên của ngành QHCC nói riêng và các ngành khác trong trường nói chung khá cao.

Về sinh viên bảo lưu, thôi học, cố vấn học tập là đầu mối nắm tình hình, tư vấn với sinh viên và gia đình sinh viên trong trường hợp cần thiết. Sinh viên thôi học hiện nay với rất đa dạng lý do, cố vấn học tập là đầu mối nắm thông tin thông qua tìm hiểu trực tiếp với sinh viên có ý định thôi học, gián tiếp qua lớp, bạn bè và trao đổi với gia đình. Với những lý do phù hợp: chuyển trường, ngành học không phù hợp, đi du học..., CVHT sẽ tư vấn các thủ tục cần thiết. Đối với những lý do liên quan đến tâm lý, các vấn đề cá nhân, gia đình, cố vấn sẽ tìm hiểu và tìm phương án hỗ trợ, báo ban chủ

nhệm khoa cũng như tư vấn thêm cùng gia đình để tìm cách cùng giải quyết, hỗ trợ sinh viên ở mức tối ưu nhất. Các trường hợp sinh viên này cũng sẽ được cố vấn thông báo với khoa chủ quản nắm tình hình và tư vấn thêm các hướng giải quyết hay trợ giúp phù hợp. Khoa sẽ và cố vấn sẽ hỗ trợ tư vấn sinh viên nộp đơn và hoàn thiện các thủ tục cần thiết gửi lên Ban Quản lý Đào tạo để xin thôi học hay bảo lưu kết quả học tập. Các quyết định thôi học, bảo lưu kết quả học tập sẽ được Học viện ra quyết định và thông báo về khoa chủ quản **[H11.11.01.12]**.

Về sinh viên có các nguy cơ bỏ học hoặc bị đuổi học do rơi vào các trường hợp: nghỉ học không phép nhiều và có nguy cơ nghỉ quá thời gian quy định; số lượng tín chỉ tích lũy thấp hơn quy định; nợ nhiều học phần; có nguy cơ không tốt nghiệp đúng hạn do chưa hoàn thành các CĐR tin học, ngoại ngữ, cố vấn học tập là đầu mỗi năm bắt thông tin thông qua các kênh từ lớp, Ban Quản lý Đào tạo và tự giám sát định kỳ kết quả tổng kết học tập của sinh viên lớp trên phần mềm. Trên cơ sở thông tin nắm bắt, cố vấn học tập định kỳ báo cáo trong các buổi họp phản ánh sinh viên theo tháng hay tổng kết hàng năm để BCN Khoa cùng đội ngũ cố vấn, cán bộ lớp sẽ đưa ra định hướng giải pháp và hỗ trợ cụ thể **[H11.11.01.12]**. Trên cơ sở phân tích thực trạng những tồn đọng, khó khăn, vướng mắc chung của sinh viên ảnh hưởng đến những thực trạng tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học trong đó bao gồm nguyên nhân khách quan và chủ quan, BCN Khoa và cố vấn học tập cũng đưa ra những giải pháp, định hướng cho sinh viên, đặc biệt sinh viên các khoá sau cố gắng khắc phục sớm để không rơi vào những nguy cơ dẫn đến buộc thôi học hay ra trường muộn. **[H11.11.01.12]**

Trong những năm gần đây, vấn đề tồn đọng lớn nhất sinh viên gặp phải là nợ học phần và nợ CĐR tin học, ngoại ngữ khiến cho sinh viên không ra trường đúng hạn. Để khắc phục tình trạng này, Ban Quản lý Đào tạo các học kỳ gần đây (trong năm 2018 - 2020) đã tích cực hỗ trợ, thống kê số sinh viên có nhu cầu học bổ sung các môn còn nợ hoặc học cải thiện điểm, trên cơ sở nhu cầu học bổ sung của sinh viên để ra trường đúng hạn, Học viện sẽ có các thông báo về mở các lớp học vét, học bổ sung đối với sinh viên còn nợ môn có nhu cầu và thông tin sẽ được gửi về khoa chủ quản **[H11.11.01.13]**. Với các học phần đủ số lượng sinh viên đăng ký và thông báo cụ thể trên website của Học viện **[H11.11.01.14]**. Bên cạnh đó, để khắc phục tình trạng sinh

viên ngành Quan hệ công chúng nợ CĐR tin học, ngoại ngữ khiến tỉ lệ ra trường không đúng hạn còn cao, ngay đầu năm học 2020, Học viện đã ban hành văn bản chi tiết hướng dẫn về CĐR tin học, ngoại ngữ, các đợt thi CĐR Học viện sẽ tổ chức trong năm để sinh viên các khoá chuẩn bị ra trường có kế hoạch bố trí học và thi sớm đạt CĐR, đủ điều kiện ra trường đúng thời hạn [H11.11.01.15].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện có phần mềm quản lý đào tạo, do vậy việc quản lý SV, tỷ lệ SV tốt nghiệp, sinh viên thôi học được cập nhật và đưa ra các biện pháp quản lý, hỗ trợ kịp thời.

Trách nhiệm của cố vấn học tập, BCN khoa và Ban Quản lý Đào tạo trong việc thống kê, giám sát, hỗ trợ sinh viên trong diện cảnh báo được quy định, đồng thời các bên liên qua đều phối hợp nhịp nhàng với nhau nhằm nắm bắt thông tin kịp thời và đưa ra các giải pháp cụ thể trên cơ sở phân tích nguyên nhân của tình trạng sinh viên tồn đọng nhằm khắc phục và cải thiện tình trạng tồn đọng đạt hiệu quả.

Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, sinh viên tồn đọng được xác lập, theo dõi sát sao, phản ánh đến nhiều đối tượng liên quan, làm cơ sở cho việc giám sát quá trình đào tạo và cải tiến chất lượng đào tạo của ngành.

## **3. Điểm tồn tại**

Hiện nay Khoa QHCC-QC khó khăn trong việc nắm bắt thông tin những sinh viên thôi học, tạm ngừng học đang làm gì, kế hoạch tiếp tục hoàn thành chương trình học của người học như thế nào vì vậy rất khó để hỗ trợ những đối tượng này.

## **4. Kế hoạch hành động**

Khoa chủ quản đã và đang có đề xuất với Học viện về chính sách cho cố vấn học tập sau khi kết thúc 4 năm học: tiếp tục được hưởng một phần chính sách dành cho cố vấn chính thức để họ tích cực tập hợp, tư vấn sinh viên tồn đọng có kế hoạch ra trường trong thời gian được phép kéo dài, tránh tình trạng quá hạn không ra được trường.

Từ năm 2021, Ban Quản lý Đào tạo lên kế hoạch rà soát định kỳ danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo hoặc danh sách sinh viên tồn đọng, các vấn đề tồn đọng theo hệ thống và gửi định kỳ về Khoa theo tháng (hoặc 2 tháng/lần) thay vì theo học kỳ và

theo năm học để cố vấn học tập và Khoa chủ quản nắm bắt, tư vấn và hỗ trợ sinh viên hiệu quả hơn.

Từ năm học 2021, Ban Quản lý Đào tạo, Trung tâm KT - ĐBCLĐT và Khoa chủ quản tích cực trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp Học viện có thêm kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng.

#### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

#### ***Tiêu chí 11.2.***

***Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

##### ***1. Mô tả***

Tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, quá trình học tập tích lũy học phần, tín chỉ và điều kiện tốt nghiệp của ngành QHCC được quy định rõ ràng, công bố công khai tới người học trong các văn bản quy định của Học viện, trong đó các quy định cụ thể được đề cập đến trong quy chế đào tạo đại học về tín chỉ [H11.11.02.01]. Ngoài ra, sinh viên ngay từ tuần học tập đầu tiên sau khi nhập học đã được cung cấp sổ tay sinh viên, trong đó có quy định cụ thể về: điều kiện học vượt; điều kiện học kéo dài; số tín chỉ tối thiểu trong học kỳ được đăng ký, thời gian học tối đa kéo dài đối với sinh viên ngành QHCC [H11.11.02.02].

Học viện sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để theo dõi, thống kê, quản lý học tập của SV. Ban Quản lý Đào tạo là đơn vị đầu mối quản lý học tập, quản lý tốt nghiệp của SV. Công tác quản lý học tập, quản lý thời gian tốt nghiệp được thực hiện chính xác, logic và thông báo công khai cho người học (SV có thể dùng mã SV và mật khẩu để truy cập vào cổng thông tin sinh viên, xem điểm tích lũy, xem các thông tin khác liên quan đến học tập, tốt nghiệp được quy định và công bố trong sổ tay sinh viên) [H11.11.02.03]. Ngoài ra, hàng năm, nhà trường cũng sẽ gửi kế hoạch xét tốt nghiệp của sinh viên năm cuối đến khoa chủ quản và cán bộ lớp để thông báo đến từng sinh viên về các đợt xét tốt nghiệp, qua đó sinh viên chủ động lên kế hoạch hoàn thành các CDR để được xét tốt nghiệp ra trường theo kế hoạch [H11.11.02.04].

Từ năm học 2017-2018, Học viện, Khoa đã triển khai triển khai và giám sát công tác CVHT thông qua các cuộc họp phản ánh sinh viên hàng tháng [H11.11.02.05], [H11.11.02.06]. Trợ giúp thông tin, tư vấn sinh viên về các quy định liên quan đến điều kiện hoàn thành các CĐR và số lượng học phần (bắt buộc, tự chọn) để được công nhận tốt nghiệp cũng là một nội dung được quy định trong chức năng, nhiệm vụ của CVHT tư vấn, hỗ trợ tích cực sinh viên lập kế hoạch học tập phù hợp để đạt các chuẩn đầu ra. [H11.11.01.05 DC]

Ngoài ra, việc tổng kết so sánh, đánh giá về thời gian tốt nghiệp trung bình /năm của các ngành trong trường và so sánh, đối sánh với cùng ngành đào tạo ở đơn vị khác cũng được khoa chủ quản, Ban Quản lý Đào tạo và Học viện chú ý phân tích nhằm có được thông tin về thực trạng, từ đó có chiến lược và giải pháp phù hợp nếu có những khác biệt, bất thường trong thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành QHCC. Dưới đây là một số số liệu tổng kết về thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QHCC so với ngành khác trong trường.

**Bảng 11.6: Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QHCC với ngành khác trong trường (tính trong tổng sinh viên tốt nghiệp) [H11.11.02.07]**

Khóa học	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm) tại HVBC&TT			
	Ngành QHCC	Ngành Triết	Ngành XHH	Ngành QHQT
2016 - 2020 (K36)	4	Chưa có số liệu do sinh viên vẫn đang trong quá trình tiếp tục hoàn thành CĐR tốt nghiệp	Chưa có đủ số liệu do SV vẫn đang trong quá trình tiếp tục hoàn thành CĐR tốt nghiệp	4
2015-2019 (K35)	4,05	4,24	4,1 năm	4,06

2014-2018 (K34)	4,4 năm	4,16 năm	4,38 năm	4,3 năm
2013-2017 (K33)	4 năm	4,02 năm	4,01 năm	4 năm
2012-2016 (K32)	4 năm	4,01 năm	4 năm	4 năm

Trên cơ sở đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, Học viện hàng năm đưa ra các giải pháp để cải thiện thời gian tốt nghiệp trung bình như tích cực mở các lớp học tự nguyện tạo điều kiện cho sinh viên học vượt, học vét các môn còn nợ [**H11.11.01.13 DC**]. CVHT liên tục rà soát và thông báo sinh viên còn nợ môn chuyên ngành, thông báo cho sinh viên tích cực trả nợ môn thông qua đăng ký tham gia các lớp học tự nguyện, tham gia ôn tập và lên kế hoạch đăng ký sớm thi CĐR tin học và ngoại ngữ nhằm đạt điều kiện xét tốt nghiệp đúng hạn [**H11.11.01.15 DC**]

Trong Hội nghị tổng kết đào tạo hàng năm đều thông báo về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của sinh viên ngành QHCC cũng như các ngành khác trong trường [**H11.11.01.02 DC**]. Khi có danh sách sinh viên tốt nghiệp chậm/muộn được Ban QLĐT gửi về khoa kèm với nguyên nhân chậm/muộn [**H11.11.02.08**], Khoa sẽ thảo luận trong hội nghị, trên cơ sở đó BCN khoa có những chỉ đạo về phương hướng hỗ trợ, CVHT đưa ra những giải pháp, trực tiếp tư vấn sớm đối với những khoá sinh viên hiện đang học ngành QHCC (từ năm học thứ 2 hoặc thứ 3) để xây dựng lộ trình phù hợp, tăng cường khả năng ra trường đúng thời hạn [**H11.11.02.06 DC**]

Những nguyên nhân cơ bản của sinh viên ngành QHCC tốt nghiệp chậm, muộn được tổng kết chủ yếu nằm ở một số học sinh không kịp bố trí học bổ sung các học phần còn nợ lại do thời gian các lớp học chưa phù hợp với bản thân, còn lại phần lớn sinh viên nợ CĐR ngoại ngữ và tin học do đăng ký thi muộn hoặc thi những lần đầu không qua. [**H11.11.02.09**].

## 2. **Điểm mạnh**

Học viện có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ kết quả học tập của sinh viên, có kế hoạch sớm thông báo cụ thể, rõ ràng đến sinh viên về yêu cầu CĐR nhằm giúp sinh viên lên kế hoạch sớm đạt CĐR, tốt nghiệp đúng thời hạn hoặc vượt trước thời hạn nếu mong muốn.

Khoa, Bộ môn, hệ thống cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm của các lớp ngành QHCC luôn hỗ trợ kịp thời cho người học, tạo điều kiện cho SV hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo.

### **3. Điểm tồn tại**

Hiện nay, sinh viên còn nợ một số môn học từ năm thứ nhất, thứ hai nhưng chưa bố trí học lại được do vướng/trùng với lịch học đã đăng ký cho các kỳ tiếp sau đó, lịch kiến tập, thực tập. Bản thân sinh viên chưa chủ động đăng kí học lại, học cải thiện, bổ sung kiến thức để đạt CĐR dẫn đến nhiều sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, kéo dài thời gian học tập.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa QHCC-QC phối hợp Ban Quản lý đào tạo tổ chức mở bổ sung các lớp với sĩ số đa dạng, ưu tiên các sinh viên QHCC năm cuối để hỗ trợ giải quyết các học phần còn đang nợ môn, nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn.

Từ năm học 2020 - 2021, Ban Quản lý đào tạo tích cực trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp Học viện có thêm các kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng của ngành QHCC.

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

#### ***Tiêu chí 11.3.***

***Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

##### ***1. Mô tả***

Trong giai đoạn 2016 – 2020, Học viện đã giao nhiệm vụ khảo sát và báo cáo về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo đối với người học sau tốt nghiệp 01 năm cho Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo. **[H11.11.03.01]**



Nhiệm vụ cụ thể của Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo là:

- (1) Xây dựng kế hoạch khảo sát người học sau tốt nghiệp 01 năm về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo trình Ban Giám đốc phê duyệt;
- (2) Chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch khảo sát được phê duyệt
- (3) Chủ trì xử lý dữ liệu, viết báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát
- (4) Gửi kết quả khảo sát tới Ban Giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan
- (5) Lưu trữ và bảo mật kết quả khảo sát

Các bên liên quan sẽ phối hợp với Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo để thực hiện các đợt khảo sát.

Quy trình thống kê/lưu trữ thông tin về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp được Trung tâm thực hiện như sau: **[H11.11.03.02]**

**Bảng 11.7: Quy trình thống kê/lưu trữ thông tin về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp**

TT	NỘI DUNG
1	Xây dựng và hoàn thiện mẫu phiếu khảo sát.
2	Xây dựng dữ liệu sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp (danh sách sinh viên, điện thoại, địa chỉ liên hệ...)
3	Tiến hành khảo sát sinh viên tốt nghiệp sau 1 năm
4	Tổng hợp phân tích kết quả.
5	Báo cáo Ban Giám đốc, Bộ GD&ĐT và thông tin đến các bộ phận chức năng
6	Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo dựa vào kết quả khảo sát.

Khảo sát sinh viên tốt nghiệp được thực hiện từ năm 2016 với các phương pháp thu thập dữ liệu bao gồm các hình thức: gửi email, gọi điện, gửi phiếu trực tiếp. Trước

năm 2020, Khoa chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu, hoàn thành phiếu khảo sát và gửi TTKT&KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo [H11.11.03.03]. Từ năm 2020, việc thu thập dữ liệu được chuyển cho TTKT&KĐCLĐT. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm được công khai trong đề án tuyển sinh của Học viện [H11.11.01.03 DC].

**Bảng 11.8: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp ngành QHCC và ngành QHQT - Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Khóa tốt nghiệp	K33		K34	
	Ngành QHCC	Ngành QHQT	Ngành QHCC	Ngành QHQT
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người)	48	164	42	149
2. Tổng số SV tốt nghiệp được khảo sát có phản hồi (người)	55	123	37	133
3. Tỷ lệ có việc làm (%)	100	98,5	100	95
4. Tỷ lệ làm đúng ngành đào tạo (%)	74,5	61,5	78	64

Kết quả khảo sát có thể cho thấy người học sau tốt nghiệp của các ngành đào tạo trong Khoa có việc làm đạt tỷ lệ 100%, tỷ lệ việc làm đúng ngành đều cao hơn 74%, trong khi đó, đối với ngành QHQT, do số lượng sinh viên đông, nhu cầu về việc làm không lớn như đối với ngành QHCC nên tỷ lệ sinh viên có việc làm chỉ hơn 95% và làm đúng ngành là hơn 61%.

**Bảng 11.9: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp Ngành QHCC - HVBCTT và ngành QHCC - Đại học KHXHNV**

Các chỉ số	Ngành QHCC tại HVBCTT (Khoá 2014 - 2018)	Ngành QHCC tại ĐH KHXH&NV (Khoá 2014 - 2018)
1. Số sinh viên nhập học	59 sinh viên	60 sinh viên

1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	48 sinh viên	45 sinh viên
2. Tỷ lệ tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	81,35 %	75%
3. Tỷ lệ sinh viên TN có việc làm sau 1 năm ra trường	100%	94%

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường của ngành Quan hệ công chúng là 100%, trong khi đó, đối với ngành QHCC tại ĐH KHXH&NV, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm là 94%.

Để tăng tỷ lệ SV có việc làm và làm đúng chuyên ngành đào tạo, Học viện, Khoa chủ quản và các bộ phận chức năng đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội nghị để thảo luận phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp khắc phục. Các giải pháp được đề xuất và đưa vào thực hiện để giúp tăng tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp như sau:

- Tổ chức các toạ đàm, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho SV [**H11.11.03.06**]
- Dẫn các đường link tuyển dụng sinh viên chuyên ngành QHCC về trang thông tin của khoa và sinh viên khoa; giới thiệu các đơn vị, cơ sở tuyển dụng chuyên ngành QHCC trên trang thông tin truyền thông của khoa để để sinh viên tìm hiểu, trang bị thêm các kiến thức và kỹ năng mềm phù hợp với yêu cầu nhà tuyển dụng nhằm chuẩn bị tốt cho quá trình tham gia tuyển dụng khi tốt nghiệp [**H11.11.03.07**]
- Tăng cường giới thiệu và dẫn sinh viên đến các cơ sở tuyển dụng chuyên ngành QHCC trong các đợt thực tập chính trị xã hội, kiến tập, thực hành, thực tập tốt nghiệp để sinh viên làm quen và bồi dưỡng các kỹ năng thực tế cần thiết. [**H11.11.03.08**]
- Ký các biên bản ghi nhớ/ ký kết hợp tác giữa Khoa và nhà tuyển dụng nhằm tăng cường cơ hội thực tập nghề nghiệp và giới thiệu việc làm [**H11.11.03.09**].
- Tăng cường cơ hội sinh viên toàn trường tham gia các khoá bồi dưỡng kỹ năng mềm nhằm tăng cơ hội có việc làm cho sinh viên sau khi ra trường [**H11.11.03.10**].
- Đưa các thông tin tuyển dụng có liên quan đến ngành đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền lên các mục thông tin phù hợp (ví dụ như tuyển dụng) tại trang

web của Học viện Báo chí và Tuyên truyền để sinh viên chuẩn bị ra trường và cựu sinh viên tiếp cận và tham gia tuyển dụng [H11.11.03.11].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện và Khoa tạo các điều kiện tốt nhất cho sinh viên ngành QHCC có các kỹ năng đáp ứng được yêu cầu từ các nhà tuyển dụng của đơn vị sử dụng lao động về năng lực chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng khác.

Tỷ lệ có việc làm đúng ngành nghề sau 1 năm tương đối cao (hơn 74% sinh viên tốt nghiệp ngành đã có việc làm đúng ngành nghề). Đã xác lập được Hệ thống thông tin đầy đủ về khu vực làm việc, thời gian có việc sau tốt nghiệp, mức thu nhập trung bình của người học sau tốt nghiệp.

Số lượng các cựu sinh viên giữ liên lạc với Khoa, Bộ môn trên các kênh liên lạc khá cao do vậy lượng thông tin phản hồi từ người học sau tốt nghiệp được cập nhật khá đầy đủ.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa chưa tiến hành đối sánh tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp của ngành với các CTĐT ngoài trường trong nước và quốc tế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2021 - 2022, Trung tâm KT - ĐBCLĐT sẽ phối hợp chặt chẽ với Khoa QHCC-QC và phát triển cùng với mạng lưới cựu sinh viên nhằm có được thông tin và số liệu đầy đủ hơn về người học ngành QHCC sau khi tốt nghiệp, trong đó đặc biệt thông tin về việc làm, khả năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn, kỹ năng của sinh viên ra trường. Trên cơ sở thông tin đầy đủ, phản ánh chính xác hơn kết quả đầu ra của ngành QHCC, các bên liên quan sẽ phân tích cơ sở dữ liệu qua các năm, từ đó có được những giải pháp hiệu quả trong cải tiến chương trình dạy và học.

## **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

### ***Tiêu chí 11.4.***

***Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

## **1. Mô tả**

Nghiên cứu khoa học của sinh viên nhằm giúp sinh viên làm quen với phương pháp và tư duy khoa học, vận dụng tổng hợp những kiến thức đã học để bước đầu góp phần giải quyết những vấn đề khoa học do thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp đặt ra. Nghiên cứu khoa học sinh viên cũng là cơ hội để sinh viên tập dượt và trải nghiệm vai trò, trách nhiệm đóng góp và vận dụng kiến thức mang tính lý luận, lý thuyết vào giải quyết các bài toán thực tiễn đặt ra.

Nhận thức rõ vấn đề này, Học viện, Khoa QHCC-QC luôn quan tâm hỗ trợ phát triển cả về số lượng, về loại hình và chất lượng hoạt động NCKH sinh viên.

Cụ thể, hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên cũng như của sinh viên HVBC&TT được xem là một nội dung quan trọng của chiến lược phát triển HVBC&TT và là trách nhiệm của giảng viên tham gia hướng dẫn khoa học sinh viên **[H11.11.04.01]**. Đây cũng là một nội dung trọng tâm được đề cập đến trong Chiến lược phát triển khoa QHCC-QC đến năm 2030 và tầm nhìn 2050 **[H11.11.04.02]**.

Ngoài ra hoạt động NCKH của giảng viên, cán bộ và sinh viên HVBC&TT, bao gồm cả năng lực nghiên cứu và khen thưởng, kỷ luật ... được quy định cụ thể trong Quy chế quản lý hoạt động khoa học ban hành vào năm 2011 và "Quyết định về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của HVBC&TT" ban hành năm 2017 **[H11.11.04.03]**, **[H11.11.04.04]**.

Hàng năm Ban QLKH xây dựng kế hoạch NCKH sinh viên và ra thông báo về các khoa chủ quản. Lãnh đạo Khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa hợp và đưa ra các định hướng các đề tài NCKH cho sinh viên, đồng thời lắng nghe đề xuất từ các nhóm sinh viên mong muốn tham gia NCKH: chủ đề nghiên cứu, hướng nghiên cứu, giáo viên hướng dẫn. Trên cơ sở đó, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa sẽ xét duyệt các đề xuất nghiên cứu từ sinh viên, đồng thời phân công giảng viên hướng dẫn các nhóm nghiên cứu. Bản đề xuất các đề tài NCKH sinh viên ngành QHCC sẽ được lãnh đạo khoa gửi lên Ban QLKH. Trên cơ sở đề xuất của khoa, Ban QLKH cùng với nhà trường sẽ xét duyệt, ra quyết định và gửi danh sách các đề tài NCKH sinh viên về khoa, thông báo đến sinh viên và giáo viên hướng dẫn. **[H11.11.04.05]**. Nhà trường luôn dành sự quan tâm đến NCKH sinh viên, dành một khoản kinh phí nhất định trích

từ nguồn thu học phí đầu tư cho các NCKH sinh viên. Kinh phí nhà trường đầu tư cho NCKH sinh viên luôn có xu hướng tăng, năm sau cao hơn so với năm trước trong 5 năm gần đây [H11.11.04.06].

**Bảng 11.10: Bảng đối sánh kinh phí chi cho đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên giai đoạn 2015 - 2020 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

STT	Năm	Tổng số đề tài	Kinh phí
1	2015	26	120,900,000
2	2016	30	139,500,000
3	2017	29	134,850,000
4	2018	25	148,200,000
5	2019	35	255,100,000
6	2020	40	401,600,000

Trong giai đoạn 2015 – 2020, đã có 33 sinh viên tham gia NCKH SV, kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành QHCC trong giai đoạn 2015 - 2020 đều được ghi nhận với kết quả từ khá đến xuất sắc. [H11.11.04.07] Các đề tài NCKH SV của sinh viên ngành QHCC tham gia được báo cáo tại Hội nghị NCKH SV và được Hội đồng Khoa học nghiệm thu trong đó nhiều đề tài có chất lượng tốt với các kết quả nghiên cứu của người học đã giải quyết các vấn đề thực tế đặt ra trong hoạt động của Học viện, một số đề tài được vận dụng làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy, học tập.

**Bảng 11.11: Bảng thống kê đề tài NCKH sinh viên ngành QHCC từ 2015 - 2020**

STT	Họ và tên sinh viên	Lớp	Chức vụ	Tên đề tài	Năm NCKH	GV hướng dẫn
1	Lương Tiến Hiệp	QHCC K32	CNĐT	Sử dụng Fanpage trong truyền thông các hoạt động của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện	2015	ThS. Phạm Hồng Phương
2	Dương Thị	QHCC K32	TV			

	Phuong Thảo			nay		
3	Nguyễn Thùy Anh	QHCC K32	TV			
4	Nguyễn Ngọc Linh	QHCC K32	TV			
5	Nguyễn Thu Huyền	QHCC K33	CNĐT			
6	Nguyễn Thu Loan	QHCC K33	TV	Xây dựng hình ảnh cá nhân của lãnh đạo doanh nghiệp truyền thông ở Việt Nam hiện nay	2015	ThS. Đỗ Thị Hải Đặng
7	Phan Thanh Nga	QHCC K33	TV			
8	Phan Quỳnh Hương	QHCC K33	TV			
9	Nguyễn Thị Uyên	QHCC K34	CNĐT			
10	Nguyễn Ánh Nguyệt	QHCC K34	TV	Nhận thức của sinh viên về thương hiệu giáo dục Đại học Việt Nam hiện nay ( <i>Nghiên cứu trường hợp tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền</i> )	2017	ThS. Nguyễn Thùy Linh
11	Khúc Thị Thùy Dung	QHCC K34	TV			
12	Nguyễn Anh Phương	QHCC K34	TV			
13	Trương	QHCC	TV			

	Ngọc Thương	K34				
14	Chu Nguyễn Thùy Dung	QHCC K34	TV			
15	Nguyễn Thị Tâm	QHCC K34	TV			
16	Nguyễn Thị Minh Châu	QHCC K35A2	CNĐT	Vai trò của mạng xã hội Facebook trong xây dựng hình ảnh cá nhân đối với sinh viên đại học khối báo chí – truyền thông ở Hà Nội	2018	TS. Phạm Hải Chung
17	Nguyễn Hà Trang	QHCC K35A2	TV			
18	Phùng Lê Phương Linh	QHCC K35A2	TV			
19	Đoàn Hà Thanh	QHCC K35A2	TV			
20	Phùng Việt Hoàng	QHCC K37A2	CNĐT	Sử dụng hiệu quả video marketing trong truyền thông khởi nghiệp cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay	2019	ThS. Nguyễn Thùy Linh
21	Nguyễn Thị Minh Anh	QHCC K37A2	TV			
22	Nguyễn Linh Chi	QHCC K37A2	TV			
23	Lê Minh Quang	QHCC K37 A2	TV			
24	Nguyễn Thị Thuý	QHCC K37A2	TV			



	Hoà					
25	Vũ Thuỳ Linh	QHCC K37A1	CNĐT	Chiến dịch truyền thông thương hiệu của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Nội hiện nay	2020	ThS. Tào Thanh Huyền
26	Bùi Thuỳ Dương	QHCC K37A1	TV			
27	Trần Minh Phương	QHCC K37A1	TV			
28	Nguyễn Vũ Hoàng Linh	QHCC K37A1	TV			
29	Trương Thị Thanh Hằng	QHCC K37A2	CNĐT	Nhận thức về thể hệ Z tại Việt Nam về văn hoá sử dụng mạng xã hội hiện nay	2020	ThS. Nguyễn Thuỳ Linh
30	Phạm Hương Linh	QHCC K37A2	TV			
31	Nguyễn Thị Mai Phương	QHCC K37A2	TV			
32	Lê Hải Linh	QHCC K37A2	TV			
33	Phạm Quỳnh Anh	QHCC K37A2	TV			

Từ bảng trên một số các thống kê chỉ số nghiên cứu khoa học được rút ra đối  
sánh với ngành QHQT (HVBCTT) như sau [**H11.11.04.08**]:

**Bảng 11.11: Bảng đối sánh sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học giai đoạn 2015 - 2020 giữa ngành QHCC và QHQT**

	Các chỉ số	QHC	QHQT
		C	T
1	Số lượng sinh viên tham gia	33 sinh viên	57 sinh viên
2	Số đề tài nghiên cứu	7 đề tài	13 đề tài

Các nhóm sinh viên NCKH của ngành QHCC thuộc khoa QHCC-QC và phát triển luôn hoàn thành đúng tiến độ, bảo vệ đúng thời hạn, đặc biệt được hội đồng nghiệm thu đánh giá cao về phương pháp nghiên cứu tin cậy và khả năng áp dụng các giải pháp vào thực tiễn cũng như làm tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu, học tập, giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành các khoá sau. Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên năm học 2017 - 2018 tham dự giải thưởng sinh viên NCKH toàn quốc. Để khuyến khích và cổ vũ tinh thần NCKH của sinh viên, Học viện cũng đã kịp thời có quyết định khen thưởng thành tích của các nhóm sinh viên đoạt giải NCKH nhằm khích lệ tinh thần và lan toả tình yêu khoa học trong sinh viên [H11.11.04.09].

Để nâng cao chất lượng NCKH trong sinh viên phù hợp với yêu cầu thực tiễn, xu thế phát triển và phù hợp với năng lực, nhu cầu người học, hàng năm Học viện có tổ chức hội nghị khoa học sinh viên với sự tham gia của các bên liên quan, phòng chức năng, lãnh đạo Học viện và đặc biệt là đại diện các nhóm sinh viên đã và sẽ tham gia nghiên cứu khoa học. Hội nghị tổng kết công tác NCKH sinh viên, đồng thời trao đổi và lắng nghe những chia sẻ, đóng góp từ sinh viên và giáo viên hướng dẫn, đại diện lãnh đạo ban QLKH và từ đó cùng trao đổi giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng và thu hút đông đảo sinh viên tham gia NCKH. [H11.11.04.10].

Kết quả khảo sát người học trong Khoa về hoạt động NCKH cho thấy 66,7% sinh viên cuối khoá được khảo sát năm 2019 cho rằng đã được sự khuyến khích tham gia khi đủ điều kiện quy định và được hỗ trợ tạo điều kiện khi tham gia NCKH. Đây cũng là cơ sở để tiếp tục cải tiến chất lượng các hoạt động NCKH SV góp phần nâng cao chất lượng hoạt động học tập của người học ngành QHCC. [H11.11.04.11].

## **2. Điểm mạnh**

Sinh viên ngành QHCC tích cực trong NCKH với nội dung các đề tài nghiên cứu tương đối đa dạng;

100% các đề tài đã thực hiện, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía Học viện, Khoa QHCC-QC, Các GV hướng dẫn;

Các quy định liên quan đến hoạt động hỗ trợ NCKH sinh viên được ban hành đầy đủ.

Học viện luôn đối thoại và lắng nghe ý kiến của sinh viên, giảng viên và các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng NCKH trong sinh viên.

### **3. Điểm tồn tại**

Sinh viên ngành QHCC vẫn chủ yếu tham gia vào NCKH ở phạm vi trong trường, với nguồn kinh phí còn hạn chế của trường mà chưa chủ động tìm kiếm các nguồn kinh phí cũng như các nghiên cứu bên ngoài trường.

Khoa chưa tiến hành đối sánh kết quả NCKH của người học với các sinh viên cùng ngành đào tạo ngoài trường.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2021 - 2022, khoa QHCC&QC sẽ tăng cường tư vấn và thông tin, tư vấn sớm đến sinh viên về hoạt động NCKH thông qua cố vấn học tập để sinh viên có nhiều thời gian tìm hiểu và chuẩn bị cho việc thành lập nhóm nghiên cứu, ý tưởng nghiên cứu.

Từ năm 2021, Khoa sẽ lên kế hoạch kết hợp với đoàn thành niên lấy ý kiến sinh viên về thành lập CLB nghiên cứu khoa học sinh viên nhằm tăng cường trao đổi, chia sẻ và học hỏi giữa sinh viên, cựu sinh viên và giảng viên về NCKH. Bên cạnh đó câu lạc bộ NCKH sinh viên cũng sẽ định hướng và hỗ trợ tìm kiếm nguồn lực NCKH sinh viên bên ngoài trường nhằm tăng cơ hội nhiều sinh viên cùng được tham gia NCKH

Khoa chủ quản kết hợp với trung tâm KT - KĐCLĐT chủ động liên kết và chia sẻ thông tin với các trường khác cùng đào tạo ngành QHCC để có thêm các thông tin đối sánh về NCKH sinh viên, từ đó có những biện pháp thúc đẩy NCKH trong sinh viên đạt hiệu quả.

### **5. Tự đánh giá:**

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

**Tiêu chí 11.5.**

## ***Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

### ***1. Mô tả***

Nhằm đáp ứng yêu cầu về đảm bảo chất lượng đào tạo, trong đó bao gồm việc đánh giá khách quan và thường xuyên mức độ hài lòng của các bên liên quan, Học viện đã thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo (tháng 1/5//2012) theo quyết định số 876/QĐ-HVCT-HVQG. Trung tâm là đầu mối triển khai hoạt động khảo sát phản hồi ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo, đồng thời, chức năng, nhiệm vụ của TTKT&KĐCLĐT cũng được quy định cụ thể có liên quan đến trách nhiệm thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan phục vụ công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục [H11.11.05.01]. Ngoài ra, Học viện ban hành quy định về xây dựng CTĐT trong đó có quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan quy định về xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT vào năm 2018. [H11.11.05.02] [H11.11.05.03]

Học viện đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo, quy định rõ các nội dung, mục đích, đối tượng, quy trình lấy ý kiến phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan. Từ năm 2018, công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Học viện đã được triển khai một cách đồng bộ, hệ thống: Học viện đã ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục, trong đó xác định rõ hệ thống ĐBCL của Học viện, các nội dung ĐBCL và mức độ hài lòng của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, cán bộ, nhân viên, nhà tuyển dụng lao động được xác định, đối sánh và làm căn cứ cải tiến chất lượng [H11.11.05.04]. Hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát nhằm đo lường mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của các bên liên quan. [H11.11.05.05]

Như đã tiếp cận ở các tiêu chuẩn trước về việc xây dựng mục tiêu CTĐT, điều chỉnh CTĐT, CĐR, CTDH, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo,... trong giai đoạn 2016- 2020, Học viện, Khoa, đã tổ chức các hoạt động thu thập thông tin phản hồi với các quy mô và cấp độ khác nhau để lấy ý kiến về sự hài lòng của các bên liên quan nhằm cải tiến hoạt động đào tạo theo nhu cầu xã hội. Tập hợp các ý kiến của người học, nhà tuyển dụng, giảng viên về mục tiêu đào tạo, CĐR, bản mô tả CTĐT,

phương pháp dạy và học, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ đã được tổng hợp và cung cấp kịp thời tới các bộ phận chức năng liên quan, các ý kiến được ghi nhận, làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng dịch vụ hỗ trợ.

Về mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình đào tạo, kết quả khảo sát đối với sinh viên cuối khoá tổng hợp từ năm 2017 đến năm 2020 ở bảng dưới đây. Năm 2016, Học viện đã tiến hành khảo sát này, tuy nhiên do năm đầu tiên chưa có kinh nghiệm và chưa phối hợp chặt chẽ được các bên nên số lượng sinh viên tham gia khảo sát chưa cao, do vậy kết quả chỉ có giá trị tham khảo và không tổng hợp ở bảng dưới đây. **[H11.11.05.06]**

Điểm số đánh giá về mức độ hài lòng chạy từ 1 đến 5 (tương ứng 1 là rất không hài lòng; 2. Không hài lòng; 3. Trung bình; 4. Hài lòng; 5 rất hài lòng). Kết quả dưới đây được tổng hợp tỉ lệ người học trả lời hài lòng và rất hài lòng (mức 4 và 5) cũng như điểm trung bình đánh giá mức độ hài lòng của người học đối với từng tiêu chí.

**Bảng 11.12: Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên cuối khoá K33-K36 về chất lượng đào tạo (2017-2020)**

NỘI DUNG	2017		2018		2019		2020	
	Tỉ lệ hài lòng (%)	Mức hài lòng	Tỉ lệ hài lòng (%)	Mức hài lòng	Tỉ lệ hài lòng (%)	Mức hài lòng	Tỉ lệ hài lòng (%)	Mức hài lòng
1. Kết quả đầu ra	50,39	3,35	55,09	3,54	76,8	3,9	76,3	3,9
2. Chương trình đào tạo	36,79	3,08	52,88	3,49	76,7	3,9	73,3	3,9
3. Phương pháp dạy học	38,88	3,14	55,77	3,57	76,4	3,9	76,4	3,9

4. Kiểm tra đánh giá	18,51	2,87	44,59	3,36	75,1	3,9	76,2	3,9
5. Cơ sở vật chất	50,33	3,28	54,5	3,54	75,9	3,9	77,3	4,0
6. Hoạt động hỗ trợ đào tạo	30,17	2,92	57,67	3,57	75,5	3,9	75	4,0
7. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo	32,81	2,96	44,94	3,36	75,7	3,9	77,2	4,0
<b>Đánh giá chung về CTĐT</b>	38,89	3,06	45,45	3,58	81,1	3,9	86	4,0

Kết quả đánh giá tổng hợp ở bảng trên cho thấy trong giai đoạn từ 2018 đến 2020 đánh giá của sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo có xu hướng được cải thiện qua các năm, trong đó cải thiện rõ rệt nhất là mức độ hài lòng của sinh viên với chương trình đào tạo, phương pháp dạy học hình thức kiểm tra đánh giá và hoạt động hỗ trợ đào tạo cũng như đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.

Khoa cũng tiến hành khảo sát các đối tượng liên quan khác về người học tốt nghiệp ngành QHCC. Kết quả có 100% NTD được khảo sát hài lòng với chất lượng sinh viên tốt nghiệp từ HVBCCTT. **[H11.11.05.07]**

Mức độ hài lòng của các đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát của Khoa - QC về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất cá nhân và năng lực tự chủ của người học tốt nghiệp CTĐT ngành QHCC cũng được tổng hợp như sau:

**Bảng 11.12: Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của NTD về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp ngành QHCC năm 2020**

<b>Nội dung</b>	<b>Tỷ lệ hài lòng</b>	<b>Trung bình</b>
A Kiến thức chuyên ngành	<b>100%</b>	<b>4.3</b>
B. Kỹ năng chuyên ngành	<b>100%</b>	<b>4.2</b>
C. Kiến thức nền tảng	<b>100%</b>	<b>4.25</b>
D. Kỹ năng chung	<b>100%</b>	<b>4.18</b>
E. Phẩm chất cá nhân và năng lực tự chủ	<b>100%</b>	<b>4.38</b>
F. Mức độ hài lòng tổng thể với chất lượng SVTN	<b>100%</b>	<b>4.3</b>

Ngoài việc tiến hành khảo sát, Khoa cũng lấy ý kiến của các NTD thông qua các buổi Hội thảo, toạ đàm về cơ hội nghề nghiệp của sinh viên ngành QHCC. Thông qua đó, những ý kiến và đề xuất của các NTD được Khoa thu thập lại để làm căn cứ điều chỉnh chất lượng giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu của ngành.

Ngoài kênh thông tin khảo sát, Học viện cũng sử dụng các hình thức khác để thu thập thông tin về sự hài lòng của các bên liên quan:

Hàng năm, Học viện tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với sinh viên toàn trường [H11.11.05.08]. Hàng tháng họp phản ánh sinh viên với đại diện các lớp, cố vấn học tập các lớp và lãnh đạo khoa lắng nghe các vấn đề nảy sinh liên quan đến chất lượng CTĐT và đưa ra giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.05.09] [H11.11.05.10]. Đó là các kênh để Học viện thường xuyên cập nhật phản hồi về chất lượng đào tạo, cơ sở vật chất từ sinh viên. Cán bộ, giảng viên, nhân viên cũng được bày tỏ ý kiến về cơ sở vật chất, chế độ chính sách thông qua các cuộc họp hàng tháng ở khoa và hội nghị công nhân viên chức cuối năm [H11.11.05.11] [H11.11.05.12].

Các kết quả khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khoá, giảng viên, nhân viên, cựu sinh viên, và nhà tuyển dụng được chuyển về khoa, phòng ban làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến chất lượng. Khoa sử dụng kết quả khảo sát phục vụ rà soát, cập nhật CTĐT. [H11.11.05.13].

Trong giai đoạn đánh giá, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, Học viện đã thực hiện cải tiến, nâng cấp cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và mức độ hài lòng của các bên liên quan. Học viện cũng đã liên tục bổ sung kinh phí đầu tư nhằm cải tiến chất lượng phòng học, phòng thực hành, thư viện, cơ sở vật chất khác nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học trong thời gian qua [H11.11.05.14].

## **2. Điểm mạnh**

Đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Học viện, Khoa ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những điều chỉnh để cải tiến.

## **3. Điểm tồn tại**

Học viện, Khoa chưa tiến hành đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT cùng ngành của các cơ sở khác do chưa có nguồn số liệu đối sánh.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, căn cứ vào kết quả khảo sát từ các bên liên quan, Ban Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền giao nhiệm vụ cho các đơn vị (Ban Quản lý Đào tạo, Trung tâm KT-KĐCLĐT, các Khoa và các đơn vị chức năng có liên quan khác) thực hiện bổ sung các thông tin đối sánh, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng đào tạo. Ban Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền giao nhiệm vụ cho Phó Giám đốc phụ trách đào tạo trực tiếp giám sát hoạt động tự đánh giá, kiểm tra và có giải pháp khắc phục các điểm tồn tại trên cơ sở phản hồi của các đối tượng liên quan.

## **5. Tự đánh giá**

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/ 7 điểm.

## **Kết luận tiêu chuẩn 11**



Nhờ sự giám sát, hỗ trợ thường xuyên từ nhiều bộ phận cho người học và có các biện pháp cải tiến kịp thời, số lượng SV bị cảnh báo rút bớt tín chỉ, thôi học của ngành thấp; tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời gian và tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao so với các ngành khác trong trường. Tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp 12 tháng tương đương với các trường đào tạo cùng ngành trong khu vực.

Sinh viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, sinh viên sau khi tốt nghiệp có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu thực tế, nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tiễn và nhận được phản hồi tích cực từ các nhà tuyển dụng.

Học viện đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Học viện, Khoa, Bộ môn quản lý ngành QHCC ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những kế hoạch điều chỉnh để cải tiến chất lượng

Tuy nhiên, hoạt động khảo sát phản hồi các bên liên quan chỉ được thực hiện định kì, do vậy tính cập nhật với các vấn đề thực tế còn yếu, phần lớn có “độ trễ” nhất định so yêu cầu thực tế.

***Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí, cả 5 tiêu chí đều đạt, điểm trung bình 5,0/7,0***

### **PHẦN III: KẾT LUẬN**

Tự đánh giá chương trình đào tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà mỗi trường đại học đều phải chú trọng đúng mức, bởi lẽ tự đánh giá giúp cho các khoa đào tạo nói riêng và học viện nói chung có cái nhìn toàn diện và khách quan về ngành đào tạo. Trên cơ sở đó, học viện và khoa xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo đạt yêu cầu đối với mục tiêu đào tạo phù hợp với chiến lược của Học viện. Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã tiến hành tự đánh giá chương trình với sự tham gia của tất cả các cán bộ, giảng viên, nhân viên của phòng, ban, khoa trong Học viện nói chung và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nói riêng. Cùng với các khoa khác trong Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo - Học viện

Báo chí và Tuyên truyền đã triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo giai đoạn 2015-2020 với sự chỉ đạo, hỗ trợ và đồng thuận của Đảng uỷ, Ban Giám đốc, các phòng ban chức năng, các giảng viên và sinh viên cũng như các bên liên quan theo đúng quy định về tự đánh giá chương trình.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã xây dựng, định kỳ rà soát, sửa đổi, bổ sung mục tiêu, chuẩn đầu ra cho ngành đào tạo Quan hệ công chúng của khoa. Trong quá trình tự đánh giá CTĐT, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo nhìn nhận những điểm mạnh, điểm yếu và lên kế hoạch hành động như sau:

#### Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thể hiện trong các văn bản của khoa, của Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học, được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học và được quán triệt đến từng đối tượng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra, được phổ biến công khai tới các bên liên quan.

CĐR của CTĐT được thiết kế đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. CĐR được xây dựng, rà soát, sửa đổi, điều chỉnh 2 năm 1 lần có sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, SV và bên liên quan theo định kỳ và được công bố công khai, rộng rãi qua các hình thức và phương tiện khác nhau như trên trang web của trường, trang fanpage của Khoa.

Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp, có nhiều phương pháp dạy học tích cực, nhằm đạt được CĐR của CTĐT, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Các hoạt động dạy và học có tính định hướng cao phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học như đã công bố. Khoa luôn động viên sinh viên tích cực học tập, tham gia nghiên cứu khoa học.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật theo đúng hướng dẫn của BGD&ĐT và được khoa xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, cập nhật 2 năm một lần với đầy đủ thông tin về CTĐT như: Thông tin chung về chương trình đào tạo; Tóm tắt mục tiêu và thời gian đào tạo của chương trình; Chuẩn đầu ra của CTĐT; Cấu trúc chương trình dạy học; Ma

trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các khối kiến thức và các học phần của chương trình; Mô tả mục tiêu và nội dung các học phần trong chương trình đào tạo. Đề cương các học phần (đề cương môn học) trong CTĐT cũng được định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Chương trình dạy học của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo được thiết kế với các khối kiến thức, các học phần phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đảm bảo tính cân đối và logic giữa các học phần. Mỗi học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ sự tương thích về nội dung, tổ hợp phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra. CTDH thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của đào tạo, của CĐR và đảm bảo tính linh hoạt. Nội dung cập nhật trong CTDH được dựa trên những kết quả khảo sát các bên liên quan. CTDH đảm bảo được tính liên thông từ cử nhân lên thạc sĩ, tiến sĩ và liên thông với các ngành khác thuộc khối truyền thông.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo được thực hiện một cách khách quan, theo đúng các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Báo chí và Tuyên truyền để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo luôn tập trung vào đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra, phản hồi kịp thời đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Học viện, Khoa và các phòng ban liên quan đã tích cực trong việc thiết kế công tác đánh giá kết quả của người học phù hợp với mục tiêu từng học phần và mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Học viện đã ban hành quy trình giải quyết khiếu nại rõ ràng và công khai tới người học thông qua nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập. Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại, phúc khảo được quy định rõ trong các văn bản của Học viện trên cơ sở có lấy ý kiến góp ý của các giảng viên. Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát mức độ

hài lòng của sinh viên về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá.

Đội ngũ GV ngành Quan hệ công chúng đảm bảo năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công khai. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm GV, cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo luôn chú trọng và khuyến khích đội ngũ giảng viên ngành Quan hệ công chúng tham gia tích cực, chủ động vào các hoạt động NCKH nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu. Hiện tại, chất lượng đội ngũ GV ngành Quan hệ công chúng đảm bảo đảm đương được nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác mà Khoa, Học viện giao phó.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ ngành Quan hệ công chúng đảm bảo về số lượng và năng lực chuyên môn. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy định, quy trình. Tiêu chí tuyển dụng của Học viện được công bố công khai. Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo tạo điều kiện, khuyến khích nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ hiện nay đảm bảo đảm đương được công tác phục vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của Khoa, Học viện. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tham gia đóng góp xây dựng các quy định của Học viện về công tác đánh giá, thi đua – khen thưởng và các mặt hoạt động khác.

Trong quá trình học, sinh viên luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Khoa và Học viện như: tư vấn học tập, rèn luyện, các hoạt động ngoại khóa, hướng dẫn NCKH, cấp học bổng, hỗ trợ vay vốn theo chương trình của Ngân hàng chính sách xã hội... Điều đó nhằm khuyến khích sinh viên phấn đấu học tập, NCKH và tu dưỡng, rèn luyện bản thân để đạt được những thành tích tốt trong học tập, nghiên cứu.

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành Quan hệ công chúng hiện nay. Phòng học, phòng thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH, phát huy thế mạnh của đơn vị có các chuyên gia đầu ngành về truyền thông.

Thư viện trường có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư thường xuyên. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. KTX đủ chỗ ở để phục vụ cho SV thuộc diện chính sách. Trường có sân bãi, hội trường, phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, văn nghệ của cán bộ, viên chức, giảng viên và SV. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo ngành Quan hệ công chúng để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ người học, nhà tuyển dụng, người sử dụng lao động, giảng viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến chương trình đào tạo.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

Hoạt động NCKH của các GV và sinh viên ngành Quan hệ công chúng luôn được quan tâm, khuyến khích, kết quả NCKH đã được thường xuyên sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin,...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Nhờ sự giám sát, hỗ trợ thường xuyên từ nhiều bộ phận cho người học số lượng SV thôi học /bảo lưu của ngành thấp; tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời gian và tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao so với các ngành khác trong trường.

Sinh viên tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, sinh viên sau khi tốt nghiệp có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu thực tế, nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tiễn và nhận được phản hồi tích cực từ các nhà tuyển dụng.

Học viện đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã

được Học viện, Khoa ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những kế hoạch điều chỉnh để cải tiến chất lượng

#### Điểm yếu

Số lượng các bên liên quan trong buổi thảo luận chuyên môn về chỉnh sửa mục tiêu CTĐT và rà soát, chỉnh sửa bản mô tả CTĐT chưa nhiều. Việc tuyên bố mục tiêu giáo dục của CTĐT chưa có điểm nhấn; Một số ít giảng viên chưa thường xuyên cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chưa đáp ứng tốt nhu cầu học tập tích cực của sinh viên. Một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia vào hoạt động chung của Khoa và Học viện. Một số sinh viên không ra trường đúng hạn do không đạt điều kiện về CDR ngoại ngữ.

Bản mô tả CTĐT dài dòng, quá chi tiết, nhiều thông tin trùng lặp với CTĐT. Việc tìm kiếm và tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCHP trên Website chưa dễ dàng. Hệ thống bài giảng, giáo trình, đặc biệt là bài giảng, giáo trình bổ sung kiến thức mang tính quốc tế phục vụ việc học và dạy các học phần thuộc chuyên ngành Quan hệ công chúng chưa nhiều.

Tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít đặc biệt các môn đại cương. Trọng số điểm chuyên cần chưa hợp lý. Tỷ lệ phương pháp dạy học thực hành của một số học phần tại các cơ sở chưa cao. Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được phổ biến công khai, đặc biệt giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu mỗi môn học, được đăng tải trên website của Học viện nhưng lượng truy cập vào website của người học còn hạn chế. Phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT. Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm trên phần mềm quản lý kết quả học tập bị nghẽn gây khó khăn cho người học. Phần mềm đào tạo chưa tích hợp được cảnh báo tồn đọng đối với người học. Vẫn còn một số sinh viên chưa nắm rõ về các quy trình, các quy định về khiếu nại KQHT dẫn đến quá thời gian phúc tra, phúc khảo.

Về công tác tuyển dụng, Học viện, Khoa chưa quan tâm đúng mức tới cơ cấu về giới, nên tỷ lệ nam - nữ chưa cân đối. (ii) Về đội ngũ GV ngành Quan hệ công chúng, tỉ lệ GV có học hàm PGS còn chưa đồng đều ở các tổ bộ môn; (iii) Về các lớp bồi dưỡng, tập huấn, còn có những điểm chưa phù hợp: thời gian, nhu cầu, kinh phí...; (iv) Về

nghiên cứu khoa học, số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Nhà nước cũng như các công trình công bố quốc tế của GV ngành Quan hệ công chúng chưa nhiều.

Đội ngũ cố vấn học tập của ngành Quan hệ công chúng đều do giảng viên kiêm nhiệm, nên khối lượng công việc khá nhiều, thời gian cố định trực trên văn phòng khoa do đó cũng bị ảnh hưởng. Các kế hoạch tuyển dụng hàng năm chưa thực sự phù hợp với đề án vị trí việc làm do có nhiều thay đổi trong cách thức, quy mô tuyển sinh, cơ cấu tổ chức, cơ cấu nhân sự phụ trách các đơn vị chức năng trong thời gian qua.

Đối với công tác tuyển sinh: chưa phát huy các kênh quảng bá để thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh giỏi, yêu thích ngành Quan hệ công chúng thi tuyển. Đối với hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học: phần mềm chuyên dụng chưa nâng cấp thường xuyên, nên chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu trong quản lý đào tạo. Quy trình giám sát tiến bộ học tập của người học còn chưa có sự phân định rõ ràng chức năng nhiệm vụ của Ban QLĐT và của Khoa;...

Về cơ sở vật chất, một số giảng đường khu nhà B1 còn thiếu bố trí hệ thống chống ồn.

Thư viện còn thiếu các nguồn tin điện tử (các cơ sở dữ liệu); việc cập nhật và bổ sung tài liệu nước ngoài còn hạn chế dẫn đến việc học liệu chưa thực sự đa dạng và phong phú.

Máy tính tại một số bộ môn của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao.

Đã có hệ thống wifi phủ sóng rộng khắp, miễn phí trong toàn Học viện nhưng đường truyền còn chưa ổn định nên ảnh hưởng tới việc dạy học trong các giảng đường.

Công tác tuần tra vào ban đêm còn mỏng nên hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Còn có một số SV chưa mua bảo hiểm y tế.

Về công tác đảm bảo chất lượng, số lượng ý kiến phản hồi của cựu người học, nhà tuyển dụng, người sử dụng người học tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng còn hạn chế

Học viện chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi đầy đủ đối với đối tượng là GV thỉnh giảng.

Còn ít các đề tài cấp cao (Nhà nước, Bộ).

Việc tham gia NCKH còn chưa đồng đều, một số giảng viên trẻ cần tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH.

Tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa cao, đặc biệt ở đội ngũ giảng viên trực tiếp làm công tác giảng dạy và nghiên cứu.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo vẫn còn gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin những sinh viên thôi học, tạm ngừng học đang làm gì, kế hoạch tiếp tục hoàn thành chương trình học của người học như thế nào vì vậy rất khó để hỗ trợ những đối tượng này.

Thông tin công khai về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của sinh viên cùng ngành Quan hệ công chúng của các cơ sở đào tạo khác trong nước và quốc tế hạn chế công bố công khai, do vậy tính đối sánh còn hạn chế.

Hiện nay vẫn còn một số sinh viên ngành Quan hệ công chúng tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế trung bình của khóa học (4 năm).

Hoạt động khảo sát các bên liên quan chỉ được thực hiện định kỳ và do vậy tính cập nhật với các vấn đề thực tế còn chưa cao, có “độ trễ” nhất định so yêu cầu thực tế.

Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi:

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo tăng cường và đa dạng hoá các bên liên quan trong buổi thảo luận chuyên môn về chỉnh sửa mục tiêu CTĐT; phối hợp với phòng công tác CT và hỗ trợ HSSV, Ban QLĐT Đào tạo và các bên liên quan xây dựng kế hoạch truyền thông, trong đó nhấn mạnh mục tiêu giáo dục của CTĐT.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng tổ chức tọa đàm đưa ra bản mô tả CTĐT của ngành đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT, theo hướng ngắn gọn, xúc tích; đề xuất sắp xếp số lượng sinh viên trong một lớp học hợp lý hơn; bổ sung hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến một cách chính thức; sát sao hơn việc kiểm tra, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của sinh viên; đa dạng hoá hình thức hợp tác với các cơ quan, tổ chức bên ngoài để sinh viên đi trải nghiệm thực trong từng học phần.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo phối hợp với VP có kế hoạch hoàn thiện Website; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo trình bài giảng với định hướng chuyên sâu,



tiếp cận với các nguồn tài liệu nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên tiếp cận với những tri thức mới, chuyên sâu trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.

Với từng môn học, giảng viên của Khoa sẽ tiến hành khảo sát ý kiến người học trước và sau khi kết thúc môn học để kịp thời nắm bắt được nhu cầu, phản hồi về nội dung, phương pháp giảng dạy để điều chỉnh cho phù hợp. Cố vấn học tập của khoa tăng cường phổ biến và nhắc nhở sinh viên tìm hiểu các quy định về khiếu nại KQHT cho sinh viên.

Học viện, TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT phối hợp với các khoa giảng dạy các môn đại cương xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm với tỷ lệ phù hợp đáp ứng tốt CĐR.

Học viện đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo.

Có chính sách tuyển dụng đảm bảo thu hút các ứng viên có năng lực chuyên môn cao, đặc biệt chú trọng về giới nhằm đảm bảo cân bằng tỉ lệ nam – nữ; (ii) Hỗ trợ GV có học vị TS làm hồ sơ xét chức danh PGS; (iii) Xem xét điều chỉnh thời gian của các lớp tập huấn, bồi dưỡng để GV có thể tham gia tốt hơn; (iv) Có các cơ chế để nâng cao hơn nữa năng lực NCKH của đội ngũ GV, đặc biệt trong những hạng mục còn hạn chế như: đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ và các công trình công bố quốc tế.

Học viện và Khoa tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các khoa, phòng, ban, trung tâm để đáp ứng tốt hơn về nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện nói chung và ngành Quan hệ công chúng nói riêng. Tiếp tục triển khai hoàn thiện đề án vị trí việc làm. Học viện có kế hoạch xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể để giúp triển khai và đánh giá công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Tổ chức các lớp bồi dưỡng như: kỹ năng cố vấn cho SV, nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ văn phòng cho cán bộ khoa đảm nhận các công việc hỗ trợ SV.

Tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh để thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh giỏi. Đầu tư, nâng cấp đường truyền internet, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, giám sát sự tiến bộ của

người học kịp thời. Xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo cơ sở vật chất, nâng cấp hệ thống wifi.

Phòng Quản trị có kế hoạch nâng cấp hệ thống bàn ghế trong một số phòng học để phù hợp thêm cho các hoạt động tập tích cực.

Trung tâm Thông tin – Khoa học nâng cấp thêm một số module của phần mềm Thư viện điện tử Kipos: về công tác bổ sung, thống kê tài liệu... Học viện có kế hoạch từng bước tăng cường các đầu sách mới xuất bản trong nước và ngoài nước để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Quan hệ công chúng: cụ thể mỗi năm mua từ 3-7 đầu sách.

Học viện bổ sung một số máy tính hiện đại cho các bộ môn thay thế cho các máy hỏng và xây dựng kế hoạch hỗ trợ GV mua máy tính xách tay phục vụ cho công tác giảng dạy và NCKH.

Ban Quản lý KTX đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện nội quy KTX của SV.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo có kế hoạch và quy định bài bản hơn về lưu trữ thông tin về người học, cựu sinh viên, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát phong phú hơn, đồng thời quy định trách nhiệm giữa cố vấn, nhân viên văn phòng và lãnh đạo khoa trong lưu trữ và phát triển cơ sở dữ liệu nói trên.

Xây dựng mạng lưới cơ quan/viện nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nhằm thu thập thông tin phản hồi từ người sử dụng lao động một cách hệ thống, toàn diện và đa dạng hơn.

Từ năm học 2020 - 2021 trở đi, Ban Quản lý Đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Khoa chủ quản tiếp tục triển khai thu thập thông tin phản hồi về quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học đến trên 95% các GV trong Học viện tham gia hoạt động đào tạo ngành Quan hệ công chúng.

Học viện, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo cần tiếp tục có các chính sách động viên khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy giảng viên hơn trong hoạt động NCKH để tiếp tục có các kết quả NCKH hữu ích phục vụ hoạt động dạy và học.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo lên kế hoạch xây dựng phương án phối hợp với các cơ quan bên ngoài tăng cường nguồn lực và hợp tác trong nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trong khoa, đồng thời bổ sung tài liệu, sản phẩm khoa học phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã và đang có đề xuất với Học viện về chính sách cho cố vấn học tập sau khi kết thúc 4 năm học: tiếp tục được hưởng một phần chính sách dành cho cố vấn chính thức để họ tích cực tập hợp, tư vấn sinh viên tồn đọng có kế hoạch ra trường trong thời gian được phép kéo dài, tránh tình trạng quá hạn không ra được trường.

Từ năm 2021, Ban Quản lý Đào tạo lên kế hoạch rà soát định kỳ danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo hoặc danh sách sinh viên tồn đọng, các vấn đề tồn đọng theo hệ thống và gửi định kỳ về khoa theo tháng (hoặc 2 tháng/lần) thay vì theo học kỳ và theo năm học để cố vấn học tập và khoa chủ quản nắm bắt, tư vấn và hỗ trợ sinh viên hiệu quả hơn.

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo và phát triển sẽ phối hợp với đoàn thanh niên mở thêm các buổi tư vấn sinh viên về phương pháp học đại học nhằm giúp sinh viên không bị thi trượt và nợ nhiều môn từ năm học đầu tiên, phối hợp mở các câu lạc bộ Tiếng Anh cho người mất gốc hoặc các diễn đàn trao đổi phương pháp học tiếng Anh, tiếng trung cho sinh viên nâng cao trình độ ngoại ngữ, tăng cường cơ hội sớm đạt chuẩn ngoại ngữ giúp ra trường đúng hạn.

Căn cứ vào kết quả khảo sát từ các bên liên quan, Trung tâm KT-KĐCLĐT sớm có báo cáo tổng hợp những kết quả nổi bật gửi cho lãnh đạo và các khoa, phòng liên quan. Trên cơ sở nghiên cứu kết quả khảo sát, khoa, phòng ban cần có những phản hồi về kết quả, có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế được phản ánh trong các phản hồi một cách cụ thể hơn.

Như vậy trong quá trình tự đánh giá CTĐT, bên cạnh những điểm mạnh thì CTĐT của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo còn tồn tại những điểm yếu. Học viện và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo sẽ nghiêm túc nhìn nhận, thực hiện tốt các kế hoạch hành động đã được trình bày trong báo cáo để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo Khoa Quan hệ công chúng, xứng đáng với uy tín và vị thế là khoa đầu

ngành trong lĩnh vực truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên truyền - một trường đại học trọng điểm quốc gia.

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO  
TẠO ĐÁNH GIÁ THEO THÔNG TƯ 04/2016**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO  
TẠO ĐÁNH GIÁ THEO THÔNG TƯ 04/2016**

Tên cơ sở giáo dục: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tên CTĐT: Quan hệ công chúng

Mã CTĐT: 7320108

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<b>Tiêu chuẩn 1</b>								5.17	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5.5					
<b>Tiêu chuẩn 2</b>								5.33	3	100
Tiêu chí 2.1						6				
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 3</b>								5.33	3	100
Tiêu chí 3.1					5.5					
Tiêu chí 3.2					5.5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 4</b>								4.83	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4.5						
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								5.4	5	100
Tiêu chí 5.1					5.5					
Tiêu chí 5.2					5.5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5						6				
<b>Tiêu chuẩn 6</b>								5.14	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					



Tiêu chí 6.4				5				
Tiêu chí 6.5				5				
Tiêu chí 6.6					6			
Tiêu chí 6.7				5				
<b>Tiêu chuẩn 7</b>								
Tiêu chí 7.1				5				
Tiêu chí 7.2				5			5.2	5
Tiêu chí 7.3					6			100
Tiêu chí 7.4				5				
Tiêu chí 7.5				5				
<b>Tiêu chuẩn 8</b>								
Tiêu chí 8.1					6			
Tiêu chí 8.2					6		6	5
Tiêu chí 8.3					6			100
Tiêu chí 8.4					6			
Tiêu chí 8.5					6			
<b>Tiêu chuẩn 9</b>								
Tiêu chí 9.1					6			
Tiêu chí 9.2					6		5.6	5
Tiêu chí 9.3					5			100
Tiêu chí 9.4					6			
Tiêu chí 9.5					6			
<b>Tiêu chuẩn 10</b>								
Tiêu chí 10.1					5			
Tiêu chí 10.2				4			4.5	6
Tiêu chí 10.3					5			100
Tiêu chí 10.4					5			
Tiêu chí 10.5					5			
Tiêu chí 10.6				4				
<b>Tiêu chuẩn 11</b>								
Tiêu chí 11.1					5			
Tiêu chí 11.2					5		4.8	5
Tiêu chí 11.3					5			100
Tiêu chí 11.4					5			
Tiêu chí 11.5				4				
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>							<b>5.22</b>	<b>50</b>
								<b>100,00</b>

\* Ghi chú:

- Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí.



- Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình số học mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020  
**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Q. GIÁM ĐỐC  
*Lưu Văn An*



## PHẦN IV: PHỤ LỤC

### CƠ SỞ DỮ LIỆU

#### KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12 /2020

##### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
  - Tiếng Anh: Academy of Journalism and Communication
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
  - Tiếng Việt: HVBC&TT
  - Tiếng Anh: AJC
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Tuyên giáo Trung ương, Trường Đại học Tuyên giáo, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
5. Địa chỉ: 36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (024)37.456.963 Số fax: (024)37.548.949
7. E-mail: website@ajc.edu.vn Website: www.ajc.hcma.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1962 (Nghị quyết 36 NQ/TW)
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I:
11. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

##### II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo
  - Tiếng Anh: Faculty of Public Relations and Advertising
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
  - Tiếng Việt: Khoa QHCC&QC
  - Tiếng Anh: PR-ADs



14. Tên trước đây (nếu có):.....
15. Tên CTĐT
  - Tiếng Việt: Quan hệ công chúng
  - Tiếng Anh: Public Relations
16. Mã CTĐT: 7320108
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): .....
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 7, nhà A1, Học viện Báo chí và Tuyên truyền
19. Số điện thoại liên hệ: (024)37.456.963, máy lẻ: 708
20. Email: khoapr@ajc.edu.vn Website: www.pr-quangcao.edu.vn
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2006
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2006
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2010

### III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thành lập theo Quyết định số 300/QĐ-HVBC&TT ngày 09 tháng 05 năm 2006. Khoa được thành lập trên cơ sở tổ bộ môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo với nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo ngành cử nhân Quan hệ công chúng (mã số 7320108). Hiện nay, Khoa có 02 tổ bộ môn gồm tổ bộ môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo - Marketing.

Từ ngày thành lập đến nay, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo không ngừng lớn mạnh và đã đào tạo ra nhiều thế hệ cử nhân phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong lĩnh vực quan hệ công chúng, truyền thông marketing, quảng cáo và các lĩnh vực khác. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, Khoa đã xây dựng các chương trình 4 năm cho đào tạo đại học, và 2 năm cho đào tạo sau đại học (chuyên ngành Quản trị truyền thông và Quan hệ công chúng chuyên nghiệp) theo

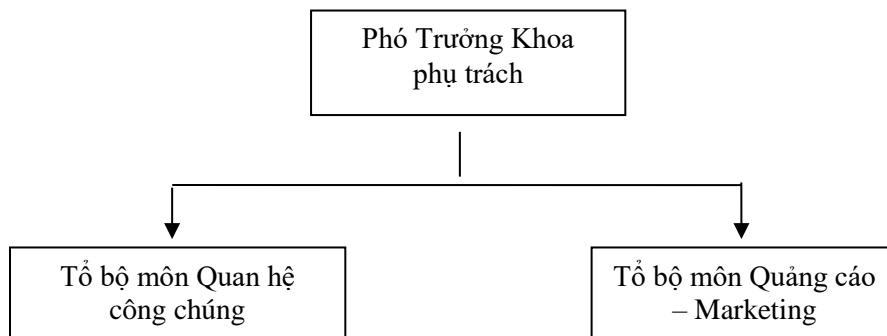
chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, Khoa còn mở ra nhiều chương trình đào tạo PR ngắn hạn, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về PR – Truyền thông một cách bài bản của các đối tượng học viên là sinh viên và những người làm việc trong lĩnh vực truyền thông.

Hiện nay, số lượng sinh viên đang theo học các chuyên ngành của Khoa lên khoảng 766 sinh viên (hệ chính quy). Kết quả học tập của sinh viên trong Khoa ngày càng được nâng cao: hằng năm sinh viên trúng tuyển vào học chương trình ngành QHCC và QC có điểm đầu vào rất cao so với các trường đại học của cả nước. Cụ thể, năm 2020, điểm trung bình đầu vào Ngành Quan hệ công chúng lên đến 34,90.

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã và đang đào tạo 10 khóa học viên cao học (từ khóa 17 đến khóa 26), với tổng số hàng trăm học viên bảo vệ luận văn tốt nghiệp thành công.

Khoa còn có sự hợp tác liên kết với các nhà khoa học, GV có uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ trong nước như Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Thương mại, ĐH Kinh tế Quốc dân, ĐH Quốc Gia Hà Nội, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Học viện Phụ nữ Việt Nam, Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ Báo chí – Hội nhà báo Việt Nam, Báo Đại biểu Nhân Dân, Bộ Y tế, Đài truyền hình Việt Nam, Đại sứ quán Thụy Điển, OXFAM, KOICA, Samsung,... và các tập đoàn truyền thông lớn trong nước như Le Bros, IB Group, Leo Burnett, CleverAds, VCCorp, Vinalink... Cán bộ giảng dạy trong Khoa còn có các liên kết nghiên cứu với các nhà khoa học của các trường đại học có uy tín từ các nước như: Anh, Úc, Hàn Quốc, Áo, Đức ...

## 25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	<b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>					
1.	Ban Giám đốc	Lưu Văn An	1962	PGS.TS ; Quyền Giám đốc	0904186034	luuvanan@ajc.edu.vn
2.		Phạm Minh Sơn	1968	PGS.TS ; Phó Giám đốc	0912778171	phamminhson@ajc.edu.vn
3.		Nguyễn Thị Trùng Giang	1978	PGS.TS ; Phó Giám đốc	0904997876	nguyenthitruonggiang@ajc.edu.vn
	<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>					
I.	Lãnh đạo chủ chốt					

	của đơn vị					
1.	Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo	Nguyễn Thị Minh Hiền	1981	TS; Phó Trưởng khoa phụ trách	0986770383	nguyentminhhien2016@gmail.com
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Văn phòng Đảng ủy				Máy lẻ 312	vanphongdanguy@ajc.edu.vn
2.	Công đoàn Trường	Nguyễn Xuân Phong		PGS.TS ; Chủ tịch	0904030372	phonghvbc@gmail.com
3.	Văn phòng Đoàn Thanh niên	Thái Hồng Đức	1982	ThS; Bí thư	0904584137	thai.duc1982@gmail.com
III.	Các phòng, ban					
1.	Ban Tổ chức cán	Hà Huy		PGS.TS ;	0913344645	huyphuongkxb@gmail.com

	bộ	Phụ		Trưởng		
		g		ban		
2.	Ban Quản lý đào tạo	Trần Thanh Giang		PGS.TS ; Trưởng ban	0984927397	tranthanhgiang@ajc.edu.vn
3.	Ban Quản lý Khoa học	Nguyễn Đức Luận		PGS.TS ; Trưởng ban	0988345268	luanvf@gmail.com
4.	Ban Kế hoạch – Tài chính	Trần Xuân Ban				
5.	Ban Hợp tác quốc tế	Vũ Thanh Vân	1982	TS; Trưởng ban	0906001008	vanvuajc@gmail.com
6.	Ban Thanh tra	Nguyễn Thị Hải Yến		TS; Trưởng ban	0837353188	hoangyendu@yahoo.com
7.	Văn phòng	Vũ Quốc Cường	1974	ThS; Chánh Văn phòng	0968855859	quoccuong74@gmail.com
8.	Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	1976	PGS.TS ; Giám đốc	0936689969	ngochoaajc1976@gmail.com

	tạo					
9.	Phòng Quản trị và Quản lý Ký túc xá	Nguyễn Thị Hồng Mến		TS; Trưởng phòng	0984235499	missajc@yahoo.com.vn
10.	Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Phạm Tuyên		ThS; Trưởng phòng	0988891979	phamtuyenajc@gmail.com
IV.	Các bộ môn					
1.	Quan hệ công chúng	Đinh Thị Thúy Hằng	1959	PGS.TS ; Trưởng bộ môn	0912442741	hangdinh59@gmail.com
2.	Quảng cáo - Marketing	Đỗ Thị Minh Hiền	1977	TS; Trưởng bộ môn	0938896866	hiendtm19@gmail.com

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 02

Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	x	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): 0		

29. Tổng số các ngành đào tạo: 02

#### IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Cán bộ cơ hữu</b> <i>Trong đó:</i>	<b>01</b>	<b>14</b>	<b>15</b>
I.1	Cán bộ trong biên chế	01	09	10
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	-	05	05
II	<b>Các cán bộ khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	<b>09</b>	<b>04</b>	<b>13</b>
	<b>Tổng số</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>28</b>

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ,	Số	GV cơ hữu	GV thỉnh	GV

	học vị, chức danh	lượng GV	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	giảng trong nước	quốc tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	02	01	-	-	01	-
3	Tiến sĩ khoa học	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	05	04	-	-	01	-
5	Thạc sĩ	20	04	05	-	11	-
6	Đại học	-	-	-	-	-	-
7	Cao đẳng	-	-	-	-	-	-
8	Trình độ khác	-	-	-	-	-	-
	<b>Tổng số</b>	<b>27</b>	<b>09</b>	<b>05</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>0</b>

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 14 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 93,3%

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

T T	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	



	quy đổi								
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	-	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	3,0	02	01	-	-	01	-	3,6
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	-	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	2	05	04	-	-	01	-	8,4
5	Thạc sĩ	1	20	04	05	-	11	-	9
6	Đại học	0,5	-	-	-	-	-	-	-
	<b>Tổng</b>		<b>27</b>	<b>09</b>	<b>05</b>	<b>0</b>	<b>13</b>	<b>0</b>	<b>21</b>

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	01	7.1	-	01	-	-	-	-	01
3	Tiến sĩ khoa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	04	28.6	01	03	-	02	01	01	-
5	Thạc sĩ	09	64.3	-	09	04	05	-	-	-
6	Đại học	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>Tổng</b>	<b>14</b>	<b>100</b>	<b>01</b>	<b>13</b>	<b>04</b>	<b>07</b>	<b>01</b>	<b>01</b>	<b>01</b>

1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 35.7 tuổi
2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 35.7%

3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 64.3%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	7.1	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	14.3	-
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	35.7	-
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	42.9	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	-	-
	<b>Tổng</b>	100	100

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015-2016	825	112	7.34	97	29.5	29.25	0

2016- 2017	637	116	5.5	61	30.5	30.25	0
2017- 2018	778	93	8.7	84	34.33	34.08	0
2018- 2019	925	104	8.9	101	30	29.25	0
2019- 2020	489	62	7.9	62	34	33.2	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	46	48	51	77	56
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

	Năm học				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0%	0%	0%	0%	0%

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m)	4925.5	4925.5	4925.5	4925.5	4925.5	4925.5
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)						
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	30	34	40	38	36	51
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m/người)						3,34

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020

	2016	2017	2018	2019	2020
Số lượng (người)	0	7	4	5	9
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	8.24%	3.125%	3.45%	8.1%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	45	48	48	62	49
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

*(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)*

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	45	48	48	62	49
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	90%	85.7%	81.4%	62.6%	76.6%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ		74%	75%	81%	83%

năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).		26%%	25%%	19%%	17%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp		0%	0%	0%	0%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:  A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyên xuống câu 5  B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					

4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	73%	74.5%	78%	80%	
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	27%	25.5%	22%	20%	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5-10 triệu	5-10 triệu	5-10 triệu	5-10 triệu	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:  A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này.  B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin					



dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).			85%	90%	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).			15%	10%	
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0%	0%	0%	0%	

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng						
			2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	

1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	05	04	07	08	06	08	19
4	Tổng	3,5		04	07	08	06	08	

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 66,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 7,39

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016			
2	2017			
3	2018			
4	2019			
5	2020			

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	1	11	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	1	
Trên 6 đề tài	0	0	2	
Tổng số cán bộ tham gia		1	14	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	1		1	1	1	8
2	Sách giáo trình	1,5		0	0	0	2	0	3.5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	1	0	0	0	1
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	1	0	0	0.5
5	Tổng		0	1	1	2	3	1	

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 13

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,44

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	3	2	1	1
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	2	1	1

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng						Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	1	0	0	1	0	1	4,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	1	0	5	2	5	10	23
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	7	7	3	3	4	6	15
	Tổng								42,5

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 42,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,72

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	2	8	9
Từ 6 đến 10 bài báo	0	1	1
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia			

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng						
			2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0				2		2	4
2	Hội thảo trong nước	0,5			2	2	1	2	3.5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	1	2	0	0.75
4	Tổng								8.25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 8,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,92

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	3	4	1
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	2	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	33	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	33	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 56,310m<sup>2</sup>Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 103

54. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):
- Nơi làm việc: 103 Nơi học: 12.559,19 m<sup>2</sup>
  - Nơi vui chơi giải trí: 3000 m<sup>2</sup> Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)
  - Tổng diện tích phòng học: 11,957,9 m<sup>2</sup>
  - Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:  $11,957,9m^2/7557sv = 1.58m^2/sv$
- Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 1254

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 256

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 610 bộ
- Dùng cho hệ thống văn phòng: 210 bộ
  - Dùng cho người học học tập: 400 bộ
- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy:  $400/7557=0.05$

### VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

#### 1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 14

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 93.3%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 35.7%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 64.3%

#### 2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 111

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 7.9sv/gv

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 90.64%

#### 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:



Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 83%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 17%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 76.4%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 23,6%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5-10 triệu

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 90%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 10%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7.39

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.44

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 47.2

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.92

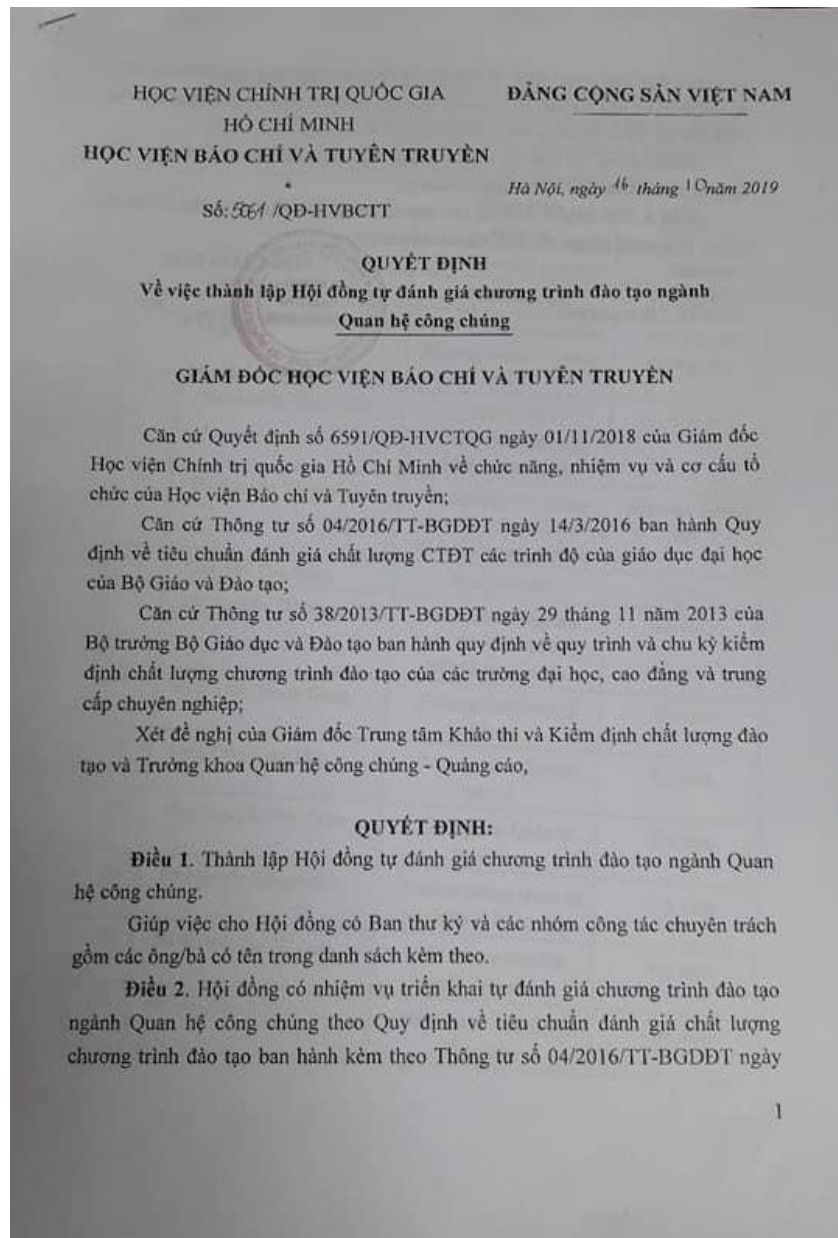
7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0.05

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1.58

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 13.58

# CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC



14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Các ông/bà (trưởng các đơn vị liên quan) và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TTKT&KDCLĐT



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG**  
(Kèm theo Quyết định số 544/QĐ- HV/SCT, ngày 16 tháng 10 năm 2019  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Lưu Văn An	Phó Giám đốc phụ trách	Chủ tịch
2	Ông Phạm Minh Sơn	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch
3	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Phó Trưởng khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo	Phó Chủ tịch thường trực
4	Bà Nguyễn Thùy Linh	Giảng viên, Khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo	Thư ký
5	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Ủy viên thường trực
6	Ông Mai Đức Ngọc	Phó Giám đốc	Ủy viên
7	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Ủy viên
8	Ông Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Ủy viên
9	Ông Trần Xuân Học	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Ủy viên
10	Ông Nguyễn Đức Luận	Trưởng ban Quản lý khoa học	Ủy viên
11	Bà Nguyễn Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá	Ủy viên
12	Bà Hoàng Thị Tú Anh	Phó trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính	Ủy viên
13	Bà Nguyễn Thị Tú	Phó Chánh văn phòng Học viện	Ủy viên

14	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thống tin khoa học	Ủy viên
15	Ông Phạm Tuyên	Phó Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Ủy viên
16	Ông Phạm Bình Dương	Bí thư Đoàn Thanh niên	Ủy viên
17	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Thanh tra	Ủy viên
18	Bà Đinh Thị Thuý Hằng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo	Ủy viên
19	Bà Đỗ Thị Minh Hiền	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
20	Bà Đỗ Thị Hải Đăng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
21	Bà Vũ Thị Kim Hoa	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
22	Bà Lê Thị Thùy Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
23	Bà Trần Thị Thanh Hoài	Sinh viên lớp Quan hệ công chúng 37A1	Ủy viên

(Danh sách gồm có 23 người).

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**  
(Kèm theo Quyết định số 584/QĐ- HVBCTT ngày 8 tháng 10 năm 2019  
của Giám đốc Học viện báo chí và Tuyên truyền)

STT	Họ tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Thị Minh Hiền	Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng Ban
2.	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng Đào tạo	Phó Trưởng ban
3	Trần Văn Thư	Phó trưởng ban QLĐT	Ủy viên
4	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó trưởng ban QLĐT	Ủy viên
5	Đinh Thị Thủy Hằng	Giảng viên khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
6	Đỗ Thị Hải Đăng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
7	Nguyễn Thủy Linh	Giảng viên khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
8	Vũ Hạnh Ngân	Giảng viên khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
9	Vũ Tuấn Hà	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
10	Tào Thị Thanh Huyền	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
11	Vũ Thị Kim Hoa	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
12	Lê Thị Thủy Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
13	Mai Thị Lan Phương	Chuyên viên giáo vụ Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
14	Nguyễn Hoàng Oanh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
15	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí	Ủy viên

		và Kiểm định chất lượng đào tạo	
16	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Ủy viên
17	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ	Ủy viên
18	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Ủy viên
19	Đông Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Ủy viên
20	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị	Ủy viên

*(Danh sách gồm có 20 người)*

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**  
 (Kèm theo Quyết định số 588./QĐ-HVBCTT ngày 16 tháng 10 năm 2019  
 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Tiêu chuẩn 1,2,3)	Nguyễn Thị Minh Hiền	Phó Trưởng khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Nguyễn Thuý Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Vũ Tuấn Hà	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên
Nhóm 2 (Tiêu chuẩn 4,5)	Lê Thị Thuý Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Tào Thanh Huyền	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Ủy viên
Nhóm 3 (Tiêu chuẩn 6,7)	Đinh Thị Thuý Hằng	Trưởng Bộ môn khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Trần Xuân Học	Trưởng Ban Tổ chức cán bộ	Phó Trưởng nhóm
	Vũ Hạnh Ngân	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban Tổ chức cán bộ	Ủy viên
Nhóm 4	Nguyễn Thuý Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ	Trưởng nhóm



(Tiêu chuẩn 8)		công chúng - Quảng cáo	
	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Nguyễn Hoàng Oanh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Đông Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Ủy viên
	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị	Ủy viên
Nhóm 5 (Tiêu chuẩn 9)	Vũ Thị Kim Hoa	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin Khoa học	Phó Trưởng nhóm
	Mai Thị Lan Phương	Chuyên viên Giáo vụ khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Đông Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Ủy viên
	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Ủy viên
Nhóm 6 (Tiêu chuẩn 10,11)	Đỗ Thị Hải Đăng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Trần Văn Thư	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Tào Thanh Huyền	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Ủy viên
Viết phần mở đầu, kết luận, Phụ lục Báo cáo tổng hợp	Nguyễn Thị Minh Hiền	Phó trưởng Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó Trưởng nhóm

Biên tập minh chứng	Vũ Hạnh Ngân	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo	Thư ký
Cơ sở dữ liệu KĐCL chương trình đào tạo	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Ủy viên
	Lê Thị Thuý Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo	Ủy viên
	Nguyễn Hoàng Oanh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Ủy viên

(Danh sách gồm có ..... người).

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 6018/QĐ-HVBCTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành  
Quan hệ công chúng

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

Căn cứ Quyết định số 6591/QĐ-HVCTQG ngày 01/11/2018 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 5061/QĐ-HVBCTT v/v thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành QHCC;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Trường khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo

ngành Quan hệ công chúng theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Các ông/bà (trưởng các đơn vị liên quan) và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TTKT&KĐCLĐT



**Lưu Văn An**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHỨNG**

*(Kèm theo Quyết định số 6018/QĐ-TH.ĐC.T. ngày 15 tháng 12 năm 2020  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Lưu Văn An	Quyền Giám đốc	Chủ tịch
2	PGS.TS. Phạm Minh Sơn	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch
3	TS. Nguyễn Thị Minh Hiền	Phó Trưởng khoa Quan hệ công chứng – Quảng cáo	Phó Chủ tịch
4	Ths. Nguyễn Hoàng Oanh	Giảng viên, Khoa Quan hệ công chứng – Quảng cáo	Thư ký
5	PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang	Phó Giám đốc	Thành viên
6	PGS.TS Trương Ngọc Nam	Phó chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên
7	PGS.TS Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
8	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
9	PGS. TS. Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên
10	PGS. TS. Hà Huy Phượng	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Thành viên
11	PGS. TS. Nguyễn Đức Luận	Trưởng ban Quản lý khoa học	Thành viên
12	TS. Nguyễn Thị Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá	Thành viên
13	ThS. Trần Xuân Ban	Trưởng Ban Kế hoạch -	Thành viên

CON  
HC  
B  
VÀ T  
HINH

		Tài chính	
14	Ths. Vũ Quốc Cường	Phó Chánh văn phòng Học viện	Thành viên
15	TS. Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin khoa học	Thành viên
16	Ths. Phạm Tuyên	Phó Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Thành viên
17	Ths. Thái Hồng Đức	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
18	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Thanh tra	Thành viên
19	PGS.TS Đinh Thị Thuý Hằng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo	Thành viên
20	Ths. Đỗ Thị Hải Đăng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
21	Ths. Vũ Hạnh Ngân	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
22	Ths. Lê Thị Thùy Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
23	Trần Thị Thanh Hoài	Sinh viên lớp Quan hệ công chúng 37A1	Thành viên

(Danh sách gồm có 23 người).

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**  
(Kèm theo Quyết định số 6018/QĐ- HVBCTT ngày 15 tháng 12 năm 2020  
của Giám đốc Học viện báo chí và Tuyên truyền)

STT	Họ tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Thị Minh Hiền	Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng Ban
2.	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng Đào tạo	Phó Trưởng ban
3	Trần Văn Thư	Phó trưởng ban QLĐT	Thành viên
4	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó trưởng ban QLĐT	Thành viên
5	Đinh Thị Thủy Hằng	Giảng viên khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
6	Đỗ Thị Hải Đăng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
7	Nguyễn Thuỳ Linh	Giảng viên khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
8	Vũ Hạnh Ngân	Giảng viên khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
9	Vũ Tuấn Hà	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
10	Tào Thị Thanh Huyền	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
11	Vũ Thị Kim Hoa	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
12	Lê Thị Thuỳ Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
13	Mai Thị Lan Phương	Chuyên viên giáo vụ Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
14	Nguyễn Hoàng Oanh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
15	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí	Thành viên

5

		và Kiểm định chất lượng đào tạo	
16	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
17	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ	Thành viên
18	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Thành viên
19	Đông Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
20	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị	Thành viên
21	Vương Hoàng Yến	Chuyên viên phòng Hành chính	Thành viên
22	Trương Thị Hằng	Kế toán, Ban Kế hoạch – Tài vụ	Thành viên
23	Đoàn Thị Quỳnh Nga	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
24	Nguyễn Hoàng Yến	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên

(Danh sách gồm có 24 người)



## DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 608/QĐ-HVBCTT ngày 15 tháng 12 năm 2020  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Tiêu chuẩn 1,2,3)	Nguyễn Thị Minh Hiền	Phó Trưởng khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Đỗ Thị Hải Đăng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Mai Lan Phương	Giáo vụ Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
Nhóm 2 (Tiêu chuẩn 4,5)	Lê Thị Thủy Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Tào Thanh Huyền	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
Nhóm 3 (Tiêu chuẩn 6,7)	Đinh Thị Thủy Hằng	Trưởng Bộ môn khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Trần Xuân Học	Trưởng Ban Tổ chức cán bộ	Phó Trưởng nhóm
	Vũ Hạnh Ngân	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban Tổ chức cán bộ	Thành viên
Nhóm 4	Nguyễn Hoàng Oanh	Giảng viên Khoa Quan hệ	Trưởng nhóm



(Tiêu chuẩn 8)		công chúng - Quảng cáo	
	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Đoàn Thị Quỳnh Nga	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Đông Thị Kim Khuyên	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị	Thành viên
Nhóm 5 (Tiêu chuẩn 9)	Vũ Hạnh Ngân	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin Khoa học	Phó Trưởng nhóm
	Nguyễn Hoàng Yến	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Đông Thị Kim Khuyên	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Thành viên
Nhóm 6 (Tiêu chuẩn 10,11)	Đỗ Thị Hải Đăng	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Trần Văn Thư	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Tào Thanh Huyền	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
Viết phần mở đầu, kết luận, Phụ lục Báo cáo tổng hợp	Nguyễn Thị Minh Hiền	Phó trưởng Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó Trưởng nhóm

Biên tập minh chứng Cơ sở dữ liệu KĐCL chương trình đào tạo	Vũ Hạnh Ngân	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo	Thư ký
	Vũ Thị Kim Hoa	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên
	Lê Thị Thủy Linh	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo	Thành viên
	Vũ Tuấn Hà	Giảng viên Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Thành viên

(Danh sách gồm có .....người).



Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2019

Số 5068 /KH-HVBCTT

## KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

#### 1. Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT nhằm mục đích:

Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân ngành Quan hệ công chúng so với Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trên cơ sở kết quả đánh giá để Khoa và Nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Quan hệ công chúng.

Làm căn cứ để đăng ký kiểm định chất lượng theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

#### 2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tất cả các hoạt động thực hiện CTĐT của Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học đối với CTĐT đại học.

#### 3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được ban hành tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các tài liệu hướng dẫn khác (có văn bản kèm theo).

#### 4. Hội đồng tự đánh giá

##### 4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Quan hệ công chúng được thành lập theo Quyết định số 5068/QĐ- HVBCTT ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Giám đốc Học

viện Báo chí và Tuyên truyền, Hội đồng gồm có ... thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

Ban Thư ký là bộ phận thường trực, giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá trong việc theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp báo cáo tự đánh giá và thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng (có danh sách kèm theo).

Các nhóm công tác chuyên trách bao gồm các thành viên trong và ngoài Hội đồng tự đánh giá được thành lập để phụ trách triển khai viết báo cáo tự đánh giá và thu thập minh chứng của một hoặc một số tiêu chuẩn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng (có danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	Tiêu chuẩn 1-3	Nhóm 1	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
2	Tiêu chuẩn 4-5	Nhóm 2	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
3	Tiêu chuẩn 6-7	Nhóm 3	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
4	Tiêu chuẩn 8	Nhóm 4	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
6	Tiêu chuẩn 10-11	Nhóm 6	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
9	Báo cáo tổng hợp. Biên tập minh chứng Cơ sở dữ liệu KĐCL CTĐT	Nhóm 7	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020

**5. Kế hoạch huy động các nguồn lực**

Để chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài, Hội đồng tự đánh giá cần huy động và sử dụng các nguồn lực sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1 -4	Tham gia cung cấp thông tin, minh chứng, góp ý, phản biện báo cáo tự đánh giá	Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo Ban Quản lý đào tạo Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
2	Tiêu chuẩn 5	Nt	Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
3	Tiêu chuẩn 6, 7	Nt	Ban Tổ chức cán bộ Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo	Tháng 10/2019 – tháng 6/2010
4	Tiêu chuẩn 8	Nt	Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo Ban Quản lý đào tạo Trung tâm KT-KĐCLĐT Phòng Công tác chính trị - Hỗ trợ sinh viên	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
5	Tiêu chuẩn 9	Nt	Văn phòng Học viện Phòng Quản trị Trung tâm thông tin – thư viện	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

			Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo Trung tâm KT-KĐCLĐT	
6	Tiêu chuẩn 10	Nt	Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo  Các phòng, ban, trung tâm trong Học viện	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020
7	Tiêu chuẩn 11	Nt	Khoa Quan hệ công chúng - Quảng cáo Ban QLĐT Trung tâm KT-KĐCLĐT	Tháng 10/2019 – tháng 6/2020

**6. Các loại thông tin cần thu thập từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

Để viết báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài, Khoa cần thu thập các thông tin sau:

TT	Nội dung thông tin	Hình thức	Số lượng	Sản phẩm
1	Đánh giá của SV năm cuối về CTĐT	Bảng hỏi	Theo sĩ số lớp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết
2	Đánh giá của cựu SV trong vòng 3 năm gần nhất	Bảng hỏi	Theo sĩ số lớp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết
3	Đánh giá của giảng viên tham gia giảng dạy	Bảng hỏi	100%	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết

4

4	Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng cựu sinh viên	Bảng hỏi	Theo danh sách sinh viên đã tốt nghiệp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết
5	Đánh giá của SV về các hoạt động hỗ trợ người học	Bảng hỏi	Theo sĩ số lớp	Kết quả xử lý số liệu Báo cáo tổng kết

### 7. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (khoảng 6 - 8 tháng), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 3, tháng 10/2019	<ol style="list-style-type: none"> <li>Họp Hội đồng ĐBCLGD và Ban chủ nhiệm Khoa Quan hệ công chúng – Quảng cáo để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li> <li>Giám đốc ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> <li>Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li> <li>Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;</li> <li>Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li> </ul> </li> </ol> <p>Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</p>
Tuần 4, tháng 10/2019	<ol style="list-style-type: none"> <li>Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</li> <li>Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.</li> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> <li>Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT;</li> <li>Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT);</li> <li>Trình Ban Giám đốc đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.</li> </ul> </li> </ol>



Tháng 11-12/2019	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.</li> <li>2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</li> <li>3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.</li> </ol>
Tháng 3/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> <li>2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> </ol>
Tháng 4/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;</li> <li>• Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;</li> <li>• Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;</li> <li>• Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;</li> </ul> </li> <li>2. Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.</li> </ol>
Tuần 1-2, tháng 5/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).</li> <li>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.</li> </ol>
Tuần 3-4, tháng 5/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.</li> <li>2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, .... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.</li> </ol>
Tuần 1-3,	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn</li> </ol>

đào  
lấy

tháng 6/2020	thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.
Tuần 4, tháng 6 /2020	1. Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

**Nơi nhận:**

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Học viện BCTT;
- Lưu VT, TTKT&KĐ CLĐT



Lưu Văn An



## DANH MỤC MINH CHỨNG

<b>TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>				
<b>Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học</b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày/tháng/năm ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
1	H1.01.01.01.DC	Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2014	Quyết định số 3331/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2014	HVBCTT
2	H1.01.01.02.DC	Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2016	2016	HVBCTT
3	H1.01.01.03.DC	Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2018	Quyết định số 4971-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018	HVBCTT
4	H1.01.01.04.DC	Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBCTT
5	H1.01.01.05	Luật Giáo dục năm 2005	Số 38/2005/QH11, ngày 14 tháng 06 năm 2005	Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam
6	H1.01.01.06	Luật Giáo dục Đại học năm 2012	Số 08/2012/QH13, ngày 18 tháng 06 năm 2012	Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam
7	H1.01.01.07	Thông tư 14 năm 2010 của BGDĐT về ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ Cao đẳng Đại học	Số 14/2010/TT – BGDĐT ngày 27/4/2010	Bộ Giáo dục và Đào tạo
8	H1.01.01.08.DC	Thông tư 07 năm 2015 của BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của người học với giáo dục đại học	Số 07/2015/TT – BGDĐT ngày 16/4/2015	Bộ Giáo dục và Đào tạo
9	H1.01.01.09.DC	Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	Số 1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016	
10	H1.01.01.10.DC	Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông	số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông ngày 11/3/2014	Bộ Thông tin và truyền thông

11	H1.01.01.11.DC	Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24 tháng 01 năm 2014	Bộ Giáo dục và Đào tạo
12	H1.01.01.12	Sứ mệnh và định hướng phát triển của Khoa QHCC	2020	Khoa QHCC&QC
13	H1.01.01.13	Sứ mệnh và mục tiêu phát triển của HVBC&TT	Số 770- QĐ/HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC & TT
14	H1.01.01.14	Bản đối sánh giữa Mục tiêu, tầm nhìn sức mạng của Học viện và Khoa	<u>2020</u>	Khoa QHCC&QC
15	H1.01.01.15.DC	Chiến lược phát triển của HVBC&TT đến năm 2035 tầm nhìn 2050	Số 770- QĐ/HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC & TT
16	H1.01.01.16	Bảng đối sánh giữa mục tiêu CTĐT – Luật GD 2018, khung trình độ quốc gia.	2020	Khoa QHCC&QC
17	H1.01.01.17	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2018	2018	Khoa QHCC&QC
18	H1.01.01.18.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020	2020	Khoa QHCC&QC
19	H1.01.01.19	Bản đối sánh giữa CTĐT, mục tiêu với CTĐT cùng ngành trong nước và quốc tế	2020	Khoa QHCC&QC
20	H1.01.01.20	Bản giải trình thay đổi, cải tiến CTĐT	2020	Khoa QHCC&QC
21	H1.01.01.21	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo theo chương trình đào tạo	2016-2020	HVBC&TT
22	H1.01.01.22	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp về tình trạng việc làm theo chương trình đào tạo	2016-2020	HVBC&TT
23	H1.01.01.23	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo theo chương trình đào tạo	2016-2020	HVBC&TT
24	H1.01.01.24	Báo cáo Khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo	2016-2020	HVBC&TT
25	H1.01.01.25	Website HV BC&TT	2020	HVBC & TT
26	H1.01.01.26	Sổ tay sinh viên	2020	HVBC & TT
<b>Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu</b>				

<b>chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT</b>				
27	H1.01.02.01	Quy định hướng dẫn về việc xây dựng, cập nhật CTĐT của HVBCCTT	Số 2645/HD-HVBCCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC & TT
28	H1.01.01.09.DC	Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	Số 1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016	
29	H1.01.01.10.DC	Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông	số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông ngày 11/3/2014	Bộ Thông tin và truyền thông
30	H1.01.01.11.DC	Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24 tháng 01 năm 2014	Bộ Giáo dục và Đào tạo
31	H1.01.02.02	CTĐT ngành Quan hệ công chúng, Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn, ĐHQGHN		Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn
32	H1.01.02.03	CTĐT ngành QHCC, Học viện Ngoại giao		Học viện Ngoại giao
33	H1.01.02.04	CTĐT cử nhân Quảng cáo, truyền thông và thương hiệu, Trường ĐH Middlesex, Anh		
34	H1.01.02.05	Thông tư 04-2016/TTBGĐT quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học	2016	Bộ Giáo dục và Đào tạo
35	H1.01.01.03.DC	Bản mô tả CTĐT ngành QHCC năm 2018	2018	Khoa QHCC&QC
36	H1.01.01.04.DC	Bản mô tả CTĐT ngành QHCC năm 2020	2020	Khoa QHCC&QC
37	H1.01.01.08.DC	Thông tư 07 năm 2015 của BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của người học với giáo dục đại học	Số 07/2015/TT – BGDĐT ngày 16/4/2015	Bộ Giáo dục và Đào tạo
38	H1.01.01.09.DC	Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	Số 1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016	
39	H1.01.02.06	Quyết định về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra trình độ Ngoại ngữ, Tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền		HVBC&TT

40	H1.01.02.07	Ma trận đáp ứng mục tiêu các CDR của CTĐT năm 2020	2020	Khoa QHCC&QC
41	H1.01.02.08	Đề cương chi tiết học phần QHCC 2014	2014	Khoa QHCC&QC
42	H1.01.02.09	Đề cương chi tiết học phần QHCC 2018	2018	Khoa QHCC&QC
43	H1.01.02.10	Đề cương chi tiết học phần QHCC 2020	2020	Khoa QHCC&QC
44	H1.01.02.11	So sánh CDR của CTĐT và CDR của ngành khác trong Học viện	2020	Khoa QHCC&QC
45	H1.01.01.21.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo theo chương trình đào tạo	2016-2020	HVBC&TT
46	H1.01.01.23.DC	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo theo chương trình đào tạo	2016-2020	HVBC&TT
<b>Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai</b>				
47	H1.01.02.01.DC	Quy định hướng dẫn về việc xây dựng, cập nhật CTĐT của HVBC&TT	Số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT
48	H1.01.01.17.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2018	2018	Khoa QHCC&QC
49	H1.01.01.18.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020	2020	Khoa QHCC&QC
50	H1.01.01.21.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo theo chương trình đào tạo	2016-2020	HVBC&TT
51	H1.01.01.22.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp về tình trạng việc làm theo chương trình đào tạo	2016-2020	HVBC&TT
52	H1.01.01.23.DC	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo theo chương trình đào tạo	2016-2020	HVBC&TT
53	H1.01.01.24.DC	Báo cáo Khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo	2016-2020	HVBC&TT
54	H1.01.01.03.DC	CTĐT ngành QHCC của HVBC&TT năm 2018	Quyết định số 4971-QĐ/HVBC&TT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018	HVBC&TT
55	H1.01.01.04.DC	CTĐT ngành QHCC của HVBC&TT năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày	HVBC&TT

			20/9/2020	
56	H1.01.01.14.DC	Bản đối sánh giữa Mục tiêu, tầm nhìn sức mạng của Học viện và Khoa	2020	Khoa QHCC&QC
57	H1.01.01.09.DC	Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	Số 1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016	
58	H1.01.03.01	Bảng đối sánh mục tiêu-chuẩn đầu ra và nhu cầu các bên liên quan	2020	Khoa QHCC&QC
59	H1.01.03.02	Bản đối sánh các phiên bản CTĐT	2020	Khoa QHCC&QC
60	H1.01.02.09.DC	Đề cương chi tiết học phần năm 2018	2018	Khoa QHCC&QC
61	H1.01.02.10.DC	Đề cương chi tiết học phần năm 2020	2020	Khoa QHCC&QC
62	H1.01.02.07.DC	Ma trận đáp ứng mục tiêu các CDR của CTĐT	2020	Khoa QHCC&QC
63	H1.01.01.25.DC	Website HV BC&TT	2020	HVBC & TT
64	H1.01.01.26.DC	Sổ tay sinh viên	2020	HVBC & TT
65	H1.01.03.03	Kế hoạch tổ chức ngày hội Open day	2018-2020	HVBCTT

<b>TIÊU CHUẨN 2:</b>				
<b>BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>				
<i>Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật</i>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
<b>1</b>	<b>H2.02.02.01.DC</b>	<b>Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020</b>		HVBC & TT
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 2643/QĐ-HVBCTT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	2020	HVBC&TT

		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC & TT
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBCTT, ngày 15/05/2020	HVBC & TT
		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành QHCC	2020	HVBC & TT
		Bản nhận xét	2020	HVBC & TT
		Phiếu thẩm định CTĐT	2020	HVBC & TT
		Biên bản thẩm định CTĐT	2020	HVBC & TT
		Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành QHCC	2020	HVBC & TT
2	H2.02.01.02.DC	Bản mô tả CTĐT 2018		HVBC & TT
3	H2.02.01.03.DC	Bản mô tả CTĐT 2020		HVBC & TT
4	H2.02.01.04.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBC & TT
5	H2.02.01.05DC	Đề cương chi tiết học phần	2020	HVBC & TT
6	H2.02.01.06	Bản mô tả CTĐT trường ĐHKHXH&NV		HVBC & TT
7	H2.02.01.07.DC	Báo cáo khảo sát NTD về CLĐT (về CĐR)	2016 - 2020	HVBC & TT
8	H2.02.01.08.DC	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên (về CĐR)	2016 - 2020	HVBC & TT
9	H2.02.01.09.DC	Báo cáo kết quả khảo sát SV sau TN 1 năm (về CTĐT)	2016 - 2020	HVBC & TT
<b>Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.</b>				



TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H2.02.02.01.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật đề cương học phần		HVBC & TT
		Kế hoạch rà soát, cập nhật đề cương ĐCHP		HVBC & TT
		Hướng dẫn rà soát, cập nhật ĐCHP		HVBC & TT
		Biên bản họp khoa về rà soát cập nhật ĐCHP		HVBC & TT
2	H2.02.02.02	Quyết định ban hành ĐCHP 2018	2018	HVBC & TT
3	H2.02.02.03.DC	Quyết định ban hành ĐCHP 2020	2018	HVBC & TT
4	H2.02.01.04.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBC & TT
5	H2.02.01.05.DC	Đề cương chi tiết học phần năm 2020		Khoa QHCC-QC
6	H2.02.02.04.DC	Báo cáo kết quả khảo sát môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HVBC & TT
7	H2.02.02.05	Đường link Website về ĐCHP		Khoa QHCC-QC

***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.***

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
8	H2.02.01.02.DC	Bản mô tả CTĐT 2018	2018	HVBC & TT
9	H2.02.01.03.DC	Bản mô tả CTĐT 2020	2020	HVBC & TT
10	H2.02.01.05.DC	Đề cương chi tiết học phần năm 2020	2020	HVBC & TT
11	H2.02.03.01	Biên bản họp khoa về quảng bá CTĐT	2020	Khoa QHCC-QC
12	H2.02.03.02	Đường link website về Bản mô tả CTĐT	2020	HVBC & TT
13	H2.02.03.03	Sổ tay sinh viên		HVBC & TT

14	H2.02.03.04	<b>Kế hoạch tổ chức ngày hội tuyển sinh AJC Open day</b>	Số 251/ KH-HVBCTT ngày 19/01/2015	HVBC & TT
			Số 2017/ KH-HVBCTT-ĐT ngày 05/06/ 2017	HVBC & TT
			Số 1399/KH-HVBCTT ngày 19/03/2018	HVBC & TT
15	H2.02.03.05	Tờ rơi, fanpage của Khoa	2020	Khoa QHCC-QC
16	H2.02.01.07.DC	Báo cáo khảo sát nhà tuyển dụng về CLĐT	2016 - 2020	HVBC & TT
17	H2.02.01.08.DC	Thống kê kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về CTĐT	2016 - 2020	HVBC & TT

### **TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày/tháng/năm ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
<b><i>Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra</i></b>				
1.	H3.03.01.01.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020	2020	HVBC & TT
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 2643/QĐ-HVBCTT, ngày 29/04/2020	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	2020	
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBCTT, ngày 15/05/2020	
		Biên bản tọa đàm về rà soát, cập nhật CTĐT đại học,  Quyết định thành lập hội đồng	2020	

		thẩm định CTĐT,  Bản nhận xét và phiếu thẩm định của các thành viên trong hội đồng,  Biên bản nghiệm thu CTĐT		
2.	H3.03.01.02.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBC & TT
3.	H3.03.01.03	Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.	Số 04/2016/TTBDGDĐT Bộ GD-ĐT	Bộ GD-ĐT
4.	H3.03.01.04	Thông tư 07 năm 2015 của BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của người học với giáo dục đại học	Số 07/2015/TT – BGDĐT ngày 16/4/2015	Bộ GD – ĐT
5.	H3.03.01.05	Tiến độ giảng dạy	2016 -2020	Khoa QHCC & QC
6.	H3.03.01.06.DC	Đề cương chi tiết học phần năm 2020	2020	Khoa QHCC & QC
7.	H3.03.01.07.DC	Ma trận CĐR và phương pháp dạy học năm 2020	2020	Khoa QHCC & QC
8.	H3.03.01.08.DC	Ma trận CĐR và hình thức kiểm tra đánh giá năm 2020	2020	Khoa QHCC & QC
9.	H3.03.01.09	Hồ sơ giảng dạy của GV	2016 -2020	HVBC & TT
10.	H3.03.01.10.DC	Đường link Website về CTDH	2020	HVBC & TT
11.	H3.03.01.11.DC	Báo cáo kết quả khảo sát người học về môn học, giờ giảng	2016 -2020	HVBC & TT
12.	H3.03.01.12.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo theo CTĐT; Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo theo CTĐT	2016 -2020	HVBC & TT
13.	H3.03.01.13.DC	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo theo CTĐT	2016 -2020	HVBC & TT
14.	H3.03.01.14.DC	Báo cáo kết quả khảo sát Nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo	2016 -2020	HVBC & TT

<b>Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng</b>				
1.	H3.03.01.01.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020	2020	HVBC & TT
2.	H3.03.01.02.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBC & TT
3.	H3.03.01.06.DC	Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	Khoa QHCC & QC
4.	H3.03.02.01	Hướng dẫn thiết kế và sử dụng phương pháp dạy học đáp ứng CĐR	Số 2663/HD-HVBCTT ngày 09/07/2020	HVBC & TT
5.	H3.03.02.02	Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần	Số: 2647/ HD-HVBCTT ngày 09/07/202	HVBC & TT
6.	H3.03.01.07.DC	Ma trận CĐR và phương pháp dạy học năm 2020	2020	Khoa QHCC & QC
7.	H3.03.01.08.DC	Ma trận CĐR và hình thức kiểm tra đánh giá năm 2020	2020	Khoa QHCC & QC
8.	H3.03.02.03.DC	CTĐT Quan hệ công chúng, Đại học KHXH&NV, Hà Nội	2017	ĐHKH XH&NV
9.	H3.03.02.04.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2016	2016	HVBC & TT
10.	H3.03.02.05.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2018	Quyết định số 4971-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018	HV BC & TT
11.	H3.03.01.11.DC	Báo cáo Khảo sát môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HVBC & TT
12.	H3.03.01.12.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo theo CTĐT; Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo theo CTĐT	2016 - 2020	HVBC & TT
13.	H3.03.01.13.DC	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo theo CTĐT	2016 -2020	HVBC & TT
14.	H3.03.01.14.DC	Báo cáo kết quả khảo sát Nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo (2016-2020)	2016 -2020	HVBC & TT
<b>Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.</b>				
15.	H3.03.03.01.DC	Ma trận mục tiêu- CĐR của	2020	KhoaQ

		CTĐT		HCC& QC
16.	H3.03.01.02.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBC & TT
17.	H3.03.03.02	CTĐT Quảng cáo, QHCC và Thương hiệu, Đại học Middlesex, Anh Quốc.	2020	Đại học Middlesex, Anh Quốc.
18.	H3.03.02.03.DC	CTĐT Quan hệ công chúng, Đại học KHXH&NV, Hà Nội	2017	Đại học KHXH & NV
19.	H3.03.03.03	Bản đối sánh CTĐT với CTĐT Trường ĐH Middlesex - Anh Quốc	2020	Khoa QHCC & QC
20.	H3.03.03.04	Bản đối sánh CTĐT với CTĐT ĐHKHXHNV	2020	Khoa QHCC & QC
21.	H3.03.01.01.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo năm 2020 - Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT đại học - Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện rà soát, cập nhật CTĐT đại học - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT - Bản nhận xét và phiếu thẩm định của các thành viên trong hội đồng - Biên bản tọa đàm về rà soát, cập nhật CTĐT đại học - Biên bản nghiệm thu CTĐT 2020	HD: Số 2645/ HD – HVBCTT – ĐT Ngày 31/05/2020 HV BC & TT	HV BC & TT
22.	H3.03.03.05	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2018	2018	HVBC & TT
23.	H3.03.03.06.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2016	2016	HVBC & TT
24.	H3.03.01.11.DC	Báo cáo Khảo sát môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HV BC & TT
25.	H3.03.01.12.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo theo CTĐT; Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo theo CTĐT	2016 - 2020	HV BC & TT
26.	H3.03.01.13.DC	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên về chất lượng đào tạo theo	2016 - 2020	HV BC & TT

		CTĐT		
27.	H3.03.01.14.DC	Báo cáo kết quả khảo sát Nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo (2016-2020)	2016 - 2020	HV BC & TT
28.	H3.03.01.10.DC	Đường link Website về CTDH	2016 - 2020	HV BC & TT
29.	H3.03.02.04.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2016	2016	HV BC & TT
30.	H3.03.02.05.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2018	Quyết định số 4971-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018	HV BC & TT
31.	H3.03.03.07	Bảng đối sánh các phiên bản của CTĐT	2020	Khoa QHCC & QC
32.	H3.03.03.08	Bản giải trình sự liên thông của chương trình đào tạo giữa ngành QHCC và ngành QC	2020	Khoa QHCC & QC

<b>TIÊU CHUẨN 4:</b>				
<b>PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DẠY VÀ HỌC</b>				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng/năm ban hành	Nơi ban hành
<b><i>Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan</i></b>				
1.	H4.04.01.01	Chiến lược phát triển của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (trong đó có Sứ mệnh, triết lý giáo dục của Học viện)	770/QĐ-HVBCTT ngày 20/2/2017	HVBC & TT
2.	H4.04.01.02.DC	Chiến lược phát triển của Khoa (trong đó có triết lý giáo dục của Khoa)	2020	Khoa QHCC & QC
3.	H4.04.01.03.DC	Chương trình đào tạo khoa QHCC 2014	Quyết định số 3331/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2014	HVBC & TT
4.	H4.04.01.04.DC	Chương trình đào tạo khoa QHCC 2016	2016	HVBC & TT

5.	H4.04.01.05.DC	Chương trình đào tạo khoa QHCC 2018	Quyết định số 4971-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018	HVBC& TT
6.	H4.04.01.06.DC	Chương trình đào tạo khoa QHCC 2020	Số 3906-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBC& TT
7.	H4.04.01.07	Bảng tổng hợp các hình thức dạy học tỷ lệ % thể hiện triết lý dạy học	2020	Khoa QHCC& QC
8.	H4.04.01.08.DC	Chương trình đào tạo khoa QHCC năm 2020 (Ma trận phương pháp dạy học và chuẩn đầu ra)	2020	Khoa QHCC& QC
9.	H4.04.01.09.DC	Đề cương chi tiết học phần năm 2020	2020	Khoa QHCC& QC
10.	H4.04.01.10	Kế hoạch, chương trình gặp mặt đầu khóa (Khai giảng đầu khóa, gặp mặt đầu khóa mới của Khoa)	2016-2020	Khoa QHCC& QC
11.	H4.04.01.11	Tờ rơi (có nội dung về CTĐT)	2020	Khoa QHCC& QC
12.	H4.04.01.12	Biên bản họp khoa (nội dung về mục tiêu, cách thức dạy học (2018 - 2020))	2018-2020	Khoa QHCC& QC
13.	H4.04.01.13.DC	Thống kê công trình nghiên cứu khoa học (đề tài khoa học sinh viên, hội thảo khoa học, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa, tập huấn cho sinh viên, khảo sát thực tế) sinh viên 2016-2020 (Hướng tới chứng minh hiệu quả của mục tiêu giáo dục)	2016-2020	Khoa QHCC& QC
14.	H4.04.01.14.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016-2020	HVBC& TT
15.	H4.04.01.15	Thống kê lĩnh vực làm/ vị trí việc làm của cựu sinh viên ra trường đã làm: phục vụ cộng đồng	2016-2020	Khoa QHCC& QC. HVBC& TT
	H4.04.01.16.DC	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo	2016-2020	HVBC& TT
<b>Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra</b>				
16.	H4.04.02.01	Quy định hướng dẫn, thiết kế	Số 2663/HD-HVBCTT	HVBC

		phương pháp giảng dạy	(09/07/2020)	&TT
17.	H4.04.02.02	Thống kê các lớp bồi dưỡng về phương pháp, thiết kế tổ chức hoạt động học tập	2016-2020	HVBC &TT
18.	H4.04.02.03	Thống kê hội thảo, tọa đàm và kỹ yếu hội thảo về đổi mới giảng dạy và học tập	2016-2020	HVBC &TT
19.	H4.04.02.04	Thống kê hội thảo, tọa đàm của nhà trường (AJC) liên quan đến phương pháp giảng dạy	2016-2020	HVBC &TT
20.	H4.04.02.05	Thống kê số lượng, danh mục trang thiết bị dạy học, phòng thực hành và CNTT phục vụ CTĐT qua các năm	2016-2020	HVBC &TT
21.	H4.04.02.06	Thống kê số lượng và danh mục Hệ thống công nghệ thông tin gồm: hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và các hệ mạng truyền thông, phòng họp và thiết bị trực tuyến, trang thông tin điện tử, các web quản lý và ứng dụng, hệ thống eLearning, ...; Hệ thống các phần mềm diệt virus, giải pháp đảm bảo an toàn thông tin	2016-2020	HVBC &TT
22.	H4.04.02.07	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT giai đoạn 2016-2018	2016-2018	Khoa QHCC &QC
23.	H4.04.02.08	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2020	2020	Khoa QHCC &QC
24.	H4.04.02.09	Biên bản họp tổ bộ môn (rà soát đề cương học phần: số họp của tổ bộ môn/ khoa)	2016-2020	Khoa QHCC &QC
25.	H4.04.02.10	Khảo sát nhu cầu sinh viên đầu/giữa hoặc cuối môn học (về mong muốn, nhu cầu, kỳ vọng về phương pháp học...)	2016-2020	HVBC &TT
26.	H4.04.02.11	Kế hoạch học tập với Đại học Sookmyung, Hàn Quốc Danh sách sinh viên học tại lớp bồi dưỡng với trường Đại học Sookmyung, Hàn Quốc Kết quả học tập của sinh viên khoa QHCC trong khóa học bồi dưỡng i trường Đại học	2018-2020	HVBC &TT



		Sookmyung, Hàn Quốc		
27.		Công thông tin sinh viên		
28.	H4.04.02.12	Báo cáo khảo sát môn học, giờ giảng	2016-2020	HVBC & TT
29.	H4.04.01.14.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016-2020	HVBC & TT
30.	H4.04.02.13	Báo cáo khảo sát CB, GV, NV về chất lượng đào tạo	2016-2020	HVBC & TT
31.	H4.04.01.16.DC	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo	2016-2020	HVBC & TT
32.	H4.04.02.14	Thống kê danh sách công trình nghiên cứu khoa học được áp dụng trong giảng dạy của giảng viên	2016-2020	HVBC & TT
33.	H4.04.02.15	Minh chứng thư viện trực tuyến trên trang web của Học viện	2016-2020	HVBC & TT
34.	H4.04.01.04.DC	Thống kê công trình nghiên cứu khoa học (đề tài khoa học sinh viên, hội thảo khoa học, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa, tập huấn cho sinh viên, khảo sát thực tế) sinh viên 2016-2020 (Hướng tới chứng minh hiệu quả của mục tiêu giáo dục)	2016-2020	HVBC & TT
35.	H4.04.01.09.DC	Đề cương chi tiết học phần năm 2020	2020	Khoa QHCC & QC
36.	H4.04.02.16	Ma trận PP, hình thức DH và CDR: theo thời kỳ 2016-2018-2020 kèm minh chứng đề cương học phần	2016-2020	Khoa QHCC & QC
37.	H4.04.02.17	Danh sách cơ quan các cơ sở, doanh nghiệp kết hợp với Khoa trong hỗ trợ đào tạo, kiến tập, thực tập...	2016-2020	Khoa QHCC & QC
38.	H4.04.02.18	Minh chứng hợp tác giữa nhà trường /Khoa (nếu có) với nhà tuyển dụng, doanh nghiệp	2016-2020	Khoa QHCC & QC
39.	H4.04.02.19	Báo cáo tổng kết năm học (thể hiện được hoạt động phục vụ cộng đồng)	2016-2020	Khoa QHCC & QC
40.	H4.04.02.20	Kế hoạch chào K: Sự kiện của sinh viên: chào K, phương pháp học tập	2016-2020	Khoa QHCC & QC

41.	H4.04.02.21	Quyết định thành lập câu lạc bộ (ảnh chụp hoạt động...)	2016-2020	Khoa QHCC & QC
<b>Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học</b>				
42.	H4.04.01.02.DC	Chiến lược phát triển của Khoa (trong đó có triết lý giáo dục của Khoa)	2020	Khoa QHCC & QC
43.	H4.04.01.03.DC	Chương trình đào tạo khoa QHCC 2014	Quyết định số 3331/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2014	HVBC & TT
44.	H4.04.01.04.DC	Chương trình đào tạo khoa QHCC 2016	2016	HVBC & TT
45.	H4.04.01.05.DC	Chương trình đào tạo khoa QHCC 2018	Quyết định số 4971-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018	HVBC & TT
46.	H4.04.01.06.DC	Chương trình đào tạo khoa QHCC 2020	Số 3906-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBC & TT
47.	H4.04.01.04.DC	Thống kê công trình nghiên cứu khoa học (đề tài khoa học sinh viên, hội thảo khoa học, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa, tập huấn cho sinh viên, khảo sát thực tế) sinh viên 2016-2020 (Hướng tới chứng minh hiệu quả của mục tiêu giáo dục)	2016-2020	HVBC & TT
48.	H1.01.02.08.DC	Đề cương chi tiết học phần năm 2016	2016	Khoa QHCC & QC
49.	H1.01.02.09.DC	Đề cương chi tiết học phần năm 2018	2018	Khoa QHCC & QC
50.	H4.04.01.09.DC	Đề cương chi tiết học phần năm 2020	2020	Khoa QHCC & QC
51.	H4.04.02.12	Báo cáo khảo sát môn học, giờ giảng	2016-2020	HVBC & TT
52.	H4.04.02.07.DC	Khảo sát nhu cầu sinh viên đầu/giữa hoặc cuối môn học (về mong muốn, nhu cầu, kỳ vọng về phương pháp học...)		Khoa QHCC & QC
53.	H4.04.03.01	Thống kê hội thảo, tọa đàm và kỹ yếu hội thảo về đổi mới giảng dạy và học tập	2016-2020	Khoa QHCC & QC
54.	H4.04.01.04.DC	Thống kê công trình nghiên cứu khoa học (đề tài khoa học	2016-2020	Khoa QHCC

		sinh viên, hội thảo khoa học, tọa đàm, hoạt động ngoại khóa, tập huấn cho sinh viên, khảo sát thực tế) sinh viên 2016-2020 (Hướng tới chứng minh hiệu quả của mục tiêu giáo dục)		&QC
55.	H4.04.03.02	Thống kê các sản phẩm của sinh viên (như Dự án, Bài thuyết trình, clip... Tiêu chí đánh giá sản phẩm, dự án, thể hiện được việc đánh giá khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.	2016-2020	Khoa QHCC &QC
	H4.04.03.03	Thống kê các lớp bồi dưỡng cho sinh viên (kỹ năng mềm, phương pháp giảng dạy,...)	2016-2020	Khoa QHCC &QC

<b>TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN</b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số, ngày/tháng/ năm ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
<b>5.1 Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra</b>				
1	H5.05.01.01.DC	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC và TT (Quy định về học song bằng, học vượt)	Số 3777/QĐ – HVBC TT-ĐT ngày 18/10/2017	HV BC & TT
2	H5.05.01.02.DC	Sổ tay sinh viên	2016 - 2020	HV BC & TT
3	H5.05.01.03.DC	Đề cương chi tiết học phần	2016 -2020	Khoa QHCC &QC
4	H5.05.01.04.DC	Quyết định về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2020	Số 3906-QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 20/9/2020	HVBC & TT
5	H5.05.01.05.DC	Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần	Số: 2647/ HD-HVBC TT ngày 09/07/2020	HV BC & TT
6	H5.05.01.06	Ma trận hình thức kiểm tra đánh giá – CĐR	2020	Khoa QHCC &QC
7	H5.05.01.07.DC	Bảng thống kê các hình thức kiểm tra đánh giá	2016 - 2020	Khoa QHCC

				&QC
8	H5.05.01.08.DC	Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi	2016 - 2020	HVBC &TT
9	H5.05.01.09.DC	- Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2016 – 2018 - Báo cáo kết quả công tác Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo; phương hướng, nhiệm vụ công tác Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo .	2016 - 2020	HVBC &TT
10	H5.05.01.10	Biên bản họp khoa (về việc cử giảng viên hướng dẫn Khóa luận tốt nghiệp: Thể thức khóa luận Nội dung/ tên đề tài)	2016 - 2020	Khoa QHCC &QC
11	H5.05.01.11	Danh sách phân công cán bộ hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp	2016 - 2020	Khoa QHCC &QC
12	H5.05.01.12	Biên bản họp phản ánh tình hình sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHCC &QC
13	H5.05.01.13	MC về các biện pháp hỗ trợ người học (Ảnh chụp emails liên lạc, tin nhắn của giảng viên và sinh viên thực hiện khóa luận)	2016 - 2020	Khoa QHCC &QC
14	H5.05.01.14.DC	Hồ sơ chấm khóa luận tốt nghiệp	2016 - 2020	Khoa QHCC &QC
15	H5.05.01.15	Thống kê các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học kèm quyết định và danh sách SV	2016 - 2020	HVBC &TT
16	H5.05.01.16	Danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp trên webiste	2016 - 2020	HVBC &TT
17	H5.05.01.17.DC	Báo cáo kết quả khảo sát môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HVBC &TT
18	H5.05.01.18.DC	Báo cáo khảo sát sinh viên cuối khoá về CLĐT	2016 - 2020	HVBC &TT
19	H5.05.01.19	Báo cáo khảo sát sinh viên tốt nghiệp về CLĐT	2016 - 2020	HVBC &TT
<b>Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học</b>				
20	H5.05.01.01.DC	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín	Số 3777/QĐ – HVBC TT-ĐT ngày 18/10/2017	HVBC &TT

		chỉ của HVBC và TT (Quy định về học song bằng, học vượt)		
21	H5.05.02.01.DC	Quyết định về việc ban hành quy định về công tác khảo thí (Quy định xây dựng đề thi, đánh giá đề thi; quy định phúc khảo)	Số 2989/QĐ-HVBC TT-KT; ngày 01/9/2017	HV BC & TT
22	H5.05.02.02	Đề án tuyển sinh	2016 - 2020	HV BC & TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2017	589/QĐHVBC TT ngày 10/2/2017	HVBC & TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2018	1269/QĐHVBC TT ngày 19/3/2018	HVBC & TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2019	1326/QĐHVBC TT ngày 18/3/2019	HVBC & TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2020	Số 1650-ĐA/HVBC TTĐT ngày 11/5/2020	HVBC & TT
23	H5.05.02.03	Quy chế tuyển sinh ĐH hệ chính quy của Bộ GD&ĐT	Ban hành kèm Thông tư số 05/2017/TTBGDĐT ngày 25 tháng 2 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD	Bộ GD-ĐT
24	H5.05.01.03.DC	Đề cương chi tiết học phần	2016 - 2020	Khoa QHCC & QC
25	H5.05.01.02.DC	Sổ tay sinh viên	2016 - 2020	HVBC & TT
26	H5.05.02.04	Website Học viện (ảnh chụp link quy định) về quy chế đào tạo tín chỉ	2020	HVBC & TT
27	H5.05.02.05	Đường link Website về kế hoạch, về thời gian thi tuyển sinh đầu vào, kết thúc học phần, thay thế tốt nghiệp, quy trình kiểm tra đánh giá học phần.	2020	HVBC & TT
28	H5.05.02.06	Quy định Chuẩn đầu ra trình độ Ngoại ngữ, Tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Ban hành kèm Quyết định số 435/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 22/02/2016	HV BC & TT

29	H5.05.01.05.DC	Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần	Số: 2647/ HD-HVBCTT ngày 09/07/2020	HV BC & TT
30	H5.05.01.08.DC	Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi	Ngày 30/11/2015 Ngày Bổ sung quy định 2020	HV BC & TT
31	H5.05.02.07	Báo cáo kiên tập, thực tập	2016 - 2020	Khoa QHCC & QC
32	H5.05.02.08	Website Học viện (liên quan đến khảo thí).	2016 - 2020	HV BC & TT
33	H5.05.01.09.DC	- Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2016 – 2018 - Báo cáo kết quả công tác Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo năm 2019; phương hướng, nhiệm vụ công tác Khảo thí và Kiểm định chất đào tạo năm 2020	2016 - 2020  Ngày 3/12/2016 Ngày 17/11/2017  Ngày 11/11/2019	HV BC & TT
34	H5.05.01.14.DC	Hồ sơ chấm khoá luận tốt nghiệp	2016 - 2020	Khoa QHCC & QC
35	H5.05.01.17.DC	Báo cáo kết quả khảo sát môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HVBC & TT
36	H5.05.01.18.DC	Báo cáo khảo sát sinh viên cuối khoá về CLĐT	2016 - 2020	HVBC & TT
37	H5.05.02.09.DC	Minh chứng về việc thực hiện quy trình phúc khảo: Danh sách thống kê sinh viên xin phúc khảo; đơn xin phúc khảo, bài phúc tra, phúc khảo, kết quả phúc tra, phúc khảo. (2017-2020)	2016 - 2020	HVBC & TT
<b>Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng</b>				
38	H5.05.01.07.DC	Bảng thống kê các hình thức kiểm tra đánh giá (Mẫu đề thi, kiểm tra đánh giá trong CTĐT (các loại hình kiểm tra đánh giá); mẫu bài thi, sản phẩm (theo các loại hình kiểm tra đánh giá)	2020	Khoa QHCC & QC
39	H5.05.01.01.DC	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC và TT (Quy	Số 3777/QĐ – HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017	HV BC & TT

		định về học song bằng, học vượt)		
40	H5.05.02.01.DC	Quyết định về việc ban hành quy định về công tác khảo thí (Quy định xây dựng đề thi, đánh giá đề thi; quy định phúc khảo)	Số 2989/QĐ-HVBCTT-KT; ngày 01/9/2017	HV BC & TT
41	H5.05.01.05.DC	Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần	Số: 2647/ HDHVBCTT ngày 09/07/2020	HV BC & TT
42	H5.05.01.03.DC	Đề cương chi tiết học phần	2016 - 2020	Khoa QHCC &QC
43	H5.05.01.08.DC	Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi	2016 - 2020	HV BC & TT
44	H5.05.03.01.DC	Hồ sơ xây dựng đề thi, cập nhật Ngân hàng câu hỏi - Kế hoạch - Bảng phân công GV xây dựng đề thi - Biên bản họp khoa - Ngân hàng câu hỏi - Biên bản nghiệm thu	2016 - 2020	Khoa QHCC &QC
45	H5.05.03.02.DC	Quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi	Số 2648/QĐ-HVBCTT ngày 9/7/2020	HV BC & TT
46	H5.05.03.03.DC	Danh sách cán bộ chấm thi, phiếu chấm, bài thi, kết quả biểu 4	2016 - 2020	Khoa QHCC &QC
47	H5.05.03.04.DC	Quyết định về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 1117/QĐHVBCTT - ĐT ngày 9 tháng 3 năm 2018	HV BC & TT
48	H5.05.02.09.DC	Minh chứng về việc thực hiện quy trình phúc khảo: Danh sách thống kê sinh viên xin phúc khảo; đơn xin phúc khảo, bài phúc tra, phúc khảo, kết quả phúc tra, phúc khảo.	2016 - 2020	HV BC & TT
49	H5.05.03.05	Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ năm học của Khoa (có nội dung thảo luận về sự đa dạng, mức độ tin cậy công bằng của đề thi, công tác tổ chức thi)	2016 - 2020	Khoa QHCC &QC
50	H5.05.03.06	Bảng phân công hướng	2016 - 2020	Khoa

		dẫn học phần kiến tập, thực tập, thực tế kinh tế-xã hội Quyết định về giảng viên hướng dẫn kiến tập, thực tập của Học viện		QHCC & QC
51	H5.05.03.07	Quy định hướng dẫn thực hiện khoá luận TN	2016 - 2020	HVBC & TT
52	H5.05.01.18.DC	Báo cáo khảo sát sinh viên cuối khoá về CLĐT	2016 - 2020	HVBC & TT
<b><i>Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập</i></b>				
53	H5.05.02.01.DC	Quyết định về việc ban hành quy định về công tác khảo thí (Quy định xây dựng đề thi, đánh giá đề thi; quy định phúc khảo)	Số 2989/QĐ-HVBCTT-KT; ngày 01/9/2017	HVBC & TT
54	H5.05.01.01.DC	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC và TT (Quy định về học song bằng, học vượt)	Số 3777/QĐ – HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017	HVBC & TT
55	H5.05.04.01	Cổng thông tin trực tuyến của sinh viên		HVBC & TT
56	H5.05.04.02	Biên bản họp cố vấn học tập với lớp về việc khen thưởng SV có kết quả học tập tốt, liên quan đến khiếu nại học tập	2016 - 2020	Khoa QHCC & QC
57	H5.05.04.03	Biên bản họp phản ánh tình hình sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHCC & QC
58	H5.05.04.04	Đối thoại giữa BGĐ HV và sinh viên các năm	2016 - 2020	HVBC & TT
59	H5.05.04.05	Phương hướng hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo, tồn đọng của Khoa (Biên bản họp phản ánh sinh viên: chủ trì có đưa ra giải pháp (sổ họp phản ánh sinh viên hàng tháng) - Biên bản họp lớp của cố vấn: hoặc chụp màn hình điện thoại đã trao đổi với sv và gia đình - Danh sách học cải thiện, vét qua các kỳ	2016 - 2020	Khoa QHCC & QC
60	H5.05.01.17.DC	Báo cáo khảo sát SV về môn	2016 - 2020	HVBC



		học, giờ giảng		&TT
61	<b>Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập</b>			
62	H5.05.02.01.DC	Quyết định về việc ban hành quy định về công tác khảo thí (Quy định xây dựng đề thi, đánh giá đề thi; quy định phúc khảo)	Số 2989/QĐ-HVBCCTT-KT; ngày 01/9/2017	HVBC&TT
63	H5.05.03.04.DC	Quyết định về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 1117/QĐ-HVBCCTT - ĐT ngày 9 tháng 3 năm 2018	HVBC&TT
64	H5.05.05.01	Kế hoạch buổi gặp mặt SV đầu khoá	2016 - 2020	Khoa QHCC&QC
65	H5.05.05.02	Website Học viện (ảnh chụp Quy định phúc khảo)	2016 - 2020	HV BC&TT
66	H5.05.01.01.DC	Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC và TT (Quy định về học song bằng, học vượt)	Số 3777/QĐHVBCCTT-ĐH; ngày 18/10/2017	HV BC&TT
67	H5.05.01.02.DC	Sổ tay sinh viên	2016 - 2020	HV BC&TT
68	H5.05.02.09.DC	Minh chứng về việc thực hiện quy trình phúc khảo: Danh sách thống kê sinh viên xin phúc khảo; đơn xin phúc khảo, bài phúc tra, phúc khảo, kết quả phúc tra, phúc khảo. (2017-2020)	2016 - 2020	HV BC&TT
69	H5.05.05.03	Biên bản họp cố vấn học tập với lớp về việc khen thưởng SV có kết quả học tập tốt, liên quan đến khiếu nại kết quả học tập	2016 - 2020	Khoa QHCC&QC
70	H5.05.01.17.DC	Báo cáo kết quả khảo sát môn học, giờ giảng	2016 - 2020	HV BC&TT
71	H5.05.01.18.DC	Báo cáo khảo sát sinh viên cuối khoá về CLĐT	2016 - 2020	HV BC&TT

<b>TIÊU CHUẨN 6</b>				
<b>Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</b>				
TT	Mã minh	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban	Nơi

	<b>chứng</b>		<b>hành</b>	<b>ban hành</b>
1	H6.06.01.01.DC	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC &TT
2	H6.06.01.02.DC	Chiến lược phát triển của Khoa QHCC&QC đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa QHCC &QC
3	H6.06.01.03.DC	QĐ phê duyệt Đề án vị trí việc làm		HVBC &TT
4	H6.06.01.04.DC	Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC hàng năm (2016-2020)	2016-2020	Khoa QHCC &QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2016	2016	Khoa QHCC &QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2017	2017	Khoa QHCC &QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2018	2018	Khoa QHCC &QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2019	2019	Khoa QHCC &QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2020	2020	Khoa QHCC &QC
	H6.06.01.05.DC	Hồ sơ quy trình tuyển dụng cán bộ (Kế hoạch, thông báo, Quyết định hội đồng, Quyết định tuyển dụng, Hợp đồng) 2016 – 2020	2016-2020	HVBC &TT
5		HĐLĐ của ThS.Vũ Hạnh Ngân (2017)	3932/HĐLĐ-HVBC&TT ngày 1/11/2017	HVBC &TT
		Thông báo tuyển dụng viên chức (2017)	3768/TB-HVBC&TT ngày 24/10/2017	HVBC &TT
		QĐ v/v công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét tuyển đặc cách viên chức HVBC&TT	4673/QĐ-HVBC&TT ngày 13/12/2017	HVBC &TT
		Hợp đồng làm việc của ThS. Lê Thị Thùy Linh	4694/HĐ-HVBC&TT ngày 15/12/2017	HVBC &TT

6	H6.06.01.06.DC	Hồ sơ quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (Quyết định bổ nhiệm, Biên bản họp lấy phiếu tín nhiệm, v.v.) 2016 - 2020	2016-2020	HVBC & TT
		QĐ v/v bổ nhiệm lại cán bộ quản lý	6507-QĐ/HVBC TT ngày 31/12/2019	HVBC & TT
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa QHCC&QC (Khoa)	2019	HVBC & TT
		Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức Khoa QHCC&QC v/v lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm lại Phó trưởng khoa	2019	HVBC & TT
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa QHCC&QC (Đảng Ủy)	2019	HVBC & TT
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa QHCC&QC (BGĐ HVBC TT)	2019	HVBC & TT
7	H6.06.01.07.DC	Báo cáo tổng kết năm học của Khoa QHCC&QC (2016-2020)	2016-2020	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của Khoa QHCC&QC năm 2016	2016	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của Khoa QHCC&QC năm 2017	2017	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của Khoa QHCC&QC năm 2018	2018	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của Khoa QHCC&QC năm 2019	2019	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của Khoa QHCC&QC năm 2020	2020	
8	H6.06.01.08.DC	QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức		HVCT QGHC M, HVBC

				TT
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2013)	1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02/5/2013	HVCT QGHC M
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2014)	2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014	HVBC &TT
9	H6.06.01.09.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý		HVCT QGHC M
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2016)	4503/QĐ-HVCTQG ngày 12/10/2016	HVCT QGHC M
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2019)	339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019	HVCT QGHC M
10	H6.06.01.10	QĐ v/v ban hành Quy định về GV thỉnh giảng		HVCT QGHC M, HVBC &TT
		QĐ v/v ban hành Quy định về GV thỉnh giảng tại HVBC&TT	1938/QĐ-HVBC&TT-TCCB ngày 12/8/2013	HVBC &TT
		QĐ v/v ban hành Quy định về GV thỉnh giảng, kiêm nhiệm của HVCTQGHC	1212/QĐ-HVCTQG ngày 1/4/2015	HVCT QGHC M
11	H6.06.01.11.DC	Tiêu chí tuyển dụng giảng viên của Khoa QHCC & QC		Khoa QHCC &QC
12	H6.06.01.12.DC	Thống kê và danh sách cùng hồ sơ giảng viên của ngành QHCC theo bằng cấp, trình độ học vị, học hàm; giới tính; độ tuổi đội ngũ GV	2016-2020	HVBC &TT
		Thống kê số lượng giảng viên của ngành	2016-2020	HVBC &TT
		Danh sách giảng viên của ngành	2016-2020	HVBC &TT

		Hồ sơ giảng viên của ngành	2016-2020	HVBC & TT
13	H6.06.01.13.DC	Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng (2016-2020)	2016-2020	HVBC & TT
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2016	2016	HVBC & TT
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2017	2017	HVBC & TT
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2018	2018	HVBC & TT
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2019	2019	HVBC & TT
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2020	2020	HVBC & TT
14	H6.06.01.14.DC	QĐ, Danh sách, kinh phí chi đào tạo bồi dưỡng giảng viên hàng năm	2016-2020	HVBC & TT
		QĐ và danh sách cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (2016-2020)	2016-2020	HVBC & TT
		Thống kê các loại hình đào tạo bồi dưỡng; số lượng GV tham gia 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
		Thống kê kinh phí chi cho đào tạo, bồi dưỡng GV hàng năm (2016-2020)	2016-2020	HVBC & TT
15	H6.06.01.15	QĐ cử CB đi đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn	2016-2020	HVBC & TT
		QĐ cử CB đi học lớp cao cấp chính trị	2016-2020	HVBC & TT
		QĐ cử CB đi học lớp Kinh điển Mác - Lênin	2016-2020	HVBC & TT
		QĐ cử CB đi học lớp bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước	2016-2020	HVBC & TT
16	H6.06.01.16.DC	QĐ bổ nhiệm, không bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Khoa	2016-2020	HVBC & TT
		QĐ v/v bổ nhiệm trưởng bộ môn Quan hệ công chúng (đ/c Đinh Thị Thúy Hằng)	2531/QĐ-HVBC&TT-TCCB ngày 31/7/2014	HVBC & TT
		QĐ v/v bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý (đ/c	6507-QĐ/HVBC&TT ngày 31/12/2019	HVBC & TT

		Nguyễn Thị Minh Hiền)		
		QĐ v/v không bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý (đ/c Đỗ Thị Minh Hiền)	2343-QĐ/HVBC&TT ngày 30/5/2018	HVBC &TT
17	H6.06.01.17.DC	QĐ điều chuyển GV	2016-2020	HVBC &TT
		QĐ v/v chuyển chuyên cán bộ, viên chức (đ/c Đỗ Chí Nghĩa)		HVBC &TT
		QĐ v/v điều động cán bộ, viên chức (đ/c Vũ Thị Kim Hoa)	3647/QĐ-HVBC&TT ngày 12/10/2017	HVBC &TT
		QĐ v/v chuyển chuyên cán bộ, viên chức (đ/c Phạm Hải Chung)	6312-QĐ/HVBC&TT ngày 25/12/2019	HVBC &TT
18	H6.06.01.18	QĐ kéo dài thời gian lao động đối với giảng viên nghỉ hưu (đ/c Đinh Thị Thúy Hằng)	1745-QĐ/HVBC&TT ngày 9/4/2019	HVBC &TT
19	H6.06.01.19.DC	Quy chế CTNB v/v hỗ trợ cán bộ viên chức đi học, khen thưởng động viên...		HVBC &TT
		QĐ v/v điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ lần 3	977/QĐ-HVBC&TT ngày 2/4/2014	HVBC &TT
		QĐ v/v Ban hành điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại HVBC&TT	1818/QĐ-HVBC&TT ngày 24/4/2018	HVBC &TT
20	H6.06.01.20.DC	Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT (2016-2020)	2016-2020	HVBC &TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2016	2016	HVBC &TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2017	2017	HVBC &TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2018	2018	HVBC &TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2019	2019	HVBC &TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2020	2020	HVBC &TT

		2020		
21	H6.06.01.21	Kế hoạch xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý HVBC TT giai đoạn 2016-2020	404/KH-HVBC&TT ngày 17/2/2016	HVBC &TT
		Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020	5949-KH/HVBC TT ngày 21/12/2018	HVBC &TT
22	H6.06.01.22	Danh sách thống kê GV cơ hữu của Khoa QHCC&QC	2020	Khoa QHCC &QC
23	H6.06.01.23	MC GV tham gia chương trình Middlesex (QĐ cử GV tham gia chương trình)		HVBC &TT
24	H6.06.01.24.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCT QGHC M
25	H6.06.01.06.DC	MC lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm cán bộ quản lý (đ/c Nguyễn Thị Minh Hiền)	2019	Khoa QHCC &QC
26	H6.06.01.25.DC	BB họp khoa thông qua cho GV tập sự của khoa (đ/c Vũ Hạnh Ngân)	2018	Khoa QHCC &QC
<b>Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ ngày, tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
27	H6.06.02.01.DC	QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 01/3/2018	HVBC &TT
28	H6.06.01.03.DC	QĐ phê duyệt Đề án vị trí việc làm		HVBC &TT
29	H6.06.02.02.DC	Thống kê khối lượng công việc của từng cá nhân (giờ giảng, nghiên cứu khoa học, công việc khác)	2016-2020	Khoa QHCC &QC
30	H6.06.02.03.DC	Thống kê các hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của GV	2016-2020	Khoa QHCC &QC

31	H6.06.02.04	Bảng thống kê thi đua khen thưởng/đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV, NCV	2016-2020	Khoa QHCC & QC
32	H6.06.02.05	Danh sách giảng viên cơ hữu ngành QHCC qua các năm	2016-2020	Khoa QHCC & QC
		Thống kê số lượng Giảng viên ngành QHCC qua các năm	2016-2020	Khoa QHCC & QC
33	H6.06.02.06	Thống kê người học theo ngành qua các năm	2016-2020	HVBC & TT
34	H6.06.02.07	Thống kê tỉ lệ giảng viên/sinh viên	2020	Khoa QHCC & QC
35	H6.06.02.08	QĐ v/v công nhận GV thỉnh giảng	2016-2020	HVBC & TT
		QĐ v/v công nhận GV thỉnh giảng năm học 2018-2019	-Năm học 2018-2019: 3768/QĐ-HVBC&TT ngày 29/8/2018	HVBC & TT
		QĐ v/v công nhận GV thỉnh giảng năm học 2019-2020	-Năm học 2019-2020: 3804-QĐ/HVBC&TT ngày 11/9/2019	HVBC & TT
36	H6.06.01.13.DC	Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng (2016-2020)	2016-2020	HVBC & TT
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2016	2016	HVBC & TT
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2017	2017	HVBC & TT
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2018	2018	HVBC & TT
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2019	2019	HVBC & TT
		Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2020	2020	HVBC & TT
37	H6.06.02.09	Thống kê số lượng đăng ký, trúng tuyển và nhập học (2016-2020)	2016-2020	HVBC & TT
38	H6.06.02.10	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh HVBCTT	2016-2020	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh HVBCTT năm 2016	2016	HVBC & TT



		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh HVBC TT năm 2017	2017	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh HVBC TT năm 2018	2018	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh HVBC TT năm 2019	2019	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh HVBC TT năm 2020	2020	HVBC & TT
39	H6.06.02.11	Thống kê vượt giờ hằng năm kèm hồ sơ minh chứng (2016-2020)	2016-2020	HVBC & TT
		Thống kê vượt giờ hằng năm kèm hồ sơ minh chứng năm 2016 (Thanh toán vượt giờ)	2016	HVBC & TT
		Thống kê vượt giờ hằng năm kèm hồ sơ minh chứng năm 2017 (Thanh toán vượt giờ)	2017	HVBC & TT
		Thống kê vượt giờ hằng năm kèm hồ sơ minh chứng năm 2018 (Thanh toán vượt giờ)	2018	HVBC & TT
		Thống kê vượt giờ hằng năm kèm hồ sơ minh chứng năm 2019 (Thanh toán vượt giờ)	2019	HVBC & TT
		Thống kê vượt giờ hằng năm kèm hồ sơ minh chứng năm 2020 (Thanh toán vượt giờ)	2020	HVBC & TT
40	H6.06.02.12.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về môn học, giờ giảng theo học kỳ	2016-2020	HVBC & TT
		Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về giảng viên trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBC & TT
<b>Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ ngày, tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>

41	H6.06.01.08.DC	QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức		HVCT QGHC M, HVBC &TT
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2013)	1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02/5/2013	HVCT QGHC M
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2014)	2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014	HVBC &TT
42	H6.06.03.01	Thông báo về việc tuyển dụng cán bộ, viên chức	2016-2020	HVBC &TT
		Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2016	4302/TB-HVBC&TT ngày 19/12/2015	HVBC &TT
		Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2017	3768/TB-HVBC&TT ngày 24/10/2017	HVBC &TT
		Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2020	1316/TB-HVBC&TT ngày 20/4/2020	HVBC &TT
43	H6.06.01.05.DC	Hồ sơ quy trình tuyển dụng cán bộ (Tờ trình, Kế hoạch, thông báo, Quyết định hội đồng, Quyết định tuyển dụng, Hợp đồng)	2016-2020	HVBC &TT
		HĐLĐ của ThS.Vũ Hạnh Ngân (2017)	3932/HĐLĐ-HVBC&TT ngày 1/11/2017	HVBC &TT
		Thông báo tuyển dụng viên chức (2017)	3768/TB-HVBC&TT ngày 24/10/2017	HVBC &TT
		QĐ v/v công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét tuyển đặc cách viên chức HVBC&TT	4673/QĐ-HVBC&TT ngày 13/12/2017	HVBC &TT
	Hợp đồng làm việc của ThS. Lê Thị Thùy Linh	4694/HĐ-HVBC&TT ngày 15/12/2017	HVBC &TT	
44	H6.06.01.03.DC	QĐ phê duyệt Đề án vị trí việc làm		HVBC &TT
45	H6.06.01.09.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý		HVCT QGHC M

		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2016)	4503/QĐ-HVCTQG ngày 12/10/2016	HVCT QGHC M
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2019)	339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019	HVCT QGHC M
46	H6.06.01.11.DC	Tiêu chí tuyển dụng giảng viên của Khoa QHCC & QC		Khoa QHCC & QC
47	H6.06.03.02	Thống kê GV được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển, nghỉ hưu kèm danh sách và hồ sơ	2016-2020	HVBC & TT
48	H6.06.03.03	Biên bản họp khoa quy hoạch rà soát cán bộ	2016-2020	Khoa QHCC & QC
49	H6.06.01.16.DC	QĐ bổ nhiệm cán bộ quản lý của Khoa	6507-QĐ/HVBC TT ngày 31/12/2019	HVBC & TT
50	H6.06.01.06.DC	Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức Khoa QHCC&QC v/v lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm cán bộ quản lý	2019	HVBC & TT
51	H6.06.03.04	QĐ quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các tổ chức đảng, đơn vị, đoàn thể trực thuộc HV	2016-2020	HVBC & TT
52	H6.06.03.05	Quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển dụng		CP, QH
		Nghị định 29 về Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012	CP
		Luật Viên chức	58/2010/QH12 ngày 15/11/2010	QH
		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học	34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	QH
53	H6.06.01.05.DC	QĐ công nhận kết quả tuyển dụng và ảnh chụp màn hình (đ/c Lê Thùy Linh)	2017	HVBC & TT

54	H6.06.01.25.DC	BB hợp khoa thông qua cho GV tập sự của khoa (đ/c Vũ Hạnh Ngân)	2018	Khoa QHCC & QC
55	H6.06.01.17.DC	QĐ điều chuyển GV	2016-2020	HVBC & TT
		QĐ v/v thuyên chuyển cán bộ, viên chức (đ/c Đỗ Chí Nghĩa)		HVBC & TT
		QĐ v/v điều động cán bộ, viên chức (đ/c Vũ Thị Kim Hoa)	3647/QĐ-HVBC&TT ngày 12/10/2017	HVBC & TT
56	H6.06.02.12.DC	QĐ v/v thuyên chuyển cán bộ, viên chức (đ/c Phạm Hải Chung)	6312-QĐ/HVBC&TT ngày 25/12/2019	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về môn học, giờ giảng theo học kỳ	2016-2020	HVBC & TT
		Thông kê mức độ hài lòng của sinh viên về giảng viên trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBC & TT
57	H6.06.03.06	Thông kê thành tích thi đua – khen thưởng tập thể	2016-2020	Khoa QHCC & QC
58	H6.06.03.07.DC	Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (Phiếu đánh giá, kết quả)	2016-2020	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2016)	2016	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2017)	2017	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2018)	2018	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2019)	2019	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2020)	2020	HVBC & TT
<b>Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá</b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ ngày, tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>

59	H6.06.04.01	Thông tư liên tịch Hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục ĐH công lập	28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 6/11/2015	BGDĐT-T-BNV
60	H6.06.02.01.DC	QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 01/3/2018	HVBC & TT
61	H6.06.01.02.DC	Chiến lược phát triển của Khoa QHCC&QC đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa QHCC & QC
62	H6.06.01.24.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCT QGHC M
63	H6.06.04.02.DC	Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm	2016-2020	HVBC & TT
		Hướng dẫn thực hiện đánh giá, phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2017	468-HD/HVCTQG ngày 30/10/2017	HVCT QGHC M
		Hướng dẫn v/v đánh giá, phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2017	3998-HD/HVBC&TT ngày 7/11/2017	HVBC & TT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua năm 2018	5460-HD/ HVBC&TT ngày 26/11/2018	HVBC & TT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua năm 2019	910-HD/HVCTQG ngày 9/10/2019	HVCT QGHC M
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua năm 2019	4752-HD/HVBC TT ngày 22/10/2019	HVBC & TT
		Hướng dẫn đánh giá xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua năm 2020	348-HD/HVCTQG ngày 8/10/2020	HVCT QGHC M

64	H6.06.01.03.DC	QĐ phê duyệt Đề án vị trí việc làm		HVBC & TT
65	H6.06.01.12.DC	Thống kê và danh sách cùng hồ sơ giảng viên của ngành QHCC theo bằng cấp, trình độ học vị, học hàm; giới tính; độ tuổi đội ngũ GV	2016-2020	HVBC & TT
		Thống kê số lượng giảng viên của ngành	2016-2020	HVBC & TT
		Danh sách giảng viên của ngành	2016-2020	HVBC & TT
		Hồ sơ giảng viên của ngành	2016-2020	HVBC & TT
66	H6.06.04.03	Lý lịch khoa học của giảng viên trên website của nhà trường	2016-2020	HVBC & TT
67	H6.06.04.04	Minh chứng phong trào thi đua giờ giảng chất lượng cao (Kế hoạch, quyết định về kết quả)	2016-2020	HVBC & TT
		Kế hoạch, QĐ về kết quả năm 2018	2018	HVBC & TT
		Kế hoạch, QĐ về kết quả năm 2019	2019	HVBC & TT
		Kế hoạch, QĐ về kết quả năm 2020	2020	HVBC & TT
68	H6.06.04.05	Biên bản họp đánh giá dự giờ giảng của giảng viên hàng năm: 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC & QC
69	H6.06.03.7.DC	Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm của đội ngũ GV (Phiếu đánh giá, kết quả)	2016-2020	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2016)	2016	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2017)	2017	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2018)	2018	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2019)	2019	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2020)	2020	HVBC & TT

		(2020)		
70	H6.06.04.06	Thống kê kết quả đánh giá xếp loại đội ngũ giảng viên kèm danh sách 2016-200	2016-2020	Khoa QHCC & QC
71	H6.06.04.07.DC	Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa QHCC&QC hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2016	2016	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2017	2017	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2018	2018	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2019	2019	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2020	2020	Khoa QHCC & QC
72	H6.06.04.08.DC	Biên bản họp bình xét thi đua HVBC TT hàng năm 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC TT 2016	2016	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC TT 2017	2017	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC TT 2018	2018	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC TT 2019	2019	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC TT 2020	2020	HVBC & TT
73	H6.06.02.12.DC	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về giảng viên trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBC & TT
74	H6.06.02.02.DC	Thống kê khối lượng công việc của từng cá nhân (giờ giảng, nghiên cứu khoa học, công việc khác): 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC & QC

75	H6.06.04.09	Thống kê các khoá bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn, dài hạn dành cho GV 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC & QC
<b><i>Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.</i></b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ ngày, tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
76	H6.06.01.01.DC	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	770/QĐ-HVBCTT ngày 20/2/2017	HVBC & TT
77	H6.06.01.02.DC	Chiến lược phát triển của Khoa QHCC&QC đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa QHCC & QC
78	H6.06.01.03.DC	QĐ phê duyệt Đề án vị trí việc làm	2020	HVBC & TT
79	H6.06.05.01	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng viên của HVBCCTT hàng năm (2016-2020)	2016-2020	HVBC & TT
		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên của HVBCCTT 2016	2016	HVBC & TT
		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên của HVBCCTT 2017	2017	HVBC & TT
		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên của HVBCCTT 2018	2018	HVBC & TT
		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên của HVBCCTT 2019	2019	HVBC & TT
		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên của HVBCCTT 2020	2020	HVBC & TT
80	H6.06.01.07.DC	Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2015-2016	2016	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2016-2017	2017	Khoa QHCC & QC



		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2017-2018	2018	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2018-2019	2019	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2019-2020	2020	Khoa QHCC & QC
81	H6.06.01.04.DC	Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2016	2016	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2017	2017	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2018	2018	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2019	2019	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2020	2020	Khoa QHCC & QC
82	H6.06.01.14.DC	Thống kê các loại hình đào tạo bồi dưỡng; số lượng GV tham gia; kinh phí dành cho đào tạo bồi dưỡng 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC & QC
83	H6.06.05.02	Quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban TCCB		HVBC & TT
84	H6.06.05.03	Thống kê kết quả khảo sát GV về mức độ hài lòng đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
85	H6.06.04.07.DC	Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa QHCC&QC hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2016	2016	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2017	2017	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi	2018	Khoa

		đua Khoa 2018		QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2019	2019	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2020	2020	Khoa QHCC & QC
86	H6.06.04.08.DC	Biên bản họp bình xét thi đua HVBC TT hàng năm 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC TT 2016	2016	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC TT 2017	2017	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC TT 2018	2018	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC TT 2019	2019	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC TT 2020	2020	HVBC & TT
87	H6.06.02.01.DC	QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 01/3/2018	HVBC & TT
88	H6.06.01.19.DC	Quy chế CTNB v/v hỗ trợ cán bộ viên chức đi học, khen thưởng động viên...		HVBC & TT
		QĐ v/v điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ lần 3	977/QĐ-HVBC & TT ngày 2/4/2014	HVBC & TT
		QĐ v/v Ban hành điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại HVBC & TT	1818/QĐ-HVBC & TT ngày 24/4/2018	HVBC & TT
89	H6.06.05.04	MC thông báo về chương trình học bổng nước ngoài của HVBC TT	2016-2020	HVBC & TT
90	H6.06.05.05	Thông kê kinh phí hỗ trợ đội ngũ GV	2016-2020	HVBC & TT
<b>Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng</b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ ngày, tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban</b>

				hành
91	H6.06.02.01.DC	QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 01/3/2018	HVBC & TT
92	H6.06.01.03.DC	QĐ phê duyệt Đề án vị trí việc làm		HVBC & TT
93	H6.06.06.01	QĐ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Khoa QHCC&QC	4232-QĐ/HVBC TT ngày 30/9/2019	HVBC & TT
94	H6.06.01.24.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCT QGHC M
95	H6.06.06.02	Bản đăng ký thi đua khen thưởng hàng năm của GV	2016-2020	HVBC & TT
		Bản đăng ký thi đua khen thưởng của GV năm 2016	2016	HVBC & TT
		Bản đăng ký thi đua khen thưởng của GV năm 2017	2017	HVBC & TT
		Bản đăng ký thi đua khen thưởng của GV năm 2018	2018	HVBC & TT
		Bản đăng ký thi đua khen thưởng của GV năm 2019	2019	HVBC & TT
		Bản đăng ký thi đua khen thưởng của GV năm 2020	2020	HVBC & TT
	H6.06.06.03	Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC & QC
96		Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học 2016-2017	2016	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học 2017-2018	2017	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học 2018-2019	2018	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học 2019-2020	2019	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Khoa về triển khai công tác đầu năm học 2020-2021	2020	Khoa QHCC & QC

97	H6.06.06.04	Bảng phân công khối lượng nghiên cứu và giảng dạy hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC & QC
		Bảng phân công khối lượng nghiên cứu và giảng dạy 2016	2016	Khoa QHCC & QC
		Bảng phân công khối lượng nghiên cứu và giảng dạy 2017	2017	Khoa QHCC & QC
		Bảng phân công khối lượng nghiên cứu và giảng dạy 2018	2018	Khoa QHCC & QC
		Bảng phân công khối lượng nghiên cứu và giảng dạy 2019	2019	Khoa QHCC & QC
		Bảng phân công khối lượng nghiên cứu và giảng dạy 2020	2020	Khoa QHCC & QC
98	H6.06.04.07.DC	Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa QHCC&QC hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2016	2016	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2017	2017	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2018	2018	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2019	2019	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2020	2020	Khoa QHCC & QC
99	H6.06.02.03.DC	Thống kê các hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của GV	2016-2020	Khoa QHCC & QC
100	H6.06.06.05	Thống kê các hình thức thi đua khen thưởng của GV ngành QHCC (kết quả thi đua khen thưởng)	2016-2020	HVBC & TT
101	H6.06.06.06	QĐ khen thưởng của GV ngành QHCC	2016-2020	HVBC & TT

102	H6.06.03.7.DC	Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm của đội ngũ GV (Phiếu đánh giá, kết quả)	2016-2020	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2016)	2016	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2017)	2017	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2018)	2018	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2019)	2019	HVBC & TT
		Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2020)	2020	HVBC & TT
103	H6.06.06.07	Danh sách và QĐ nâng lương trước thời hạn đối với GV	2016-2020	HVBC & TT
		Danh sách nâng lương trước thời hạn	2016-2020	HVBC & TT
		QĐ v/v nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thành tích xuất sắc năm 2016 (Phạm Hồng Phương, Đỗ Thị Hải Đăng, Mai Thị Lan Phương)	3857/QĐ-HVBC&TT ngày 17/11/2016	HVBC & TT
		QĐ v/v nâng bậc lương trước thời hạn (Đinh Thị Thúy Hằng)	2764/QĐ-HVCTQG ngày 9/5/2018	HVCT QGHC M
		QĐ v/v nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thành tích xuất sắc năm 2017 (Phạm Hải Chung)	534/QĐ-HVBC&TT ngày 31/1/2018	HVBC & TT
	QĐ v/v nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thành tích năm 2019 (Đỗ Thị Minh Hiền, Vũ Tuấn Hà, Nguyễn Hoàng Yến, Lê Thị Thùy Linh)	234-QĐ/HVBCTT ngày 15/1/2020	HVBC & TT	

		QĐ v/v nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thành tích năm 2020 (Vũ Hạnh Ngân, Nguyễn Hoàng Oanh)	949-QĐ/HVBC TT ngày 3/2/2021	HVBC & TT
104	H6.06.01.24.DC	Thông báo v/v lấy ý kiến các bên liên quan đối với dự thảo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng	2153-CV/HVBC&TT ngày 8/5/2019	HVBC & TT
105	H6.06.06.08	Thông kê kết quả khảo sát GV về mức độ hài lòng đối với thi đua, khen thưởng 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả khảo sát GV hàng năm (2016 -2020)	2016-2020	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2016	2016	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2017	2017	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2018	2018	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2019	2019	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả khảo sát GV năm 2020	2020	HVBC & TT
106	H6.06.06.09	Thông kê cải tiến trong Quy trình, quy định, triển khai đánh giá xếp loại, thi đua, khen thưởng 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
107	H6.06.04.02.DC	Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm	2016-2020	HVBC & TT
		Hướng dẫn thực hiện đánh giá, phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2017	468-HD/HVCTQG ngày 30/10/2017	HVCT QGHC M
		Hướng dẫn v/v đánh giá, phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2017	3998-HD/HVBC&TT ngày 7/11/2017	HVBC & TT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua năm 2018	5460-HD/ HVBC&TT ngày 26/11/2018	HVBC & TT

		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua năm 2019	910-HD/HVCTQG ngày 9/10/2019	HVCT QGHC M
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua năm 2019	4752-HD/HVBCTT ngày 22/10/2019	HVBC &TT
		Hướng dẫn đánh giá xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua năm 2020	348-HD/HVCTQG ngày 8/10/2020	HVCT QGHC M
	H6.06.01.06.DC	Hồ sơ quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (Quyết định bổ nhiệm, Biên bản họp lấy phiếu tín nhiệm, v.v.) 2016 - 2020	2016-2020	HVBC &TT
108		QĐ v/v bổ nhiệm lại cán bộ quản lý	6507-QĐ/HVBCTT ngày 31/12/2019	HVBC &TT
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa QHCC&QC (Khoa)	2019	HVBC &TT
		Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức Khoa QHCC&QC v/v lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm lại Phó trưởng khoa	2019	HVBC &TT
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa QHCC&QC (Đảng Ủy)	2019	HVBC &TT
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa QHCC&QC (BGĐ HVBCTT)	2019	HVBC &TT
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC hàng năm (2016-2020)	2016-2020	Khoa QHCC &QC
109		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2016	2016	Khoa QHCC &QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2017	2017	Khoa QHCC &QC

		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2018	2018	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2019	2019	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2020	2020	Khoa QHCC & QC
110	H6.06.01.20.DC	Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC TT (2016-2020)	2016-2020	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC TT năm 2016	2016	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC TT năm 2017	2017	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC TT năm 2018	2018	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC TT năm 2019	2019	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC TT năm 2020	2020	HVBC & TT

**Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
111	H6.06.02.01.DC	QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 01/3/2018	HVBC & TT
112	H6.06.01.01.DC	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	770/QĐ-HVBC TT ngày 20/2/2017	HVBC & TT
113	H6.06.01.02.DC	Chiến lược phát triển của Khoa QHCC&QC đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa QHCC & QC
114	H6.06.07.01	Kế hoạch NCKH hàng năm	2016-2020	HVBC & TT



115	H6.06.02.03.DC	Thống kê các hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của GV	2016-2020	Khoa QHCC & QC
116	H6.06.07.02	Thống kê kết quả nghiên cứu đề tài khoa học: số lượng, xếp loại	2016-2020	Khoa QHCC & QC
117	H6.06.07.03	Danh sách các công trình khoa học được xã hội hóa trên tạp chí, sách, tài liệu học tập.....: tên tạp chí, nxb...	2016-2020	Khoa QHCC & QC
118	H6.06.01.07.DC	Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2015-2016	2016	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2016-2017	2017	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2017-2018	2018	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2018-2019	2019	Khoa QHCC & QC
		Báo cáo tổng kết năm học của khoa 2019-2020	2020	Khoa QHCC & QC
119	H6.06.07.04	Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	881/QĐ-HCVBCTT ngày 25 tháng 9 năm 2011	HVBC & TT
120	H6.06.07.05	Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa QHCC&QC hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC & QC
		Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa QHCC&QC năm 2016	2016	Khoa QHCC & QC
		Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa QHCC&QC năm 2017	2017	Khoa QHCC & QC
		Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa QHCC&QC năm 2018	2018	Khoa QHCC & QC
		Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa QHCC&QC năm 2019	2019	Khoa QHCC & QC

		Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa QHCC&QC năm 2020	2020	Khoa QHCC & QC
121	H6.06.07.06	TB về kế hoạch kiểm tra tiến độ ĐTKH hàng năm 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
		TB về kế hoạch kiểm tra tiến độ ĐTKH 2016	2016	HVBC & TT
		TB về kế hoạch kiểm tra tiến độ ĐTKH 2017	2017	HVBC & TT
		TB về kế hoạch kiểm tra tiến độ ĐTKH 2018	2018	HVBC & TT
		TB về kế hoạch kiểm tra tiến độ ĐTKH 2019	2019	HVBC & TT
		TB về kế hoạch kiểm tra tiến độ ĐTKH 2020	2020	HVBC & TT
122	H6.06.07.07	Hồ sơ tiến độ khoa học hàng năm 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
		Hồ sơ tiến độ khoa học 2016	2016	HVBC & TT
		Hồ sơ tiến độ khoa học 2017	2017	HVBC & TT
		Hồ sơ tiến độ khoa học 2018	2018	HVBC & TT
		Hồ sơ tiến độ khoa học 2019	2019	HVBC & TT
		Hồ sơ tiến độ khoa học 2020	2020	HVBC & TT

#### **TIÊU CHUẨN 7**

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ ngày, tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
1	H7.07.01.01.DC	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC & TT
2	H7.07.01.02.DC	Chiến lược phát triển của Khoa QHCC&QC đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa QHCC & QC
3	H7.07.01.03.DC	QĐ phê duyệt Đề án vị trí việc làm		HVBC & TT

4	H7.07.01.04	Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC hàng năm (2016-2020)	2016-2020	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2016	2016	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2017	2017	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2018	2018	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2019	2019	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa QHCC&QC năm 2020	2020	Khoa QHCC & QC
5	H7.07.01.05.DC	QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức		HVCT QGHC M, HVBC & TT
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2013)	1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02/5/2013	HVCT QGHC M
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2014)	2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014	HVBC & TT
6	H7.07.01.06.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý		HVCT QGHC M
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2016)	4503/QĐ-HVCTQG ngày 12/10/2016	HVCT QGHC M
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2019)	339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019	HVCT QGHC M
7	H7.07.01.07	Kế hoạch tuyển dụng nhân sự hàng năm của HVBC&TT	2017-2020	HVBC & TT

		Kế hoạch tuyển dụng nhân sự của HVBC&TT 2017	2017	HVBC &TT
		Kế hoạch tuyển dụng nhân sự của HVBC&TT 2018	2018	HVBC &TT
		Kế hoạch tuyển dụng nhân sự của HVBC&TT 2019	2019	HVBC &TT
		Kế hoạch tuyển dụng nhân sự của HVBC&TT 2020	2020	HVBC &TT
8	H7.07.01.08.DC	Thống kê các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ văn phòng, tin học, ngoại ngữ, quản lý, v.v. Cho CB, NV	2016-2020	HVBC &TT
9	H7.07.01.09	Danh sách và thống kê cán bộ hỗ trợ ngành QHCC	2016-2020	HVBC &TT
10	H7.07.01.10.DC	Hồ sơ năng lực cán bộ hỗ trợ ngành QHCC	2016-2020	HVBC &TT
11	H7.07.01.11.DC	Hồ sơ đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng của cán bộ hỗ trợ ngành QHCC hàng năm	2016-2020	HVBC &TT
12	H7.07.01.12	Danh sách tài liệu tại thư viện Khoa	2016-2020	Khoa QHCC &QC
13	H7.07.01.13	Các hoạt động hỗ trợ SV của CVHT	2016-2020	Khoa QHCC &QC
14	H7.07.01.14.DC	Quy chế làm việc của khoa, phân công cán bộ chuyên trách của khoa	2016-2020	Khoa QHCC &QC
15	H7.07.01.15	Phương hướng hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo, tồn đọng của Khoa	2016-2020	Khoa QHCC &QC
16	H7.07.01.16.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2016-2020	HVBC &TT
		Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về cán bộ hỗ trợ	2016-2020	HVBC &TT
<b>Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ ngày, tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
17	H7.07.01.03.DC	QĐ phê duyệt Đề án vị trí việc		HVBC

		làm		&TT
18	H7.07.02.01	Quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển dụng		CP, QH
		Nghị định 29 về Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012	CP
		Luật Viên chức	58/2010/QH12 ngày 15/11/2010	QH
		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học	34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	QH
19	H7.07.01.05.DC	QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức		HVCT QGHC M, HVBC &TT
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2013)	1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02/5/2013	HVCT QGHC M
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2014)	2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014	HVBC &TT
20	H7.07.01.06.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý		HVCT QGHC M
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2016)	4503/QĐ-HVCTQG ngày 12/10/2016	HVCT QGHC M
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2019)	339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019	HVCT QGHC M
<b>Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá</b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ ngày, tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
21	H7.07.01.03.DC	Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm		HVBC &TT
22	H7.07.03.01.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCT QGHC M

	H7.07.03.02.DC	Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm	2016-2020	HVBC & TT
23		Hướng dẫn thực hiện đánh giá, phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2017	468-HD/HVCTQG ngày 30/10/2017	HVCT QGHC M
		Hướng dẫn v/v đánh giá, phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2017	3998-HD/HVBC&TT ngày 7/11/2017	HVBC & TT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua năm 2018	5460-HD/ HVBC&TT ngày 26/11/2018	HVBC & TT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua năm 2019	910-HD/HVCTQG ngày 9/10/2019	HVCT QGHC M
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua năm 2019	4752-HD/HVBCTT ngày 22/10/2019	HVBC & TT
		Hướng dẫn đánh giá xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua năm 2020	348-HD/HVCTQG ngày 8/10/2020	HVCT GQHC M
24	H7.07.01.10.DC	Hồ sơ năng lực của cán bộ hỗ trợ đào tạo ngành QHCC	2016-2020	HVBC & TT
25	H7.07.01.11.DC	Hồ sơ đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng của cán bộ hỗ trợ ngành QHCC hàng năm	2016-2020	HVBC & TT
26	H7.07.01.08.DC	Thống kê các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ văn phòng, tin học, ngoại ngữ, quản lý, v.v. Cho CB, NV	2016-2020	HVBC & TT
27	H7.07.03.03.DC	Thống kê kết quả đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên phục vụ đào tạo 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
28	H7.07.03.04.DC	Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT (2016-2020)	2016-2020	HVBC & TT

		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2016	2016	HVBC &TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2017	2017	HVBC &TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2018	2018	HVBC &TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2019	2019	HVBC &TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2020	2020	HVBC &TT
29	H7.07.01.16.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2016-2020	HVBC &TT
		Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về cán bộ hỗ trợ	2016-2020	HVBC &TT
30	H7.07.03.05.DC	Thống kê mức độ hài lòng của GV về cán bộ hỗ trợ	2018-2020	HVBC &TT
		Báo cáo kết quả khảo sát Giảng viên về chất lượng đào tạo (bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2018-2020	HVBC &TT
<b><i>Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.</i></b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ ngày, tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
31	H7.07.04.01	Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm (2016-2020)	2016-2020	HVBC &TT
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2016	2016	HVBC &TT
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2017	2017	HVBC &TT
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2018	2018	HVBC &TT

		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2019	2019	HVBC &TT
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2020	2020	HVBC &TT
32	H7.07.01.01.DC	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC &TT
33	H7.07.01.02.DC	Chiến lược phát triển của Khoa QHCC&QC đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa QHCC &QC
34	H7.07.01.03.DC	QĐ phê duyệt Đề án vị trí việc làm		HVBC &TT
35	H7.07.04.02	Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên hàng năm	2016-2020	HVBC &TT
		Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2016	2016	HVBC &TT
		Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2017	2017	HVBC &TT
		Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2018	2018	HVBC &TT
		Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2019	2019	HVBC &TT
		Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2020	2020	HVBC &TT
36	H7.07.04.03	Thông báo v/v đăng ký tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng hàng năm	2016-2020	HVBC &TT
37	H7.07.01.08.DC	Thống kê các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ văn phòng, tin học, ngoại ngữ, quản lý, v.v. Cho CB, NV	2016-2020	HVBC &TT
38	H7.07.04.04	Mình chứng về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hỗ trợ: Quyết định, danh sách	2016-2020	HVBC &TT
39	H7.07.01.16.DC	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về cán bộ hỗ trợ	2016-2020	HVBC &TT



		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2016-2020	HVBC & TT
40	H7.07.03.05.DC	Thông kê mức độ hài lòng của GV về cán bộ hỗ trợ	2018-2020	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả khảo sát Giảng viên về chất lượng đào tạo (bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2018-2020	HVBC & TT
41	H7.07.03.04.DC	Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT (2016-2020)	2016-2020	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2016	2016	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2017	2017	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2018	2018	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2019	2019	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2020	2020	HVBC & TT
42	H7.07.01.10.DC	Hồ sơ năng lực của cán bộ hỗ trợ đào tạo ngành QHCC	2016-2020	HVBC & TT
43	H7.07.04.05	Kế hoạch và báo cáo tổng hợp Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo HV và SV hàng năm 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
		Kế hoạch và báo cáo Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo HV và SV năm 2016	2016	HVBC & TT
		Kế hoạch và báo cáo Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo HV và SV năm 2017	2017	HVBC & TT
		Kế hoạch và báo cáo Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo HV và SV năm 2018	2018	HVBC & TT
		Kế hoạch và báo cáo Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo HV và SV năm 2019	2019	HVBC & TT

		Kế hoạch và báo cáo Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo HV và SV năm 2020	2020	HVBC & TT
44	H7.07.04.06	Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa hàng năm	2016-2020	Khoa QHCC & QC
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2016	2016	Khoa QHCC & QC
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2017	2017	Khoa QHCC & QC
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2018	2018	Khoa QHCC & QC
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2019	2019	Khoa QHCC & QC
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2020	2020	Khoa QHCC & QC
45	H7.07.04.07	Quy chế chi tiêu nội bộ		HVBC & TT
46	H7.07.01.14.DC	Quy chế làm việc của khoa, phân công cán bộ chuyên trách của khoa		Khoa QHCC & QC
<b><i>Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i></b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ ngày, tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
47	H7.07.05.01	QĐ về việc ban hành Quy chế làm việc của HVBC&TT		HVCT QGHC M
		QĐ về việc ban hành Quy chế làm việc của HVBC&TT (2015)	853/QĐ-HVCTQG ngày 25/2/2015	HVCT QGHC M
		QĐ về việc ban hành Quy chế làm việc của HVBC&TT (2019)	4371-QĐ/HVCTQG ngày 26/8/2019	HVCT QGHC M
48	H7.07.05.02	QĐ Ban hành Quy định về chế độ làm thêm giờ của công chức, viên chức, người lao động	1351/QĐ-HVBC&TT ngày 27/4/2015	HVBC & TT

49	H7.07.03.01.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	850/QĐ-HVCTQG, ngày 06/3/2017	HVCT QGHC M
50	H7.07.03.02.DC	Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm	2016-2020	HVBC &TT
		Hướng dẫn thực hiện đánh giá, phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2017	468-HD/HVCTQG ngày 30/10/2017	HVCT QGHC M
		Hướng dẫn v/v đánh giá, phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2017	3998-HD/HVBC&TT ngày 7/11/2017	HVBC &TT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua năm 2018	5460-HD/ HVBC&TT ngày 26/11/2018	HVBC &TT
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua năm 2019	910-HD/HVCTQG ngày 9/10/2019	HVCT QGHC M
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua năm 2019	4752-HD/HVBC&TT ngày 22/10/2019	HVBC &TT
		Hướng dẫn đánh giá xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua năm 2020	348-HD/HVCTQG ngày 8/10/2020	HVCT QGHC M
	51	H7.07.05.03	Bản đăng ký thi đua khen thưởng hàng năm của nhân viên các phòng ban (MC điển hình)	2016-2020
52	H7.07.05.04	Bản đăng ký thi đua khen thưởng hàng năm của nhân viên Khoa (MC điển hình)	2016-2020	HVBC &TT
53	H7.07.05.05	Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa QHCC &QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2016	2016	Khoa QHCC &QC

		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2017	2017	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2018	2018	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2019	2019	Khoa QHCC & QC
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2020	2020	Khoa QHCC & QC
54	H7.07.05.06	Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT hàng năm 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2016	2016	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2017	2017	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2018	2018	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2019	2019	HVBC & TT
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2020	2020	HVBC & TT
55	H7.07.01.03.DC	QĐ phê duyệt Đề án vị trí việc làm	2020	HVBC & TT
56	H7.07.01.11.DC	Hồ sơ đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng của cán bộ hỗ trợ ngành QHCC hàng năm	2016-2020	HVBC & TT
57	H7.07.03.03.DC	Thống kê kết quả đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên phục vụ đào tạo 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
58	H7.07.01.16.DC	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về cán bộ hỗ trợ	2016-2020	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2016-2020	HVBC & TT
59	H7.07.03.05.DC	Thống kê mức độ hài lòng của GV về cán bộ hỗ trợ	2018-2020	HVBC & TT

		Báo cáo kết quả khảo sát Giảng viên về chất lượng đào tạo (bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2018-2020	HVBC & TT
60	H7.07.05.07	Bảng chấm công hàng tháng: 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
61	H7.07.05.08	Danh sách cán bộ hỗ trợ được nâng lương trước thời hạn kèm các quyết định nâng lương trước thời hạn	2016-2020	HVBC & TT
62	H7.07.05.09	Thông báo v/v lấy ý kiến các bên liên quan đối với dự thảo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng	2153-CV/HVBC&TT ngày 8/5/2019	HVBC & TT
63	H7.07.05.10	Thông kê cải tiến trong Quy trình, quy định, triển khai đánh giá xếp loại, thi đua, khen thưởng 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT

## TIÊU CHUẨN 8

***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.***

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H8.08.01.01	Đề án tuyển sinh hàng năm	2016-2020	HVBC & TT
		Đề án tự chủ tuyển sinh ĐH chính quy tập trung năm 2016		HVBC & TT
		Đề án tuyển sinh năm 2017	589/ĐA-HVBCTT-ĐT (10/2/2017)	HVBC & TT
		Đề án tuyển sinh năm 2018	1269/ĐA-HVBCTT-ĐT (19/3/2018)	HVBC & TT
		Đề án tuyển sinh năm 2019	1326-ĐA/HVBCTT-ĐT (18/3/2019)	HVBC & TT
		Đề án tuyển sinh năm 2020	2020	HVBC & TT
2	H8.08.01.02	Các kênh quảng bá tuyển sinh: Livestream, AJC open day, tư vấn tuyển sinh v.v (Minh chứng)	2016-2020	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh năm 2018 (AJC)	1399/KH-HVBCTT (19/3/2018)	HVBC & TT

		Open Day)		
		Kế hoạch tư vấn tuyển sinh năm 2018	507/KH-HVBCTT-ĐT (15/1/2018)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức chương trình tư vấn tuyển sinh năm 2015	251/KH-HVBCTT (19/1/2015)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức ngày hội chinh phục AJC tư vấn tuyển sinh ĐH năm 2017	2017/KH-HVBCTT-ĐT (5/6/2017)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp AJC Open Day 2019	920-KH/HVBCTT (27/2/2019)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp trực tuyến AJC Open Day Online 2020	1771-KH/VBCTT (20/5/2020)	HVBC & TT
		Kế hoạch tư vấn tuyển sinh năm 2019	6171-KH/HVBCTT-ĐT (27/12/2018)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức tọa đàm trực tuyến tư vấn điều chỉnh nguyện vọng	3644-KH/HVBCTT (15/9/2020)	HVBC & TT
		Kế hoạch chi tiết ngày hội tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp 2020	2275-KH/HVBCTT (16/6/2020)	HVBC & TT
		Kế hoạch tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh định hướng nghề nghiệp cho học sinh trên địa bàn thành phố Hoà Bình năm 2020	2521-KH/HVBCTT (2/7/2020)	HVBC & TT
3	H8.08.01.03	Quy trình xây dựng chính sách tuyển sinh	2020	HVBC & TT
4	H8.08.01.04	Thông báo tuyển sinh nguyện vọng bổ sung đại học chính quy các năm HVBCTT.	2016-2020	HVBC & TT
5	H8.08.01.05	Công thông tin tuyển sinh: <a href="http://tuyensinhajc.edu.vn/">http://tuyensinhajc.edu.vn/</a>		HVBC & TT
6	H8.08.01.06	Thống kê kết quả tuyển sinh từng năm trong giai đoạn đánh giá của HVBCTT theo các ngành (Kèm quyết định công nhận trúng tuyển đại học)	2016-2020	HVBC & TT
7	H8.08.01.07	Quy chế tuyển sinh Đại học hệ chính quy của Bộ GD&ĐT	2016-2020	
8	H8.08.01.08	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh	2016-2020	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển	2017	HVBC

	sinh đại học chính quy năm 2017		& TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2017	1/8/17	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2020	2020	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2015	24/8/2015	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2015	8/9/15	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2016	28/1/2016	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2016	30/8/2016	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2016	28/7/2016	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2017	17/8/2017	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2017	1/8/17	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2017	14/2/2017	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2018	6/2/18	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2018	1/8/18	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2018	13/8/2018	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2019	8/8/19	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2019	28/2/2019	HVBC & TT
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển	22/8/2019	HVBC & TT

		đại học đợt bổ sung năm 2019		
9	H8.08.01.09	Biên Bản họp khoa về tuyển sinh	2016-2020	Khoa QHCC & QC
10	H8.08.01.10	Quyết định thành lập ban truyền thông tuyển sinh ĐH của khoa	2016-2020	Khoa QHCC & QC
11	<b>H1.01.01.15.DC</b>	Khảo sát nhà tuyển dụng về yêu cầu thực tế của công việc, xã hội đối với người học	2016-2020	Khoa QHCC & QC
12	H8.08.01.11	Bảng so sánh chính sách tuyển sinh trong giai đoạn đánh giá (Đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chí, v.v.)	2016-2020	Khoa QHCC & QC

**Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá**

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
1	<b>H8.08.01.01.DC</b>	Đề án tuyển sinh hàng năm	2016-2020	HVBC & TT
		Đề án tự chủ tuyển sinh ĐH chính quy tập trung năm 2016		HVBC & TT
		Đề án tuyển sinh năm 2017	589/ĐA-HVBCTT-ĐT (10/2/2017)	HVBC & TT
		Đề án tuyển sinh năm 2018	1269/ĐA-HVBCTT-ĐT (19/3/2018)	HVBC & TT
		Đề án tuyển sinh năm 2019	1326-ĐA/HVBCTT-ĐT (18/3/2019)	HVBC & TT
		Đề án tuyển sinh năm 2020	2020	HVBC & TT
2	<b>H8.08.01.03.DC</b>	Quy trình xây dựng chính sách tuyển sinh	2020	HVBC & TT
3	<b>H8.08.01.08.DC</b>	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh	2016-2020	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2017	2017	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2017	1/8/17	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2020	2020	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển	24/8/2015	HVBC & TT



		đại học năm 2015		
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2015	8/9/15	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2016	28/1/2016	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2016	30/8/2016	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2016	28/7/2016	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2017	17/8/2017	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2017	1/8/17	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2017	14/2/2017	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2018	6/2/18	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2018	1/8/18	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2018	13/8/2018	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2019	8/8/19	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2019	28/2/2019	HVBC & TT
		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2019	22/8/2019	HVBC & TT
4	<b>H8.08.01.11.DC</b>	Bảng so sánh chính sách tuyển sinh trong giai đoạn đánh giá (Đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chí, v.v.)	2016-2020	Khoa QHCC & QC
5	<b>H8.08.01.06.DC</b>	Thông kê kết quả tuyển sinh từng năm trong giai đoạn đánh giá của HVBC TT theo các ngành (Kèm quyết định công nhận trúng tuyển đại học)	2016-2020	HVBC & TT

6	<b>H8.08.01.05.DC</b>	Công thông tin tuyển sinh: <a href="http://tuyensinhajc.edu.vn/">http://tuyensinhajc.edu.vn/</a>	2016-2020	HVBC & TT
7	H8.08.02.01	Thông báo điểm trúng tuyển và thủ tục xác nhận nhập học của HVBCCTT	2016-2020	HVBC & TT
8	H8.08.02.02	Khảo sát sinh viên năm 1 về chính sách tuyển sinh	2016-2020	HVBC & TT
<b>Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.</b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ ngày, tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
9	<b>H5.05.01.01.DC</b>	Quy chế/quy định đào tạo tín chỉ	3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017	HVBC & TT
10	H8.08.03.01	Đề án vị trí việc làm của phòng đào tạo (vị trí hỗ trợ giám sát tiến độ học tập của người học)	2016-2020	HVBC & TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBCCTT 30/9/2019	HVBC & TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBCCTT 31/10/2017	HVBC & TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC & TT
11	H8.08.03.02	Đề án vị trí việc làm của Khoa (vị trí hỗ trợ giám sát tiến độ học tập của người học như giáo vụ khoa, cố vấn học tập)	2016-2020	HVBC & TT
12	H8.08.03.03	Đề án vị trí việc làm của Phòng Công tác chính trị (vị trí hỗ trợ giám sát tiến độ trong học tập và rèn luyện của người học)	2016-2020	HVBC & TT
13	H8.08.03.04	Danh sách cán bộ chuyên trách được phân công giám sát tiến bộ học tập trong rèn luyện của CTĐT (cán bộ phòng đào tạo, văn phòng khoa, cố vấn học tập, phòng CTCT)	2016-2020	HVBC & TT
14	H8.08.03.05	Phần mềm quản lý đào tạo (Chụp màn hình)	2020	HVBC & TT
15	H8.08.03.06	Thống kê tài khoản cá nhân của sinh viên	2020	HVBC & TT
	H8.08.03.07	Sổ tay sinh viên	2016-2020	HVBC & TT
		Sổ tay sinh viên 2016	2016	HVBC

16				& TT
		Sổ tay sinh viên 2017	2017	HVBC & TT
		Sổ tay sinh viên 2018	2018	HVBC & TT
		Đường link website Sổ tay sinh viên	2019	HVBC & TT
		Đường link website Sổ tay sinh viên	2020	HVBC & TT
17	H8.08.03.08	Quy định về việc công nhận xét tốt nghiệp của Học viện	2016-2020	HVBC & TT
18	H8.08.03.09	Phiếu đăng ký học tín chỉ	2016-2020	HVBC & TT
19	<b>H2.02.03.02.DC</b>	Website: Bản mô tả chương trình đào tạo		
20	H8.08.03.10	Bảng thống kê kết quả học tập của người học qua các năm	2016-2020	Ban QLĐT
		Thống kê điểm trung bình của người học theo tín chỉ	2016-2020	Ban QLĐT
21	H8.08.03.11	Phiếu đăng ký học tín chỉ	2016-2020	HVBC & TT
22	H8.08.03.12	Thống kê kết quả rèn luyện của SV	2016-2020	Phòng CTCT
		Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2019-2020	25/10/2019	Ban QLĐT
		Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2018-2019	26/4/2019	Ban QLĐT
		Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2018-2019	26/10/2018	Ban QLĐT
		Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2017-2018	20/4/2018	Ban QLĐT
		Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2017-2018	22/10/2017	Ban QLĐT
		Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2016-2017	28/4/2017	Ban QLĐT
		Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2015-2016	22/4/2016	Ban QLĐT
		Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2016-2017	21/10/2016	Ban QLĐT
		Biên bản họp hội đồng xét kỷ	28/4/2017	Ban

	luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2016-2017		QLĐT
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2016-2017	21/10/2016	Ban QLĐT
	Quyết định v/v cảnh cáo sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 2 năm học 2014-2015	2889/QĐ-HVBCTT-ĐH (10/9/2015)	Ban QLĐT
	Quyết định v/v cảnh cáo, khiển trách sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 2 năm học 2015-2016	2678/QĐ-HVBCTT-ĐH (24/8/2016)	Ban QLĐT
	Quyết định v/v cảnh cáo sinh viên nghỉ học không phép học kỳ 2 năm học 2015-2016	3374/QĐ-HVBCTT-ĐH (20/9/2016)	Ban QLĐT
	Quyết định v/v cảnh cáo, khiển trách sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2015-2016	744/QĐ-HVBCTT-ĐH (10/3/2016)	Ban QLĐT
	Quyết định v/v cảnh cáo sinh viên nghỉ học không phép học kỳ 1 năm học 2015-2016	854/QĐ-HVBC&TT(21/3/2016)	Ban QLĐT
	Quyết định v/v đình chỉ học tập 1 năm năm học 2015-2016	3376/QĐ-HVBCTT-ĐT (20/9/2016)	Ban QLĐT
	Quyết định v/v cảnh báo học tập năm học 2015-2016	3375/QĐ-HVBCTT-ĐT (20/9/2016)	Ban QLĐT
	Quyết định v/v cảnh cáo, khiển trách sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2016-2017	850/QĐ-HVBCTT-ĐH (3/3/2016)	Ban QLĐT
	Quyết định v/v cảnh cáo, khiển trách sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 2 năm học 2016-2017	2775/QĐ-HVBC&TT-ĐH (22/8/2017)	Ban QLĐT
	Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2017-2018	186/QĐ-HVBCTT-ĐH (16/1/2018)	Ban QLĐT
	Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2017-2018	570/QĐ-HVBCTT-ĐT (31/1/2018)	Ban QLĐT
	Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi đợt 2 học kỳ 2 năm học 2017-2018	3530/QĐ-HVBCTT-ĐT (15/8/2018)	Ban QLĐT
	Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi đợt 1 học kỳ 2 năm học 2017-2018	3617/QĐ-HVBCTT-ĐT (22/8/2018)	Ban QLĐT
	Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi học	830/QĐ-HVBCTT-ĐT (3/3/2020)	Ban QLĐT

	kỳ 1 năm học 2019-2020		
	Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 2 năm học 2018-2019	3323/QĐ-HVBCTT-ĐT (6/8/2019)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá 31 và 33B	1894QĐ/HVBC&TT (18/6/2015)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2014-2015	2951QĐ/HVBC&TT (22/9/2015)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng sinh viên đạt giải trong cuộc thi tin học văn phòng thế giới	3238 QĐ/HVBC&TT (12/10/2015)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá 32 (2012-2016) và 34B (2014-2016)	1920QĐ/HVBCTT (10/6/2016)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá 33 (2013-2017) và 35B (2015-2017)	1958QĐ/HVBCTT (5/6/2017)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng sinh viên được cấp chứng chỉ trong cuộc thi tin học văn phòng thế giới	2062QĐ/HVBC&TT (8/6/2017)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng sinh viên thủ khoa trong kỳ tuyển sinh ĐH chính quy năm 2017	3155/QĐ-HVBCTT –ĐT (19/9/2017)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2016-2017	3156/QĐ/HVBCTT (19/9/2017)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng sinh viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH năm 2018	1842-QĐ/HVBCTT-KH (10/4/2019)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2018-2019	3739/QĐ-HVBCTT-ĐT (9/9/2019)	HVBC & TT
	Quyết định v/v trao tài trợ KF-Samsung cho sinh viên năm 2015	160/QĐ-HVBC&TT (14/1/2015)	HVBC & TT

	Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá 35 (2015-2019) và 37B (2017-2019)	2651-QĐ/HVBCTT-ĐT (11/6/2019)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2018 -2019	3739/QĐ-HVBCTT-ĐT (9/9/2019)	HVBC & TT
	Quyết định thành lập hội đồng khen thưởng sinh viên các lớp ĐH chính quy tập trung khoá 34 và 36B năm học 2017-2018	2551/QĐ-HVBCTT-ĐT (12/6/2018)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng sinh viên có thành tích học tập khoá 34 và 36B	2565/QĐ-HVBCTT-ĐT (12/6/2018)	HVBC & TT
	Quyết định v/v thành lập hội đồng xét khen thưởng sinh viên các lớp ĐH chính quy tập trung K35 và K37B năm học 2018-2019 tại học viện	2302-QĐ/HVBCTT-ĐT (20/5/2019)	HVBC & TT
	Công văn gửi Thành đoàn Hà Nội v/v/ giới thiệu thủ khoa xuất sắc tốt nghiệp HVBCTT	4474/HVBC&TT (9/10/2019)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng sinh viên thủ khoa trong kỳ tuyển sinh ĐH chính quy năm 2017	3155/QĐ-HVBCTT –ĐT (19/9/2017)	HVBC & TT
	Quyết định v/v thành lập hội đồng xét khen thưởng kỷ luật sinh viên và tập thể các lớp ĐH chính quy tập trung năm học 2017-2018 tại học viện	4164/QĐ-HVBCTT-ĐT (18/9/2018)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng bổ sung cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2017 -2018	4596-QĐ/HVBCTT (16/10/2018)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2017 -2018	4246/QĐ-HVBCTT-ĐT (24/9/2018)	HVBC & TT
	Quyết định v/v thành lập hội đồng xét khen thưởng sinh viên các lớp ĐH chính quy tập trung K33 và K35B năm 2017	1954/QĐ-HVBCTT (2/6/2017)	HVBC & TT
	Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá	1958QĐ/HVBCTT (5/6/2017)	HVBC & TT

		33 và 35B		
		Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2016 -2017	3156/QĐ/HVBCTT (19/9/2017)	HVBC & TT
		Quyết định v/v thành lập hội đồng xét khen thưởng sinh viên các lớp ĐH chính quy tập trung năm học 2016-2017	3139/QĐ-HVBCTT (12/9/2017)	HVBC & TT
		Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt năm học 2015 -2016	3038QĐ/HVBCTT (15/9/2016)	HVBC & TT
		Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá 32 và 34B	1920QĐ/HVBCTT (10/6/2016)	HVBC & TT
		Quyết định v/v thành lập hội đồng xét kỷ luật sinh viên năm học 2015-2016	4162/QĐ-HVBCTT (11/12/2015)	HVBC & TT
		Quyết định v/v khen thưởng sinh viên được cấp chứng chỉ trong cuộc thi tin học văn phòng thế giới	3037QĐ/HVBC&TT (15/9/2016)	HVBC & TT
		Quyết định v/v khen thưởng tập thể lớp và cá nhân sinh viên học tập tốt, rèn luyện tốt khoá 31 và 33B	1894QĐ/HVBCTT (18/6/2015)	HVBC & TT
23	H8.08.03.13	Thống kê kết quả tốt nghiệp của SV	2016-2020	Ban QLĐT
24	H8.08.03.14	Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của cố vấn học tập	2016-2020	HVBC & TT
25	H8.08.03.15	Biên bản họp cảnh báo và danh sách sinh viên tồn đọng của Khoa	2016-2020	Khoa QHCC & QC
26	H8.08.03.16	Thống kê các nguyên nhân chậm tốt nghiệp, thôi học, trượt tốt nghiệp	2016-2020	Ban QLĐT
27	H8.08.03.17	Thống kê về thời gian tốt nghiệp của sinh viên trong CTĐT	2016-2020	Ban QLĐT
28	<b>H4.04.01.05.DC</b>	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Quan hệ công chúng	2016-2020	Ban QLĐT
29	<b>H4.04.02.10.DC</b>	Công thông tin trực tuyến của sinh viên	2016-2020	HVBC & TT
<b>Tiêu chí 8.4. Thống kê về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV trong từng CTĐT trong giai đoạn đánh giá</b>				

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
30	<b>H5.05.01.01.DC</b>	Quy chế đào tạo tín chỉ	3777/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 18/10/2017	HVBC & TT
31	H8.08.04.01	Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý đào tạo	2016-2020	HVBC & TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBC TT 30/9/2019	HVBC & TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBC TT 31/10/2017	HVBC & TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC & TT
32	H8.08.04.02	Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của Khoa	2016-2020	Khoa QHCC & QC
33	H8.08.04.03	Đề án vị trí việc làm của Khoa (vị trí cố vấn học tập)		HVBC & TT
34	H8.08.04.04	Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của Phòng CTCT		HVBC & TT
35	<b>H4.04.02.08.DC</b>	Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khoá cho sinh viên	2016-2020	HVBC & TT
		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2016-2017 cho sinh viên K36	2740/KH-HVBC&TT (26/8/2016)	HVBC & TT
		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2017-2018 cho sinh viên K37	2566/KH-HVBC&TT (24/8/2017)	HVBC & TT
		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2018-2019 cho sinh viên K38	3396/KH-HVBC&TT (8/8/2018)	HVBC & TT
		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2019-2020 cho sinh viên K39	3347/KH-HVBC&TT (8/8/2019)	HVBC & TT
		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2020 -2021 cho sinh viên K40	2020	HVBC & TT



36	<b>H4.04.01.01.D C</b>	Biên bản Gặp mặt sinh viên đầu khoá	2016-2020	HVBC & TT
37	H8.08.04.05	Thống kê các CLB kèm minh chứng (Quyết định thành lập CLB CSC trực thuộc Khoa; các chương trình hoạt động của CLB và danh sách sinh viên tham gia)	2016-2020	HVBC & TT
38	H8.08.04.06	Thống kê các hoạt động hỗ trợ học khác tập kèm minh chứng trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	HVBC & TT
		Kế hoạch tập huấn công tác Đoàn cụm đoàn trường học, đoàn khối các cơ quan TU. Khai mạc AJC cup và Ngày hội thể thao sinh viên năm học 2016-2017	05KH/ĐTN (24/11/2016)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức cuộc thi tuyển chọn MC Speak up 2017	37KH/ĐTN (1/2017)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổng kết công tác Đoàn và phong trào sinh viên năm học 2016-2017, Tập huấn công tác Đoàn năm học 2017-2018	03KH/ĐTNHVBC TT (29/10/2017)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức giải bóng đá sinh viên AJC Cup năm học 2017-2018	05KH/ĐTN HVBC TT (7/11/2017)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng Thanh niên năm 2018 và kỷ niệm 87 năm ngày thành lập ĐTNCSHCM	07KH/ĐTN HVBC TT (28/2/2018)	HVBC & TT
		Kế hoạch tập huấn công tác Đoàn năm học 2018-2019	14KH/ĐTN (1/10/2018)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức chương trình chia tay K34 Phút cuối 2018	09KH/ĐTN HVBC TT (25/3/2018)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức cuộc thi Tài sắc nữ sinh Báo chí Press Beauty 2018	06KH/ĐTN HVBC TT (20/1/2018)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức chương trình chia tay K34 Chuyện của chúng ta	21KH/ĐTN HVBC TT (20/4/2019)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2019	19KH/ĐTN HVBC TT (20/2/2019)	HVBC & TT
		Kế hoạch tổ chức cuộc thi Tìm kiếm tài năng người dẫn chương trình tài năng Speak up	20KH/ĐTN HVBC TT (10/3/2019)	HVBC & TT

		2019		
		Đăng ký kế hoạch công tác năm 2020 của Đoàn Thanh niên	22/11/2019	HVBC & TT
		Đăng ký kế hoạch công tác năm 2019 của Đoàn Thanh niên	25/12/2018	HVBC & TT
		Đăng ký kế hoạch công tác năm 2018 của Đoàn Thanh niên	28/11/2017	HVBC & TT
		Công văn v/v Tổ chức hội nghị tập huấn và trao đổi nghiệp vụ công tác đoàn	68-CV/ĐTNHV (19/12/2019)	HVBC & TT
39	H8.08.04.07	Kỷ yếu hội thảo khoa học sv 2019, 2020	2019-2020	Khoa QHCC & QC
40	H8.08.04.08	Minh chứng về hoạt động cố vấn học tập (Nhật ký cố vấn học tập; ảnh chụp màn hình điện thoại, tin nhắn về tư vấn học tập)	2016-2020	HVBC & TT
41	H8.08.04.09	Website có chứa thông tin liên lạc của Giảng viên	2016-2020	HVBC & TT
42	H8.08.04.10	Minh chứng về các hoạt động SV tham gia NCKH dưới sự hướng dẫn của GV (thống kê số lượng kèm hồ sơ	2016-2020	HVBC & TT
		Quyết định về việc triển khai nghiên cứu đề tài khoa học sinh viên năm 2019	6385-QĐ/HVBCTT-KH (28/12/2018)	Ban QLKH
		Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học sinh viên năm 2019	6395-QĐ/HVBCTT (28/12/2018)	Ban QLKH
		Quyết định v/v thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học sinh viên	4633-QĐ/HVBCTT-KH (16/10/2019)	Ban QLKH
		Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019	19/11/2019	Ban QLKH
		Biên bản bàn giao sản phẩm	27/11/2019	Ban QLKH
		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	27/11/2019	Ban QLKH
		Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học sinh viên năm 2019	6393-QĐ/HVBCTT (28/12/2018)	Ban QLKH
		Quyết định về việc triển khai nghiên cứu đề tài khoa học sinh viên năm 2019	6384-QĐ/HVBCTT-KH (28/12/2018)	Ban QLKH

		Quyết định v/v thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học sinh viên	4635-QĐ/HVBCTT-KH (16/10/2019)	Ban QLKH
		Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019	31/10/2019	Ban QLKH
		Biên bản bàn giao sản phẩm	11/11/19	Ban QLKH
		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	11/11/19	Ban QLKH
		Hợp đồng nghiên cứu khoa học	157HĐSVKH/HVBC-TT (5/1/2017)	Ban QLKH
		Quyết định v/v thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học sinh viên	3841/QĐ-HVBCTT-KH (26/10/2017)	Ban QLKH
		Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2017	8/12/17	Ban QLKH
		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	13/12/2017	Ban QLKH
		Biên bản bàn giao sản phẩm	13/12/2018	Ban QLKH
		Hợp đồng nghiên cứu khoa học	200HĐSVKH/HVBC-TT (1/1/2016)	Ban QLKH
		Quyết định v/v thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học sinh viên	3557/QĐ-HVBCTT-KH (20/10/2016)	Ban QLKH
		Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2016	15/11/2016	Ban QLKH
		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	2/12/16	Ban QLKH
		Biên bản bàn giao sản phẩm	1/12/16	Ban QLKH
43	H8.08.04.11	Kỷ yếu hội thảo khoa học sv 2019, 2020	2019-2020	Khoa QHCC & QC
44	H8.08.04.12	Thống kê giải thưởng NCKH của sv 2015 - 2020	2015-2020	HVBC & TT
45	H8.08.04.13	Thống kê số lượng và danh sách nghiên cứu đề tài khoa học sv đăng ký tham gia giải thưởng	2015-2020	HVBC & TT
46	H8.08.04.14	Thống kê các loại học bổng cho sinh viên	2016-2020	Khoa QHCC & QC
47	H8.08.04.15	Báo cáo tổng hợp ý kiến đối	2016-2020	HVBC

		thoại giữa BGD và sinh viên		& TT
48	H8.08.04.16	Thống kê các hoạt động hỗ trợ việc làm, các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm (số lượng và danh sách sinh viên được hỗ trợ) kèm minh chứng	2016-2020	HVBC & TT
49	H8.08.04.17	Thống kê các hoạt động thi đua, ngoại khoá (số lượng và danh sách sinh viên tham gia) kèm Minh chứng	2016-2020	HVBC & TT
50	H8.08.04.18	Báo cáo tổng kết năm học	2016-2020	HVBC & TT

***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.***

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ ngày, tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
51	H8.08.05.01	Danh sách bán cán sự và Ban chấp hành chi đoàn	2016-2020	Khoa QHCC & QC
52	H8.08.05.02	Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng	2020	HVBC & TT
53	H8.08.05.03	Dữ liệu khám sức khoẻ định kỳ đối với sv (Kế hoạch và danh sách)	2016-2020	HVBC & TT
54	H8.08.05.04	Thống kê số lượng sinh viên tham gia bảo hiểm y tế	2016-2020	HVBC & TT
55	H8.08.05.05	Báo cáo tổng kết năm học của VPHV (trong đó có phần của y tế)	2016-2020	HVBC & TT
56	H8.08.05.06	MC về phối hợp giữa HV và công an khu vực, chính quyền quận Cầu Giấy để đảm bảo an ninh	2016-2020	HVBC & TT
57	H8.08.05.07	Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khoá (về điều kiện tâm lý, môi trường, xã hội)	2016-2020	HVBC & TT
58	H8.08.05.08	Thống kê số lượng, diện tích và danh sách các phòng học, phòng thực hành và phòng làm việc, giải trí, thể thao phục vụ CTĐT	2020	HVBC & TT
59	H8.08.05.09	Bảng biển nội quy/quy tắc ứng xử trong môi trường sư phạm.	2020	HVBC & TT

60	H8.08.05.10	Hồ sơ khảo sát giảng viên (về điều kiện tâm lý, môi trường, xã hội)	2016-2020	HVBC & TT
61	H8.08.05.11	Thống kê kết quả khảo sát giảng viên cuối khoá (về điều kiện tâm lý, môi trường, xã hội) trong giai đoạn đánh giá kèm minh chứng (Phiếu khảo sát)	2016-2020	HVBC & TT

<b>TIÊU CHUẨN 9 :</b>				
<b>CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ</b>				
<i>Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i>				
<b>STT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
1.	H9.09.01.01	Thống kê cơ sở vật chất: phòng học, phòng thực hành, các trang thiết bị, tiện ích của Học viện BCTT	2020	HVBC & TT
2.	H9.09.01.02	Danh mục trang thiết bị tại các phòng học, giảng đường	2016-2020	HVBC & TT
		Biên bản kiểm kê tài sản các toà nhà B1-B11	2016-2020	HVBC & TT
3.	H9.09.01.03	Sơ đồ nhà A1	2016	HVBC & TT
4.	H9.09.01.04	Sổ theo dõi mượn thiết bị	2016-2020	HVBC & TT
5.	H9.09.01.05	Thống kê diện tích Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo	2020	Khoa QHCC & QC
6.	H9.09.01.06	Thống kê ngân sách dành cho xây dựng, sửa chữa, nâng cấp phòng làm	2016-2020	HVBC & TT

		việc, phòng học, trang thiết bị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
		Hợp đồng, hoá đơn chứng từ liên quan tới việc mua sắm trang thiết bị hàng năm (MC điển hình)	2016-2020	HVBC & TT
7.	H9.09.01.07	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục cải tạo nâng cấp hệ thống PCCC nhà A1	2016-2020	HVBC & TT
8.	H9.09.01.08	BB kiểm tra về PCCC, cứu nạn, cứu hộ nghiệm thu về PCCC	2016-2020	HVBC & TT
9.	H9.09.01.09	Thống kê thiết bị khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo	2016-2020	Khoa QHCC & QC
10	H9.09.01.10	Sơ đồ hệ thống phòng học	2020	HVBC & TT
11	H9.09.01.11	Thống kê mức độ hài lòng của SV về CSVC 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
12	H9.09.01.12	Thống kê mức độ hài lòng của GV về CSVC, CNTT trong giai đoạn	2016-2020	HVBC & TT
13	H9.09.01.13	Hợp đồng kinh tế liên quan đến hạ tầng mạng, cung cấp dịch vụ, bảo trì bảo dưỡng từ 2016-2020	2016-2020	HVBC & TT
14	H9.09.01.14	Sơ đồ quy hoạch xây dựng HVBCCTT do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	2020	HVBC & TT

***Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

<b>Stt</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
1.	H9.09.02.01	Sơ đồ hoạt động của trung tâm thư	2020-2021	HVBC

		viện		& TT
2.	H9.09.02.02	Thống kê các trang thiết bị trong thư viện 2015-2020	2016-2020: 15/12/2016 15/12/2017 15/12/2018 15/12/2019	HVBC & TT
3.	H9.09.02.03	Phần mềm thư viện số	2016-2020	HVBC & TT
4.	H9.09.02.04	Thống kê số lượng sách báo tạp chí và học liệu phục vụ ngành QHCC từ 2015-2020	2016-2020	HVBC & TT
5.	H9.09.02.05	Thống kê ngân sách mua tài liệu ngành QHCC từ 2015-2020	2020	HVBC & TT
		Quyết định về lựa chọn đơn vị cung cấp báo, tạp chí cho Trung tâm Thông tin khoa học	2016-2020	HVBC & TT
		Quyết định về việc lựa chọn đơn vị cung cấp cơ sở dữ liệu cho thư viện (MC điện hình)	2016-2020	HVBC & TT
		Quyết định về việc lựa chọn đơn vị xây dựng công cụ phần mềm hỗ trợ số hóa tài liệu nhanh và số hóa tài liệu ngoại văn	1802- QĐ/HVBTT ngày 28/2/2016 1211 - QĐ/HVBCTT ngày 9/2/2017 1415- QĐ/HVBCTT ngày 5/3/2018 893- QĐ/HVBCTT ngày 30/1/2019	HVBC & TT
		Quyết định về việc lựa chọn đơn vị cung cấp sách cho thư viện	4846- QĐ/HVBCTT ngày 2/10/2018 1261- QĐ/HVBCTT ngày 28/2/2019	HVBC & TT

			1598- QĐ/HVBCTT ngày 2/3/2020	
6.	H9.09.02.06	Danh mục tài liệu số ngành QHCC	2020	HVBC & TT
7.	H9.09.02.07	Thống kê mức độ hài lòng của SV về thư viện 2016-2020	2018-2020	HVBC & TT
8.	H9.09.02.08	Hệ thống hướng dẫn, nội quy trung tâm và các phòng phục vụ của Thư viện	2020	HVBC & TT
9.	H9.09.02.09	Danh sách tài khoản thư viện số	2020	HVBC & TT
10	H9.09.02.10	Tủ sách khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo	2020	HVBC & TT
<b><i>Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu</i></b>				
<b>Stt</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
1.	<b>H9.09.01.01</b>	Thống kê cơ sở vật chất: phòng học, phòng thực hành, các trang thiết bị, tiện ích của Học viện BCTT	2020	HVBC & TT
2.	H9.09.03.01	Thống kê phòng học, thực hành, thí nghiệm	2020	HVBC & TT
3.	H9.09.03.02	QĐ ban hành Quy định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành chức năng của HVBCCTT		HVBC & TT
4.	H9.09.03.03	Quyết định ban hành Nội quy phòng học, nội quy sd phòng máy tính, nội quy sd studio (kèm MC ảnh dán nội quy trước cửa các phòng)	Số 3479, ngày 30/10/2015	HVBC & TT



5.	H9.09.03.04	Quyết định kèm Quy định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 386, ngày 11/02/2020	HVBC & TT
6.	H9.09.03.05	Danh mục trang thiết bị tại các phòng học, giảng đường	2020	HVBC & TT
7.	H9.09.03.06	Báo cáo đầu tư mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập gđ 2015 - 2019 (CNTT, phần mềm)	2016-2020	HVBC & TT
8.	H9.09.03.07	Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa thiết bị dạy học từ 2015-2019	2016-2020	HVBC & TT
9.	H9.09.03.08	Bảng theo dõi – Nhật ký sử dụng các phòng máy tính	2016-2020	HVBC & TT
10	H9.09.03.09	Thống kê mức độ hài lòng của GV về CSVC, CNTT trong giai đoạn	2018-2020	HVBC & TT
11	H9.09.03.10	Thống kê ngân sách dành cho xây dựng, sửa chữa, nâng cấp phòng làm việc, phòng học, trang thiết bị	2016-2020	HVBC & TT
12	H9.09.03.11	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục: cải tạo sửa chữa nhà B11 (2019)	2019	HVBC & TT
13	H9.09.03.12	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục: cải tạo và xây dựng nhà A3, A4 (2018)	2018	HVBC & TT
14	H9.09.03.13	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công cải tạo và nâng cấp nhà B3	2019	HVBC & TT
<b><i>Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</i></b>				
<b>STT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>

1.	H9.09.04.01	Danh mục trang thiết bị tại các phòng học, giảng đường		
		Thống kê số lượng thiết bị công nghệ thông tin	15/12/2016, 10/12/2018, 15/06/2020	HVB C & TT
		Danh mục hệ thống công nghệ thông tin	15/12/2016, 15/12/2018, 15/12/2020	HVB C & TT
		Thống kê trang thiết bị phòng làm việc khoa QHCC&QC	2020	Khoa QHC C&Q C
2.	H9.09.04.02	Sơ đồ hệ thống mạng	2020	HVB C & TT
3.	H9.09.04.03	Báo cáo đầu tư mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập gđ 2015 - 2019 (CNTT, phần mềm)	2016-2020	HVB C & TT
4.	H9.09.04.04	Hợp đồng kinh tế liên quan đến hạ tầng mạng, cung cấp dịch vụ, bảo trì bảo dưỡng từ 2016-2020		
		HĐ số 01/2019 gói thầu “Cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng kết nối Internet năm 2019 của HVBCCTT”	2019	HVB C & TT
		HĐ kinh tế gói thầu “Cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng kết nối Internet năm 2018”	2018	HVB C & TT
		Hợp đồng kinh tế gói thầu “Cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng năm 2017”	2017	HVB C & TT

		Hợp đồng cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng	2015	HVB C & TT
		Hợp đồng kinh tế triển khai hệ thống chấm công	2018	HVB C & TT
		Biên bản nhiệm thu và thanh lí hợp đồng	2018	HVB C & TT
		Hợp đồng bảo trì hệ thống máy tính	2015, 2016, 2017, 2019	HVB C & TT
		Hợp đồng bảo trì tổng đài điện thoại	2015, 2016, 2017, 2018	HVB C & TT
		Hợp đồng bảo trì dịch vụ mạng, máy chủ	2019	HVB C & TT
		Hợp đồng lắp đặt hệ thống mạng Internet không dây cho tòa nhà E6	2016	HVB C & TT
		Biên bản đề nghị sửa chữa và bảo trì CSVC	2016-2020	HVB C & TT
5.	H9.09.04.05	Thống kê mức độ hài lòng của GV về CSVC, CNTT trong giai đoạn	2016-2020	HVB C & TT
<b><i>Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật</i></b>				
<b>STT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>

				<b>h</b>
1.	H9.09.05.01	Văn bản tham mưu về điều kiện đảm bảo cho người khuyết tật	2020	
2.	H9.09.05.02	Quy định về môi trường, GD an toàn lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường	80/2017/NĐ- CP ngày 17/7/2017	Chí nh phủ Việt Na m
3.	H9.09.05.03	Kế hoạch khám sức khoẻ cho sinh viên từ 2015-2019	2016-2020	HV BC & TT
4.	H9.09.05.04	Văn bản phối hợp giữa Phòng Bảo vệ, Ban Quản lý KTX với Công an phường Dịch Vọng Hậu trong công tác bảo đảm an ninh trật tự	2016-2020	HV BC & TT
5.	H9.09.05.05	Danh sách lực lượng bảo vệ	2016-2020	HV BC & TT
6	H9.09.05.06	Thống kê hoạt động PCCC và phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn 2015-2019	2016-2020	HV BC & TT
		Quyết định về việc kiện toàn lực lượng PCCC	3711/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2016	HV BC & TT
		Quyết định về việc thành lập lực lượng PCCC	1772/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2016, 1775/QĐ-	HV BC &T

			HVBC&TT-VP năm 2016	T
		Kế hoạch tổ chức tập huấn nghiệp vụ và diễn tập PCCC	4924/KH- HVBC&TT-VP năm 2018, 1462/QD- HVBC&TT-VP năm 2017, 5318/QD- HVBC&TT-VP năm 2018	HV BC & TT
		Quyết định về việc thành lập Ban chỉ huy, chống thiên tai; phòng chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn.	1774/QD- HVBC&TT-VP năm 2016, 1900/QD- HVBC&TT-VP năm 2017, 2610/QD- HVBC&TT-VP năm 2018, 1773/QD- HVBC&TT-VP năm 2016	HV BC & TT
		Quyết định thành lập lực lượng phòng chống thiên tai; phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn	2611/QD- HVBC&TT-VP năm 2018, 1901/QD- HVBC&TT-VP năm 2017, 2660/QD- HVBC&TT-VP năm 2019, 2659/QD- HVBC&TT-VP năm 2019	HV BC & TT
		Kế hoạch chuẩn bị lực lượng, trang thiết bị, phương tiện, hậu cần và phương án tác chiến phối hợp Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	1783/QD- HVBC&TT-VP năm 2015, 2189/QD- HVBC&TT-VP năm 2016, 2190/QD- HVBC&TT-VP năm 2016, 2251/QD- HVBC&TT-VP năm 2017, 2252/QD-	HV BC & TT

			HVBC&TT-VP năm 2017, 2834/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2018, 2887/KH- HVBC&TT-VP năm 2019, 2888/QĐ- HVBC&TT-VP năm 2019	
7	H9.09.05.07	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục cải tạo nâng cấp hệ thống PCCC nhà A1		
		Hồ sơ bản thiết kế thi công A3 và A4	2018	HV BC & TT
		Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công nhà hành chính trung tâm	2018	HV BC & TT
		Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Cải tạo ký túc xá nhà E6	2014	HV BC & TT
8	H9.09.05.08	BB kiểm tra về PCCC, cứu nạn, cứu hộ nghiệm thu về PCCC		
		Biên bản kiểm tra về PCCC, cứu nạn, cứu hộ nghiệm thu về PCCC	2019	CA HN
		Công văn của CAHN về việc nghiệm th về PCCC	2020	CA HN

**TIÊU CHUẨN 10**

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm***

<b>căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học</b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
1	<b>H10.10.01.01</b>	<b>Thành lập Trung tâm KT &amp; KĐCLĐT, chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm</b>	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&TT
		Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TTKT & KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT 30/9/2019	HVBC&TT
		Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLĐT	2020	HVBC&TT
2	H10.10.01.02	Quyết định về v/v ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo.	3901/QĐ-HVBC&TT 31/08/2019	HVBC&TT
3	H10.10.01.03	Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	6520/QĐ-HVBC&TT 28/12/2018	HVBC&TT
4	H10.10.01.04	Thống kê các loại hình khảo sát, hình thức, phương pháp khảo sát, nhiệm vụ của các bên liên quan	2010 - 2020	TT KT & KĐCLĐT
5	<b>H10.10.01.05</b>	<b>Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2019 - 2020	<b>2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBC&TT 31/10/2019	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBC&TT 10/5/2019	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBC&TT 8/11/2018	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBC&TT 4/5/2017	HVBC&TT

		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBC TT 26/8/2015	HVBC& TT
		Phiếu khảo sát sinh viên	2016 - 2020	HVBC& TT
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC& TT
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018-2019	2018	HVBC& TT
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC& TT
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC& TT
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC& TT
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC& TT
6	<b>H10.10.01.06</b>	<b>Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018- 2019	2197/KH/HVBC TT 10/5/2019	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBC TT 4/5/2017	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBC TT 26/8/2015	HVBC& TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2020	HVBC& TT
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điền hình)	2016 - 2020	HVBC& TT
		Phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa	2016 - 2020	HVBC& TT
7	<b>H10.10.01.07</b>	<b>Hồ sơ Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách</b>	<b>2018 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo	2020	HVBC& TT



		năm 2020-2021		
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2019	5176 - KH/HVBCTT 29/10/2019	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2018	5156 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBC TT 4/5/2017	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBC TT 26/8/2015	HVBC& TT
		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC &TT
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điền hình)	2018-2020	HVBC& TT
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên 2018-2020	2018-2020	HVBC& TT
8	<b>H10.10.01.08</b>	<b>Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Kế hoạch khảo sát năm 2020	2020	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát năm 2019	2019	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBC TT 4/5/2017	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBC TT 26/8/2015	HVBC& TT
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên các năm từ 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC& TT
9	<b>H10.10.01.09</b>	<b>Hồ sơ khảo sát nhà tuyển dụng</b>	<b>2017- 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Kế hoạch khảo sát 2020 - 2021	2019 - 2020	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBC TT 4/5/2017	HVBC& TT

		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBC TT 26/8/2015	HVBC& TT
		Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng (mẫu)	2017 - 2020	HVBC& TT
		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng 2017 - 2020	2017 - 2020	HVBC &TT
10	H10.10.01.10	Số hợp phản ánh sinh viên hàng tháng	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
11	H10.10.01.11	Khảo sát của Khoa QHCC-QC đối với cựu sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
12	<b>H10.10.01.05 DC</b>	<b>Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
13	<b>H10.10.01.06 DC</b>	<b>Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
<b>14</b>	<b>H10.10.01.12</b>	<b>Hồ sơ điều chỉnh thiết kế chương trình qua các năm từ 2016 - 2020</b>	<b>2016 - 2020</b>	HVBC& TT
		Chương trình đào tạo cử nhân QHCC năm 2014	3323/QĐ - HVBC TT - ĐT ngày 15/9/2014	HVBC& TT
		Chương trình đào tạo ngành QHCC sửa đổi năm 2016	2599/QĐ- HVBC TT - ĐT ngày 08/8/2017	HVBC& TT
		Chương trình đào tạo ngành QHCC sửa đổi năm 2018	4969- QĐ /HVBC TT - ĐT ngày 26/10/2018	HVBC& TT
		Chương trình đào tạo ngành QHCC sửa đổi năm 2020	3907 - QĐ HVBC TT- ĐT ngày 20/9/2020.	HVBC& TT
		Hồ sơ nghiệm thu chương trình các phiên bản		Khoa QHCC- QC
15	H10.10.01.13	Bản đối sánh các chương trình đào tạo các phiên bản	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
16	H10.10.01.14	Bản giải trình cải tiến CTĐT	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
17	H10.10.01.15	Đối sánh CTĐT ngành QHCC-	2016 - 2020	Khoa

		HVBCCTT, đã tham khảo CTDH của ngành QHCC, trường Đại học Khoa học xã hội nhân văn		QHCC- QC
18	H10.10.01.16	Luật giáo dục đại học, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT	07/2015/TT- BGDĐT	Bộ Giáo dục & Đào tạo
19	H10.10.01.17	Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ ban hành theo quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	1982/QĐ-TTg 18/10/2016	Thủ tướng CP

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.***

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H10.10.02.01	Quy trình, hướng dẫn xây dựng, cập nhật đánh giá CTTĐT	2018	HVBC& TT
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	6520/QĐ- HVBCCTT ngày 28/12/2018	HVBC& TT
		Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo đại học	3094/HD- HVBCCTT-ĐT ngày 18/6/2018	HVBC& TT
2	H10.10.02.02	Quyết định về việc thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo của HVBCCTT	2014	HVBC& TT
		Quyết định về việc thành lập HĐKH-ĐT của HVBCCTT nhiệm kỳ 2017-2021	2017	HVBC& TT
		Quyết định kiện toàn HĐKH-ĐT của HVBCCTT năm 2018	2018	HVBC& TT
		Quyết định kiện toàn HĐKH-ĐT của HVBCCTT năm 2019	2019	HVBC& TT
		Quyết định kiện toàn HĐKH-ĐT của HVBCCTT năm 2020	2020	HVBC& TT
3	<b>H10.10.02.03</b>	<b>Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Ban QLĐT các phiên bản</b>	<b>2015 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>

		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBC TT 30/9/2019	HVBC& TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ- HVBC TT 31/10/2017	HVBC& TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC& TT
4	H10.10.02.04	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT- KĐCLĐT	4237/QĐ- HVBC&TT 30/9/2019	HVBC& TT
		Quyết định về chức năng nhiệm vụ của Trung tâm KT – ĐBCLĐT	2012	HVBC& TT
5	<b>H10.10.02.05</b>	<b>Quyết định, quy trình, hướng dẫn, kế hoạch xây dựng, cập nhật, rà soát CTĐT của HVBC&amp;TT</b>	<b>2016 - 2020</b>	HVBC& TT
		Quyết định về ban hành quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 6520, QĐ- HVBC TT 28/12/2018	HVBC T
		Kế hoạch xây dựng và cập nhật đề cương chi tiết học phần	6521/KH_HVBC TT 28/12/2018	HVBC T
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT 2018	2018	HVBC& TT
		Quyết định ban hành ĐCHP	2019	HVBC& TT
		Quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền 2020	2643/QĐ - HVBC TT năm 2020	HVBC T
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT 2020	2020	HVBC& TT
		Hướng dẫn rà soát cập nhật chương trình đào tạo đại học 2020	2645/HD - HVBC TT ngày 31/5/2020	HVBC& TT
		Quyết định ban hành ĐCHP 2020	2020	HVBC& TT
6	<b>H10.10.01.12 DC</b>	<b>Hồ sơ điều chỉnh thiết kế</b>	<b>2016 - 2020</b>	HVBC&

		<b>chương trình ngành QHCC qua các năm từ 2016 - 2020</b>		TT
		Chương trình đào tạo cử nhân Xã hội học năm 2014	3323/QĐ - HVBC&TT - ĐT ngày 15/9/2014	HVBC&TT
		Chương trình đào tạo ngành QHCC sửa đổi năm 2016	2599/QĐ- HVBC&TT - ĐT ngày 08/8/2017	HVBC&TT
		Chương trình đào tạo ngành QHCC sửa đổi năm 2018	4969- QĐ /HVBC&TT - ĐT ngày 26/10/2018	HVBC&TT
		Chương trình đào tạo ngành QHCC sửa đổi năm 2020	3907 - QĐ HVBC&TT- ĐT ngày 20/9/2020.	HVBC&TT
		Hồ sơ nghiệm thu chương trình các phiên bản	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
7	H10.10.02.06	Biên bản hội đồng khoa học - đào tạo khoa về rà soát, cải tiến chương trình đào tạo	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
8	H10.10.02.067	Biên bản tọa đàm, hội thảo xây dựng CTĐT	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
9	H10.10.01.14 DC	Bảng giải trình cải tiến CTĐT	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
10	H10.10.01.12 DC	Hồ sơ điều chỉnh thiết kế chương trình ngành QHCC qua các năm từ 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT
11	H10.10.02.05 DC	Quyết định, quy trình, hướng dẫn, kế hoạch xây dựng, cập nhật, rà soát CTĐT của HVBC&TT	2016 - 2020	HVBC&TT
12	<b>H10.10.01.05 DC</b>	<b>Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học</b>	<b>2018 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBC&TT 31/10/2019	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBC&TT 10/5/2019	HVBC&TT

		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBC TT 8/11/2018	HVBC & TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBC TT 4/5/2017	HVBC & TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBC TT 26/8/2015	HVBC & TT
		Phiếu khảo sát sinh viên	2018 - 2020	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019- 2020	2019	HVBC & TT
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC & TT
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC & TT
13	<b>H10.10.01.06 DC</b>	<b>Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp; TT</b>
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC & TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018- 2019	2197/KH/HVBC TT 10/5/2019	HVBC & TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBC TT 4/5/2017	HVBC & TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBC TT 26/8/2015	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2019	HVBC & TT
		Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC & TT
		Phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa k36	2020	HVBC & TT

**Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra (CDR).**

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H10.10.02.03 DC	<b>Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Ban QLĐT các phiên bản</b>	<b>2015 - 2020</b>	<b>HVBC &amp; TT</b>
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBC TT 30/9/2019	HVBC & TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBC TT 31/10/2017	HVBC & TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC & TT
2	H10.10.01.01 DC	<b>Thành lập Trung tâm KT &amp; KĐCLĐT, chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm</b>	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC & TT
		Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC & TT
		Quy định công tác khảo thí	2989/QĐ-HVBC & TT-KT	HVBC & TT
		Đổi tên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo (KT & KĐCLĐT)		HVBC & TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT- KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC & TT 30/9/2019	HVBC & TT
3	H10.10.03.01	Quy định đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	3777/QĐ-HVBC & TT-ĐT	HVBC & TT
4	H10.10.03.02	Lịch học/kế hoạch giảng dạy các kỳ được cập nhật lên website trường	2016- 2020	Ban quản lý đào tạo
5	H10.10.03.03	Quyết định thành lập hội đồng khoa học - Đào tạo Khoa QHCC-QC		HVBC & TT
6	H10.10.03.04	Phần mềm QLĐT, tài khoản học tập sinh viên (mở trực tiếp trên website)	2016 - 2020	HVBC & TT
7	H10.10.03.05	Đề cương chi tiết học phần (quy định hình thức kiểm tra, đánh	<b>2020</b>	Khoa QHCC-

		giá)		QC
8	<b>H10.10.02.05 DC</b>	<b>Quyết định, quy trình, hướng dẫn, kế hoạch xây dựng, cập nhật, rà soát CTĐT của HVBC&amp;TT</b>	<b>2016 - 2020</b>	HVBC&TT
		Quyết định về ban hành quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 6520, QĐ-HVBC TT 28/12/2018	HVBC T
		Kế hoạch xây dựng và cập nhật đề cương chi tiết học phần	6521/KH_HVBC TT 28/12/2018	HVBC T
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT 2018	2018	HVBC&TT
		Quyết định ban hành ĐCHP	2019	HVBC&TT
		Quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền 2020	2643/QĐ - HVBC TT năm 2020	HVBC T
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT 2020	2020	HVBC&TT
		Hướng dẫn rà soát cập nhật chương trình đào tạo đại học 2020	2645/HD - HVBC TT ngày 31/5/2020	HVBC&TT
		Quyết định ban hành ĐCHP 2020	2020	HVBC&TT
9	H10.10.02.06 DC	Biên bản tọa đàm, hội thảo xây dựng CTĐT	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC
10	H10.10.01.14 DC	Bản giải trình cải tiến CTĐT	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC
11	<b>H10.10.01.05 DC</b>	<b>Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBC TT 31/10/2019	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBC TT	HVBC&TT



			10/5/2019	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBC TT 4/5/2017	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBC TT 26/8/2015	HVBC& TT
		Phiếu khảo sát sinh viên		HVBC& TT
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC& TT
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018-2019	2018	HVBC& TT
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC& TT
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC& TT
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC& TT
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC& TT
12	H10.10.03.06	Hướng dẫn xây dựng CDR chương trình đào tạo	5621/HD-HVBCTT, ngày 10/11/2019	HVBC& TT
	H10.10.03.05 DC	Đề cương chi tiết học phần (quy định hình thức kiểm tra, đánh giá)	<b>2020</b>	Khoa QHCC-QC
13	H10.10.03.07	Hướng dẫn thiết kế và sử dụng phương pháp dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra	2663/HD-HVBCTT ngày 09/7/2020	HVBC& TT
14	H10.10.03.08	Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần	2647/HD-HVBCTT ngày 09/7/2020	HVBC& TT
15	H10.10.03.09	Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi	Ngày 30/11/2015	HVBC& TT
16	H10.10.03.10	Ngân hàng câu hỏi các môn học	2020	HVBC& TT

17	H10.10.03.11	<b>Báo cáo Tổng kết năm học 2016 - 2020</b>	<b>2016-2020</b>	<b>HVBC &amp; TT</b>
		Báo cáo tổng kết năm học 2020	2020	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết năm học 2019	2019	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết năm học 2018	2018	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết năm học 2017	2017	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết năm học 2016	2016	HVBC & TT
18	H10.10.03.12	Biên bản họp dự giờ giảng viên của công đoàn khoa	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC
19	H10.10.03.13	Hồ sơ thi giáo viên dạy giỏi, giờ giảng chất lượng cao	2016 - 2020	Ban Tổ chức cán bộ
20	H10.10.03.14	Sổ theo dõi, kiểm tra hoạt động giảng dạy tại theo thời khóa biểu của thanh tra	2016 - 2020	Ban Thanh tra
21	H10.10.03.15	Sổ theo dõi, kiểm tra hoạt động giảng dạy tại theo thời khóa biểu của BQLĐT	2016 - 2020	Ban QLĐT
22	H10.10.03.16	Quyết định về việc ban hành Quy định về Công tác cố vấn học tập trung đào tạo và theo hệ thống tín chỉ của HVBC&TT	3935/QĐ-HVBC&TT-ĐT 25/11/2015	HVBC & TT
23	H10.10.03.17	Bảng Ma trận phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá	2020	HVBC & TT
24	H10.10.03.18	Ma trận kiểm tra đánh giá	2020	HVBC & TT
25	H10.10.03.19	Thống kê phổ điểm các môn học	2016-2020	Khoa QHCC-QC
26	H10.10.03.20	Phiếu đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên	2016 - 2020	HVBC & TT
<b>Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.</b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>

1	H10.10.04.01	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	881/QĐ-HVBC&TT 25/9/2011	HVBC&TT
2	H10.10.04.02	Quyết định về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của HVBC&TT	5061/ QĐ-HVBC&TT 27/12/2017	HVBC&TT
3	<b>H10.10.04.03</b>	<b>Kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm gửi khoa</b>	2016 - 2020	HVBC&TT
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2015	464/KH-HVBC- TT 6/2/2015	HVBC&TT
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2016	394/KH/HVBC- TT 1/2/2016	HVBC&TT
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2017	291/KH/HVBC- TT 15/1/2017	HVBC&TT
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2018	256/KH/HVBC- TT 15/1/2018	HVBC&TT
		Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2019	167/KH/HVBC- TT 11/1/2019	HVBC&TT
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2015	6164- QĐ/HVCTQG 25/12/2014	HVCTQ GHCM
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2016	5695- QĐ/HVCTQG 28/12/2015	HVCTQ GHCM
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2017	6480- QĐ/HVCTQG 26/12/2016	HVCTQ GHCM
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2018	6613- QĐ/HVCTQG 28/12/2017	HVCTQ GHCM

		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2019	7893- QĐ/HVCTQG 21/12/2018	HVCTQ GHCM
		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2020	6620- QĐ/HVCTQG 23/12/2019	HVCTQ GHCM
4	<b>H10.10.04.04</b>	<b>Hồ sơ nghiên cứu khoa học giảng viên ngành QHCC</b>	<b>2016 - 2020</b>	Khoa QHCC- QC
		Đề xuất danh mục đề tài nghiên cứu khoa học các năm của khoa gửi Ban Khoa học	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
		Quyết định giao đề tài ban Khoa học	2016 - 2020	Ban QLKH
		Hợp đồng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học	2016 - 2020	Ban QLKH
		Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu	2016 - 2020	Ban QLKH
		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	2016 - 2020	Ban QLKH
		Biên bản bàn giao sản phẩm	2016 - 2020	Ban QLKH
5	<b>H10.10.04.05</b>	<b>Hồ sơ nghiên cứu khoa học sinh viên ngành Xã hội học</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Đề xuất danh mục đề tài nghiên cứu khoa học SV các năm của khoa gửi Ban Khoa học	2016 - 2020	Ban QLKH
		Quyết định Hội đồng tư vấn đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên	2016 - 2020	HVBC &TT
		Quyết định triển khai nghiên cứu Đề tài khoa học sinh viên năm 2019 ( <i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i> )	6404- QĐ/HVBCTT- KH 28/12/2018	HVBC& TT
		Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học sinh viên 2019 ( <i>Minh chứng điển hình của đề tài</i>	6405- QĐ/HVBCTT- KH	HVBC& TT

		SV36-2019)	28/12/2018	
		Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài KHSV (Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)	4762-QĐ/HVBC TT-KH	HVBC& TT
		Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019 (Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)	19/11/2019	HVBC& TT
		Biên bản bàn giao sản phẩm (Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)	27/11/2019	HVBC& TT
		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học (Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)	27/11/2019	HVBC& TT
6	H10.10.04.06	Danh mục đề tài khoa học của khoa (ngành QHCC) 2016 - 2020	2016 - 2020	Ban QLKH
7	H10.10.04.07	Thống kê các công trình khoa học: được sử dụng làm tài liệu bắt buộc, tham khảo trong đề cương học phần (2015-2020)	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC
8	H10.10.03.05 DC	Đề cương chi tiết học phần	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC
9	H10.10.04.08	Thống kê danh mục đề tài NCKH sinh viên ngành QHCC trong giai đoạn 2016 - 2020	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC
10	H10.10.04.09	Danh mục các bài báo khoa học trong nước và QT trong giai đoạn 2016 - 2020	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H10.10.05.01	Thống kê của thư viện về số lượt trả, mượn sách	2016 - 2020	Thư viện
2	H10.10.05.02	Đường link Trung tâm đồng hành cùng sinh	2018 - 2020	Khoa QHCC-

		viên		QC
3	H10.10.05.03	Hồ sơ dự án trung tâm tư vấn sinh viên	2020	Khoa QHCC-QC
4	H10.10.05.04	Sơ đồ ký túc xá (có bao gồm sân bóng, khu vực chơi thể thao ..)	2020	VP HVBC&TT
5	H10.10.05.05	Thống kê danh sách và diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của HVBC&TT	2016-2019	HVBC&TT
6	H10.10.05.06	Thống kê danh mục trang thiết bị dạy học	2016-2020	HVBC&TT
7	H10.10.05.07	Thống kê cơ sở vật chất khoa QHCC	2016-2020	HVBC&TT
8	H10.10.05.08	Danh mục phần mềm và hợp đồng kèm theo 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT
9	H10.10.05.09	Minh chứng về cung cấp dịch vụ internet tại giảng đường, ký túc, thư viện, khu nhà làm việc	2016 - 2020	HVBC&TT
10	H10.10.05.10	Quy định về quy chế lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo	3901/QĐ0HVBC TT 31/08/2019	HVBC&TT
11	<b>H10.10.05.11</b>	<b>Báo cáo kết quả Khảo sát sinh viên cuối khoá (phản phản hồi của người học về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích)</b>	2016 - 2020	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016	2016	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2017	2017	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo	2018	HVBC&

		sát sinh viên cuối khóa năm 2018		TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2019	2019	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&TT
12	<b>H10.10.05.12</b>	<b>Báo cáo kết quả Khảo sát giảng viên, nhân viên (về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích)</b>	2018- 2019	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích năm 2018	2018	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích năm 2019	2019	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích năm 2020	2020	HVBC&TT
13	H10.10.05.13	Biên bản thanh tra về việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong học viện (thư viện, ....)	2016 - 2020	HVBC&TT
14	H10.10.01.10 DC	Sổ hợp phản ánh sinh viên hàng tháng		Khoa QHCC-QC
15	<b>H10.10.05.14</b>	<b>Kế hoạch và biên bản hội nghị đối thoại sinh viên từ 2016 - 2020.</b>	2016 - 2020	HVBCT T
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2016	9/1/16	HVBC&TT
		Báo cáo tổng hợp hội	9/1/17	HVBC&

		ng nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2017		TT
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2018	9/1/18	HVBC&TT
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2019	9/1/19	HVBC&TT
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2020	9/1/20	HVBC&TT
		Kế hoạch Hội nghị đối thoại sinh viên (Minh chứng điển hình)	5604-KH/HVBCTT 9/12/2020	HVBC&TT
16	H10.10.05.15	Sổ báo hỏng/trục trặc thiết bị	2016 - 2020	HVBCTT
17	H10.10.05.12 DC	Báo cáo kết quả Khảo sát giảng viên, nhân viên (về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích)	2018- 2019	HVBC&TT
18	<b>H10.10.05.16</b>	<b>Hồ sơ và danh mục và kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc , phòng chức năng của HVBCTT</b>	2016-2020	
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2020	2020	HVCTQG HCM
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2019	8670-QĐ/HVCTQG 28/12/2018	HVCTQG HCM
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2018	1044-QĐ/HVCTQG 5/3/2018	HVCTQG HCM
		Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa	2831-QĐ/HVCTQG 29/6/2017	HVCTQG HCM



		chữa tài sản cố định năm 2017 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016	189-QĐ/HVCTQG 15/1/2016	HVCTQ G HCM
		Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2742-QĐ/HVCTQG 28/6/2016	HVCTQ G HCM
		Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa thiết bị dạy học năm 2019 ( <i>minh chứng điển hình</i> )	4/1/19	HVBC& TT
		Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa thiết bị dạy học năm 2017 ( <i>minh chứng điển hình</i> )	18/12/2017	HVBC& TT
		Giấy đề nghị phê duyệt việc thuê bảo dưỡng vận chuyển, lắp đặt máy tính ( <i>minh chứng điển hình</i> )	8/11/19	VP HVBC& TT
		Quyết định lựa chọn đơn vị bảo dưỡng vận chuyển, lắp đặt máy tính ( <i>minh chứng điển hình</i> )	5747-QĐ/HVBCTT 21/11/2019	HVBC& TT
		Hợp đồng kinh tế: bảo dưỡng vận chuyển, lắp đặt các phòng máy tính ( <i>minh chứng điển hình</i> )	12-2019/HVBC&TT-TD 22/11/2019	HVBC& TT
		Thanh lý hợp đồng ( <i>minh chứng điển hình</i> )	12/12/10	HVBC& TT
<b>19</b>	<b>H10.10.05.17</b>	<b>Danh mục và kinh phí mua sắm trang thiết bị mới phục vụ đào tạo hàng năm (2016 - 2020) kèm hồ sơ</b>	2016 - 2020	HVBCT T

	Quyết định năm 2020		HVCTQ G HCM
	Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2019 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	8670-QĐ/HVCTQG 28/12/2018	HVCTQ G HCM
	Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2018 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	1044-QĐ/HVCTQG 5/3/2018	HVCTQ G HCM
	Quyết định bổ sung mua sắm tài sản cố định năm 2018 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	3776-QĐ/HVCTQG 27/6/2018	HVCTQ G HCM
	Quyết định bổ sung danh mục mua sắm tài sản năm 2017 của học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	6199-QĐ/HVCTQG 18/12/2017	HVCTQ G HCM
	Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2017 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	2831-QĐ/HVCTQG 29/6/2017	HVCTQ G HCM
	Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016 (kèm danh mục và kinh phí)	189-QĐ/HVCTQG 15/1/2016	HVCTQ G HCM
	Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016 của Học viện	2742-QĐ/HVCTQG 28/6/2016	HVCTQ G HCM

		Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)		
		Quyết định về việc lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa và vật tư sửa chữa máy tính ( <i>minh chứng điển hình</i> )	4893-QĐ/HVBC&TT 25/10/2019	HVBC&TT
		Hợp đồng mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất ( <i>minh chứng điển hình</i> )	10 - 2019/HVBC&TT-TD 15/11/2019	HVBC&TT
		Biên bản giao nhận, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ( <i>minh chứng điển hình</i> )	22/11/2019	HVBC&TT
20	<b>H10.10.05.18</b>	<b>Bản thống kê đầu sách, tài liệu tham khảo thư viện bổ sung cho khoa QHCC hàng năm (2016 - 2020)</b>	2016-2020	HVBC&TT
		Danh mục thống kê sách, tài liệu tham khảo thư viện bổ sung cho khoa QHCC hàng năm	2016-2020	HVBC&TT
		Thống kê ngân sách mua tài liệu ngành QHCC từ 2016 - 2020	5/6/20	Trung tâm thông tin khoa học, HVBC&TT
		Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp sách cho thư viện ( <i>minh chứng điển hình</i> )	1598-QĐ-HVBC&TT 2/3/2020	HVBC&TT
		Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp báo, tạp chí cho Trung tâm Thông tin khoa học ( <i>minh chứng điển hình</i> )	5070-QĐ-HVBC&TT 1/10/2019	HVBC&TT
		Quyết định lựa chọn đơn vị số hóa tài liệu phục vụ lưu học sinh	5617-QĐ-HVBC&TT 5/10/2019	HVBC&TT

		Lào ( <i>minh chứng điển hình</i> )		
		Quyết định lựa chọn đơn vị số hóa tài liệu của thư viện ( <i>minh chứng điển hình</i> )	1740/QĐ-HVBC&TT 8/4/2019	HVBC&TT
		Hoá đơn, chứng từ liên quan	2016-2020	
21	H10.10.05.19	Danh mục về việc cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện	10/6/2020	Trung tâm thông tin khoa học, HVBC&TT
<b>Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến</b>				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
1	<b>H10.10.01.01 DC</b>	<b>Thành lập Trung tâm KT &amp; KĐCLĐT, chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm</b>	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&TT
		Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TTKT & KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT 30/9/2019	HVBC&TT
		Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	2020	HVBC&TT
2	H10.10.01.02 DC	Quyết định về v/v ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo.	3901/QĐ-HVBC&TT 31/08/2019	HVBC&TT
3	H10.10.02.01 DC	Quy trình, hướng dẫn xây dựng, cập nhật đánh giá CTTĐT	2018	HVBC&TT
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật,	6520/QĐ-HVBCTT ngày 28/12/2018	HVBC&TT

		đánh giá CTĐT		
		Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo đại học	3094/HD-HVBC TT-ĐT ngày 18/6/2018	HVBC & TT
4	<b>H10.10.01.05 DC</b>	<b>Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp; TT</b>
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBC TT 31/10/2019	HVBC & TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBC TT 10/5/2019	HVBC & TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBC TT 8/11/2018	HVBC & TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBC TT 4/5/2017	HVBC & TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBC TT 26/8/2015	HVBC & TT
		Phiếu khảo sát sinh viên		HVBC & TT
		Đường link Phiếu khảo sát sinh viên; Phiếu khảo sát sinh viên (MC điền hình)	2016-2020	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC & TT
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC & TT
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC & TT
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC & TT
5	<b>H10.10.01.06 DC</b>	<b>Hồ sơ khảo sát sinh</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC</b>

		<b>viên cuối khóa về chất lượng đào tạo</b>		<b>&amp;TT</b>
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2020	2020	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2019	2019	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT
		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&TT
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điện hình)	2016 - 2020	HVBC&TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2019	HVBC&TT
		Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&TT
		Phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa k36	2020	HVBC&TT
<b>6</b>	<b>H10.10.01.07 DC</b>	<b>Hồ sơ khảo sát giảng viên, nhân viên (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2020-2021		
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm	5176 - KH/HVBCTT 29/10/2019	HVBC&TT

		2019		
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2018	5156 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC& TT
		Mẫu phiếu khảo sát	2018-2020	
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điền hình)	2018-2020	HVBC& TT
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên 2018-2020	2018-2020	HVBC& TT
		Hồ sơ khảo sát giảng viên, nhân viên (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2020-2021		
7	<b>H10.10.01.08 DC</b>	<b>Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2020	2020	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2019	2019	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC& TT

		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC& TT
		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC& TT
		Phiếu khảo sát	2016-2020	Khoa QHCC- QC
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2020	Khoa QHCC- QC
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2019	Khoa QHCC- QC
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2018	Khoa QHCC- QC
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2017	Khoa QHCC- QC
<b>8</b>	<b>H10.10.01.09 DC</b>	<b>Hồ sơ khảo sát nhà tuyển dụng</b>	<b>2017 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Kế hoạch khảo sát NTD về chất lượng đào tạo 2020 - 2021	2020	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát NTD về chất lượng đào tạo 2019	2019	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC& TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC& TT
		Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng (mẫu)	2017- 2020	HVBC& TT
		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng 2017 - 2020	2017- 2020	HVBC& TT
9	H10.10.06.09	Bảng thống kê các phương pháp, hình thức khảo sát	2016 - 2020	Trung tâm KT- KĐCLĐ T



10	H10.10.01.14 DC	Bảng giải trình cải tiến CTĐT	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC
11	H10.10.01.10 DC	Biên bản họp phản ánh sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC
12	H10.10.02.06 DC	Biên bản tọa đàm, hội thảo xây dựng CTĐT	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC

## TIÊU CHUẨN 11

*Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
1	<b>H11.11.01.01</b>	<b>Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Đào tạo</b>	<b>2015 - 2020</b>	<b>HVBC &amp; TT</b>
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBCTT 30/9/2019	HVBC & TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBCTT 31/10/2017	HVBC & TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC & TT
2	<b>H11.11.01.02</b>	<b>Báo cáo Tổng kết năm học 2016 - 2020</b>	<b>2016-2020</b>	<b>HVBC &amp; TT</b>
		Báo cáo tổng kết năm học 2020	2020	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết năm học 2019	2019	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết năm học 2018	2018	HVBC & TT
		Báo cáo tổng kết năm học 2017	2017	HVBC & TT
	Báo cáo tổng kết năm học 2016	2016	HVBC & TT	
3	<b>H11.11.01.03</b>	<b>Đề án tuyển sinh hàng</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC</b>

		<b>năm</b>		<b>&amp;TT</b>
		Đề án tuyển sinh từ năm 2016		HVBC &TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2017	589/QĐ-HVBCTT 10/2/2017	HVBC &TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2018	1269/QĐ-HVBCTT 19/3/2018	HVBC &TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2019	1326/QĐ-HVBCTT 18/3/2019	HVBC &TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2020	Số 1650- ĐA/HVBCTT-ĐT 11/5/2020	HVBC &TT
4	H11.11.01.04	Quyết định chức năng, nhiệm vụ của khoa		
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Khoa QHCC-QC	Số 4201 - QĐ/HVBCTT Ngày 30/9/2019	HVBC &TT
		Quyết định sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Khoa QHCC-QC		HVBC &TT
5	H11.11.01.05	Quyết định về việc ban hành Quy định về Công tác cố vấn học tập trung đào tạo và theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	3935/QĐ-HVBCTT- ĐT 25/11/2015	HVBC &TT
6	H11.11.01.06	Danh sách sinh viên tốt nghiệp ngành QHCC và tỉ lệ tốt nghiệp	2016 - 2020	HVBC &TT
		Danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm quyết định: 2016-2020	2016 - 2020	HVBC &TT
		Các thống kê số liệu sinh viên tốt nghiệp qua các năm ngành QHCC (từ 2016 đến nay)	2016 - 2020	Ban QL Đào tạo
		Tổng hợp tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành QHCC trong giai đoạn 2016-2020	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
7	H11.11.01.07	Biên bản họp khoa	2016 - 2020	Khoa QHCC-

				QC
8	H11.11.01.08	Số liệu sinh viên tốt nghiệp qua các năm ngành QHQT(từ 2016 đến nay)	2016 - 2020	Ban QLĐT Khoa QHQT
9	<b>H11.11.01.09</b>	<b>Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV về (có đề cập đến tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành QHCC, Đại học KHXHNV, Đại học Quốc Gia Hà Nội)</b>	2016 - 2020	Trường Đại học KHXH NV ĐHQH Hà Nội
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2019	4874/XHNV_KHTC 24/12/2019	Trường Đại học KHXH NV
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2018	3901/XHNV-KHTC 28/12/2018	Trường Đại học KHXH NV
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2017	3498 /XHNV-KHTC 29/12/2017	Trường Đại học KHXH NV
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2016	3971 /XHNV-KHTC 30/11/2016	Trường Đại học KHXH NV
10	<b>H11.11.01.10</b>	<b>Tỷ lệ sinh viên thôi học trong giai đoạn đánh giá</b>	2016 - 2020	HVBC &TT Ban QLĐT
		Danh sách sinh viên ngành QHCC thôi học năm 2018	2018	HVBC &TT Ban QLĐT
		Danh sách sinh viên ngành QHCC thôi học năm 2019	2019	HVBC &TT Ban QLĐT
		Danh sách sinh viên ngành QHCC thôi học năm 2020	2020	HVBC &TT Ban QLĐT

11	H11.11.01.11	Số liệu, thống kê tỉ lệ thời học/bảo lưu của ngành QHCC, QHQT, XHH, Triết	2016 - 2020	HVBC &TT Ban QLĐT
12	<b>H11.11.01.12</b>	<b>Hồ sơ cảnh báo sinh viên</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Biên bản họp lớp (có cảnh báo sinh viên)	2016-2020	Khoa QHCC & PT
		Biên bản họp PASV hàng tháng (có cảnh báo sinh viên)	2016-2020	HVBC &TT
		Biên bản họp xét kỷ luật sinh viên	2016-2020	HVBC &TT
		Quyết định kỷ luật sinh viên của trường	2016-2020	Khoa QHCC & PT
		Tư vấn hỗ trợ sinh viên thuộc diện nguy cơ/ cảnh báo từ cố vấn học tập	2016-2020	Khoa QHCC & PT
13	H11.11.01.13	Kế hoạch các lớp học vét/ học cải thiện theo nhu cầu sinh viên Danh sách các lớp học vét/ học tự nguyện thông báo về khoa	2016 - 2020	HVBC &TT Ban QLĐT
14	H11.11.01.14	Các lớp học vét theo nhu cầu sinh viên (đường link website lịch học ...)	2016 - 2020	Ban QL Đào tạo
15	H11.11.01.15	Quy định về CĐR tin học, ngoại ngữ	2016 - 2020	HVBC &TT
		Thông báo của nhà trường về CĐR tin học, ngoại ngữ	2016 - 2020	HVBC &TT Ban QLĐT
		Kế hoạch mở lớp bồi dưỡng chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ	2016 - 2020	HVBC &TT Ban QLĐT
<b><i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i></b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>

	<b>MC TC11.2</b>			
1	H11.11.02.01	Quy chế đào tạo đại học hệ tín chỉ	3777 ngày 18/10/2017	HVBC &TT
2	<b>H11.11.02.02</b>	<b>Sổ tay sinh viên</b>	2016 -2020	HVBC &TT
		Sổ tay sinh viên 2016	2016	HVBC &TT
		Sổ tay sinh viên 2017	2017	HVBC &TT
		Sổ tay sinh viên 2018	2018	HVBC &TT
3	H11.11.02.03	Phần mềm quản lý đào tạo		HVBC &TT
4	<b>H11.11.02.04</b>	Thông báo về kế hoạch tốt nghiệp của sinh viên năm cuối	2016 - 2020	
		Thông báo kế hoạch tốt nghiệp của K37 ( <i>minh chứng điển hình</i> )	4479-TB/HVBCTT- ĐT 27/10/2020	HVBC &TT
5	H11.11.02.05	Biên bản họp lớp cố vấn	2016 - 2020	Khoa QHCC &PT
6	H11.11.02.06	Biên bản họp PASV	2016 - 2020	HVBC &TT Ban QLĐT
6	<b>H11.11.01.05 DC</b>	Quyết định về việc ban hành Quy định về Công tác cố vấn học tập trung đào tạo và theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	3935/QĐ-HVBCTT- ĐT 25/11/2015	HVBC &TT
7	<b>H11.11.02.07</b>	<b>Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QHCC với ngành khác trong trường (tính trong tổng sinh viên tốt nghiệp)</b>	2016 - 2020	HVBC &TT
		Thống kê sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn, thời gian tốt nghiệp ngành QHCC	2016 - 2020	HVBC &TT Ban QLĐT

		Thống kê sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn, thời gian tốt nghiệp ngành QHQT	2016 - 2020	HVBC &TT Ban QLĐT
		Thống kê sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn, thời gian tốt nghiệp ngành Triết học	2016 - 2020	HVBC &TT Ban QLĐT
		Thống kê sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn, thời gian tốt nghiệp ngành XHH	2016 - 2020	HVBC &TT Ban QLĐT
8	<b>H11.11.01.13 DC</b>	Kế hoạch các lớp học vét/ học cải thiện theo nhu cầu sinh viên Danh sách các lớp học vét/ học tự nguyện thông báo về khoa		HVBC &TT Ban QLĐT
9	<b>H11.11.01.15 DC</b>	Quy định về CĐR tin học, ngoại ngữ	2016 - 2020	HVBC &TT
		Thông báo của nhà trường về CĐR tin học, ngoại ngữ	2016 - 2020	HVBC &TT Ban QLĐT
10	<b>H11.11.01.02 DC</b>	<b>Báo cáo Tổng kết năm học 2016 - 2020</b>	<b>2016-2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Báo cáo tổng kết năm học 2020	2020	HVBC &TT
		Báo cáo tổng kết năm học 2019	2019	HVBC &TT
		Báo cáo tổng kết năm học 2018	2018	HVBC &TT
		Báo cáo tổng kết năm học 2017	2017	HVBC &TT
		Báo cáo tổng kết năm học 2016	2016	HVBC &TT
11	H11.11.02.08	Danh sách sinh viên tốt nghiệp muộn kèm nguyên nhân chậm/muộn tốt nghiệp (2016 - 2020)		HVBC &TT Ban QLĐT
12	H11.11.02.09	Chương trình đào tạo ngành	2016 - 2020	HVBC

		QHCC năm 2020 điều chỉnh các phiên bản		&TT
		Chương trình đào tạo ngành QHCC năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBCTT-ĐT, ngày 20/9/2020	HVBC &TT
<b>Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</b>				
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC TC11.3			
1	H11.11.03.01	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT-KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT 30/9/2019	HVBCT T
2	H11.11.03.02	Quy trình thông kê/lưu trữ thông tin về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp		Trung tâm KT& KĐCLĐ T
3	<b>H11.11.03.03</b>	Hồ sơ khảo sát sinh viên tốt nghiệp 2016 - 2019	2016 - 2020	HVBC &TT
		Kế hoạch khảo sát năm 2020	2020	HVBC &TT
		Kế hoạch khảo sát năm 2019	2019	HVBC &TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC &TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC &TT
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2016 - 2020	HVBC &TT
4	<b>H11.11.01.03 DC</b>	<b>Đề án tuyển sinh hàng năm</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Đề án tuyển sinh từ năm 2016	2016	HVBC &TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2017	589/QĐ-HVBCTT 10/2/2017	HVBC &TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2018	1269/QĐ-HVBCTT 19/3/2018	HVBC &TT
		Đề án tuyển sinh từ năm 2019	1326/QĐ-HVBCTT 18/3/2019	HVBC &TT
		Đề án tuyển sinh từ năm	Số 1650-	HVBC

		2020	ĐA/HVBCTT-ĐT 11/5/2020	&TT
5	H11.11.03.04	Đổi sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp ngành QHQT, XHH và ngành Triết học HVBC&TT	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
6	<b>H11.11.03.05</b>	<b>Đổi sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp Ngành QHCC HVBC&amp;TT và ngành QHCC đại học KHXHNV</b>	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2019	4874/XHNV_KHTC 24/12/2019	Trường Đại học KHXH NV
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2018	3901/XHNV-KHTC 28/12/2018	Trường Đại học KHXH NV
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2017	3498 /XHNV-KHTC 29/12/2017	Trường Đại học KHXH NV
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2016	3971 /XHNV-KHTC 30/11/2016	Trường Đại học KHXH NV
7	H11.11.03.06	Toạ đàm, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
8	H11.11.03.07	Giới thiệu đơn vị tuyển dụng việc làm phù hợp ngành đào tạo cho sinh viên thông qua fanpage của khoa, tờ thông tin truyền thông của khoa	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
9	H11.11.03.08	Danh sách các cơ sở thực tập nghề nghiệp liên kết với khoa	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
10	H11.11.03.09	Biên bản ghi nhớ giữa khoa QHCC và đơn vị tuyển dụng	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC



11	H11.11.03.10	Các khoá bồi dưỡng kỹ năng mềm và cuộc thi tăng cường kỹ năng mềm của trường:	2016 - 2020	HVBC & TT
12	H11.11.03.11	Các thông báo Tuyển dụng, khởi nghiệp đăng tải trên website nhà trường (Mục sinh viên khởi nghiệp ( <a href="https://ajc.hcma.vn/Page/o-hoi-viec-lam.aspx">https://ajc.hcma.vn/Page/o-hoi-viec-lam.aspx</a> ))	2016 - 2020	HVBC & TT

**Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành
1	H11.11.04.01	Chiến lược phát triển của HVBC& TT	770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017	Học viện BC & TT
2	H11.11.04.02	Chiến lược phát triển khoa QHCC-QC đến năm 2030 và tầm nhìn 2050	2020	Khoa QHCC-QC
3	H11.11.04.03	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	881/QĐ-HVBC&TT 25/9/2011	Học viện BC & TT
4	H11.11.04.04	Quyết định về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của HVBC&TT	5061/ QĐ-HVBC&TT 27/12/2017	Học viện BC & TT
<b>5</b>	<b>H11.11.04.05</b>	<b>Hồ songhiên cứu khoa học sinh viên ngành QHCC</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>Học viện BC &amp; TT</b>
		Đề xuất danh mục đề tài nghiên cứu khoa học SV các năm của khoa gửi Ban Khoa học	2016 - 2020	Khoa QHCC & PT
		Quyết định Hội đồng tư vấn đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên	2016 - 2020	Khoa QHCC & PT
		Quyết định triển khai nghiên cứu Đề tài khoa học sinh viên năm 2019 ( <i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i> )	6404-QĐ/HVBC&TT-KH 28/12/2018	HVBC & TT

		Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học sinh viên 2019 ( <i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i> )	6405-QĐ/HVBC TT-KH 28/12/2018	HVBC & TT
		Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài KHSV ( <i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i> )	4762- QĐ/HVBC TT-KH	HVBC & TT
		Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019 ( <i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i> )	19/11/2019	HVBC & TT
		Biên bản bàn giao sản phẩm ( <i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i> )	27/11/2019	HVBC & TT
		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học ( <i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i> )	27/11/2019	HVBC & TT
6	H11.11.04.06	Bản thống kê nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH sinh viên từ năm 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC & TT Ban QLKH
7	H11.11.04.07	Thống kê đề tài khoa học và danh sách sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học ngành QHCC 2015 - 2019	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC
8	H11.11.04.08	Đối sánh sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học giai đoạn 2016 - 2020 đối sánh giữa ngành QHCC và QHQT	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC
9	H11.11.04.09	Thống kê kết quả NCKH sinh viên và danh sách sinh viên NCKH ngành QHCC được giải thưởng NCKH 2016 - 2020	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC
10	<b>H11.11.04.10</b>	<b>Biên bản hội nghị khoa học sinh viên các năm của trường 2015 - 2019</b>	<b>2016-2020</b>	<b>HVBC &amp; TT</b>
		Biên bản hội nghị khoa học	21/4/2016	HVBC

		sinh viên năm 2016		&TT
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2017	15/05/2017	HVBC &TT
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2018	10/4/18	HVBC &TT
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2019	23/4/2019	HVBC &TT
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2020	1/4/20	HVBC &TT
11	<b>H11.11.04.11</b>	<b>Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo</b>	<b>2016 - 2020</b>	<b>HVBC &amp;TT</b>
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC &TT
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018- 2019	2197/KH/HVBCTT 10/5/2019	HVBC &TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC &TT
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC &TT
		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC &TT
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điển hình)	2016 - 2020	HVBC &TT
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2019	HVBC &TT
		Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC &TT
		Phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa k36	2020	HVBC &TT
<b><i>Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i></b>				
<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>
1	<b>H11.11.05.01</b>	<b>Thành lập Trung tâm KT &amp; KĐCLĐT, chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm</b>	876/QĐ-HVCT- HVQG 1/5//2012	HVBC & TT

		Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&TT
		Đổi tên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo (KT&KĐCLĐT)		HVBC&TT
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT-KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT 30/9/2019	HVBC&TT
2	H11.11.05.02	Quyết định về v/v ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo.	3901/QĐ-HVBC&TT 31/08/2019	HVBC&TT
3	H11.11.05.03	Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	6520/QĐ-HVBC&TT 28/12/2018	HVBC&TT
4	H11.11.05.04	Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	3901/QĐ-HVBC&TT 31/8/2019	HVBC&TT
		Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	2020	HVBC&TT
		Quy định về đối sánh, so chuẩn chất lượng	2020	HVBC&TT
		Công văn gửi các trường v/v hợp tác đối sánh chất lượng	2020	HVBC&TT
5	H11.11.05.05	Bảng thống kê các loại hình khảo sát	2016 - 2020	HVBC&TT
6	H11.11.05.06	<b>Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo</b>	<b>2016 - 2020</b>	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	Khoa QHCC-QC
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018- 2019	2197/KH/HVBC&TT 10/5/2019	Khoa QHCC-QC
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HVBC&TT 4/5/2017	Khoa QHCC-QC
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HVBC&TT 26/8/2015	Khoa QHCC-QC

		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	Khoa QHCC- QC
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điện hình)	2016 - 2020	Khoa QHCC- QC
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2019	Khoa QHCC- QC
		Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	Khoa QHCC- QC
		Phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa k36	2020	Khoa QHCC- QC
7	<b>H11.11.05.07</b>	<b>Hồ sơ khảo sát nhà tuyển dụng</b>	<b>2017 - 2020</b>	Khoa QHCC- QC
		Kế hoạch khảo sát 2020 - 2021	2020	Khoa QHCC- QC
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HVBC TT 4/5/2017	Khoa QHCC- QC
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HVBC TT 26/8/2015	Khoa QHCC- QC
		Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng (mẫu)	2017-2020	Khoa QHCC- QC
		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng 2017-2020	2017- 2020	Khoa QHCC- QC
8	H11.11.05.08	Kế hoạch và biên bản hội nghị đối thoại sinh viên từ 2016 - 2020.	2016 - 2020	HVBC& TT
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2016	9/1/16	HVBC& TT
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2017	9/1/17	HVBC& TT
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2018	9/1/18	HVBC& TT

		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2019	9/1/19	HVBC&TT
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2020	9/1/20	HVBC&TT
		Kế hoạch Hội nghị đối thoại sinh viên	5604-KH/HVBCTT 9/12/2020	HVBC&TT
9	H11.11.05.09	Sổ hợp phản ánh sinh viên hàng tháng của HVBC&TT	2016 - 2020	HVBC&TT
10	H11.11.05.10	Biên b.05.1p ph b.05.1sinh viên hàng tháng tiên hàng tháng	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC
11	H11.11.05.11	Biên b.05.1i nghb.05.1 cngb.05	2016 - 2020	HVBC&TT
12	H11.11.05.12	Biên bản hội nghị CNVC của HVBC&TT	2016 - 2020	HVBC&TT
13	H11.11.05.13	Bản giải trình cải tiến CTĐT	2016 - 2020	Khoa QHCC-QC
14	<b>H11.11.05.14</b>	<b>Thống kê kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo</b>	2016 - 2020	Phòng Quản Trị
		Thống kê kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc	2016 - 2020	HVBC&TT
		Thống kê kinh phí bổ sung hàng năm cho khoa về thư viện	2016 - 2020	HVBC&TT
		Thống kê kinh phí nâng cấp trang thiết bị CNTT	2016 - 2020	HVBC&TT

